Tác Giả và Tác Phẩm

Trần Hoài Thư (II)

Tiểu sử
Hiện định cư tại New Jersey, Hoa Kỳ.

Tác phẩm
Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến
Thư Ấn Quán & Thư Quán Bản Thảo

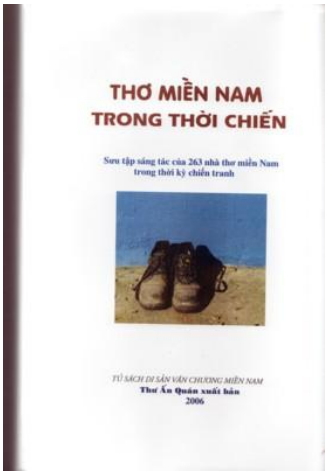

Mục Lục

Đi tìm Vũ Hữu Định ở Mỹ - 2
Trò chuyện cùng trần hoài thư về thư ấn quán & … – Trần Doãn Nho - 6
Quá trình thực hiện tác phẩm "Văn Miền Nam Thời Chiến" – Mặc Lâm – 19
Hành trình Tạp chí Văn Nghệ - 20
Trần Hoài Thư với Thư Quán… & Thư Ấn…– Nguyễn & bạn hữu – 28
Viết về Trần Hoài Thư - Lại Quảng Nam - 31
Nhà văn viết về "duyên nợ" Bách Khoa - 36
Đọc "Truyện Từ Văn" của Trần Hoài Thư – Hoàng Ngọc Hiền - 37
Gặp anh Đặng Tiến và đi thăm Trần Hoài Thư – Phạm Văn Nhàn - 43
Hành trình Tạp chí Văn Học - 45

Phụ đính :

Đối thoại với nhà Văn Bảo Ninh - Người Cha
Ra biển gọi thầm - Người mất tích - Thơ của Văn
Người tù binh trở về - Mưa mùa hạ – Trận chiến buồn bã
May mà ta còn có em…và Sài Gòn và Thủ Đức
Bóng tháp – Diều hâu bỏ núi - Về một đại đội cũ
Nhà văn trẻ ấy bị thương

Đi tìm Vũ Hữu Định ở Mỹ

Trong một căn phòng rộng mênh mông của thư viện Đại học Cornell New York, đầy kệ ngăn san sát, nơi chứa đựng những di sản về văn hóa của toàn thế giới, có ai ngờ một tạp chí như *Tiếng Động*, tiếng nói của Ban đại diện Đại học xá Minh Mạng vào năm 1971, hay *Trước Mặt* do Phan Như Thức chủ biên trước 1975 ở Quảng Ngãi lại nằm giữa kệ sách. Ai có thể ngờ tập san *Bộ Binh* của khóa 23/24 Thủ Đức vào năm 1966 lại được đóng bìa cứng, có mặt tại đây. Cũng thật không thể tưởng tượng có những nội san của các trường trung học, đại học miền Nam trước đây được cất giữ. Đó là những ví dụ để nói lên sự giữ gìn và bảo tồn văn hóa nhân loại của một đại học Hoa Kỳ. Nó không có màn kỳ thị, không kẻ thắng người thua. Không trả thù. Không kết án nọc độc để rồi đốt hủy… Nó chẳng cần phân biệt hay ưu đãi ai. Sách nào cũng được bảo bọc tối đa, bìa cứng, chữ nổi. Nếu là tạp chí quá cũ thì được bỏ vào hộp carton, cột dây cẩn thận.

Không những chỉ có căn phòng rộng mênh mông này để cất giữ di sản văn chương miền Nam mà còn có cả một tòa nhà khác nằm riêng biệt ngoài vòng đai của khuôn viên đại học cũng chứa các tạp chí và sách báo của miền Nam, loại ngoại cỡ. Nơi này, có những tập như *Khởi Hành* đóng bộ, hay nguyệt san *Đời*, hay những bộ nhật báo *Chính Luận*, *Tin Sáng*, *Điện Tín* v.v… Nhưng đừng mang ra ngoài hay xé. Coi chừng tiếng hú báo động đấy.

*Nơi đây không có ngăn riêng dành cho nhà văn lớn hay nhà văn nhỏ. Không người nổi tiếng hay kẻ vô danh. Bên cạnh tập thơ của Tố Hữu là tập truyện của Nguyễn Mạnh Côn. Những tập sách mỏng của nhà xuất bản Quân Giải phóng nằm cạnh những tác phẩm của Cục Chỉnh huấn Quân lực Việt Nam Cộng hoà. Sách của kẻ chiến thắng nằm bên sách của phe chiến bại. Bên cạnh một cuốn sách đóng bìa công phu, phụ bản nhiều màu, tranh bìa của họa sĩ tên tuổi vẽ, là một tập sách nghèo nàn, đơn sơ, đến tội nghiệp. Chỉ có kẻ đọc mới có quyền thẩm định và lựa chọn. Cho dù cuốn sách có mạ vàng, giấy loại hoa vân, bìa cứng hay cho dù tranh bìa được vẽ bởi một họa sĩ hàng đầu đi nữa, cũng không thể thu hút quyến rũ được hắn.

Riêng tôi, tôi chọn Vũ Hữu Định.

Thứ nhất là anh thuộc thế hệ chúng tôi. Dù sinh thời, anh chưa có một tác phẩm nào xuất bản, nhưng không vì thế mà thơ anh lại không được nhiều người ưa thích. Riêng bài thơ “Còn một chút gì để nhớ” đã đi vào tâm trí chúng tôi không ít thì nhiều, thời ấy.

Nói đến Vũ Hữu Định là nói đến một người bạn giang hồ, và những cốc rượu bốc cháy. Có người trách anh bỏ bê gia đình, vợ con để theo tiếng gọi của những phần rượu tặng. Có lẽ những bài thơ về rượu này khá phổ biến, nhưng họ làm sao hiểu được nỗi lòng của Định và lý do tại sao anh lại phải xa người mẹ bệnh tật, xa vợ con, xa quê. Từ ba năm làm lính biên trấn mà *Đồn cheo leo đón gió/Bốn mùa phên mây che/ Đất trời đây một cõi/Nhốt đời chưa cho về* đến những tháng năm luân lạc, chấp nhận làm một người con bất hiếu, một người chồng một người cha không chu toàn trách nhiệm, để được sống, để được tiếp tục làm thơ, tiếp tục dâng hiến cho đời, cho người đọc những bài thơ đẹp, hay, để đôi lứa càng thương yêu nhau, để Pleiku càng đi vào trong tim của chúng ta, bằng tóc em mướt và mắt em ướt, để bọn trẻ chúng tôi thời ấy, cả tháng không thấy đàn bà, không thấy cả một tờ tạp chí, được an ủi rằng may mà có em đời còn dễ thương… trong khi đêm ngày tai như muốn bục màng nhĩ vì trái pháo và tiếng trực thăng cùng những núi đồi vây hãm khó có thể thoát được ra ngoài.

Hãy hiểu nỗi lòng của Định. Hãy thương lấy Định qua những dòng tâm sự đành đoạn não nùng khi anh viết về người vợ của anh:

Lần nào em sinh nở
ta cũng phải vắng nhà
tháng này em sinh nở
ta lại trên đường xa
…cám ơn người vợ khổ
chiều nay ta khóc thầm
uống những giọt rượu đắng
ngày xa quê long đong

Trách anh hay trách hoàn cảnh, thời thế ?

***

May mà có em đời còn dễ thương…

Vâng. Nếu cảm ơn thành phố ấy có em, thì cũng cần phải cảm ơn Vũ Hữu Định của chúng ta nữa. *Để rồi từ đó, những chuyến đi đi về về thư viện Đại học Cornell, Library of Congress, dặm dài thăm thẳm, qua đồi, qua đèo trập trùng, để chúng tôi nói với lòng, chúng tôi đi tìm Vũ Hữu Định đây. Rồi những chồng tạp chí cũ mà người phụ trách mang đến cao ngất, cứ lật và cứ lật miệt mài. Nơi nào có cõi thơ anh trú ngụ? Tạp chí nào, số nào, để có thể mượn mà tìm ra dấu vết thơ anh? Trang giấy nào có tên Vũ Hữu Định dù chỉ một hai dòng, nhất là ở giữa xứ lạ quê người mà việc sưu tập di sản văn chương miền Nam chỉ biết trông cậy vào các thư viện Mỹ?

Nhưng chúng tôi tin hương hồn anh sẽ phù trợ việc làm của chúng tôi, hà hơi tiếp sức chúng tôi vượt tất cả những trở ngại khó khăn. Để rồi những lần lên đường vào bốn giờ sáng, khi đêm bưng bít cùng tuyết rơi mịt mùng. Và những lần trở về, một mình trong đêm, giữa xa lộ đầy ánh đèn xuôi ngược, hay qua dốc đèo hiu quạnh, có khi lạc qua một thị trấn quờ quạng tìm lối ra, không phải *đi năm phút đã về chốn cũ* mà đi một phút đã về chốn cũ, mắt lão như không thấy đường nhưng lòng thì vui thật là vui. Bởi vì mỗi lần trở về là những bài thơ Vũ Hữu Định làm bạn đồng hành, nằm bên cạnh, để cho mình quên cả nhọc mệt, mà nhấn mạnh bàn đạp gia tốc…Tập thơ này là một tập thơ được may mắn. Với tổng số 80 bài (tập thơ in trong nước chỉ có 45 bài), nó không phải bị nộp lưu chiểu hay phải qua giấy phép xuất bản nào để phải chịu cắt xén hay thay đổi cho phù hợp với chế độ đương đại. Sách dày 170 trang, gồm 2 phần. Phần đầu Dẫn nhập và phần hai là thơ sưu tập. Riêng lần xuất bản này, chúng tôi "chơi sang": Bìa sách được in bằng loại nhũ kim (gold metallic and golden foil), và giấy toàn là loại đặc biệt. Chỉ dành tặng nếu có yêu cầu. Không bán. Xin nhắc lại, dành để tặng khi có yêu cầu. Để chứng tỏ cùng Định là đám bạn bè tuổi ngựa của anh dám chơi đẹp, và chơi hết mình vì bạn!

Chúng tôi xin được để tập thơ này bên cạnh phần rượu tặng trong ngày giỗ thứ 25 của anh.

**Phụ lục: Thơ Vũ Hữu Định*

Rừng hương mật

Anh đang sống, đang cảm nhiều chuyện lạ
Những chuyện trăm năm mà tưởng như vừa
Một ngọn gió của đời đã thổi
Bay hồn anh trong bóng nắng hồn mưa
Một chút gió trên rừng hay dưới biển
Tới từ đâu sao lại báo tin mưa
Hôm qua ngó vầng trăng cuối tháng
Mọc giữa chiều xanh của buổi giao mùa
Anh cảm động nhớ một thời si dại

Yêu là yêu em bằng tấm lòng xưa
Anh đang sống - đang thở đều rất lạ
Thở yêu em yêu đau đớn của đời
Anh cảm được phút của mùa đang đổi
Giây của sông dừng lại đợi chiều trôi
Ở đâu đó rừng của Thu ảm đạm
Uống chút hương hoa của suối mà say
Mây của nghìn năm mây vẫn là mây
Nhưng một buổi lạ như vừa mới có
Gió là gió mà sao anh ớn lạnh
Men ở đâu mà anh đã ngất ngây
Ngày anh về, hôm anh cất chân đi
Nghe được tiếng của con đường anh bước
Em có xa như một đời kiếp trước
Anh thấy gần nên cảm được trầm hương
Anh ở trên rừng cũng sống trọn nguồn thương
Ra giữa biển tình cũng như biển mặn
Một ngày nằm nghe đất trời cay đắng
Sấm vang lên, mưa giận dữ trên rừng
Nước của nguồn đi mạnh bạo cuồng hung
Tiếng bi thiết trong mạch nguồn nức nở
Anh đang sống – anh đang nghe anh thở
Cảm được tinh của cả đất trời
Lúc bắt đầu anh chỉ có em thôi
Nay có hết núi mây rừng với biển
Những đồng nội mấp mô màu trác tuyệt
Một hôm nao cảnh cũ lạ vô cùng
Của đất trời là Xuân Hạ Thu Đông
Anh có cả em nên giàu cảm lụy
Anh đang sống và anh đang thấy
Nước trên sông khi chảy khi dừng
Lúa trên đồng kể chuyện với sao sương
Những đá tảng nghìn năm nay nói chuyện
Những con đường anh đi và anh đến
Bờ Trùng Dương bến hẹn với Bình Nguyên
Những nẻo rừng trạm gió sơn xuyên
Thân ái với màu rêu trên vách cổ
Những củi mục của rừng thân rất nhỏ
Kể với anh về thay đổi của đời
Một chiều vàng bên suối mộng rong chơi
Anh soi thấy anh hình dung đã lạ
Mắt rực rỡ ngó chiều bay tơi tả
Vượn hú sương chim kêu bạn não nùng
Suối cạn mòn, nước đã ra sông

Ở nơi đó anh lạc hình mất ảnh
Một ngày nào mặt trời kia rét lạnh
Máu đỏ trùng dương một lần chết cuối cùng
Giấc lạnh vang lời gió nhắn với rừng
Anh hối hả trở về mau cho kịp

Anh đang sống một ngày tha thiết
Nghe âm vang đồng nội rừng già
Mỗi bước đi về nghe thật thiết tha
Hồn ứ chứa bao nhiêu tình rừng thẳm
Mỗi bước chân anh đất trời lằng lặng
Mắt sáng như sao tiếng nói như đồng
Anh bước về để thấy một hừng đông
Có mặt Nguyệt thay mặt Trời hiển hiện

17-10-73

Tiếng dội của sương chiều

lạnh trong rừng thu xanh
anh vô nằm trong cỏ
nơi những ngày xưa kia
em đã ngồi ở đó
anh nằm đây, ngồi đây
nghe rừng thu nhắc nhở
tiếng dội của sương chiều
làm xanh đau sắc cỏ

lạnh trong rừng thu xanh
em là con chim nhỏ
đậu trên nhành hoa leo
hát mấy lời ngẩn ngơ
anh nằm đây, ngồi đây
ngó nước nguồn reo vỡ
nước nguồn chảy bao năm
đá núi mòn dấu nhớ
anh nằm đây, ngồi đây
một mình anh vẫn thở
mười năm trong trắc trở
anh thở khác ngày xưa
nghe dội tiếng rừng mưa
nghe vang lời suối nhớ
anh như còn nặng nợ
với cây cỏ rừng già
anh vẫn còn thiết tha
nơi em nằm buổi nọ
lạnh trong rừng thu vang
lá thu vàng cũng rụng
anh nằm nghe lay động
đau của những nhánh cành
anh ngồi trong lá xanh
trên những hồn lá chết
tay anh cầm tha thiết
những chiếc lá còn tươi
thả xuống suối mà chơi
trôi đi còn tiếng dội

anh nằm đây, ngồi đây
mưa của rừng đã tới
những hạt rơi nhức nhối
trên những lá vàng non
và những lá héo hon
rụng như lòng anh rụng

lạnh trong rừng thu mộng
ôi giấc mộng dài đời
lạnh cả mùa thu tươi.

Nguồn: Thư Quán Bản Thảo, tập 23 tháng 4. 2006, chủ đề Tưởng nhớ Vũ Hữu Định, phổ biến trong vòng thân hữu, không bán. Địa chỉ: P.O Box 58 South Bound Broo

Trò chuyện cùng trần hoài thư về thư ấn quán & thư quán bản thảo

Trần Doãn Nho

Tôi quen với Trần Hoài Thư từ trước năm 1975. Trước hết, đọc nhau qua tờ Văn, Bách Khoa. Sau, gặp nhau ở Huế đôi lần, khi anh về phép. Cà phê, cà pháo, đấu láo chuyện nước chuyện nhà, chuyện văn nghệ văn gừng linh tinh. Rồi anh ra đi, trở lại chiến trường máu lửa. Còn tôi vẫn ở thành phố học hành, rong chơi. Văn chương của anh là văn chương của chiến trận, của con người nằm giữa cái chết và cái sống. Văn chương tôi là văn chương thành phố, văn chương của một người suy gẫm…chuyện đời.

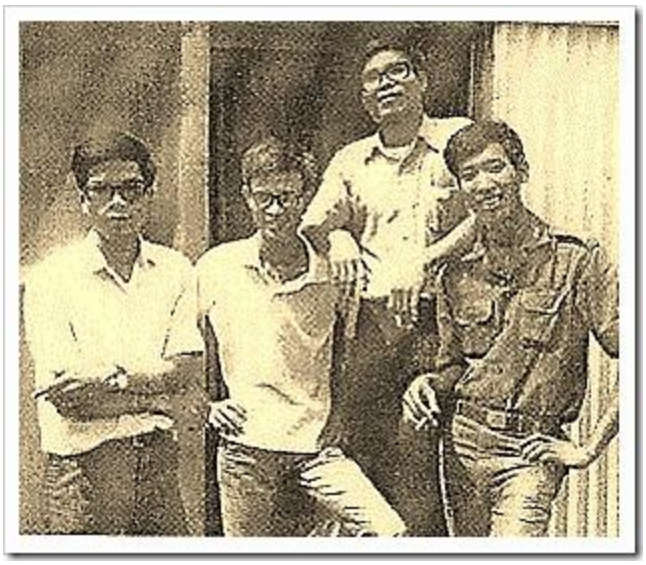

(từ trái sang phải): Phạm Ngọc Lư, Trần Hoài Thư,
Nguyễn Lệ Uyên, Phạm Văn Nhàn.
(nguồn: phụ bản trong tuyển thơ *Ô CỬA* của
Trần Hoài Thư – Thư Ấn Quán 2004)

Hai mươi mấy năm sau, chúng tôi gặp nhau lại tại Mỹ. Nhiều lần, qua các sinh hoạt văn chương. Thỉnh thoảng, anh ghé nhà tôi chơi. Tôi cũng đôi lần ghé thăm anh, ở một nơi khá yên tĩnh của thành phố Plainfield, tiểu bang New Jersey. Nhà chỉ có hai vợ chồng. Hiện nay, cả hai anh chị đều đã về hưu. Ngoài những sinh hoạt bình thường hàng ngày và chăm sóc hai đứa cháu nội, anh, với sự tiếp tay vô cùng nhiệt tình của chị, đều dành hết thì giờ để lo chuyện văn chương.
Khác với nhiều người khác, ngoài chuyện góp mặt bằng những sáng tác mới, anh dành hết thời gian, cặm cụi làm một công việc mà không ít người cho là …vô ích và lỗi thời: lục tìm, in lại những tác phẩm đã xuất hiện ở miền Nam trước năm 1975. Bất chấp những lời đàm tiếu, anh vẫn …đường ta ta cứ đi. Kết quả là cho đến nay, anh đã xuất bản được:
- Bộ Văn miền Nam (4 tập, tổng cọng 2200 trang)
- Bộ Thơ miền Nam (5 tập, tổng cọng khoảng 3000 trang) gồm: *Thơ miền Nam thời chiến* (tập I &II), *Thơ tình miền Nam*, *Lục bát miền Nam*, *Thơ tự do miền Nam*.
- *Chiến tranh Việt Nam & Tôi* (thơ Nguyễn Bắc Sơn)
- *Thơ Vũ Hữu Định toàn tập*
- *Kỷ vật cho em* (thơ Linh Phương)
- *Túy ca* (thơ Hoàng Hương Trang)
- Bốn tập thơ của Hoài Khanh
- *Những tháng năm cuồng nộ* (truyện dài cùa Khuất Đẩu)
- *Tuyển truyện Sáng Tạo*
- *Văn các số 121, 132, và số chủ đề Thanh Tâm Tuyền.*
- *Tuyển truyện Một Thời Ý Thức*
- *Cúi mặt* (truyện dài của Bùi Đăng, do Thái Phương xuất bản năm 1969)
- *Đốt tuổi* (thơ Phan Nhự Thức)
- *Điệp khúc tình yêu & trái phá* (thơ Kiệt Tấn)
- *Tuyển truyện Y Uyên*
- *Lẽo đẽo một phương quì* (thơ Từ Thế Mộng)
- *Đan tâm* (thơ Phạm Ngọc Lư)

- *Vũ trụ thơ I & II* (tiểu luận của Đặng Tiến)
và:
- Tạp chí Thư Quán Bản Thảo. Tạp chí ra 2 tháng ra một số, hiện nay đã vào năm thứ 10. Số mới nhất là 41 phát hành tháng 2-2010, có chủ đề liên quan đến di sản văn chương miền Nam. Theo tôi, đó là một công trình lớn, nếu không nói là lớn nhất, ở Hải Ngoại về mặt bảo tồn một nền văn học đã bị bức tử.

*

Nhân một buổi gặp gỡ bạn bè đầu năm Canh Dần, hai chúng tôi trò chuyện với nhau về công việc làm đầy ý nghĩa của anh trong thời gian qua. Xin ghi lại để chia xẻ cùng bạn đọc.

Trần Doãn Nho (TDN): Ta hãy bắt đầu bằng cái tên. Theo tôi biết, hiện có hai cái tên, một là Thư Quán Bản Thảo (TQBT) và một là Thư Ấn Quán (TAQ). Đó là hai cách gọi của cùng một công việc hay là để chỉ hai việc khác nhau?
Trần Hoài Thư (THT): Hai tên để chỉ hai công việc khác nhau, anh à. Chúng tôi có hai cơ sở. Một là Thư Quán Bản Thảo, tạp chí văn học nghệ thuật. Và một là Thư Ấn Quán, cơ sở xuất bản. Thư Quán Bản Thảo là một tạp chí. Số 1 được thực hiện xong vào tháng 10-2000, dày khoảng 100 trang. Ban chủ trương gồm 4 người, mà ba người đều tuổi ngựa (sinh năm 1942). Khi báo chuẩn bị gửi thì biến cố 9/11 xảy ra. Tôi phải tháo bìa làm lại, thêm trang phụ bản về hai tòa nhà "TWIN TOWERS" đang ngùn ngụt trong lửa khói. Thư Quán Bản Thảo số ra mắt, như thế, mang một dấu ấn lịch sử rất đặc biệt. Từ 100 trang cho số 1,2, tăng lên 200 trang cho số 3, và số mới nhất (41): 255 trang !

TDN: Anh là một trong bốn người. Vậy ba người kia là ai, thưa anh?
THT: Phạm văn Nhàn, Trần Bang Thạch và Cao Vị Khanh.

TDN: Tại sao lại là Thư Quán/Bản Thảo?
THT: Bây giờ, không giấu gì anh. "Bản thảo" tôi lấy từ Ý Thức Bản Thảo, tên một tạp chí bất định kỳ trong nước ra một năm một số, mục đích là phổ biến văn chương nghệ thuật rất hạn chế trong vòng anh em thân hữu từng cọng tác với tạp chí Ý Thức trước 1975. Nó nói lên một điều: những người cầm bút trẻ thời trước 1975, vẫn tiếp tục viết, vẫn còn say mê với chữ nghĩa. Tôi đã tìm qua hai chữ Bản Thảo một ý nghĩa bi tráng hơn: *văn chương bộ lạc*. Và tôi đã dùng tiếng "bản thảo" này như một sự cảm thông, chia xẻ với anh em cầm bút trong nước. Còn Thư Quán thì anh chắc hiểu rồi. Thư là tên tôi. Vậy thôi.

TDN: Văn chương bộ lạc! Nghe ngồ ngộ. Anh nói rõ hơn ý nghĩa của cụm từ này được không?
THT: Anh hãy nghĩ đến một nhóm người mất hết buông bản, dắt dìu nhau giữa một thế giới không thuộc về của họ. Ở Mỹ chúng ta vẫn hằng nghe về bộ lạc da đỏ. Họ tụ tập với nhau, nhảy múa và hát những bài hát cổ truyền quanh lửa trại. Ở đây, không phải nhảy múa mà là sáng tác, văn chương…

TDN: Thì ra thế. Vậy ta có thể nói, anh thành lập Thư Quán Bản Thảo và Thư Ấn Quán là để cho cái bộ lạc thời đại này khỏi bị tiêu diệt, đúng không? Bằng cách in lại những tác phẩm cũ trước 1975, mà anh gọi là "Tủ Sách Di Sản Văn Chương Miền Nam."
THT: Đúng mà không đúng, anh à. Tạp chí Thư Quán Bản Thảo không nhất thiết chủ trương sưu tập để đăng lại những tác phẩm của các tác giả cũ. Với khoảng 230 trang, chúng tôi thường dành 100 trang cho một chủ đề nào đó. Ví dụ chủ đề Nguyễn Bắc Sơn (số 20), Nguyễn Nho Sa Mạc (số 26), Hoài Khanh (24), Phan Nhự Thức (số 27), Từ Thế Mộng (số 29), Lê văn Trung (số 34) hay Vũ Hữu Định, Trần Dzạ Lữ, "Thơ văn khói lửa" hay Y Uyên v v… Phần còn lại dành cho những bài vở mới sáng tác do thân hữu gởi về đóng góp. Tạp chí dự trù ba tháng ra một số, nhưng vì sự đón nhận cũng như lòng thương mến của người đọc quá nồng nhiệt

nên đổi thành hai tháng. Sau gần hai năm, vì điều kiện sức khỏe không cho phép, nên đổi thành tạp chí bất định kỳ. Chỉ một mình tôi lo từ A-Z nên cho dù muốn duy trì liên tục, cũng không được anh à. Ngoài phần chủ đề, tạp chí cũng có những ấn bản đặc biệt gồm những tác phẩm sưu tầm nhằm giúp người đọc có cái nhìn toàn bộ về sự nghiệp của tác giả. Ví dụ chủ đề Hoài Khanh, tôi in thêm 3 tập thơ của ông trước 75 làm phụ bản : 1) *Thân phận* 2) *Lục bát* 3) *Gió bấc, trẻ nhỏ, đóa hồng và dế* để tặng độc giả khi có yêu cầu.
Riêng cơ sở Thư Ấn Quán không nhất thiết xuất bản sách trong Tủ Sách Di Sản Văn Chương Miền Nam. Chúng tôi còn xuất bản những tác phẩm mới của bạn bè ở trong nước, những người không có điều kiện để xuất bản. Chúng tôi thay mặt họ tặng biếu độc giả Thư Quán Bản Thảo và thân hữu của tác giả. Ngoài ra chúng tôi tìm cách chuyển về họ chừng 5, 10 tập để làm quà.

TDN: Như thế thì, Thư Quán Bản Thảo theo đúng chủ trương "chỉ biếu, không bán", theo như lời giới thiệu? Mà nếu không bán, thì anh có nguồn tài trợ nào không?
THT: Mọi việc đều miễn phí. (Cười) Cứ hy sinh đừng đi du lịch bằng *cruise* sẽ có đủ tiền in hai tác phẩm cho bạn bè. Dễ lắm mà! Nói đùa với anh cho vui.
Đúng như anh nói, tạp chí Thư Quán Bản Thảo và hầu hết các tác phẩm do Thư Ấn Quán xuất bản đều được rao: "Chỉ tặng khi có yêu cầu". Có nghĩa là chúng tôi chỉ gửi đến quí vị nào muốn đọc, chứ không tặng bừa bãi. Đổi lại, họ cho chúng tôi tấm lòng ưu ái ân cần. Chính cái tình giữa người đọc và tác giả mới quan trọng. Có những người đọc ở Mỹ về nước, tìm đến tác giả mà thăm hỏi. Khi bão lụt, những người đọc hỏi thăm qua chúng tôi về tình trạng người viết trong nước ra sao. Họ giúp người cầm bút cũ miền Nam trong nước hiểu được là họ không bị bỏ rơi, sáng tác của họ vẫn được đón nhận ở hải ngoại.
Tôi kể ra đây một trường hợp để nói lên cái tình sâu đậm này. Một người cựu sĩ quan nhảy dù gởi thư đến chúng tôi cần tìm tác giả bài "*Biên cương hành*" là nhà thơ Phạm Ngọc Lư để tỏ lòng cám ơn, vì năm 1972, khi anh bị thương trên đồi Thường Đức ở Quảng Nam, trong lúc chờ trực thăng tới bốc, anh đã đọc bài thơ này trên Văn, và có ý nghĩ viết thư tỏ lòng cám ơn sau khi về hậu cứ vì bài thơ đã diễn tả đúng với tâm trạng anh lúc ấy. Giờ đây, được đọc lại trên TQBT, anh muốn nhờ chúng tôi tạo nhịp cầu.
Và mới đây, hôm 11 tháng 3/2010, thêm một người đọc nữa hỏi thăm về nhà thơ Lê văn Trung. Anh ấy kể đã thuộc những câu thơ của Lê Văn Trung trong tù và mang trong tâm trí đến bây giờ. Nói tóm lại, TQBT ít ra cũng là một mái nhà còn lại cho anh em cầm bút cũ tìm đến, nương tựa, gìn giữ nhau.
Riêng câu hỏi: Nguồn tài trợ ở đâu? Xin trả lời: người đọc. Họ tiếp trợ tạp chí qua tem thư hay những món quà lì xì vô điều kiện. Và nhất là chúng tôi có thể in số lượng tùy theo nhu cầu của người đọc từ phương pháp "*Print-On-Demand*" (In theo yêu cầu), cộng thêm cái nhà in mà tôi tự lập, từ những *program* mà tôi tự viết, với những sáng kiến mà tôi tự nghĩ hầu in ấn được mau chóng, tự động hóa. Đó là lối đánh giặc nhà nghèo anh à.
Nói thì nói thế, chúng tôi cũng có bán. Các sách bán là các bộ sách dày, in ấn rất tốn kém, lại đòi hỏi công sức rất nhiều như bộ Văn Miền Nam, bộ Thơ Miền Nam. À quên nữa, có một cuốn rao bán là "Tuyển truyện Y Uyên", mục đích để lấy tiền làm quỹ cho việc tu bổ tượng đồng nhà văn Y Uyên. Khi số tiến ấn định đã đạt, chúng tôi ngưng bán ngay.

TDN: Anh cho biết qua cách làm việc của anh trong việc in ấn và phát hành.
THT: Sau mười năm kinh nghiệm, tôi đã thu thập hiểu biết khá nhiều trong lãnh vực in ấn. Về keo, về giấy, về bìa, về cách dàn trang (*layout)*, về nhu liệu (*software)* nào nên dùng hay không nên dùng, về những cơ phận của máy in… Tất cả đều tự học qua biết bao nhiêu lần thất bại. May mắn tôi có ít nhiều kinh nghiệm về điện toán nên áp dụng nó tối đa trong việc in ấn. Giờ đây, nếu anh đưa tôi một CD hay gởi tôi một hồ sơ (*file)*, thì bảo đảm chỉ hai giờ sau là anh có tối thiểu bốn tập đàng hoàng (từ khi bắt đầu dàn trang, trình bày bìa, in trang ruột, đóng và cắt). Tất cả đều có khuôn mẫu (*template)* sẵn. Sau đó, tôi gởi sách tặng, hay rao trên trang mạng

Thư Quán Bản Thảo. Vì không đặt nặng lợi nhuận nên không bận tâm mấy đến việc phát hành. Ai thích, hỏi, thì tôi in. Có sẵn trong máy. Chỉ việc bấm nút rồi cần 10 phút là xong ngay. Vậy thôi. Bà xã tôi hay đùa với bạn: Anh Thư nhà tôi "lấy công làm lỗ"!

TDN: Không lỗ đâu, mà còn lời nữa. Lời tình bạn, lời văn chương.
Bây giờ hãy trở lại chuyện in ấn. Như vậy, để tự làm, anh phải sắm một cái máy in, đúng không? Anh dùng loại máy in gì? Nếu là "bí mật nghề nghiệp" thì…
THT: Chẳng có bí mật nghề nghiệp gì ở đây hết. Hiện tại tôi có 4 máy in loại HP 5SI để in trang ruột. Loại máy in này là loại máy in dùng trong văn phòng khác với loại máy in trong xưởng. Nó rất phổ thông cách đây chừng 10 năm, vận tốc 24 trang/ một phút. Có thể in *duplex* (hai mặt). Bây giờ nó đã lỗi thời. Kỹ thuật đã chế các loại máy có thể in trên 100 trang /một phút. Vì lỗi thời nên nó được bán rất rẻ. Trên trang mạng Ebay, tôi mua khoảng 100 đô la một máy, cọng thêm cước phí chuyên chở khoảng 100 đô la nữa. Sau đó tháo ra, tha từng cơ phận xuống dưới tầng hầm rồi lắp lại. Anh nghĩ xem, mỗi cái máy nặng hơn trăm *pounds*, tức là cả 50 ki-lô, làm sao mà khiêng, trong khi tôi một thân một bóng, chẳng có ai tiếp trợ và nhất là với cái thân hình "kinh tế mới" của tôi! Phải dùng trí óc anh à.
Riêng máy in màu để làm bìa, tôi đã thử rất nhiều loại máy, và tốn tiền khá nhiều cho mực màu *laser*. Cuối cùng tôi chọn máy HP CP1215. Rẻ lắm. Nhưng mực bột rất mắc. Chính vì thế, tôi mới mua những "chip" *made in china*, khoảng 2 đô la để dùng lại (refill). Đúng là Cộng Sản chơi tư bản. Công ty Mỹ muốn ăn tiền ở việc bán mực bột *laser*, nên làm "tiêu nhanh", "tiêu lẹ" mực, còn Cộng Sản Tàu thì chế loại *chip* mới thế vào *chip*cũ, ta cứ tha hồ mặc sức in!
Ngoài máy in ra, còn những kỹ thuật khác cũng rất quan trọng không kém. Ví dụ: *nhu liệu* (software) chạy máy in loại HP thì khác với máy in loại Dell. Ví dụ: vì không dùng dây nối (wireless), đôi khi các dữ liệu (data) bị nghẽn, ngừng một lúc rồi in lại, do đó trang in cũng bị hỏng. Nhất là tôi có sáng kiến dùng loại giấy dán tường (wallpaper) để thế *bookcloth* (vải bọc dán bìa cứng) vì giấy dán tường là loại giấy không thấm nước. Hơn nữa nó đã là một tác phẩm nghệ thuật để ta khỏi mất công nhờ họa sĩ vẽ tranh bìa. Có điều, làm sao để in khổ lớn (khổ tabloid, 11×17) bằng một loại máy in nhỏ hơn (khổ 8.5×11) trong khi một mặt là keo khi chạy qua máy in rất dễ bị cuốn vào trục? Tôi đã nghĩ đến nát óc mới tìm ra cách. Tôi cũng mua nhiều sách về*bookbinding (đóng sách)* để học hỏi. Nhưng thú thật sách chỉ giúp về phương diện tiêu khiển thì giờ chứ không phải cho một mạng lưới (network) nhiều máy in, không dây nối (wireless), phải kiểm soát chặt chẽ dữ liệu (data) vì có khi chúng bị tắt nghẽn trên đường đến máy in đặt ở xa. Với hệ thống 4 máy in này, tôi có thể in được chừng 50 tập (mỗi tập 200 trang) mỗi ngày. Tuy nhiên cái quan trọng nhất là đóng, dán, cắt. Tôi phải tự làm từng tập. Hơi keo bốc nồng nặc, thêm cái máy cắt cỗ lỗ sĩ. Rồi bìa phải xếp (folding) trước khi dán vào gáy sách. Riêng Bô Thơ Miền Nam thì vất vả bội phần. Anh có tin là trong những chuyến đi xa, nhà tôi làm tài xế và tôi ngồi ở băng sau, khâu những tập dày gần cả ngàn trang không? Nhiều khi tôi ao ước được trúng số để có tiền in bên Hồng Kông. Nhưng vì không thể đợi trúng số, nên đành phải gắng làm. Vì nếu mình không làm thì ai làm. Nghĩ lại, tôi không hiểu tại sao mình có thể chịu đựng được…

TDN: Chỉ trong vòng có mấy năm mà thực hiện hai bộ Thơ và Văn hàng ngàn trang, từ sưu tầm đến đánh máy, dò đọc chính tả, dàn trang, làm bìa, rồi in, đóng, dán, cắt… và mang ra bưu điện! Khiếp thật!
THT: Hai năm và tổng cộng gần 5000 trang, anh à.

TDN: Đó là chuyện in ấn. Còn chuyện sưu tầm, tìm kiếm lại tác phẩm của những tác giả trước 1975, và một số tác phẩm sau này của các tác giả còn ở trong nước, anh phải làm sao?
THT: Những tác phẩm trong tủ sách Di Sản Văn Chương Miền Nam phần lớn là chúng tôi sưu tầm, và tác giả không còn giữ. Trước khi in, chúng tôi cố gắng liên lạc với tác giả hoặc thân nhân tác giả. Có người đồng ý, có người không. Ví dụ chúng tôi đã có dự án sưu tầm thơ

Nguyễn Tất Nhiên sau khi hoàn tất dự án sưu tầm thơ Vũ Hữu Định nhưng cuối cùng không thể thực hiện được, mặc dù tôi có sưu tập thêm một số bài thơ thất lạc của ông. Cũng như muốn tái bản tập thơ *Mắt cỏ* của Hoài Lữ, nhà thơ đã tử trận ở Bình Chánh vào năm 20 tuổi, nhưng niềm mong ước cũng không thành.
Tưởng cũng cần nói với anh là những tác phẩm in lại này chúng tôi đều không bán, in để tặng, hoặc cố tìm cách chuyển về nước để người nhà có dịp để trên bàn thờ trong ngày giỗ kỵ, ví dụ thi phẩm *Vàng lạnh* của Nguyễn Nho Sa Mạc hay tác phẩm *Tuyển truyện thời chiến* của Y Uyên.
Còn những sách sau 1975, đối với anh em trong nước, không có phương tiện, tôi in giúp, thay mặt họ tặng thân hữu ở hải ngoại. Tính đến nay, tôi đã in 20 tác phẩm như vậy.
Riêng đối với Bộ Văn/Thơ Miền Nam, chúng tôi bán vì quá tốn công, tốn sức. Sách nào cũng gần 800 trang. Tôi chỉ chú trọng vào sáng tác đăng trên các tạp chí thay vì tác phẩm của tác giả. Tôi muốn đưa người đọc có cái nhìn thực tế hơn về vai trò của các tạp chí văn học miền Nam trong việc bồi dựng nền văn chương thời chiến. Tôi nghĩ vai trò của tạp chí cũng quan trọng lắm chứ.

TDN: Như thế là anh khác với Talawas. Talawas đã đưa lên mạng khác nhiều tác phẩm của văn chương miền Nam trước 1975, tất cả đều là sách.
THT: Đúng thế. Anh hẳn biết, thời chúng ta, những người mang bộ đồng phục lính như tôi, phải viết văn làm thơ trong những điều kiện khó khăn nghiệt ngã, luôn luôn ở ngoài tiền tuyến. Khi nào được về một thị trấn quận lỵ mà nhìn cô hàng quán là hạnh phúc rồi, huống chi là được về ngồi ở quán Kim Sơn, La Pagode của Sài Gòn. Tiền đâu, phương tiện đâu, ai quen biết để thay mặt mình mà xuất bản sách? Trường hợp bản thân tôi, tập truyện đầu tay "*Nỗi bơ vơ của bầy ngựa hoang*" do Ý Thức xuất bản, tôi phải lấy địa chỉ ở hậu cứ của đại đội 405 thám kích sư đoàn 22 Bộ binh!
Hơn nữa, không phải nhìn vào số lượng tác phẩm hay bài vở đăng báo mà đánh giá. Có tác giả chỉ xuất hiện một hay hai bài, nhưng để đời. Đó là trường hợp của Chinh Ba với truyện ngắn "*Bài thơ trên chiếc xương cụt"*đã đi trên Da Màu cách đây vài tháng. Có tác giả gởi bài thơ khóc bạn mình tử trận ở Pleime chưa kịp thấy bài thơ đăng trên báo, thì đã theo bạn về bên kia thế giới! Đó là nhà thơ Phan Huy Mộng với bài *"Người chết ở Pleime*" trên tạp chí Văn. Làm việc này chúng tôi muốn trả lại danh dự cho họ, không thể để họ bị chìm trong quên lãng trong khi tên họ xứng đáng được để ở ngoài bìa tạp chí!

TDN: Anh sưu tầm và chọn lựa bài vở và tác giả theo tiêu chuẩn nào? Làm sao tìm và tìm ở đâu?
THT: Đây không phải là cuộc tuyển chọn theo đúng ý nghĩa của nó. Đây chỉ là sưu tập những sáng tác có nguy cơ bị mai một trên các tạp chí văn học miền Nam, như chủ trương của chúng tôi: phục hồi nền di sản văn chương miền Nam. Còn việc tuyển chọn, thì ít ra, các sáng tác trên cũng hơn một lần được sàng lọc từ những ban tuyển đọc, hay các vị chủ bút đầy kinh nghiệm. Chúng tôi chỉ đọc lại thêm một lần nữa.
Còn câu hỏi làm sao mà tìm được? Xin thưa trước khi thực hiện dự án, tôi gửi điện thư đến nhiều bạn hữu, nhờ họ giúp đóng góp tài liệu, và nếu có thể cho chúng tôi biết những tác giả xứng đáng. Một "bồ" thư viện sống là nhà thơ Thành Tôn. Anh đã giúp chúng tôi rất nhiều trong việc đề nghị, giới thiệu, và đóng góp bài vở. Ít khi thấy một người lại có một tầm hiểu biết về văn học miền Nam như thế. Ngoài ra còn có một vài bạn ở trong nước nữa. Họ giới thiệu giùm chúng tôi qua những tạp chí mà họ lưu giữ. Hoặc đề nghị những tên tuổi mà họ đã mang dấu ấn trong tâm trí để chúng tôi sưu tầm. Cuối cùng là nguồn thư viện.
Hễ rảnh là tôi lái xe đến thư viện. Mưa, nắng tuyết giá gì cũng đi. Thư viện đây là thư viện đại học Cornell ở vùng thượng tiểu bang NewYork (Upper New York) cách chỗ tôi ở khoảng 5 giờ lái xe. Thư viện có hai tòa nhà riêng biệt lưu trữ sách báo Á Châu nói chung và Việt Nam nói riêng. Đó là thư viện Krock , nằm phía sau thư viện chánh Olin, giờ mở cửa tùy theo chu kỳ học

của sinh viên. Gần đến kỳ thi giữa khóa hay thi cuối khóa, thư viện mở cửa 24/24. Trong số sách báo miền Nam được lưu trữ ở đây, tạp chí Bách Khoa là đủ bộ nhất. Còn đa số các tạp chí, báo hằng ngày thì được lưu trữ ở thư viện Annex, tọa lạc ngoài vòng đai của trường. Giờ mở cửa từ 9 AM- 4PM. Ở thư viện này, không thể vào trong để lục sách, khác với thư viện Krock, có thể tự do vào.
Vào đây mới hiểu thế nào là sự trân quí của dân tộc bản xứ đối với văn hóa nhân loại. Không thể tưởng tượng nỗi ở đây lại lưu trữ những nội san, giai phẩm như Trưng Vương, Gia Long, Chu văn An, Quốc Gia Nghĩa Tử. Ngay cả tờ truyền đơn chiêu hồi dạo nào, vẫn được lưu trữ! Thật không thể tưởng tượng được, phải không anh. Cám ơn đất nước này, vì ít ra, nó giữ giùm văn học miền Nam mình sau đại nạn 30-4-1975. Cũng cần nói thêm, thư viện không chỉ lưu trữ sách báo miền Nam, mà của cả miền Bắc trước 1975 nữa. Sách vở nằm bên nhau, tác giả nằm bên nhau, không phân biệt, kỳ thị.
Ngoài Cornell ra, tôi còn tìm đến đại học Yale ở tiểu bang Connecticut cách nhà khoảng ba tiếng lái xe. Ở đây dù không dồi dào như Cornell nhưng Bách Khoa, Văn, Vấn Đề, Văn Học, Trình Bày, Tiểu thuyết thứ Tư xem như đầy đủ. Khác Cornell, muốn vào thư viện phải đóng tiền (26 đô la/tháng). Thư viện là một ngôi lầu rất cao. Có lần tôi đang ở tầng cao nhất thì chuông cứu hỏa báo động. Thang máy ngừng chạy. Chỉ một mình tôi chạy bộ xuống lầu. Và khi xuất hiện, bà xã tôi đứng đợi ở đó, khóc vì quá mừng!
Thường tôi rời nhà đi Cornell vào lúc 4 giờ sáng. Vì đường phần lớn là đường núi, mùa tuyết có khi cách một, hai *feet* cũng không thấy mặt nhau, lại thêm sương mù dày đặc nữa. Đèn pha thì bất lực. Đã thế lại thêm chứng buồn ngủ khi lái xe. Tuy nhiên, (*cười*), mình nguyên là lính thám kích mà. Đêm còn lội nước lụt cả mấy cây số để xâm nhập mật khu, và quà chiến thắng là nồi cơm nấu lở dở của lính Bắc: *Cơm nóng thầy trò ăn đỡ đói/ Ha hả cười cơm của nhân dân…*thì cái chuyện này chỉ là chuyện lẻ tẻ (*cười)*. Khi buồn ngủ quá, ghé quán bên đường, nhìn cô bán hàng Mỹ mặc áo hở ngực mà "mần" thơ: (*rung đùi đọc*)
Tôi mang châu thổ về gieo giống
Trồng lấy trường sơn ở khắp nhà
Lập chiếc am thờ nơi đất mới
Cho những người đã chết hôm qua
Cô hàng đừng cúi. Tôi đâm dục
Nơi này ta phải biết phòng thân
How much, nhìn lên phần vú ngực
Cà phê này tính cả tà dâm…

Còn nữa, như khi trở lại nhà, bên mình là hành trang gồm những bài văn, bài thơ của bạn bè mà mình tìm lại thì lòng vui lắm. Anh hãy tưởng tượng, trở về trong đêm, qua những thị trấn vào mùa Lễ, đèn đuốc được trang hoàng, có lẽ bếp sưởi đang cháy đỏ, tôi không hiểu trong nhà, và ngoài xe, ai ấm cúng hơn ai?

TDN: Nghe anh nói khiến tôi đâm ra thèm làm Thư Quán Bản Thảo và Thư Ấn Quán với anh. Nhất là cái phần*How much, nhìn lên phần vú ngực* của anh.
THT: À, anh có hỏi tôi về cách sưu tầm. Tôi dùng *scanner* và *laptop*. Scanner tuy chậm nhưng đỡ tốn tiền*copy*. Đọc. S*can*. Rồi đọc. Rồi *scan*…. Còn cái màn tìm người xứng đáng để bỏ vào sách thì cũng mất rất nhiều thời giờ. Ví dụ, khi nghe một người nữ độc giả bảo ngày xưa chị có đọc một bài rất hay, đến nỗi bây giờ chị vẫn còn nhớ, là tôi ghi nhận, cố tìm mọi cách sưu tầm cho bằng được. Đó là nhà văn Đào Trường Phúc với bài *Tạ từ* trên Bách Khoa! Và khi tìm được tôi mới hiểu tác giả sáng tác bài văn tuyệt vời này khi ông mới 19 tuổi! Một trường hợp khác là nhà thơ Hoài Lữ với tác phẩm *Mắc cỏ*. Ông tử trận vào năm 20 tuổi tại Bình Chánh, Gia Định. Nhà phê bình Đặng Tiến đã nhắc giùm và tôi đã tốn biết bao thì giờ để tìm tòi cho bằng được.

Sau đó, đến màn đánh máy thì còn gay go gấp bội. May mà có các bạn bè độc giả của Thư Quán Bản Thảo. Họ giúp đỡ chúng tôi tối đa. Anh thử tưởng tượng, với bộ Văn Miền Nam bốn tập trên 2200 trang, nếu một mình tôi mà đánh máy chắc sẽ còn khuya mới xong, vậy mà rốt cuộc, chỉ bốn tháng là hoàn tất nhờ bạn đọc nghe lời kêu gọi của tôi mà tiếp sức. Có sáu người đánh máy, bốn người ở hải ngoại, hai người trong nước!
Riêng về thơ, tôi và anh Phạm văn Nhàn chia nhau đánh máy. Tưởng tượng hai ông lão đều sinh năm 1942, phải ngồi lọc cọc gõ trên 2000 trang cũng phải khủng khiếp lắm chứ !!!

TDN: Đúng là khủng khiếp! Tôi thì lâu lâu mới tự đánh bài viết của mình, mà cũng muốn khùng luôn, huống chi anh. Nếu không có một tấm lòng đối với văn chương, với bạn bè thì quả không làm nổi.
Bây giờ, ta thử quay sang một đề tài khác. Anh vốn là một người lính, đa phần sáng tác của anh đều dính dáng đến đời lính và người lính. Mặt khác, anh cũng giành cho những đồng đội cũ rất nhiều ưu ái. Phải chăng, với anh, chỉ có người lính và đời lính mới đáng cho anh quan tâm trong sinh hoạt văn chương?
THT: Tôi viết về lính, thứ nhất, vì thời chúng tôi – thế hệ chiến tranh- lính là nhân vật chính. Thứ hai, người lính miền Nam bị guồng máy của chế độ Cộng Sản bắt bớ, giam cầm, cho đến đám nhà văn tự hào là ngòi viết trung thực cũng tìm cách bôi nhọ đến độ ghê tởm. Thứ ba, tôi là người lính đánh giặc thật sự, nên cố gắng phơi bày những kinh nghiệm có thật để những người không có dịp tiếp cận chiến trường,thật sự biết thế nào là nỗi lòng của người lính. Sự thật dù là sự thật, nhưng nếu không có ai nói lên sự thật ấy, thì sự thật cũng khó thành sự thật. Trong thời chiến tranh, tiếng nói của người lính chúng tôi đã bị át bởi kỷ luật, lệnh lạc, bởi tiếng nổ, lửa khói, còn trong thời hòa bình, thì bị dập tắt, nếu không nói là bị đè ra, khóa miệng bởi sự trả thù, bôi nhọ một cách hèn hạ. Tôi là nhà văn ở trong cuộc được may mắn, nên dù muốn dù không, phải dùng ngòi bút mình để viết lên tiếng nói ấy.

TDN: Có nghĩa là, đối với anh, chỉ có văn chương trước 1975 của miền Nam Việt Nam, đặc biệt là văn chương về chiến tranh và đời lính, mới đáng được nghiên cứu? Anh đã từng phát biểu ở trang mạng Talawas rằng “Thảm kịch về chiến tranh ở trên quả đất này chỉ bằng một góc của thảm kịch Việt Nam.”
THT: Thưa anh, đáng nghiên cứu lắm chứ. Bởi vì sau 1975, văn chương về người lính miền Nam đã bị tận diệt. Sách vở tạp chí bị đốt hủy thì lấy chứng cớ đâu để nói lên tính cách nhân bản của nền văn học thời chiến. Đáng nghiên cứu, vì bộ máy nhà nước cũng như mấy ông nhà văn nhà thơ trong hàng ngũ thắng trận luôn luôn trắng trợn vu cáo văn chương chúng tôi là văn chương thực dân kiểu mới, là văn chương đồi trụy, nọc độc văn hóa, vân vân để những khối óc ngây thơ luôn luôn bị tiêm nhiễm. Tôi biết có người sẽ bảo chuyện cũ mấy mươi năm rồi vẫn còn nhắc lại, mất thì giờ. Nhưng sự thật ai trả lại cho chúng tôi đây, hở? Ai biện hộ giùm cho những lời vu cáo người lính thám báo được viết trong *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh hay trong *Cõi người rung chuông tận thế* của Hồ Anh Thái? Ai?
Chẳng hạn đoạn sau đây của Hồ Anh Thái trong truyện ngắn vừa nói:
“Cuối cùng, điều Hoa không ngờ đã tới. Cô chỉ nghĩ rằng bọn thám báo sẽ lôi Hùng đi làm tù binh để tiếp tục lấy khẩu cung. Nhưng thằng cầm con dao găm của anh đã cúi xuống rạch một đường thành thạo trên bụng Hùng. Anh quằn quại hét lên một tiếng rùng rợn. Ở trên cao, Hoa nghiến chặt răng gần như ngất đi. Hai thằng kia đè chặt chân tay Hùng cho thằng mổ bụng moi tim gan ra. Chúng nổi lửa nướng tim gan ăn ngay tại chỗ. Hai hột tinh hoàn thì được phân chia cho hai thằng chắc là cấp cao hơn.”
Vai trò thám báo là tuyệt đối giữ bí mật để làm nhiệm vụ săn tin hay chỉ điểm máy bay oanh tạc đơn vị địch. Họ bị đẩy vào những chỗ mà có lẽ mỗi lần ra đi là ít khi có ngày về. Bởi không ai có thể bảo vệ họ được trừ họ. Vậy mà ở đây, cảnh năm tên thám báo bắt một tù binh loại chính qui, nhởn nhơ với một bữa yến tiệc ăn tim gan và tinh hoàn người, giữa thanh thiên bạch nhật, đầy ổ kiến lửa (chúng tôi hay dùng cụm từ này để chỉ một mục tiêu khó nuốt, thường ám chỉ nơi

có sự xuất hiện đơn vị chính qui Bắc Việt). Lại tỉnh bơ nổi lửa đốt cho khói bốc lên để "lạy ông tôi ở bụi này"! Biết viết văn là bịa, nhưng bịa vừa vừa thôi chứ, ông Hồ Anh Thái ơi. Và thiên chức nhà văn ở đâu? Bịa trắng trợn như thế ai mà tin được!
Tôi bỗng liên tưởng đến những giọt nước mắt chảy trên má của người tù binh nào đó của chiến trường Bình Định vào những năm cuối của thập niên 60, như qua bài thơ của Trang Châu sau đây:

Nước mắt kẻ thù
nó bị thương
bị bắt sống
mọi người đòi giết nó:
nó núp trong hầm
với một khẩu tiểu liên
cầm chân cả trung đội:
nó bắn ngã chúng tôi một người
bắn bị thương hai người khác
tôi đọc nét căm hờn
trên những khuôn mặt đồng đội
mọi người đòi giết nó
tên du kích vùng khốn nạn
gài lụu đạn lùm cây bờ ruộng
giết những người bắt cá mò tôm
nó nằm đó
mình bết bùn
máu cánh tay nhầy nhụa
tránh những tia nhìn nổ lửa
những báng súng gờm gờm
nó nằm chờ
một phát súng vào đầu
một lưỡi dao rạch bụng
một cái đạp xuống hố sâu
nó nằm chờ nằm chờ
tử thần
nhưng
chỉ có bàn tay vuốt dịu căm hờn
bàn tay băng bó vết thương
bàn tay vỗ về an ủi
nó nằm chờ tử thần
sững sờ bắt gặp tình thương
đồng loại
đôi mắt sát nhân vụt bỗng hiền từ
nhen hai dòng lệ nhỏ
trong cuộc chiến hôm nay
cho tôi xin chiến đấu không hận thù
xin những vết thương bình đẳng
cho tôi đổi một trăm chiến thắng
lấy một giọt nước mắt kẻ thù

Trang Châu (Bên bờ Kinh Sáng 17-2-67)
(trong *Dấu vết chiến tranh*)

Ôi *cho tôi đổi một trăm chiến thắng lấy một giọt nước mắt kẻ thù*! Còn gì là nhân bản hơn, còn gì tình người hơn. Không phải lời ước ao trên phát xuất từ một y sĩ tiền tuyến là Trang Châu,

nhưng nó phát xuất trái tim của miền Nam. Đó là bản chất của con người. Đó là cõi lòng thấm đầy Chúa và Phật. Không phải như từ trái tim đen từ những kẻ sống chỉ biết căm thù! Và căm thù mãi mãi!

TDN: Đọc một số bài viết ngắn của anh (trên Talawas), tôi có cảm tưởng là anh không có mấy thiện cảm đối với việc phê bình. Lý do chính, theo anh, là người phê bình có khi không hề biết đến hiện thực mà tác giả mô tả. Anh viết: “Phê bình, trước hết anh phải đặt mình vào không gian và thời gian của tác phẩm. Và thứ hai anh phải có ít nhiều kinh nghiệm.” Ở một bài khác, anh viết: “Như vậy, kinh nghiệm là một yếu tố rất cần trong việc phê bình, hay đánh giá một tác phẩm. Có lẽ, nếu nhà phê bình đã từng lội qua những con suối đen và lạnh buốt của Trường Sơn, đã nếm vi trùng sốt rét, buổi xế trưa…”.
Rất dễ dàng đồng ý với nhận xét đó của anh. Tuy nhiên, nếu vậy, liệu ta có thể phê bình một tác phẩm ra đời rất lâu trong quá khứ? Liệu có thể phê bình một tác phẩm mà tác giả ở một xứ khác, một thời điểm khác? Và liệu một người trẻ lớn lên sau chiến tranh có thể viết phê bình về các tác phẩm của chính Trần Hoài Thư? Vì làm gì họ có kinh nghiệm về những gì anh đã kinh qua.
THT: Khi tôi nêu ý kiến này là tôi chỉ đề cập đến các tác phẩm viết về chiến tranh VN. Có một vị phê bình, cho *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh là tác phẩm hay nhất viết về chiến tranh Việt Nam. Tôi nghĩ nếu vị ấy biết rõ về vai trò thám báo của quân đội VNCH, chắc sẽ không bao giờ cho vào danh sách "hay nhất" ấy.
Vì không có kinh nghiệm, mới cho là hay nhất, mới dịch ra tiếng Tây, tiếng Mỹ, mới được dựng thành phim, mới là sách gối đầu giường cho những nhà biên khảo. Tôi nhớ đến một lần, tôi bị một thanh niên Mỹ trẻ cùng làm việc chung, hỏi rất ngây thơ: “Tại sao lính miền Nam lại tàn bạo như vậy?”. Tôi hỏi: “Tại sao mày biết?” "Tôi đọc trong *Nỗi buồn chiến tranh* (Sorrow of war)," anh ta trả lời.
Với anh ta, tôi còn giải thích vai trò thám báo để anh ta hiểu. Còn biết bao nhiêu người khác cũng mang câu hỏi như anh ta sau khi đọc *Sorrow of war*? Còn con cháu tôi? Liệu chúng có cúi đầu mặc cảm là con cháu của những kẻ sát nhân tán tận lương tâm như đã mô tả trong tác phẩm của Bảo Ninh hay Hồ Anh Thái ?

Ông bà chúng ta có câu, nghĩ rất có lý: Không biết thì dựa cột mà nghe. Phải không, thưa anh.
TDN: Tôi đồng ý với nhận xét đó, nhưng dù sao, cũng cần có những nhà phê bình chuyên nghiệp, những người không biết gì ngoài sách vở và chữ nghĩa chứ!
THT: Theo tôi, người phê bình là nhịp cầu mang độc giả đến tác phẩm, hơn nữa là người thay mặt độc giả. Người phê bình là cần thiết, như anh thấy rồi. Chính vì cái lỗ hổng to lớn về tác phẩm nhận định phê bình, mà sau chiến tranh, người đọc cũng như người tha thiết muốn tìm hiểu về nền văn học thời chiến trước 1975 rất khó khăn trong việc tham khảo, để cho những Lữ Phương, Thạch Phương, Vũ Hạnh, Trần Trọng Đăng Đàn hay những bài viết về nhận định, phê bình trên Văn Học Hà Nội làm mưa làm gió… Hễ mở sách ra là "giòng văn học yêu nước cách mạng", là "nọc độc văn hóa", "văn chương thực dân kiểu mới"… Điều này không phải là không có lý vì sách báo tạp chí miền Nam trở thành tro bụi thì lấy gì mà tham khảo! Bởi vậy, khi tìm được bài điểm sách của Trần Hữu Thục viết về tập truyện của Văn Lệ Thiên (Lê văn Thiện) trên tạp chí Tân Văn trước 1975, tôi mừng lắm anh ơi. Mừng là ít ra cũng có một người còn viết về một tác giả trẻ ngoài vòng đai, nhưng buồn là nó rơi vào trong cõi mênh mông quên lãng. Anh biết không, Lê văn Thiện bây giờ là nông dân 100% ở Việt Nam, và anh ấy vẫn còn viết. Mặc dù sau này, ở hải ngoại, có những người cố gắng tìm đến nền văn học thời chiến như Đặng Tiến với những bài nhận định về Nguyễn Bắc Sơn, Vũ Hữu Định, Nguyễn Xuân Thiệp, Từ Thế Mộng, Thơ Miền Nam trong thời chiến v.v..hay Trần văn Nam, Nguyễn Vy Khanh với những nhận dịnh về nền văn học chiến tranh … và ở trong nước có Nguyễn Lệ Uyên với những bài viết về Linh Phương, Phạm Ngọc Lư, Y Uyên, Vũ Hữu Định v.v… Tuy nhiên, họ phải viết trong nỗi khó khăn vì tài liệu, bài vở, báo chí để tham khảo rất hạn chế. Có điều, qua các bài, hay tác

phẩm nhận định ấy, nếu người đọc muốn biết về văn chương và tác giả trước 1975, thì sách báo đâu mà đọc? Lấy gì để chứng minh trong khi sách báo bị tận diệt?
Đó cũng là lý do chúng tôi cố gắng sưu tập những bộ Văn và Thơ Miền Nam. Dù muộn nhưng mà có còn hơn không.

TDN: Trng một bài viết trên Talawas, anh cho rằng "Sự thành công của tác phẩm không phải chỉ tùy thuộc vào năng khiếu ngôn ngữ. Còn có những yếu tố khác tạo thành. (…) trong đống chất liệu bề bộn, người viết văn phải biết cách tuyển lựa những chất liệu thích hợp nhất, giá trị nhất, và phổ quát nhất (…). Sau đó mới nghĩ đến chuyện sử dụng bút pháp." Tôi hoàn toàn đồng ý với anh. Tuy nhiên, anh lại nói thêm : "Như vậy, chữ nghĩa chỉ là phụ. Cái chánh là viết thật, viết đúng, viết bằng hơi thở của mình." Làm sao ta có thể viết đúng, viết thật khi mà ta không biết cách viết? Nghĩa là câu kéo lủng củng, chữ dùng không chính xác, viết sai chính tả…hay không biết cách diễn đạt.
THT : Như vậy anh "chê" các ông Lê Ngộ Châu (Bách Khoa), Trần Phong Giao (Văn) chọn bài à?
Đây là ví dụ cho "bút-pháp-hơi-thở" chẳng văn phạm gì ráo của tôi viết khi đang hành quân:
Xin tha lỗi cho tôi, các bạn. Tôi không còn đủ sáng suốt để sáng tạo câu văn ý lạ. Tôi đang nằm trong quân y viện đây. Đêm buồn lắm. Đêm buồn lắm. Lính của tôi nằm nhiều trong đó. Hai thằng nằm tại nhà vĩnh biệt. Hai thằng mất tích. Và những thằng bị thương đang nằm ở đây. Đêm buồn lắm. Đêm buồn lắm. Ngày hôm đó, ngày 9 tháng 5 thì phải. Mặt trời thì hừng hực lửa. Chỉ có mặt trời mới thấy bọn tôi. Tôi nằm trong bụi, mặt dầm dề máu và đùi găm đầy miểng lựu đạn, cả mông tôi cũng vậy. Tôi nhìn lên cao cầu khẩn Tổ Tiên Ông Bà, Nam Mô Quan Thế Âm Lạy Trời Lạy Chúa. Nhìn mặt trời, cho con sống. Sống. Tôi vùng dậy chạy. Đạn rít dưới chân. Đạn xẹt trên đầu. Tôi lộn nhào. Lê lết. Bò trườn. Tôi nhào xuống bờ suối. Đạn đuổi theo. Nó canh kỹ. Ló đầu ra. Tắc bùm. Thụt đầu vào. Chạy. Lăn.Tội nghiệp thân thể mày chưa, Thư. Gầy ốm thế kia. Cha mẹ nưng niu bồng ẳm nuôi con bây giờ ầm ầm, tạch đùng, bập bập bập, bò, hai cùi tay vấy máu, bò ngửa, bò sấp, bò hai chân, bò hai tay. Bụi gai vừa xê dịch. Tắc bùm. Đ.M, quân chó đẻ. Mày giết tao mày hả dạ lắm sao. Tao để dành viên đạn cuối cùng. Tự sát.
*(*Trích *Nhật Ký Hành Quân,* Trần Hoài Thư, Văn số 114, tháng 9 năm 1968)

TDN: Một đoạn văn như thế không thể bảo chữ nghĩa là phụ được. Nếu chỉ có kinh nghiệm sống không thôi mà không có kinh nghiệm đầy mình về chữ nghĩa, không thể diễn tả chiến trường một cách sống động như vậy. Tôi đã đọc bài viết này của anh hồi đó, trên Văn. Đối với một người được may mắn ở thành phố như tôi, những trang văn nóng hổi như thế của anh, hay của Y Uyên, Phan Nhật Nam, Lê Bá Lăng… viết từ chiến trường quả là một món ăn tinh thần quý giá. Chúng giúp bọn sinh viên chúng tôi biết thế nào là chiến tranh thật sự, là sự gian khổ thật sự của những người chiến đấu, nhờ đó, mà chúng tôi có thể học hành và …đấu láo chuyện trên trời dưới đất.
THT: Cám ơn anh.

TDN: Chiến tranh Việt Nam chấm dứt đã 35 năm. Tất cả đều thay đổi: đất nước, con người, hoàn cảnh. Thế hệ của chúng ta già đi và một thế hệ trẻ, mới toanh lớn lên. Bao nhiêu nước chảy qua cầu. Có những người vẫn viết, vẫn suy nghĩ như cũ. Có những người thay đổi cách viết theo thời gian, theo sự vật và sự việc. Anh suy nghĩ gì về sự đổi mới trong văn chương: cách viết, cách tiếp nhận, cách suy nghĩ…?
THT: Sáng tạo là một việc làm rất cần thiết cho nhà văn/thơ của mọi thời. Dù là ý tưởng hay dù là hình thức. Những bài thơ của Thành Tôn, Cung Trầm Tưởng, Du Tử Lê, Tô Thùy Yên, Viên Linh cách đây 40, 50 năm đã nói lên sự không ngừng làm mới thể thơ lục bát. Và bây giờ, nhờ vào *word, unicode*, hay *photoshop*, hình thức cũng uyển chuyển và linh động bội phần. Tuy nhiên, nếu nói rằng cái chủ đích của tác phẩm là truyền đạt ý nghĩ, tư tưởng mà tác giả cố gắng

gởi gắm đến với người đọc, thì theo tôi, trước hết, đừng nên buộc người đọc phải lao tâm khổ trí mà tìm hiểu. Tôi lấy ví dụ qua một bài tản mạn của tác giả Nguyễn Anh Khiêm về những từ tân… văn hóa:
Sao người ta say mê từ "là" quá trớn trong khi từ này cấm kỵ trong tiếng Việt ngày trước, nhất là không được đặt trước tính từ làm vị ngữ, bổ ngữ vì nó thừa thải, dở tệ.Cũng không thiếu hài hước khi nghe các từ ngữ phát sinh theo nhu cầu bẻ quẹo tin tức như "nới rộng biên độ giá xăng" tức "xăng tăng giá", "điều chỉnh chỉ số giá tiêu dùng" tức "tăng vật giá, "khiếu kiện đông người" là "biểu tình", "ngưng việc tập thể" là "đình công", "nông dân có khó khăn" là "nông dân điêu đứng", "chi tiền chưa đúng đối tượng" là "ăn chặn tiền tết của người nghèo…"
Tôi không hiểu những từ này thuộc loại tân từ hay tân hình thức không, sao mà tôi thỉnh thoảng lại gặp trong những bài thơ mới bây giờ. Cố hiểu nhưng thật khó làm sao !!!

TDN: Thế hệ mới lớn hoàn toàn khác chúng ta trong suy nghĩ, trong đời sống lẫn trong cách viết. Chúng ta có nên để lại cho lớp trẻ gánh nặng quá khứ hay để cho họ sống và viết với hoàn cảnh và thời đại và tâm tình của họ hiện nay y như chúng ta đã từng sống và viết với thời đại và tâm tình của chúng ta trước đây?
THT: Đối với những người viết trẻ, đặc biệt những người viết ở hải ngoại, tôi rất ngưỡng phục. Không ngưỡng phục sao được, khi mỗi ngày 8 tiếng đồng hồ môi miệng họ phải dành cho tiếng Anh, tiếng Mỹ. Họ là những người mang sức sống cho chữ nghĩa, qua kiến thức mà họ du nhập, và qua tấm lòng thiết tha với tiếng mẹ mà họ có lẽ rất khó khăn để gìn giữ. Thơ văn của họ bấy giờ là sự chia xẻ kiến thức, và niềm vui, lẫn học hỏi như môi trường mà họ có mặt, không tháp ngà, không chiếu trên, chiếu dưới… Với lớp già như tôi có vẻ chịu thua, lép vế trước sự không ngừng sáng tạo, đổi mới trên hành trình văn chương chữ nghĩa của họ.
Có điều, đôi khi kinh nghiệm cũng cần thiết lắm chứ. Nếu không cần thiết thì tại sao các công ty kiếm người cần tìm những người có kinh nghiệm hay trong các *resume*, kinh nghiệm được tô vẽ hàng đầu!
Tâm sự quá nhiều. Anh đã đặt cho tôi những câu khỏi quá gai góc, mà trả lời có khi bị hiểu lầm. Nhưng mà tôi chỉ biết bấy nhiêu, trả lời trong tầm hiểu biết giới hạn của mình. Xin anh và bạn đọc có gì đừng chấp trách là tôi dạy khôn. Xin thành thật cám ơn trước.

TDN: Chưa xong đâu, anh Thư. Tôi còn một câu hỏi cuối cùng: dự tính của anh trong những tháng ngày sắp tới?
THT: Sẽ cố tiếp tục sưu tầm và xuất bản các tác phẩm và tác giả sống và viết ngoài vòng đai. Và dĩ nhiên, vẫn viết văn, làm thơ, vẫn in sách của bằng hữu, và của mình, vẫn xúc tiến tạp chí Thư Quán Bản Thảo mặc dù không còn thường xuyên như trước. Tuy nhiên, còn tùy thuộc vào điều kiện sức khỏe nữa. Mấy tháng nay tôi bị "gout", khi bớt, khi phát làm ngăn trở không ít những điều mình mong ước.…
(Thực hiện tháng 3/2010)

Nhà văn Trần Hoài Thư và tác phẩm "Văn Miền Nam Thời Chiến"
Chương trình Văn Học - Nghệ Thuật tuần này Mặc Lâm xin giới thiệu nhà văn Trần Hoài Thư, một cây bút quân đội quen thuộc với độc giả từ nhiều năm qua. Ông cũng là người âm thầm thực hiện một tác phẩm tập trung các cây bút Miền Nam trong thời chiến tranh Việt Nam.
rần Hoài Thư tên thật Trần Quý Sách, sinh năm 1942 tại Đà Lạt. Ông khởi viết từ năm 1960 về nhiều thể loại, trong đó có cả thơ. Những tác phẩm đã xuất bản gồm: Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang, Những Vì Sao Vĩnh Biệt, Ngọn Cỏ Ngậm Ngùi, Một Nơi Nào Để Nhớ, Ra Biển Gọi Thầm, Về Hướng Mặt Trời Lặn, cũng như tập Thơ Trần Hoài Thư….
Nhà văn quân đội
Người đọc hải ngoại biết đến Trần Hoài Thư qua nhiều tác phẩm nói về đời sống quân ngũ cũng như những va đập mạnh bạo của chiến tranh khiến nhiều mảnh đời trôi nổi trong dòng chảy của cuộc chiến. Sau ngày từ trại giam trở về với đời sống, Trần Hoài Thư diễn tả tâm

trạng của ông trong hoàn cảnh lúc đó qua bài thơ "*Ta Bán Cà Rem, Hề!".* Ông lắc chuông ngoài phố như lắc nỗi buồn của thời đại mình và khắc khoải thông báo với nhân quần rằng ông đã trở về đời sống…

Sau 30 tháng 4, văn chương Miền Nam coi như bị bức tử, bị truy diệt, và coi như bị xóa tên, anh cũng biết rồi. Sách vở, có nhiều tác giả coi như là không còn thấy mặt đứa con tinh thần của mình nữa.

Nhà văn Trần Hoài Thư

Ta Bán Cà Rem, Hề!

Ta đã về ôm những nhánh tang thương
Cúi đầu bước đi giữa lòng phố cũ
Con phố của ta, ruột rà trăm ngõ
Sao bây giờ mỗi khúc mỗi đau

Ta đã trở về, bốn năm phù du
Hồn hóa đá, người thành dã thú
Ta dỗ dành ta tai trời ách nước
Thôi đã hết rồi, món nợ tiền khiên

Thì tại sao xin một chỗ chung thân
Cố xứ ơi, cây đào trước ngõ
Ngôi nhà ta, trời ơi bỗng lạ
Con đường xưa, thay đổi não nùng

Ngày xưa Từ Thức trở về, hương bưởi bâng khuâng
Đất trời quê hương dễ thương thế đó
Hôm nay ta trở về, đóng vai ông lão
Đi giữa lòng âm phủ trần gian

Ông lão buồn trong tuổi thanh niên
Ngày tháng lửa binh, già hơn quả đất
Sau cuộc chiến tranh làm tên sống sót
Sau cuộc tội tù đi bán cà rem

Ta bán cà rem hề, ta bán cà rem!
Lắc chiếc chuông đồng, khua vang thành phố
Ôi những hồi chuông lâu rồi đã ngủ
Bỗng hôm nay, choàng dậy, ngỡ ngàng

Quý vị vừa thưởng thức vài đoạn trong bài thơ *Ta Bán Cà Rem, Hề!* của Trần Hoài Thư qua giọng đọc của Việt Long.

Nhà văn Trần Hoài Thư: Tại sao tôi lại được đi vô đời văn chương này, thứ nhứt tôi bắt đầu viết văn, truyện đầu tiên của tôi là truyện "Nước mắt tuổi thơ" tôi gửi cho tạp chí Bách Khoa, tôi nhớ vào năm 1966. Đó là truyện đầu tay của tôi, bởi vì khi đó tôi đã là một sinh viên Đại Học Huế, vào học tôi thấy tấm hình chụp trận Bình Giã, trong đó có hình ảnh một em bé mà chiến tranh làm cho em mất cha mất mẹ, em đã khóc giữa bãi chiến trường như vậy đó, thành ra tôi xúc động quá và tôi viết truyện "Nước mắt tuổi thơ". Lúc đó tôi gửi ngay cho Bách Khoa mà sau đó tôi không ngờ tờ Bách Khoa lại in truyện đó. Kể từ đó tôi bắt đầu viết và sau đó thì tôi bị đi động viên. Tôi đi vào Đại Đội Thám Kích 405 của Sư Đoàn 22 Bộ Binh ở tại Bình Định. Qua những kinh nghiệm chiến trường, qua những gì mắt thấy tai nghe, sống thực trong chiến tranh, tôi đã cầm viết lại và vào khoảng năm 1969-1970 tôi mới bắt đầu in tác phẩm "Anh em ... thức" tại

Phan Rang, in tác phẩm đầu tay của tôi là "Nỗi buồn bơ vơ" tại Hòa Vang. Cuốn đó là cuốn hoàn toàn quay roneo nhưng mà in như typo rất là đẹp. Và tôi nhớ không lầm thì cuốn đó in khoảng từ 1.000 đến 2.000 cuốn. Lần đầu tiên một cuốn sách ở tỉnh lẻ mà in như vậy mà bán hết thì đó là một hiện tượng lạ.
Những tác giả thời thế hệ chúng tôi họ viết một bài rồi có thể sau đó họ ngã gục trên chiến trường, không ai biết được. Có người mới gửi bản thảo về tòa soạn thì tòa soạn nghe tin tác giả đã không còn nữa và bản thảo trở thành bản di chúc cuối cùng.
Nhà văn Trần Hoài Thư

Quá trình thực hiện tác phẩm “Văn Miền Nam Thời Chiến”
Mặc Lâm

Mặc Lâm: *Mới đây ông đã sưu tập được một số lớn tác phẩm của các ngòi bút trước chiến tranh và chuẩn bị cho ra mắt. Quá trình sưu tập, chọn bài, đánh máy lẫn in thành sách như thế nào, thưa ông? Và quan trọng hơn cả là động cơ nào thúc đẩy ông đảm nhận công việc rất vất vả này?*
Nhà văn Trần Hoài Thư: Sau 30 tháng 4, văn chương Miền Nam coi như bị bức tử, bị truy diệt, và coi như bị xóa tên, anh cũng biết rồi. Sách vở, có nhiều tác giả coi như là không còn thấy mặt đứa con tinh thần của mình nữa. Những tạp chí cũ như Bách Khoa, hoặc là Văn, Văn Học, Thời Tập, Nghệ Thuật hoặc là Khởi Hành, hoặc là Ý Thức chẳng hạn, coi như là rất khó tìm. Vấn đề may mắn là chúng tôi ở vùng Đông-Bắc (Hoa Kỳ) này gần những đại học như Đại Học Cornell, Đại Học Yale, hoặc xuống Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ, thì không ngờ họ đã có đầy đủ những cái gì mà chúng tôi đã ao ước, chẳng hạn như những tập Bách Khoa, Văn, Ý Thức, Khởi Hành, hoặc Thời Tập chẳng hạn, hoặc Vấn Đề. Đó là một sự thiệt thòi lớn của các tác giả nếu như chúng tôi không làm thì đó là một điều rất là đáng buồn, vì vậy tôi đã cố gắng bằng hết sức mình và cũng cộng thêm một số anh em khuyến khích nữa, thưa anh, anh em khuyến khích lắm. Trước khi bộ Văn Miền Nam mà tôi sắp sửa hoàn thành thì chúng tôi đã làm được cả nguyên bộ Thơ Miền Nam gồm có Thơ Miền Nam Thời Chiến tập I, hơn 800 trang, Thơ Miền Nam Thời Chiến tập II gần 700 trang, Thơ Tự Do Miền Nam, Thơ Lục Bát Miền Nam, và Thơ Tình Miền Nam, tổng cộng tất cả khoảng 3.600 trang.
Anh thử tưởng tượng mình tự đánh máy, tự layout, rồi tự khâu, tự in lấy bằng tay không mà làm được, không phải dễ dàng, nhưng cũng khó khăn lắm anh ơi! Có điều tấm lòng của mình, mình cố gắng làm, bởi vì mình không làm thì ai làm đây? Mình làm thì có hai phần thưởng: thứ nhất là an ủi tấm lòng của mình, tinh thần của mình, và thứ hai là mình làm để cho con cháu mình thấy rằng "à văn chương Miền Nam là như vậy đó, tình người như vậy đó, nhân bản như vậy đó, cao cả như vậy đó. Nói về nghệ thuật thì rất có giá trị về nghệ thuật như vậy đó. Nếu mình không làm thì rất là uổng.

Mặc Lâm: *Với cuốn “Văn Miền Nam Thời Chiến” thì ông dự định bao giờ ra mắt, thưa ông?*
Nhà văn Trần Hoài Thư: Riêng cuốn Văn Miền Nam Thời Chiến chúng tôi dự trù vào Tháng Mười là in xong, dày khoảng chừng 1.500 trang. Không thể ngờ là khi chúng tôi loan báo thực hiện bộ này thì anh em đã sốt sắng, bạn bè đã sốt sắng, độc giả của chúng tôi đã sốt sắng đến không thể ngờ: người thì đánh máy giùm, người thì sưu tập giùm, thành ra đến bây giờ cuối Tháng Sáu mà đã gần 1.500 trang rồi. Anh tưởng tượng mọi người đánh máy giùm, thật là một niềm cảm động vô biên, đó là sự cảm thông vô bờ bến mà chúng tôi nhận được. Tôi nghĩ rằng không bao giờ làm được bởi vì đánh máy quả là một công trình. Thơ thì mình ham thích mình đánh máy được, nhưng không thể nào 1.500 trang mà một tay có thể đánh máy được.
Nhà văn Trần Hoài Thư:

Mình làm thì có hai phần thưởng: thứ nhất là an ủi tấm lòng của mình, tinh thần của mình, và thứ hai là mình làm để cho con cháu mình thấy rằng "à văn chương Miền Nam là như vậy đó, tình người như vậy đó, nhân bản như vậy đó, cao cả như vậy đó.

Mặc Lâm: *Xin được hơi tò mò một tí, tại sao ông giới hạn các tác giả trong thời gian chiến tranh? Có phải lúc đó hoàn cảnh tạo cho họ có thêm nhiều kinh nghiệm đau thương mà trong thời bình không thể có, phải không ạ?*
Nhà văn Trần Hoài Thư: Giới hạn trong thời chiến bởi vì anh thấy rằng những tác giả trong thời chiến tranh bị thiệt thòi nhứt, bởi vì trong chiến tranh họ đâu có ở Sài Gòn đâu, họ mang balô ra mặt trận, vừa đánh giặc vừa viết. Có người viết một hai bài đăng trên báo, nhưng không có cơ hội để xuất bản, thành ra đây là điều ưu tư nhứt của tôi. Tôi muốn lấy lại danh dự cho họ. Tôi cố gắng sưu tập trong giới hạn những năm trong chiến tranh, vào khoảng năm 1960 vì từ năm này bắt đầu cuộc chiến cho tới năm 1975. Thật ra chúng tôi bây giờ không thể nhớ được, tôi thấy vẫn còn thiếu nhiều lắm. Những tác giả thời thế hệ chúng tôi họ viết một bài rồi có thể sau đó họ ngã gục trên chiến trường, không ai biết được. Có người mới gửi bản thảo về tòa soạn thì tòa soạn nghe tin tác giả đã không còn nữa và bản thảo trở thành bản di chúc cuối cùng. Thành ra không thể nào tôi có thể nói được, có thể sắp đặt được đầy đủ.

Mặc Lâm: *Ông chọn tác giả theo tiêu chuẩn nào? Đã có tác phẩm hay chỉ là những bài viết đã được xác định bởi các tờ báo uy tín?*
Nhà văn Trần Hoài Thư: Chúng tôi đã xét lại cái chuyện nổi tiếng. Nổi tiếng có phải là có tác phẩm nhiều? Nhiều khi một thi sĩ có một bài thơ, chỉ có một bài thơ mà nổi tiếng suốt cuộc đời. Thành ra vấn đề đặt ra quá bao quát, tuy nhiên, chúng ta nên nghĩ đến vấn đề đặt ra là sự cô đơn và sự bất hạnh của người viết ở hoàn cảnh đó. Và thứ hai nữa khi họ đăng báo, nhứt là trên tạp chí thời gian bấy giờ, thì các vị chủ bút cũng như thư ký tòa soạn, họ đã có một ban tuyển lựa, họ đã chọn kỹ rồi. Vấn đề đặt ra là chúng tôi đọc lại, chẳng hạn một người có 9-10 bài thì chúng tôi chọn một bài mà chúng tôi nghĩ rằng thích hợp với chúng tôi, tuy nhiên chúng tôi nghĩ độc giả cũng sẽ thích bởi vì trước đó các vị chủ bút cũng như các vị thư ký tòa soạn của các tạp chí đó đã đọc và đã tuyển chọn rồi.
Nhà văn Trần Hoài Thư cũng như nhiều người yêu văn chương khác đang âm thầm cống hiến công sức của mình để trả lại cho nền văn học tuy ngắn ngủi nhưng không kém sinh động vì thực chứng một giai đoạn bi thảm nhất trong lịch sử cận đại. Nền văn chương này nói như Trần Hoài Thư là cải tử cho nó sau khi bị truy diệt tận tình trong những ngày sau 30 tháng 4…

Hành trình Tạp chí Văn Nghệ

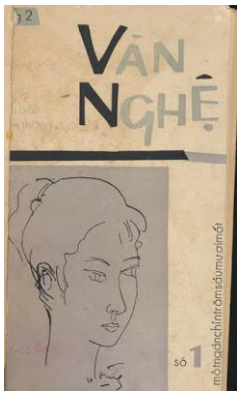

Tóm tắt
Tạp chí Văn Nghệ được xuất bản dưới hình thức nguyệt san, chuyên về văn học nghệ thuật. Chủ nhiệm Lý Hoàng Phong. Từ số 1 đến số 4: thư ký Ngọc Dũng. Từ số 5 trở đi, thêm vào Phi Ích Nghiễm coi về phần trị sự.

Tạp chí gồm hai thời kỳ.

Từ 1 (tháng 2-61) đến số 24 (tháng 6&7-63) được xem là Bộ cũ.
Sau số 24, tạp chí ngưng 4 tháng, và phát hành trở lại, gọi là bộ mới. Bộ mới chỉ có 2 số. Số 1 Bộ mới tháng 11-63, tức số 25, và Số 2 Bộ mới tháng tháng 12-1963, tức số 26. Sau đó tạp chí đóng cửa vĩnh viễn. Không rõ nguyên do.
Khác với hai tạp chí trước nó là Sáng Tạo và Hiện Đại, ra đời và hiện diện trên văn đàn khi miền Nam vẫn còn yên ổn, còn Văn Nghệ có mặt trong một thời kỳ nhiễu nhương, bất ổn, dẫn đến sự cáo chung của nền Đệ nhất Cọng Hòa với việc tổng thống Ngô Đình Diệm và em là cố vấn Ngô Đình Nhu bị phe quân nhân giết ngày 1-11-63. Trong khi đó mức độ xâm nhập người từ miền Bắc càng lúc càng nhiều. Chiến sự không còn ở mức độ lẻ tẻ nhưng có tính cách qui mô, trận địa chiến điển hình là trận Ấp Bắc (2-1-63).
Riêng về mặt văn học, Văn Nghệ phải chứng kiến một cái tang rất lớn là việc văn hào Nhất Linh tự tử (7-7-63) để phản đối chính quyền đàn áp đối lập.

Văn nghệ số cuối cùng

Văn Nghệ và những đóng góp
Văn Nghệ ra đời mang theo thông điệp và tiếng nói. Tiếng nói ấy là cảnh cáo cái họa Cọng Sản (CS), là kêu gọi các nhà văn có kinh nghiệm với CS đừng nên lơ là, kêu gọi giới trẻ đừng bắt chước "Chín Hổ" hay "Lâm Thợ điện" đốt tuổi trẻ trong phòng trà, nhà nhảy, nổi loạn, cuồng loạn hư vô....
Trong Lời Mở Đầu, Văn Nghệ đưa ra mục đích và chủ trương của tờ báo, với những chữ mang đầy khí thế của những "chiến sĩ văn hóa":
"...Trong những năm tháng lịch sử này, chúng tôi muốn tạp chí sẽ là nơi phát động một phong trào sáng tác phấn khởi và hào hùng, là nơi thúc đẩy một phong trào văn nghệ tham dự vào đời sống, tham dự vào cuộc chiến đấu chung của dân tộc, của thế giới ngày nay, cho một tương lai sáng sủa hơn, cho một chân lý chân thật của tự do và hòa bình..."

Ở đoạn cuối của Lời Mở Đầu, Văn Nghệ lại thêm một lần lập lại bốn chữ *tranh đấu văn nghệ :*
"...Chúng tôi muốn nói rằng cuộc chiến đấu của văn nghệ hôm nay cũng là cuộc tranh đấu của dân tộc để tồn tại và trưởng thành với thế giới. Chúng tôi nghĩ thế và khởi đầu."

Hãy thử vào nội dung từng số, thử họ có thực hiện được hoài bão và con đường họ theo đuổi không ?
Không. Họ chỉ gióng lên tiếng nói. Bằng những bài tham luận của Lý Hoàng Phong, Nguyễn Thạch hay những bài viết của Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Trung hay Cung Trầm Tưởng... Chúng lạc loài giữa những tên tuổi mà nội dung chẳng liên quan gì đến chủ trương của tạp chí. Số 1 là số xuân Tân Sửu :Gồm bài vở của Kiêm Minh, Anh Oanh, Ngọc Dũng, Tô Thùy Yên, Song Hồ, Viên Linh, Trụ Vũ, Trần Dạ Từ, Chế Vũ, Vương Tân, Quách Thoại, Đoàn Ngọc Quỳnh, Nguyễn Sỹ Tế, Dương Nghiễm Mậu, Thao Trường, Võ Phiến, và một truyện dịch của Ernest Hemingway.
Sau đó, chúng ta thấy thêm những tên tuổi người viết khác như: Doãn Quốc Sỹ, Đỗ Quí Toàn, Lê Huy Oanh, Nguyễn Trung, Nguyễn Hữu Đông, Trần Đức Uyển , Trần Thy Nhã Ca, Sao Trên Rừng, Cung Trầm Tưởng, Trường Duy, Trần Lê Nguyễn, Vĩnh Lộc, Thái Tuấn, Sơn Nam, Lê Xuyên, Hoàng Bảo Việt, Nguyễn Thạch, Phan Nguyên, Lam Giang, Đinh Nhật Tiến...

Hầu hết nếu không nói là đại đa số những người cộng tác đều ở SG và quen thuộc trên các tạp chí văn nghệ như Sáng Tạo, Hiện Đại.
Người đọc nhìn vào chỉ hình dung ra những tuyển tập văn chươngkhông hơn không kém. Không thấy một trang diễn đàn văn học. Nếu có chăng là ý kiến của 8 nhà văn về truyện ngắn trên số 23.
Chính người chủ trương cũng nhận ra điều này nên bắt đầu số 8, Văn Nghệ cải tiến, chú tâm vào nội dung gần gũi với thực tại và thể hiện tính chiến đấu trong mặt trận văn hóa hơn. Ví dụ số 18 trong bài**Vùng nổi loạn hư vô và những phòng trà đêm,** nhà văn Dương Nghiễm Mậu hô hào:
Xã hội bất công ư ? Hãy nổi dậy lập lại công bằng. Cai trị áp chế hà hiếp ư ? Hãy lật đổ. Văn hóa suy đồi ư ? Hãy phá bỏ... Nô lệ ư ? Hãy dứt tan xiềng xích ..
.
Văn Nghệ và Saigòn
Văn Nghệ ra đời vào tháng 2 năm 1961 sau khi Hiện Đại hết nguồn tài trợ phải bị bức tử. Nó được ra đời tại Saigon nhưng không phải là một Saigon kiểu như của Sáng Tạo:
...Sài gòn thủ đô văn hóa Việt Nam: Không phải là một danh từ, một câu nói xuông nhạt. Không phải là một ảnh hình trừu tượng. Không phải là một ảo tưởng mong manh còn nằm trong ngày tới xa thẳm. Không phải là một ý niệm khát khao đợi chờ. Đã là một thực thể, được minh định : Văn Hóa Việt Nam thực hiện hôm nay và sẽ được kiện toàn trong ngày tới đã có được một trung tâm xuất phát và sinh thành : Thủ đô Sài Gòn.
(Mai Thảo: Sai Gon Thủ đô văn hóa VN, Sáng Tạo số 1)
Hay như Saigon của Nguyên Sa trên tạp chí Hiện Đại tập 4 chủ đề Đêm Saigon phát hành vào năm 1960:
Thủ đô của một thành phố bao giờ cũng hiện ra trong tâm tưởng những con người ngang dọc trên khắp các nẻo đường đất nước với hình ảnh của một viên ngọc quí. Nó chói sáng, nó có một hào quang, một sức điện hấp dẫn ghê gớm. Người đi trong cuộc đời quay cuồng trong không gian thành phố với những con đường lớn, bé dựa vào nhau, những âm thanh, những sinh hoạt, đổi thay liên tục, cũng như người đứng nhìn thành phố ấy từ đồng rộng, núi cao đều dành cho thành phố này những tình cảm thân yêu, sâu mạnh....
hay một Saigon của Hoàng Anh Tuấn với vũ trường và điệu nhạc tắt đèn :
Nhạc đỏ, xanh rồi điệu nhạc tắt đèn
Hoài Phương, khóc bằng những dòng tóc rối
Rượu đã cạn, lòng chưa vơi giả dối
Màu áo vàng chưa cởi hết bơ vơ
Bước chân nghiêng rót xuống nhạc tình cờ
Một bóng tối ôm lấy cành ánh sáng
Ngực đã ấm nhưng tình còn lẻ bạn

Vòng tay ôm dư một quãng gần nhau
Hoài Phương ơi! Sao chẳng mối tình đầu
Cho điên loạn mang thêm màu êm dịu
Sao câu nói khàn khàn và nũng nịu
Vẫn vương vương nhiều quá vũ trường đêm
(Màu mắt trong đến, Hiện đại tập 4)

Nhưng với Văn Nghệ, Saigon thì khác. Ta tìm thấy Saigon như thế này, trong một bài viết của Dương Nghiễm Mậu vào cuối năm 1961::
Nếu có ai đến gặp tôi và hỏi : Sàigòn bây giờ ra sao, thanh niên họ sống ra sao ? một câu hỏi chúng ta thường gặp nơi những thư từ ở nước ngoài, hoặc tỉnh xa, có thể của một thanh niên đang chiến đấu ở Cà Mâu, Hậu giang hay miền Trung xa xôi, tôi sẽ không biết trả lời làm sao cho đúng được tinh thần câu hỏi. Bây giờ Sàigòn ra sao ? Sàigòn đang kiến thiết những building cao ngất, đang mở những con lộ mới, đang giải tỏa những khu nhà ổ chuột thiếu vệ sinh, đang mở chiến dịch phòng bệnh uốn ván, dịch hạch, đang phát khởi phong trào cứu giúp đồng bào Thượng lánh nạn Cộng sản, đang thành lập khóm chiến lược, đang xây dinh Độc Lập - cũng như ở Sàigòn bao nhiêu Snach Bar đang mở ra nhan nhản với những lời rao cần nữ chiêu đãi viên trẻ đẹp biết ngoại ngữ, cùng những lời rao nhận con bỏ rơi ở bệnh viện nhi đồng, ở giữa phố - Sàigòn một thành phố quốc tế, một thủ đô, một nơi đang là một xã hội phức tạp - làm sao để có thể nói bây giờ Sàigòn ra sao ? Thanh niên họ sống ra sao ? Câu hỏi này đi liền với Sàigòn lại càng khó nói - nhưng có điều tôi muốn người hỏi hãy trở về Sàigòn - lúc đó tôi sẽ hướng dẫn người đó thăm Sàigòn để biết đời sống thanh niên - mà việc đầu tiên ở Sàigòn ban đêm tôi sẽ dẫn người đó tới thăm phòng trà : Đó thanh niên Sàigòn, một bằng chứng sống động.
Nhưng tôi chẳng quên thưa rằng : đây chỉ là một khía cạnh, một số trong thành phần đời sống Sàigòn, trong lúc bấy giờ ở Sàigòn - còn có những thanh niên trong các khóm chiến lược đang tuần phòng giữ an ninh, còn có những thanh niên đang ngồi trong các lớp học đêm, đang chăm sóc đời sống gia đình, đang làm việc thêm để đi học, để giúp đỡ đàn em, .. cũng như còn có những thanh niên đang lởn vởn đi bắt bò lạc ở bến tầu, xa lộ... đang đi tìm động ở Ngã ba Chú Ía, ngã năm Bình Hòa, Lăng Cha Cả. . . Nhưng tôi chưa muốn gặp họ - hãy tới phòng trà để biết cái thành phần ăn chơi, cái đám thanh niên có chút học thức, có phương tiện đang làm gì đời sống của họ... Người anh em của tôi, hãy tạm quên bao nhiêu lời hô hào, bao nhiêu răn dạy chúng ta đã biết, hãy trút bỏ khuôn mặt nhà thờ, hãy quên cộng sản đang bắn giết đồng bào chúng ta - quên hết, quên hết, hãy đóng vai một kẻ lãng du vô tổ quốc, hãy mang theo cho mình như ảo ảnh một tên linh lê dương đánh mướn - hay tự cho mình như một kẻ chinh phục tây phương đi tìm thuộc địa vô vọng... hãy tự cho mình như một dân du mục... hãy tự cho mình như một chính khách bảo hoàng của Châu Âu cổ kính đang thất quốc lưu vong với một mối hận trong lòng... khi đó người anh em hãy tới thánh đường của những đệ tử ăn chơi Saigòn....
(Dương Nghiễm Mậu: Vùng nổi loạn hư vô và những phòng trà đêm, Văn nghệ 18 tháng 11-1961)

Văn Nghệ với thực tại xã hội
Văn Nghệ đã cất lên tiếng nói. Tiếng nói khi thấy một xã hội bị thoái hóa và kẻ thù là Cộng Sản đang lăm le rình rập chờ cơ hội là vồ chụp miền Nam. Nhớ rằng thời gian ấy là năm 1961, 1962 và 1963.
Chúng ta nhận ra tiếng nói ấy trong những bài viết của Lý Hoàng Phong, Nguyễn Thạch, Dương Nghiễm Mậu, Cung Trầm Tưởng, Nguyễn Trung:
Một năm qua, mỗi lần ngồi trước bàn viết, chúng ta lại gặp thấy trên mảnh giấy trắng cái thực tại đỏ cháy chúng ta đang sống, cái thực tại ám ảnh, vướng mắc tâm não chúng ta như hồn quỉ lẩn khuất, cái thực tại âm ỉ, lở lói như một vết thương không hàn gắn được...
(Lý Hoàng Phong: Đứng trước thực tại - Văn Nghệ 8&9 Mùa xuân 1962)

.....

Tại sao qua gần hai chục năm chúng ta không có một tác phẩm tiêu biểu ? Bảy năm trời nay chúng ta làm gì : chúng ta xa lánh thực tại. Với nhiệt tâm của kẻ chiến đấu, tôi không muốn bị Cộng-Sản nó đẩy xuống biển. Tôi đang tìm lấy đối tượng, tôi phải làm lại sinh khí. Tôi phải góp sức vào cuộc chiến đấu này. Tôi đã nhìn thấy những lỗi lầm dù còn lầm -nhưng tôi còn can đảm để nói ình lầm và tiếp tục cuộc hành trình.

(Dương Nghiễm Mậu. *Nhật Ký*. Văn Nghệ số 8 tháng 9&10 năm 1961)
Đối với những nhà văn đi trước, Văn Nghệ đặt vấn đề với họ:
" Phần lớn những tác phẩm đầu tay của Mai Thảo, Doãn quốc-Sỹ, Võ-Phiến.. đều có một thái độ rõ rệt đối với con người và chế độ cộng sản. Ngoài ra Vũ khắc-Khoan, Mặc Đỗ, Nguyễn-sĩ-Tế, Thanh-tâm-Tuyền, Quách-Thoại v.v... đều đã nói lên tiếng nói chống cộng của họ. Nhưng cách đây mấy năm, tiếng nói ấy có vẻ lạc lõng giữa một xã hội thái bình mà cộng sản là một kẻ vắng mặt không ai nhìn thấy"
(Lý Hoàng Phong - Đứng trước thực tại số 8&9)
Với giới trẻ, Văn Nghệ kêu gọi hãy nhập cuộc, sau cái chết của “Chín Hổ” :
Sự tích “Chín Hổ” đã chấm dứt trong cái lãng quên lạnh lùng của cuộc sống. Nhưng cái ở lại muôn đời trên xa lộ Saigon - Biên hòa là bầu trời miền Nam này khi nắng khi mưa, khi xanh cao khi mù thấp.
Ở lại cùng với niềm hy vọng của những người thương yêu thực sự tuổitrẻ. Hy vọng những Chín Hổ tương lai sẽ ngừng tự sát bằng những xuẩn động, mang máu, mồ hôi, nước mắt của mình, thôi nhuộm đỏnhững phiến đá đỏ cằn cỗi ở vệ xa lộ, mà tưới vào huyết mạch của xứsở, cày thêm những ruộng lúa, trồng thêm những đồn điền cao su, những cao nguyên cam, khai thêm những rừng hoang, dựng thêmnhững đập Đa nhim, khơi thêm những kinh đào... Hy vọng xa lộ Saigòn - Biên hòa thôi là tử lộ của tuổi trẻ để trở thành huyết lộ của những đoàn xe tấp nập chở hoa màu lục tỉnh, cao nguyên vào thủ đô.
(Cung Trầm Tưởng: ernest hemmingway trong đấu trường và chín hổtrên xa lộ sai gon-biên hòa, Văn Nghệ số 8)
...Hỡi những anh em của Chín Hổ, Lâm Thợ Điện, hỡi những đệ tử của phòng trà ban đêm, hỡi những kè lưu vong ngay trên quê hương xứ sở có biết chăng anh em đang nổi lọan trong hư vô nơi phần đất nhược tiểu khốn khó của Á Châu này ? Đó là bà mẹ Việt Nam khốn khổ trong chiến tranh chia cắt thiên tai của thời hiện tại...
(Dương Nghiễm Mậu: Vùng nổi lọan hư vô và những phòng trà đêm, Văn nghệ 18 tháng 11-1961)
Rõ ràng, chủ trương và quan niệm về văn chương của Văn Nghệ khác với Sáng Tạo hay Hiện Đại. Văn Nghệ đã mở cánh cửa để nhìn sự thật, sự giả, và sự cần thiết của một cuộc cách mạng văn học.
Cách mạng ở đây được Lý Hoàng Phong - chủ nhiệm kiêm chủ trương - giải thích rõ trên số 8 tháng 10 năm 1961:
“cách mạng không phải chỉ là sự thay đổi một chế độ, Cách mạng là sự đổi mới tư tưởng, đổi mới xã hội, ..
(...) Cách mạng và văn học vì thế thường đi theo nhau. Vì văn học cũng như cách mạng đều muốn đổi mới tư tưởng, đổi mới xã hội...”

“Chúng ta không đọan tuyệt với cái cũ để theo ông thầy Tây Phương như ngày trước. Chúng ta đòi xét lại những giá trị cũ. Chúng ta tìm lấy trong cái cũ những giá trị mới, chúng ta đổi mới cái cũ. Văn hóa cũ, đạo đức cũ, phong tục cũ có những giá trị bất biến và cần được đổi mớ để tồn tại.”
Riêng về việc du nhập tư tưởng Tây Phương, ông nhận định như sau:

“Tư tưởng triết học, văn hóa, chính trị, xã hội của họ, chúng ta học hỏi với tinh thần phê phán độc lập... Ngày nay chúng ta không còn thói quen xem Tây Phương là ánh sáng tuyệt đối của văn minh và Đông phương là bóng tối mịt mù của thoái hóa...”

Văn Nghệ có mặt trong ba năm, với 26 số. Mặc dù nó không thực hiện được chủ trương mà tạp chí luôn luôn hô hào là tranh đấu cho nghệ thuật mới hay tạo nên một diễn đàn văn học như tờ báo đã vạch trên số 1. Mặc dù tiếng nói của nó không được lắng nghe, nhưng ít ra nó cũng thể hiện được trách nhiệm và lương tâm của người cầm bút. Nó mang văn chương nghệ thuật lại gần với xã hội hơn, thay vì nó quay mặt lại xã hội như Sáng Tạo hay Hiện Đại đã làm.

Văn Nghệ và khuyết điểm

Theo tôi, Văn Nghệ có hai khuyết điểm sau đây, khiến tờ báo bị cô lập bởi lớp trẻ chúng tôi. Thứ nhất là Văn Nghệ không chịu tìm tòi khám phá tài năng. Không mở cửa rộng đón nhận những ngọn gió lạ. Chỉ khăng khăng chừng ấy tên tuổi. Để người đọc thấy nhàm chán. Nếu bảo là không có tài năng mới thì tại sao các tạp chí như Văn, Khởi Hành, Bách Khoa, Vấn Đề, Trình Bày, Thời Tập, Ý Thức lại tấp nập những người viết mới ?

Thứ hai, Văn Nghệ không có tế nhị trong việc cư xử giao tế với người cọng tác hay những người muốn cọng tác. Ví dụ nhà văn Song Linh, dù có bài văn trên Văn Nghệ số 2, và là một biên tập viên quen thuộccủa Hiện Đại vẫn được xếp bên cạnh những tên tuổi vô danh tronghộp thư độc giả nhận được. Trong khi những tên tuổi khác, mà nhà thơ Viên Linh cho là chẳng tài năng gì như Vương Tân, Ngọc Dũng thì được dành chỗ trang trọng nhất. (xin đọc phần sau). Làm sao họ có thể gởi bài cọng tác nếu họ nhận được câu trả lời phũphàng như thế này: *Hy vọng bạn còn nhiều cố gắng*.(Số Xuân) (trả lời nhà thơ Sương Biên Thùy).

hay: *Gởi thêm cho sáng tác mới nếu có* (trả lời Hoang Vu, bút danh của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng VN số 5). Trả lời kiểu ấy ai lại không tự ái. Ai lại chịu cọng tác chứ ?.

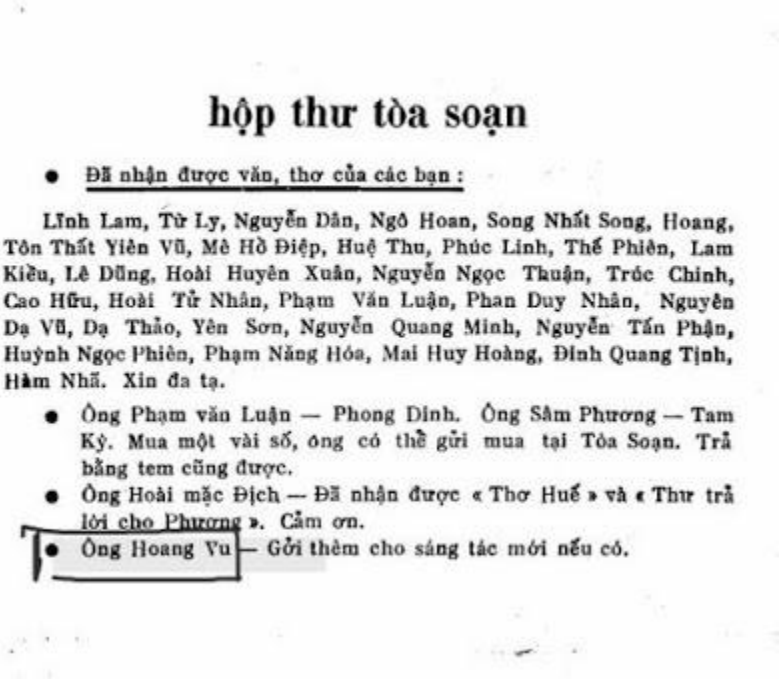

hộp thư tòa soạn

● Đã nhận được văn, thơ của các bạn :

Linh Lam, Từ Ly, Nguyễn Dân, Ngô Hoan, Song Nhất Song, Hoang, Tôn Thất Yiên Vũ, Mê Hồ Điệp, Huệ Thu, Phúc Linh, Thế Phiên, Lam Kiều, Lê Dũng, Hoài Huyên Xuân, Nguyễn Ngọc Thuận, Trúc Chinh, Cao Hữu, Hoài Tử Nhân, Phạm Văn Luận, Phan Duy Nhân, Nguyên Dạ Vũ, Dạ Thảo, Yên Sơn, Nguyễn Quang Minh, Nguyễn Tấn Phận, Huỳnh Ngọc Phiên, Phạm Năng Hóa, Mai Huy Hoàng, Đinh Quang Tịnh, Hàm Nhã. Xin đa tạ.

● Ông Phạm văn Luận — Phong Dinh. Ông Sâm Phương — Tam Kỳ. Mua một vài số, ông có thể gửi mua tại Tòa Soạn. Trả bằng tem cũng được.

● Ông Hoài mặc Địch — Đã nhận được « Thơ Huế » và « Thư trả lời cho Phương ». Cảm ơn.

● Ông Hoang Vu — Gởi thêm cho sáng tác mới nếu có.

Có lẽ rút từ bài học của Văn Nghệ, nên sau này, nhà văn Trần Phong Giao khi làm thư ký tạp chí Văn, đã nhắm vào độc giả miền Trung và những cây bút trẻ ngoài vòng đai Saigon. Ngay cả

trả lời thư tín, ông cũng rất cẩn thận. Những người viết quen thuộc ít khi thấy để tên chung với người viết chưa quen mà để vào một cột riêng biệt. Luôn luôn thực hiện tuyển tập những cây bút trẻ. Nhuận bút được trả đồng đều, sòng phẳng không phải chỉ có những tác giả ở SG mới được ưu ái.
Một ví dụ thứ hai là tạp chí Khởi Hành do nhà thơ Viên Linh chăm sóc. Ông đã biết cách biến KH là một diễn đàn chung tập trung những khuynh hướng dị biệt. Người đọc thời ấy không thể nào quên những trang báo đầy ý kiến của độc giả từ khắp nơi gởi về đóng góp, sôi nổi, đông đảo... Lý do là ông biết sức mạnh đến từ đâu, chỗ nào. Không phải là SG. Không phải là những cây bút thời danh nằm ở ngay SG mà ở những người trẻ ngoài SG.
Bởi vậy, tạp chí Văn, Khởi Hành được lưu hành rộng rãi, được giới trẻ yêu mến. Trái lại số lượng phát hành của Văn Nghệ thì giới hạn, thỉnh thoảng lại trưng cầu ý kiến bạn đọc hay kêu gọi sự ủng hộ của bạn đọc.

Thơ Văn Nghệ
Giống như Sáng Tạo, loại thơ tự do tràn ngập suốt 26 số báo Văn Nghệ. Ít thấy loại thơ vần. Trừ vài bài lục bát của Viên Linh hay một hai tác giả nào đó lạc lõng. Người đọc phải nổ cả đầu về loại thơ bí hiểm, cao siêu, chẳng mang chút gì lời hịch hay “tính chiến đấu” mà người chủ trương đã hô hào trong Lời Mở đầu số 1:
"...Trong những năm tháng lịch sử này, chúng tôi muốn tạp chí sẽ là nơi phát động một phong trào sáng tác phấn khởi và hào hùng, là nơi thúc đẩy một phong trào văn nghệ tham dự vào đời sống, tham dự vào cuộc chiến đấu chung của dân tộc, của thế giới ngày nay, cho một tương lai sáng sủa hơn, cho một chân lý chân thật của tự do và hòa bình..."
Ví dụ những đoạn thơ sau đây, chẳng mang phấn khởi hào hùng khí phách chút nào:
Màu xanh đỏ của em chỉ làm tôi nổi giận. Tôi phùng mang tai tôi thở phì phò. Thôi hãy kêu hãy hót. Thôi nghe mình xài đỡ giác quan.
(Viên Linh : tháng 5 ở Saigon, Văn Nghệ số 15)
....
khẽ cho dĩ vãng
sâu trong rừng hoang
với tuổi xanh hờn dỗi
với thân này ngã xuống
lá khô bồi đất đen
(Trần Thy Nhã Ca - bài đơn ca . Văn Nghệ số 7 tháng 8-61)
....
chết đi em, chết đi em
Ở đấy là thiên đường mà con sáo già không hát lên, ngôi tượng trinh bạch và tội lỗi dẫn vào bằng lũ côn trùng vô hình, em sẽ chết

Chết đi em, chết đi em
Vì đó, không ai cãi cho em, đi thẳng vào và em sống trọn một người khi vinh quang ào đến ngợp tràn. Em sẽ chết hay không, sần sượng và câm trơ hơn núi, chúng ta và sự lỡ tay đều làm bằng cẩm thạch cho riêng mình.
(Nguyễn Nghiệp Nhượng - Cái ghế đá của gió - VN số 7 tháng 8-61)

Cũng kiếp ngựa nhưng là ngựa rằn nên không thể cưỡi, tôi mở con đường máu cho tâm khảm thoát thân.
Khỏi bề mặt của cuộc đời bình lặng

Tôi trang bị hoài nghi mà thám hiểm tương lai, ngày một lạc sâu vào hoang địa - nỗi chán chường cứ trải rộng ra, và vòm trời như nắp áo quan bằng cẩm thạch
(Tô Thùy Yên - Lễ tấn phong tình yêu. Văn Nghệ số 8 tháng 9&10-61)
.
Đêm bắt đầu khi bóng người đàn bà
với hai cục máu nhà con
xung quanh thành phố chết
(nơi chúng ta đi qua - VN số 15 tháng 5-1962)

Mới đây, trên báo Người Việt, khi đề cập tạp chí Văn Nghệ, nhà thơ Viên Linh đã đưa ra trường hợp của hai người có thơ đăng nhiều nhất là Vương Tân và Ngọc Dũng để giải thích tại sao Văn Nghệ ít được nhắc nhở, và lý do tại sao hai nhà thơ trên không được truyền tụng:
(...) Ở Văn Nghệ số Xuân 1961, thơ Ngọc Dũng cũng in ở đầu số báo như số trên (ba bài ở trang 10), thơ Vương Tân kế tiếp ở trang 16, thơ ông này chỉ chấm hết ở trang 29, nghĩa là dài tới 14 trang thơ của ông thôi, trên đầu lại có tranh minh họa riêng của Ngọc Dũng. Có vẻ hai nhà thơ này là thi sĩ nòng cốt của tờ báo, tất phải hay. Ta hãy đọc nguyên một bài của Ngọc Dũng: Bài “Vết Chém:
Như đợt thủy triều rớt xuống / Bỏ lại cồn cát không / Như nước biển đầy dâng vĩnh viễn / Mà cánh tay vòng ôm suốt thân.” (trang 10). Và thơ của thi sĩ nòng cốt thứ hai, dài tới 14 trang trong số Xuân chỉ dày 103 trang như đã nói: “Giáo Đầu: lịch sử những hoang mang / với mối sầu chia cắt / loài chim di trốn rét / vỗ đôi cánh mùa xuân / thành phố ngọn đèn vàng / và mắt người ngái ngủ / hàng rào dây kẽm gai / với con tầu phạm xá”
Bài thơ chỉ có thế, không lên hoa chữ nào và không dấu chấm dấu phảy. Vài chục năm sau thơ hai vị đó không thấy ai truyền tụng, và người ta biết đến Ngọc Dũng nhờ ông là họa sĩ, chứ không phải vì ông là nhà thơ. Điều nòng cốt để tìm hiểu: họa sĩ Ngọc Dũng chính là thư ký tòa soạn của tờ Văn Nghệ.
(Viên Linh: *Văn Nghệ, trong và ngoài tòa soạn, nguồn: nguoivietonline***)**..
Quí bạn nào muốn đọc toàn bài viết này cứ google search : "*Văn Nghệ, trong và ngoài tòa soạn***"** là có thể đọc ngay.

Thật sự, không phải riêng Vương Tân và Ngọc Dũng là có thơ đăng nhiều mà có cả nhà thơ Viên Linh. Suốt 26 số, thơ tự do của VL tràn ngập. Người đọc cứ nghĩ ông là cột trụ của Văn Nghệ.
Khi ông phê bình thơ Ngọc Dũng “không lên hoa chữ nào” nhưng thật sự thơ ông cũng thế. Ví dụ bài thơ “ảo tưởng của thằng nam nghèo khổ” đăng trên Văn Nghệ số 5, dài đến 3 trang. Chữ hoa, dâu chấm, dấu phẩy cũng rất hiếm thấy!
Riêng những bài lục bát của ông đăng trên Văn Nghệ (số 4 tháng 5-61) thì hoàn toàn chẳng hoa hòe, chấm phết gì ráo. Nhưng theo tôi, đó là những bài thơ hay nhất tôi được đọc trên suốt 26 số Văn Nghệ. Xin được đăng lại bản gốc để chứng tỏ là hoa hoè, chấm phết không phải là yếu tố quan trọng ở việc phê bình thi ca:

bài kim xuyên bis

mưa trời nhỏ hạt trên vai
mình tôi đứng đợi nghe dài tiếng than
cây yên xế bóng thu vàng
cột chon von nối đôi hàng giây thưa

em ơi vui một đêm hè
mai xa thành phố hây giờ thức trông
mâu đi rời rạc thân buồn
vi vu trong tóc một hồn tử sinh

đời đi quẩn quại trong mình
thôi em mai chịu hai ngành héo hon
phút giây trời đất hao mòn
đêm sâu ghế trống khói hun rạp rồi

em ngồi đây nốt đêm vui
mai xa phố bỏ quên đời thanh niên

khi còn ở chùa phú thạnh

lối đi cỏ mộng thân dài
cây cao lá rặng ngủ hoài muôn năm

sương rêu nến đỏ từ trần
vân khô tay ẩm tuột dần tương lai

sớm linh thiêng lt tuổi trời
áo choàng vai rộng xuống đời tây du

khi ra biển mặn đêm thu
tôi đi tôi lại bóng mù thinh không

(trich Tạp chí Thư Quán Bản Thảo số 67, 12-2015, chủ đề giới thiệu tạp chí Văn Nghệ)

Trần Hoài Thư với Thư Quán Bản Thảo & Thư Ấn Quán
Nguyễn & bạn hữu

Trần Hoài Thư là nhà văn/nhà thơ được nhiều người biết đến và yêu mến. Một điều nữa khiến người ta càng thương quý và cảm phục anh hơn, đó là anh đã bỏ công sức và cả tiền bạc với tất cả tấm lòng ra phục hồi và lưu giữ văn học Miền Nam.
Như một nhà báo đã nói: *"Không ai yêu và quý văn học miền Nam Việt Nam bằng Trần Hoài Thư, anh là người sống ở hải ngoại, không có nhiều phương tiện, nhưng đã bỏ ra hàng ngàn giờ để nghiên cứu, sao chép, và đóng thành sách những tác phẩm không còn xuất bản nữa." Mà đó lại là "một công trình", chỉ để "tặng bạn hữu khắp nơi."*

Chính Trần Hoài Thư xác định: *"Tạp chí Thư Quán Bản Thảo và hầu hết các tác phẩm do Thư Ấn Quán xuất bản đều được rao: "Chỉ tặng khi có yêu cầu". Có nghĩa là chúng tôi chỉ gửi đến quí vị nào muốn đọc, chứ không tặng bừa bãi. Đổi lại, họ cho chúng tôi tấm lòng ưu ái ân cần. Chính cái tình giữa người đọc và tác giả mới quan trọng".*Có những người đọc ở Mỹ về nước, tìm đến tác giả mà thăm hỏi. Khi bão lụt, những người đọc hỏi thăm qua chúng tôi về tình trạng người viết trong nước ra sao. Họ giúp người cầm bút cũ miền Nam trong nước hiểu được là anh em không bị bỏ rơi, sáng tác của họ vẫn được đón nhận ở hải ngoại.

Trần Hoài Thư tâm sự: *"Tôi kể ra đây một trường hợp để nói lên cái tình sâu đậm này. Một người cựu sĩ quan nhảy dù gởi thư đến chúng tôi cần tìm tác giả bài "Biên cương hành" là nhà thơ Phạm Ngọc Lư để tỏ lòng cám ơn, vì năm 1972, khi anh bị thương trên đồi Thường Đức ở Quảng Nam, trong lúc chờ trực thăng tới bốc, anh đã đọc bài thơ này trên Văn, và có ý nghĩ viết thư tỏ lòng cám ơn sau khi về hậu cứ vì bài thơ đã diễn tả đúng với tâm trạng anh lúc ấy. Giờ đây, được đọc lại trên TQBT, anh muốn nhờ chúng tôi tạo nhịp cầu. Và mới đây, hôm 11 tháng 3/2010, thêm một người đọc nữa hỏi thăm về nhà thơ Lê văn Trung. Anh ấy kể đã thuộc những câu thơ của Lê Văn Trung trong tù và mang trong tâm trí đến bây giờ".* Nói tóm lại, TQBT ít ra cũng là một mái nhà còn lại cho anh em cầm bút cũ tìm đến, nương tựa, gìn giữ nhau.

Về nguồn tài trợ, Trần Hoài Thư cho nhà báo biết: *"Nguồn tài trợ ở đâu? Xin trả lời: người đọc. Họ tiếp trợ tạp chí qua tem thư hay những món quà lì xì vô điều kiện. Và nhất là chúng tôi có thể in số lượng tùy theo nhu cầu của người đọc từ phương pháp "Print-On-Demand" (In theo yêu cầu), cộng thêm cái nhà in mà tôi tự lập, từ những program mà tôi tự viết, với những sáng kiến mà tôi tự nghĩ hầu in ấn được mau chóng, tự động hóa. Đó là lối đánh giặc nhà nghèo anh à.*

Nói thì nói thế, chúng tôi cũng có bán. Các sách bán là các bộ sách dày, in ấn rất tốn kém, lại đòi hỏi công sức rất nhiều như bộ Văn Miền Nam, bộ Thơ Miền Nam. À quên nữa, có một cuốn rao bán là "Tuyển truyện Y Uyên", mục đích để lấy tiền làm quỹ cho việc tu bổ tượng đồng nhà văn Y Uyên. Khi số tiến ấn định đã đạt, chúng tôi ngưng bán ngay."

Về cách thức làm việc, Trần Hoài Thư cho biết: "Tôi may mắn sống 'gần' thư viện đại học Cornell University, yêu sách, tự học đóng sách, và cứ thế mà tôi làm ngày này qua tháng nọ… Ban đầu cũng thất bại, không có tiền xuất bản, chỉ cặm cụi làm, nhờ có kinh nghiệm điện toán, nhưng chỉ để tặng bạn bè. Dần dần có người biết, đặt làm, và coi công việc như niềm vui sau khi về hưu.

Trần Hoài Thư nói là sống "gần," nhưng thực ra lái xe từ Plainfield, New Jersey, nơi nhà văn Trần Hoài Thư cư ngụ, đến đại học Cornell University ở Ithaca, New York, cũng phải mất năm giờ đồng hồ.

Trần Hoài Thư kể: *"Ban đầu, một người bạn, nhà thơ Thành Tôn, đề nghị tôi nên lập tài liệu sưu tầm văn học miền Nam Việt Nam. Tôi liền vào Internet tìm kiếm, thấy đại học Cornell University có một kho tàng sách in tại miền Nam Việt Nam trước năm 1975 rất đồ sộ. Thế là tôi rủ vợ lái xe lên đó, vào thư viện tìm tòi, quả đúng thật như vậy."*

"Mỗi lần đi phải thức dậy từ 3 giờ sáng, lái năm tiếng đồng hồ mới đến nơi, chiều lái năm tiếng về nhà, hai vợ chồng thay phiên nhau lái, cứ thế mà đi. Có ngày trời tuyết cũng đi, vì không thể ngồi nhà. Thấy kho sách ở Cornell không thể ngồi yên được," ông kể tiếp.

Ban đầu, ông photocopy từng trang sách, 25 cent mỗi bản, mang về nhà đóng lại thành sách, riết rồi không chịu nổi, ông phải tìm cách khác.

Trần Hoài Thư kể: *"Cứ tính đi, 25 cent mỗi tờ, tiền nào chịu cho thấu. Thế là tôi mua chiếc máy scan. Mỗi lần đến thư viện, tôi và vợ cùng nhau scan những trang sách, lưu vào máy điện toán mang về. Ban đầu đóng và cắt bằng tay, riết rồi chịu cũng không xuể. Thế là tôi tự chế máy đóng sách dã chiến. Dần dần rồi quen. Còn khâu đóng sách thì vẫn làm bằng tay."*

"Đối với tôi, những tác giả trong thời chiến là thiệt thòi nhất. Họ đâu có ở Sài Gòn, họ phải ra mặt trận, vừa đánh trận vừa viết, không có cơ hội để xuất bản. Thỉnh thoảng có một bài đăng báo là vui rồi. Rồi họ bị bức tử năm 1975, không ai đếm xỉa đến văn chương của họ. Tôi muốn lấy lại danh dự cho họ. Và công việc này vẫn chưa kết thúc," nhà văn Trần Hoài Thư tâm sự. "Có đêm ngủ không được vì sách chưa đóng xong, tôi lò mò xuống garage, đóng tiếp. Khi xong rồi, cầm cuốn sách trên tay, sung sướng làm sao."

Ông nói tiếp: *"Tự đánh máy, tự layout, tự khâu, rồi tự in bằng tay, chẳng dễ dàng gì. Có điều, đó là tấm lòng của mình, nên cố gắng làm. Nếu không thì ai làm đây? Khi làm, tôi cảm thấy mình có hai phần thưởng. Thứ nhất là an ủi tấm lòng và tinh thần của mình. Thứ hai là làm để cho con cháu mình sau này thấy văn chương miền Nam là vậy đó, tình người vậy đó, nhân bản vậy đó và cao cả vậy đó. Nếu mình không làm thì rất uổng."*

Những tài liệu trên là ghi theo Đỗ Dzũng, báo Người Việt. Gần đây, trong năm 2010, Trần Doãn Nho đã phỏng vấn Trần Hoài Thư về hai công trình song song - một là Thư Quán Bản Thảo (TQBT) và một là Thư Ấn Quán (TAQ). Đó là hai cách gọi của cùng một công việc hay là để chỉ hai việc khác nhau? Trần Hoài Thư trả lời: *"Hai tên để chỉ hai công việc khác nhau. Chúng tôi có hai cơ sở.*

Một là Thư Quán Bản Thảo, tạp chí văn học nghệ thuật. Và một là Thư Ấn Quán, cơ sở xuất bản. Thư Quán Bản Thảo là một tạp chí. Số 1 được thực hiện xong vào tháng 10-2000, dày khoảng 100 trang. Ban chủ trương gồm 4 người, mà ba người đều tuổi ngựa (sinh năm 1942). Khi báo chuẩn bị gửi thì biến cố 9/11 xảy ra. Tôi phải tháo bìa làm lại, thêm trang phụ bản về hai tòa nhà "TWIN TOWERS" đang ngùn ngụt trong lửa khói. Thư Quán Bản Thảo số ra mắt, như thế, mang một dấu ấn lịch sử rất đặc biệt. Từ 100 trang cho số 1,2, tăng lên 200 trang cho số 3, và số mới nhất (41): 255 trang!"
Nhà phê bình Đặng Tiến cũng đã hơn một lần ca ngợi công lao và thiện chí của Trần Hoài Thư. Trần Yên Hòa viết:*"Tôi đọc hết những tập do Thư Ấn Quán in và xuất bản, gởi tặng tôi, tôi mới thấy công trình của nhà văn Trần Hoài Thư thật đáng cảm phục và cả tấm lòng đối với văn học miền Nam trước bảy lăm. Những bạn văn thuở ấy, bây giờ sống ở trong nước vất vưởng như những chiếc bóng. Không người nào ngóc đầu lên nổi nếu không chấp nhận phục tùng chế độ. Một Trần Dzạ Lữ thuở nào với thơ ngợi ca màu tím Huế, cô gái Huế thì bây giờ suốt ngày đứng dang nắng giữ xe đạp ở chợ Trần Hữu Trang, Phú Nhuận. Một Hà Nguyên Dũng bịnh lên bịnh xuống, không làm được gì ra tiền. Cả gia đình chỉ còn mong chờ vào nồi xôi của người vợ, bán buổi sáng, ở trong hẻm một con đường nhỏ Ngã Tư Bảy Hiền. Một Đynh Trầm Ca gần ba mươi năm sống lang bạt ở Sài Gòn, cố tìm một mái ấm cho gia đình mà không tìm được, cuối cùng anh phải "quy cố hương", về lại Vĩnh Điện nới có ngôi nhà của người mẹ để lại.*

Cho nên Trần Hoài Thư, với tấm lòng muốn tìm lại những người bạn cùng thời xưa, một thời đi lính, một thời viết văn, làm thơ, in lại những tác phẩm của họ rồi tặng không cho thân hữu, bạn bè hay độc giả yêu thích văn chương, đó là một tấm lòng đáng trân quý biết là dường nào."

Nói về niềm vui tinh thần có được, Trần Hoài Thư viết trong bài *"10 ngọn nến cho ngày sinh nhật Thư Quán Bản Thảo".*

"Từ đó, cánh cửa như những trang sách tiếp tục mở ra. Mở ra cho những niềm vui nho nhỏ nở thêm hoa, thêm búp. Mở ra để chúng tôi biết rằng, hành trình mà chúng tôi đang theo đuổi là có bạn bè, độc giả luôn luôn có mặt bên cạnh. Từ đó trước lạ sau thành thân thiết. Có bạn đọc từ số 1 đến bây giờ. Có bạn mới nghe và gởi thư yêu cầu tặng sách. Có bạn tận Phan Rí Cửa ở Việt Nam. Có cháu ở Hà Nội xin Thư Quán Bản Thảo cung cấp về Thanh Tâm Tuyền. Có người sinh viên khoa Ngữ Văn ra trường hạng Ưu và gởi thư cám ơn Thư Quán Bản Thảo về những tài liệu "Di sản văn học miền Nam". Có bạn ở Úc xin số chủ đề Y Uyên, Nguyễn Bắc Sơn. Có anh ở Cali hỏi Văn, Thời Tập. Có cô em hỏi Chàng Nho Sinh dưới Gốc Tùng của Lữ Kiều. Có bạn tình nguyện bỏ công đánh máy hay tình nguyện giúp sửa lỗi chính tả... Rồi những trang mạng như Talawas.org, Damau.org,
vanchuongviet.org mong chúng tôi hợp tác về những chủ đề di sản văn học miền Nam... Chúng tôi cám ơn họ, và trong những lá thư, chúng tôi bảo là rất vui vì họ đã giúp chúng tôi khỏi... thất nghiệp."
Phạm Văn Nhàn cũng ghi nhận trong "Thư Quán Bản Thảo Mười Năm":

"Mười năm với 44 số. TQBT đã làm được nhiều số chủ đề với những cây bút miền Nam, như: Tưởng nhớ Y Uyên (TQBT 18). Nguyễn Nghiệp Nhượng (TQBT 19). Võ Hồng (TQBT 21). Tưởng nhớ Vũ Hữu Định (TQBT 23). Hoài Khanh (TQBT 24). Nguyễn Nho Sa Mạc (TQBT 26). Tưởng nhớ Phan Nhự Thức (TQBT 27) Tưởng Niệm Từ Thế Mộng (TQBT 29). Nhà thơ Trần Dzạ Lữ (TQBT 32). Giới thiệu ba người viết cũ: Nguyễn Lệ Uyên, Hoàng Ngọc Châu, Nguyên Minh (TQBT 31). Một thời Ý Thức (33). Ngoài ra mỗi số chúng tôi cũng đưa ra những tiêu đề cho mỗi số và truy tầm những tư liệu rất có giá trị từ thư viện Cornell của Hoa Kỳ mà ít có những ai làm báo bên Mỹ bỏ công tìm kiếm. Như số chủ đề Trường Xưa (TQBT 35) tìm lại những Đặc San Gia Long. Chu văn An, Nhận Diện (Gò Công). Giai phẩm xuân Trương Vĩnh Ký. Én Trắng của trường Lê Văn Duyệt. Trưng Vương, Duy tân Phan Rang. Xuân Phan Thanh Giảng. Giai phẩm Quốc Gia Nghĩa Tử… tập chủ đề này đã đem lại nhiều thích thú cho đọc giả. Họ nhìn lại những kỷ niệm thời học trò."

Nhìn lại chặng đường gian khó và công trình đồ sộ của Trần Hoài Thư, chúng ta chỉ còn biết cúi đầu cảm phục. Chúc Trần Hoài Thư *"chân cứng đá mềm".*

Viết về Trần Hoài Thư
Lại Quảng Nam

Anh tên thật Trần Quí Sách, sinh ngày 16.12.1942 tại Đà Lạt. Nguyên quán Quảng Bình. Khởi viết năm 1960. Anh có người cha (1) rất tuyệt mà mỗi khi nhắc đến là anh lại trào nước mắt, bởi lúc nào trong lòng anh không thể nào quên được cái hình ảnh tuyệt đẹp khi người cha già năm xưa ngồi quạt cho anh ngủ trong buổi trưa hè nóng nực của miền Trung oi bức vì gió ngọn gió Lào quái ác, ngọn gió mang hơi nóng như thoát ra từ lò lửa. *"Người ta thường nói về một người mẹ như một hình ảnh yêu quí nhất, tôn thờ nhất, dịu hiền nhất, nhưng với ba, cho con được ngừng lại một giây, một phút, để cho nước mắt cứ tuôn, để đôi mắt con mờ nhạt, để hiểu rằng con được tự hào có một người cha còn tuyệt vời hơn cả một người mẹ nữa. Có lần con thấy con gà trống dẫn đàn con đi kiếm mồi, con vật sao cô đơn quá. Nó có mồng, cựa, bộ lông sặc sỡ, uy dũng hiên ngang làm sao, thế mà cứ mỗi lần tìm được mồi, nó lại kêu tục tục, gọi đàn con đến… Cũng như ba. Tục tục hoài. Hết tay này quạt lại đến tay kia quạt trong những đêm mùa hè dưới mái nhà tôn. Chiếc mền đắp lại trên người con, trong đêm giá buốt. Và đôi khi, giữa đêm, con còn nghe tiếng ba nằm mớ".(THT, Người cha)* Do bối cảnh lịch sử Việt Nam vào lúc ấy, cộng với hoàn cảnh chiến tranh Việt Pháp giữa thập niên 50, (41-49), khiến cha con anh có một thời gian phải xa nhau, đó là điều không may. Anh phải chịu một đoạn đời tuổi thơ

với những ký ức không mấy vui. Nhờ trời Cha con anh đoàn tụ và sau đó người cha già đã dồn hết tình thương ở tuổi xế chiều của mình cho người con trai rất mực thông minh này. Anh được cắp sách đi học lại tử tế. Anh theo học ĐHKH HUẾ, vừa học vừa đi dạy rồi cũng bị động viên vào quân trường Thủ Đức như đa phần nam nhi thời ấy. Do không thân thế, anh bị đẩy ra chiến trường. Người sĩ quan trinh sát trẻ luôn cận kề với cái chết hằng giờ, hằng ngày trong một cuộc chiến tàn bạo và thảm khốc nhất của địa cầu vào hậu bán thé kỷ 20 mà lòng chẳng chút hận thù đối phương.

Những tháng ngày sau 75, sau khi "được đi học tập cải tạo" về, gia đình anh điêu đứng. Anh là người phải lo miếng cơm manh áo cho gia đình, "nghề gì bây giờ?, nghề lính trinh sát thì anh phải trả giá bằng chừng ấy năm tù đày, nghề viết văn thì anh thì anh đã cạch và đó cũng chẳng phải là nghề kiếm cơm trong thời buổi này, "Lập thân tối hạ thị văn chương", nghề dạy học năm xưa?, "mà ai cho anh đi dạy!"; thôi thì khi đói đầu gối phải bò. Anh đã theo bè bạn học nghề bán dạo cà rem ở Cần thơ, một nghề mới rợi của một ông giáo sư toán từng dạy đệ nhị cấp tại đất học Quảng Nam văn vật!. Có việc gì mà phải tự ái, khi mà những đồng tiền kiếm được hoàn toàn làm lương tâm ông Giáo sư toán yên ổn. Bố vợ anh là một thầy giáo già rất có tiếng tại Cần Thơ, vị thầy đã đào tạo không biết bao nhiêu người học trò thành đạt cho vùng đất này từ thập niên 40,50 của thế kỷ trước. Địa linh nhân kiệt, có một người học trò tử tế của bố vợ anh, nhớ ơn Thầy xưa, họ đã cho gia đình anh một xuất vượt biên trên chiếc ghe nhỏ trong cuộc hành trình đổi đời. Anh làm gì có tiền.
Ngay ngày ra đi Anh đã gây lộn kịch liệt với Chị trước mặt con và hàng xóm, để rồi tối đó anh thầm thì dặn chị sau vườn *"nếu lỡ sau này mà không có tin anh, Em cứ lấy ngày ra đi này làm ngày vọng nhớ đến anh. Anh thề bao giờ cũng lẩn quẩn bên Em và bên con để độ trì phù hộ"*. Ôm vợ vào lòng, vỗ lưng, và đặt lên trán vợ cái hôn đầm đìa nước mắt. Anh ra đi như một cuộc chạy trốn tử thần, vị thần mà ngày xưa thời lính tráng họ đã quên tên nhau. Ngày hòa bình trở lại anh lại biết sợ ông này!
Ở hiền gặp lành, ông trời có mắt! Đợi chờ biết đến bao giờ. Sống mà như đã chết, sống làm gì. Chết thì thôi! Ai cũng có số phần. Chị liều mạng dẫn thằng bé ra đi tìm cha. Một mẹ một con, mấy lần tưởng chết vì đói khát vì cướp biển. Cuối cùng họ đã đoàn tụ. Đến Mỹ họ sống nhờ vào lòng tử tế của người Mỹ bản địa. Do cả hai vợ chồng đều có cha cùng là nhà giáo, "gien" nhà nòi nay có dịp được hồi sinh. Họ làm việc tối tăm mặt mũi. Anh ban ngày đi làm, ban đêm đi học lại. Chị cũng vậy. Chỉ có học mới đổi đời. Cuối cùng anh đã đỗ MS về toán tin học tại Hoa kỳ. Một cuộc vượt thác ngoạn mục! Thằng bé năm xưa trong lần vượt biên với mẹ tưởng đã vùi thây đáy biển khi nó đeo toòng teng trên mạn thuyền trong một ngày sóng lớn, chị muốn té xỉu ngay lập tức và khóc ngất van xin, nay đã là một bác sĩ tài hoa tại Hoa Kỳ. Anh đã có cháu nội. Anh đã kể lại cuộc đời có thật của anh trong vài truyện ngắn, và trong tập truyện vừa "Hành trình của một cổ trắng." Hy vọng sẽ được in ra rộng rãi như là một kinh nghiệm sống của một thế hệ sinh ra trong giữa thập niên 1940 -1950.

Tôi đã chép lại các bài này và gởi đến cho các con tôi, các em tôi thuộc thế hệ 8x, 9x như là một trong những điển hình về sự thành đạt của một lớp đàn anh của mình. Tôi muốn chúng biết và buộc chúng phải biết rằng đã có những con người như thế đang lập nghiệp tại quê người. Tôi cứ tự hỏi mãi, rất nhiều những người Việt tại Mỹ thành đạt là do đâu. Đa phần trong cuộc đời họ là lính chiến, đa phần học lực của họ ở mức tú tài hai, tuổi thanh xuân của họ bị chiến tranh vò nát. Họ đến Mỹ với hai bàn tay trắng, với vợ con đùm đùm đề đề. Họ hành trình ra sao trong cuộc đổi đời này? Tôi tự tìm câu trả lời không biết đúng sai bao nhiêu %. Thế hệ này ngày ấy, khi đi đến trường họ chỉ được học kỹ về lịch sử của tiền nhân qua những bài học ngắn về lịch sử thường lấy ra từ quyển lịch sử của cụ Trần Trọng Kim, và họ làm quen với văn chương qua các bài học thuộc lòng, mở đầu năm lớp đệ thất (lớp 6) bậc trung học là bài *"Tôi đi học"* của Thanh Tịnh, và các bài học trích từ truyện của Thạch Lam (Gió đầu mùa), Khái Hưng (Anh phải sống, Hồn bướm mơ tiên), Nhất Linh (Đoạn tuyệt), cùng vài bài trích từ "Tâm hồn cao

thượng" của Hà Mai Anh. Họ học những bài văn dễ hiểu, mượt mà đẫm tình người, tình yêu cha mẹ, tình yêu thương ông bà. Lời văn dễ hiểu, lời văn không nhiều từ Hán Việt cõi trên. Tinh thần học văn vào lúc ấy, vừa học vừa thưởng thức văn chương do các vị giáo sư được đào tạo bài bản và thật sự họ cũng yêu văn chương. Họ tìm được sự thú vị với những giờ học văn như vậy. Họ phê phán, khen chê bài viết hay bài viết dở, đúng sai, được cái là giáo sư không hề thù vặt, đì học trò. Giáo sư không bao giờ phê học bạ trả thù, và có lẽ học bạ cũng chỉ dành khi đi xin học bổng du học. Các thầy giáo dạy họ được cha mẹ họ gọi với lòng tôn kính là "Thưa Giáo sư". *Ông Giáo sư* chứ không phải là *Anh Giáo viên* như bậc tiểu học. Giáo viên là viên chức làm nghề dạy, nhưng Giáo sư là người có cái đầu tự học và họ biết mình phải dạy cái gì cho học trò. Giáo sư chắc chắn có sự liêm sỉ riêng, lòng tự trọng riêng khi họ được gọi là giáo sư. TCS là một giáo viên và chưa hề là giáo sư. Một khi tên gọi đã khác thì tư cách người thầy cũng đã khác, nên lớp học trò cũng khác. Cho nên các bạn trẻ 8x ,9x, các bạn cũng không nên quá kinh ngạc về sự thành đạt của lớp người này. Các bạn trẻ có kinh ngạc chăng là khi các bạn không thể nào hiểu được nhờ ở nội lực nào mà họ viết văn hay đến như thế, văn mượt mà đến như thế, dễ hiểu đến như thế, cho dù đa phần trong số họ không phải là dân chuyên văn, có thể họ là dân Ban A, Ban B. Họ học văn lúc nào vậy ? Lý giải điều này tôi cũng chịu thua, nhưng tôi biết chắc một điều là ngày ấy về văn phạm về ngữ pháp hầu như họ học rất ít. Từ bậc tiểu học cho đến tú tài họ học rất ít về văn phạm, lối phân tích ngữ pháp tuồng như không đặt nặng trong Việt văn thời đó. Họ học Văn phạm và ngữ pháp nhờ những buổi trả bài cho thầy về giờ Pháp văn, Anh văn từ đó họ mang vào văn phong Việt. Một kiến thức đi đường vòng. Và họ chẳng biết gì nhiều về văn học Trung quốc, nhưng con người họ rất đông phương. Họ nghĩ về quê cha đất tổ khi về già, họ mang tấm lòng ấy về với cộng đồng Việt, đó cũng là cách trả nợ và thương nhớ quê hương. Cũng cùng là người Việt nhưng một khi phong thổ khác thì cây xanh cho hương hoa, trái ngọt cũng khác! Anh THT cũng là một trong số những người như thế. Có lẽ chuẩn bị kỹ nên lúc anh được 60 tuổi, cũng là lúc anh lao vào việc văn chương. Với sự giúp tay của chị, Anh cặm cụi xây dựng tờ Thư Quán Bản Thảo vào cuối năm 2001, như là một cách trả nợ người thân…

. Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang (Ý Thức)
. Những Vì Sao Vĩnh Biệt (Ý Thức)
. Ngọn Cỏ Ngậm Ngùi (Ý Thức)
. Một Nơi Nào Để Nhớ (Con Đuông)
. Ra Biển Gọi Thầm (1995)
. Ban Mê Thuộc Ngày Đầu Ngày Cuối (1997)
. Về Hướng Mặt Trời Lặn (1998)
. Thơ Trần Hoài Thư (1998)
. Mặc Niệm Chiến Tranh
. Ở một nơi trên Trường sơn (tập truyện, 2008)
Anh chủ trương tạp chí "Thư Quán Bản Thảo" xuất bản định kỳ, từ năm 2001 đến nay đã được 37 số, và tủ sách Di Sản Văn Chương Miền Nam ….

&&&

Tìm đọc thêm truyện ngắn Người Cha,
của Trần Hoài Thư, trên mạng

Xin mời quý độc giả đọc một truyện của Anh

XÓM SLUM
TRẦN HOÀI THƯ

Tôi đang trở lại Logan, Bắc Philadelphia. Đây là đường Old York. Đây là dãy phố lầu xám cũ. Đây là ngã tư, đèn xanh đỏ. Đây là tiệm giặt. Và văn phòng địa ốc Somershoe, mà không một người tị nạn nào lại không biết tên, hay gắn liền với cuộc sống. Tiền thuê nhà phải trả vào đầu tháng. Những lần than phiền về heat, điện hay nước. Ông nội, ông già, hay người con trai Somershoe, ba thế hệ chuyên môn sống bằng nghề địa ốc. Và đối diện với văn phòng địa ốc là ngôi lầu 4907, tầng hai. Chiếc xe trolley đã chạy qua, âm vang lách cách. Những tia lửa xẹt chạm trên hàng dây điện trời. Lũ bồ câu đã bay rợp trên những mái nhà rêu cũ. Màu tường vôi vẫn chưa quét thêm lớp vôi mới. Thêm hai tiệm tạp hóa của người Miên. Và mùi mắm bồ hóc bốc nồng nàn trong không khí. Những người mặc xà rông đi lại trên vỉa hè. Cảnh cũ đã không còn nữa. Những bóng hình Việt Nam năm xưa đã biến mất. Và bây giờ nhường khu Logan này cho một sắc dân khác. *Như đầu tiên là người da trắng, kế đến là Do Thái, đến Mỹ đen, rồi Việt Nam, và bây giờ là Miên*…Nếu còn giống chăng là những ụ rác, những vỉa hè dơ bẩn, vẫn cái bóng nghèo nàn thiếu ánh sáng từ một nơi được mệnh danh là slum, đến nỗi những người tị nạn phải gọi là Lò Gan. Ngã tư này, dưới cột đèn này, hôm nào những người tị nạn Việt Miên Lào Mông đã từng tụ tập trong những đêm về sáng để chờ những chuyến xe bus đưa về các nông trại xa. Từ căn lầu hai, tôi có thể nghe tiếng cười nói bằng những ngôn ngữ khác nhau rộn ràng trong một đêm về sáng. Tôi nhớ đến những chuyến xe bus đầy ngập người qua khỏi cầu Delaware, về những vùng thôn dã, và những nông trại táo, cherry, lê, mận trùng trùng điệp điệp… Khi xe vừa dừng là đám người túa ra, chạy tìm chỗ tốt. Chỗ tốt ở đây có nghĩa là một khu vực sai quả, để họ có thể thu hoạch nhiều hơn và dĩ nhiên là sẽ nhận tiền nhiều hơn. Cái giá này ai nói là giá nô lệ khi ai ai cũng tự nguyện. Vâng, mỗi năm cứ đến vào mùa hè, những người dân tị nạn lại nao nức trở lại nông trại cũ như những đứa bé trở lại trường trong ngày tựu trường…Chẳng ai thắc mắc về những bài báo nói về bóc lột mồ hôi nước mắt của các trại chủ, hay các tên cai thầu… Chẳng ai nghĩ đến thân phận bi thảm trong thời kỳ nô lệ xa xưa…

Bây giờ tôi đang trở lại. Trên một tầng lầu nào trước mặt tôi, cánh cửa vẫn còn đóng kín. Không biết có gia đình nào ngụ ở đấy hay không. A, tôi nhớ ra rồi. Cái bóng tôi ở đằng sau khung cửa sổ trên lầu hai ấy. Cái bóng hôm qua trong căn phòng ít ánh sáng. Chiếc giường bố đặt bên cạnh vách tường. Chiếc bàn dùng làm bàn viết, học, khách. Cái sàn ván thông đánh màu verni vàng bóng. Và khung cửa sau nhà bếp nhỏ hẹp, để tôi có thể nhìn qua nhà láng giềng, gọi nhau ơi ới bằng tiếng nước mình. Và lũ gián trong đêm. Và cả đám chuột lộng hành. Và những ngày tắt heat, hay những buổi heat mở tối đa khiến cửa sổ phải mở toang. Từ cõi nhỏ hẹp bần hàn đó, mấy năm, với giá tiền thuê rẻ mạt chưa hề tăng, chúng tôi đã sống, để nếm thế nào là giọt lệ đầu tiên của người tị nạn. Bạn bè ít ai dám bén mảng thăm viếng. Họ nghe Logan như nghe một điều gì đó hãi hùng. Khu đen. Khu drug. Xe bị đập cửa kính. Bánh bị đâm thủng ruột. Một người đàn bà tị nạn sắp bị hiếp. Vợ tôi bị đập, xô mấy lần trong những buổi sáng sớm đón xe đến hãng. Tôi bị đám thiếu niên rượt ngay sau khi vừa ló đầu lên miệng hầm subway. Tiệm tạp hoá Đại hàn dưới lầu tôi thuê thỉnh thoảng nửa đêm bị phá cửa. Cảnh sát cảnh cáo tôi đừng bận tâm lý do chủ tiệm đã có bảo hiểm lo lắng dùm. Đó, Logan, hay Lò gan là như thế. Như thế, tại sao tôi lại bâng khuâng như một kẻ đã gởi vào đây nhiều kỷ niệm. Như thế, tại sao tôi cứ nghĩ là chính nơi này là một phần trong đời sống của tôi. Đâu có gì để phải nhắc lại khi nhục nhằn, hoạn nạn, và những đám mây u ám một thời? Đâu có gì để nói về một slum. Đâu có gì để phải kể lại cái bóng tôi một trưa nào trong ngôi nhà thờ Mỹ trong khu, khi tôi phải nương cậy vào Ơn Trên để ban cho tôi có đủ nghị lực. Lần đầu tiên tôi đã đến nhà thờ, dù tôi chưa bao giờ thuộc ngay cả một lời kinh căn bản nhất. Tôi đã nhắm mắt. Cầu gì. Con tôi thơ ngây nói về tên giáo viên người Đại Hàn tình dục bệnh hoạn phụ trách lớp ESL. Làm sao cho con tôi được học một ngôi trường tốt hơn. Không ai hướng dẫn. Không ai chỉ bày. Không ai biết tiếng Anh, tiếng Mỹ lưu loát. Những người như thế đã không bao giờ ở nơi này. Cầu gì. Cho tôi được một chút thông minh, để tiếp tục làm học trò già. Chiến tranh, tù tội, vượt biển, bao nhiêu ám ảnh, thảm kịch chất chồng đã cướp đi hết mớ kiến thức học vấn xa xưa rồi. Cho đôi mắt mờ yếu của tôi được thấy rõ những dòng chữ thầy viết. Cho những lời giảng tôi còn theo kịp, dù một đôi phần.

Tôi nhớ hôm ấy, trong lòng giáo đường Tin Lành rộng mênh mông, không có ai, trừ tôi. Nắng làm lung linh những ô kính xanh xanh đỏ đỏ. Ngày xưa, tôi chưa một lần đến nhà thờ hay chùa chiền để cầu cứu. Nhưng bây giờ, giữa một xứ sở rộng mênh mông này, giữa một xóm slum này, lấy ai an ủi, khuyến khích, vỗ về tôi? Vợ tôi cảm thấy tuyệt vọng. Nàng đã nhận ra rằng xứ Mỹ không phải là một thiên đàng như nàng đã từng mơ ước. Không phải là những đồng penny hay cent dư được vất đầy trên những trạm xăng, để mình đến đó cứ việc lượm nhặt như người bạn cùng sở, đã từng du học, trở về nước kể lại. Mà trái lại, nó là tội ác, súng đạn sử dụng bừa bãi, tội lỗi tràn ngập. Nàng đã thấm thía thế nào là tự do. Bởi vậy, nàng chỉ sống bằng những giấc mơ. Mơ ngày. Mơ đêm. Mơ một ngày chúng tôi có một chiếc xe, để nàng được đi đây đi đó, thăm bạn bè, hay chiêm ngưỡng phong cảnh. Mơ ngày tôi ra trường, có một job tốt. Và cả những giấc mơ thật đẹp của ngày xưa. Má, em, láng giềng, quê ngoại, những gương mặt thân yêu, những kỷ niệm thời con gái… Vâng, những cơn mơ tội nghiệp. Và chúng tôi đã nương nhờ bằng những cơn mơ như thế. Chỉ tội nghiệp cho con tôi. Nó vẫn lớn lên, không tra vấn, than thở. Nó đi học một mình, trở về nhà một mình, không bạn bè lân láng. Tôi phải kê cả ba hòn gạch, để nó có thể đứng ở trên đấy, mở khoá cánh cửa lầu thuê. Nó chiến đấu cũng như ba nó chiến đấu. Sáng ngày Giáng Sinh, nó mừng rỡ khoe cùng chúng tôi, là ông Già Noel tài quá ba mẹ ơi, ổng biết cả chiếc xe tự động mà con thích… Niềm vui của nó là ngồi trước chiếc truyền hình đen trắng để nhìn những Tom hay Jerry… Nó chưa hề nghe được tiếng dế mèn vào mùa hè hay được thấy cánh diều trên đồng cỏ như tuổi thơ của tôi. Nó hẩm hiu cùng căn phòng, mà những cửa sổ trước và sau, tôi đã đóng cả đinh 15 phân như những hàng chông. Không bạn nhỏ, không nội ngoại, không cả bầu trời xanh và cao để nhìn con diều xanh đỏ, để mong gió mỗi lúc mỗi nổi lên. Không đám mây bàng bạc trong bài văn của Thanh Tịnh vào tuổi học trò xa xưa. Nó có mặt ở đấy, côi cút.

Đấy xóm slum của tôi là thế. Ban đêm ít ai dám ra đường. Cảnh sát cũng ít khi lai vãng. Những building bỏ hoang, những sân đầy cỏ dại và ụ rác. Chỉ có chăng là con đường ngoài phố chính dẫn lên City Hall là còn tương đối khang trang. Nó bị bỏ quên, và người ta đã tìm cách trốn nó như những người Do Thái trước đây. Chúng tôi, những người tị nạn đầu tiên, cũng vậy. Cũng tìm mọi cách bỏ nó mà thoát. Vài gia đình đã may mắn rời khu slum. Riêng gia đình tôi, phải mất đến bốn năm. Ơn Trên đã cho tôi tốt nghiệp đại học với điểm khá cao, và được một công ty hàng đầu phỏng vấn. *(Hành trình của một cổ trắng)*
Ngày từ giã xóm slum, vợ tôi thắp nhang khấn vái đất đai thổ thần để cảm tạ. Đất đai ở đâu cũng là đất đai, cũng dính kết vào trời, và lẫn quất những đôi mắt của những đấng quyền năng siêu hình, vợ tôi tin tưởng mãnh liệt như vậy. Nàng viện dẫn trường hợp tôi, một tay sinh viên già duy nhất được hãng X chọn trong hàng chục ứng viên tại trường. Anh phải tin anh à. Vâng, tôi tin lắm. Bởi vậy, tôi lạy, con tôi cũng lạy. Tôi đã quá nhỏ bé. Kiến thức tôi cũng vậy. Tiếng xứ người vẫn còn ngọng ngịu, chữ mất chữ còn… Như vậy, tại sao tôi vẫn có cơ hội mà bất cứ một sinh viên tốt nghiệp nào đều mơ ước. Rõ ràng, Đấng Quyền Năng không bao giờ bỏ rơi những kẻ có lòng với Ngài. Ngài đóng cánh cửa này, nhưng Ngài rộng mở ra cổng cửa khác .
Ngày cuối cùng với xóm Slum, tôi đã tháo gỡ tấm ván dày đóng đinh 15 phân ra cửa sổ, để nhìn được con đường Old York dưới màn tuyết trắng. Như vậy, bốn năm cũng trôi qua. Ở đâu cũng có trời. Trong chiến tranh, trong tù tội, trên biển cả, và trong khu slum của vùng Logan này. Các ngài không bao giờ bỏ mình đâu. Lời an ủi của nàng dựa trên cõi siêu hình, nhưng có một điều là cái slum này vẫn là nơi dung dưỡng tôi và gia đình trong những năm tháng đầu tiên. Chúng tôi vẫn bình an. Và chúng tôi vẫn đạt được niềm mơ ước.
Bây giờ, tôi đang trở lại khu xóm cũ, sau hơn 10 năm xa cách. Vẫn những con bồ câu hoang đậu dưới gầm cầu xe lửa. Vẫn những vách tường dày dặc chữ viết bậy. Vẫn những ngôi nhà hoang. Vẫn những sân nhà phủ ngập cỏ dại và rác rến. Vẫn con đường qua xóm, với hàng điện trời mà mỗi khi chiếc xe trolley chạy qua, là tiếng kêu leng keng như một tấu khúc vui trong ngày. Có điều khác chăng là lớp người tiền phong như chúng tôi đã không còn nữa… Lương là kỹ sư cơ khí. Huệ đã trở thành dược sĩ. Cô Vân đã dọn nhà sang một khu khác, an toàn hơn,

và hai đứa con của cô đang học đại học. Anh Phú có con đã ra Bác sĩ. Ông Tâm đã qua đời. Bà Căn cũng về với Chúa. Một thế hệ mới đã vươn lên từ sự lao khổ lận đận của thế hệ tiền phong. Không phải đi khai mỏ vàng, hoặc đi tìm đất mới. Nhưng phải tự dìu dắt trên chính một nơi mà mình chẳng bao giờ lựa chọn, để mong con cháu nên người.

Nhà văn viết về "duyên nợ" Bách Khoa

Trần Hoài Thư, 2009

Có thể nói, bước đầu của hành trình đi vào thế giới văn chương của tôi, tôi nghĩ mình là một kẻ may mắn nhất.

Bài văn *"Nước Mắt Tuổi Thơ"* của tôi chỉ một tháng sau khi gởi từ Bưu điện Huế, lại được chọn đăng. Đó là bài văn đầu đời của tôi, một bài văn mang nhiều thương tích vì có quá nhiều chỗ bị đục bỏ. Nhưng là một bài văn định mệnh.

Nó trình làng một tên tuổi vô danh, dưới bút hiệu Trần Quí Sách - tên thật của tôi. Để rồi từ đó, nó theo tôi như một nghiệp nợ nổi trôi. Chỉ cần một xấp giấy, một cây viết. Bàn viết là balô, là cái bàn trong một quán bên đường hay trong cõi tối đen ghê rợn, ngồi trùm hai ba lớp poncho, phủ thêm cái mền nhà binh và bật đèn pin quân đội mà viết....

Nói như nhà văn Mai Thảo, sự thành công của tác giả nhiều khi bắt nguồn từ duyên may. Vâng duyên may đã khiến nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn chọn tuần san Khởi Hành để đăng những bài thơ trong tập *Chiến Tranh Việt Nam và tôi* của ông. Những bài thơ mà dưới con mắt của một số người hay Sở Phối Hợp được xem là cực kỳ phản chiến, bêu xấu hàng ngũ, nhưng đối với đám lính đánh giặc chúng tôi, là những bài thơ để đời trong thời chiến.

Vì sao? Tôi nghĩ rằng, vì tờ Khởi Hành là tờ báo của *"cơ quan của Hội Văn Nghệ Sĩ quân đội"*. Chính cái "nhản" quân đội mà chủ nhiệm là một đại tá đã khiến những ngài "hốt cắt đục" phải "ngán" chăng?(1).

Tôi nghĩ nếu nhà thơ NBS gởi những bài thơ trong tập Chiến Tranh VN và tôi cho những tờ báo khác, chưa chắc các vị chủ bút ấy lại dám đăng.

Chính tôi, thời ấy, nếu có bài gì mà tôi nghĩ khó qua mặt cái lưỡi kéo của Sở Kiểm Duyệt thuộc Bộ Thông Tin Chiêu Hồi, thì tôi nghĩ ngay đến tờ Khởi Hành.

Giống như NBS đã chọn Khởi Hành, duyên may đã khiến tôi chọn Bách Khoa là tạp chí để tôi gởi bài đầu tiên. Nhờ duyên may, tôi mới được gặp một vị chủ bút âm thầm tận tình giúp đỡ tôi trên cuộc hành trình cùng văn chương chữ nghĩa.

Vâng, nếu nhà văn nữ Nguyễn thị Thụy Vũ và Trùng Dương cám ơn nhà văn Võ Phiến *(mời đọc bài viết của hai người trong số này)* hay nhà văn Nguyễn Mộng Giác phải cám ơn nhà văn lão thành Nguyễn Hiến Lê vì đã ân cần tiến dẫn ông cho ông Lê Ngộ Châu, thì tôi phải trực tiếp cám ơn ông Châu.

Tại sao tôi biết chính ông Châu đọc và chọn bài của tôi?

Bởi vì có một lần, ông than trong dịp tôi về phép ghé thăm tòa soạn: *“Chữ anh viết quá xấu, rất khó đọc, tôi phải dùng kính lúp.”*

Cám ơn khi tôi không hề núp bóng, hay không hề có ai đỡ đầu. Trong khi bản thảo của tôi đáng lẽ phải bị vất vào sọt rác vì chữ viết tay thì khó đọc, chánh tả thì bất cần, viết thì hối hả, không đọc lại, giấy viết thì bám bụi và mồ hôi nhòe nhạt nét chữ. Đó là nói về kỷ thuật. Còn nội dung thì truyện nào cũng bị đục bị cắt, thỉnh thoảng bắt tòa soạn phải nổi khùng vì lệnh tịch thu *(như truyện ngắn hai kỳ nhan đề Bóng Tháp)*. Như vậy mà tôi vẫn được mở cánh cửa của tòa soạn 160 Phan Đình Phùng kia mà bước vào!

Để từ đó, tôi được chắp cánh bay lên, bay lên, và hãnh diện khi có thể nói rằng: *“Tôi xuất thân từ lò Bách Khoa!”*

Nguồn: Thư Quán Bản Thảo tập 48 Tháng 9-2011”
(Chủ đề: Viết về tạp chí Bách Khoa)

(1) Chủ nhiệm: Đại tá Anh Việt Trần văn Trọng. Chủ bút: Viên Linh

Đọc "Truyện Từ Văn" của Trần Hoài Thư

Hoàng Ngọc Hiền

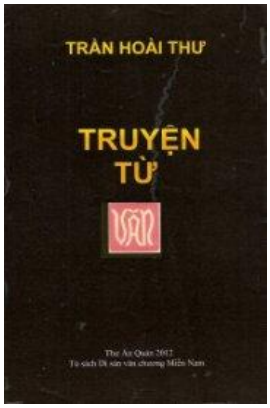

Đọc xong *"Truyện từ Bách Khoa"* của Trần Hoài Thư, chúng tôi đọc tiếp "TRUYỆN TỪ VĂN" của anh. Cuốn sách đề tặng tôi vào *"cuối năm 2012,"* được trân trọng lấy ra từ tủ sách vào một trong những ngày cuối năm 2012. Thật tình cờ, truyện đầu của cuốn sách *"Bệnh xá cuối năm"* là một cuối năm nào đó của Trần Hoài Thư!

Cuối năm? Sao lại cuối năm? Những ngày của năm tàn tháng tận bỗng gợi cho tôi một nỗi buồn nào, tĩnh lặng, u hoài. Tôi đọc *"Truyện từ VĂN"* trong cái tâm trạng tựa như hồi còn ở mặt trận, một chiều cuối năm, ngồi trên một mô đất trong tiền đồn, châm một điếu thuốc, nhớ nhà. Đọc vào truyện, mới hay tác giả đã trở lại bệnh xá này lần thứ hai trong đời lính của mình:

"Đây là lần thứ hai, tôi được sống những ngày tuyệt vời nhất của tuổi trẻ. Bom đạn, hận thù, lệnh lạc tôi đã bỏ lại ở ngoài hàng rào dây kẽm. Bây giờ, thế giới của tôi, tôi đang thu nhỏ lại trong nỗi cô đơn. Tôi và cái giường sắt quen thuộc. Tôi và tấm chăn ấp ủ suốt ngày. Tôi và những ngày trôi qua, với những nỗi quên lãng..."

(Truyện Từ Văn, Trần Hoài Thư, Thư Ấn Quán 2012, Tủ sách Di sản Văn Chương Miền Nam, trang 10).

Tôi biết nhà văn Trần Hoài Thư. Anh thuộc khóa 24 Trường Bộ Binh Thủ Đức. Tôi thuộc khóa 25. Ra trường, Trần Hoài Thư đi Bình Định giữ chức Trung Đội Trưởng thuộc Đại Đội 405 Thám Kích Sư Đoàn 22 Bộ Binh. Anh bị thương trận ba lần. Tôi tự hỏi vậy lần anh trở lại bệnh xá trong bài *"Bệnh Xá Cuối Năm"* là lần bị thương trận thứ mấy? Còn tôi, ra trường, giữ chức Trung Đội Trưởng, thuộc Đại Đội 399 Tiểu Khu Bình Long, làm lính tác chiến ở một miền cao nguyên biên giới thuộc Vùng 3 Chiến Thuật. Tôi may mắn, không bị thương trận lần nào.

Nhưng tôi biết bệnh xá của Tiểu khu Bình Long, bởi có nhiều đêm tôi đã dẫn trung đội của tôi nằm gần bệnh xá. Từ hồi chiều, trung đội tôi đã lảng vảng gần đó. Nó có vẻ gần giống với bệnh xá của Trần Hoài Thư, bởi nó cũng là một bệnh xá miền núi:

"Bây giờ là buổi chiều. Một buổi chiều cuối năm, một buổi chiều như trăm ngàn buổi chiều khác. Vẫn một bầu trời thiêm thiếp, mà màu xanh đã thấy bàng bạc một màu ráng đỏ, với những cụm mây trắng lười biếng trôi qua như đàn cừu trở về chuồng. Những thân cây cổ thụ đã th hình trong nỗi buồn tịch liêu của một bệnh xá miền núi. Giờ đây, ngày cũng sắp lặn và gương mặt của mỗi thằng thương binh đã trở nên gầy hao hơn dưới ánh hoàng hôn nhá nhem, và những bóng áo nhà thương màu xanh dương đang lướt qua, chậm rãi, mỏi mệt đã trở thành những bóng ma của trần gian..." (Sách đã dẫn, trang 18)

Tôi đã buông cuốn sách xuống. Dừng lại thật lâu ở trang sách này, rồi nhìn ra đường phố nơi ngụ cư, buổi chiều đang xuống rát nhanh trên đầu những ngọn cây. Tôi chợt nhớ lại buổi chiều ngày xa xưa dẫn trung đội đi kích ấy, ngồi bệt xuống lề đường của Đại Lộ Hoàng Hôn, nhìn những mảng ánh năng tàn phía rừng Quản Lợi, nơi xa xôi nào đó mờ mờ sương phủ, tôi nghĩ đó là núi Bà Rá của tỉnh Phước Long. *(Tỉnh đầu tiên của Việt Nam Cộng Hòa bị Bắc Việt tấn công, tiến chiếm năm 1975. Quân Bắc Việt gồm có Sư Đoàn 3, sư đoàn 7, một tiểu đoàn xe tăng T.54 của Nga, một trung đoàn pháo binh, một trung đoàn pháo cao xạ. Họ tiến vào từ mật khu ở Cambodia ngày 13.12.1974. Quân Việt Nam tại Phước Long được tăng viện Tiểu đoàn 2 của Sư đoàn 7, sáu khẩu đại bác 105 ly, hai đại đội của tiểu đoàn Biệt kích 85. Nhưng như vậy, lực lượng vẫn không cân xứng. Quân Bắc Việt pháo kích vào tỉnh lỵ tới ba ngàn quả mỗi ngày. Vị tỉnh trưởng, Đại tá Nguyễn Thống Thành bị thương, nên bộ tham mưu của ông phải rút khỏi Sông Bé. Tổng kết, 5.400 binh sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa chiến đấu ở đó, chỉ còn lại 850 người sống sót. Thật là một bi kịch lịch sử. Nó đánh dấu trận mở màn của quân Bắc Việt tiến chiếm miền Nam. Nó cũng đánh dấu sự kiện lịch sử Hoa Kỳ bỏ rơi đồng minh VNCH, Hoa Kỳ phản bội lại những lời cam kết, đã bỏ mặc miền Nam Việt Nam trong số phận bi thương của nó. Đó là một vết nhơ bẩn của dòng lịch sử Hoa Kỳ không bao giờ rửa sạch được. Đại tá Nguyễn Thống Thành, hồi đầu năm l970, ông là Trung tá Tiểu Khu Phó Tiểu Khu Bình Long, lúc đó tôi ở dưới quyền ông, tôi là sĩ quan Trưởng Ban Ba Tiểu Khu. Tôi biết rất rõ ông Thành)*.

Đốt một điếu thuốc. Biết làm gì bây giờ, ngoài việc đốt một điếu thuốc, trong khi chờ bóng tối xuống thị trấn? Ai đang đốt đời tôi hay tôi đang đốt đời tôi? Ai đang giết hại dân tộc tôi? Ai đang tàn phá đất nước tôi? Ôi chao sẽ là hạnh phúc biết bao nếu như ta, vào một lúc nào đó, được đứng ngoài cuộc chiến, như người lính đào ngũ trong *"Giã Từ Vũ Khí"* của Ernest Hemingway? Hay là, ôi chao, như Trần Hoài Thư bị thương trận, nằm trong bệnh xá sư đoàn? Để *"được sống những ngày tuyệt vời nhất của tuổi trẻ"* ***(Sđd, trang 10, dòng 4,5)***? Thật là tội nghiệp cho thế hệ chiến tranh chúng tôi? Chúng tôi đã quá mỏi mệt ở chiến trường, để rồi một lúc nào đó, bỗng trở thành những bóng ma của trần gian?! Thiết tưởng cũng còn may mắn hơn những chiến hữu nằm ở nghĩa trang Quân Đội Biên Hòa? Hoặc phế bình vĩnh viễn, mất mát một phần thân thể, sống nốt cuộc đời thừa của mình, nhìn cuộc chiến thảm bại ngày 30 tháng Tư 1975?!

QUÊ HƯƠNG NÀO ĐỂ TRỞ VỀ:

Thử hỏi người lính nào mà chẳng ở xa quê nhà? Ở chiến tuyến xa xôi, hay ở *"bệnh xá cuối năm"* hoặc *"bệnh xá mùa xuân"*, người lính của Trần Hoài Thư đã nghĩ đến quê nhà:

"Nhắc đến quê, thằng cụt chân đâm ra buồn bã. Hắn không còn quê hương để mà về. Và đôi vai hắn chợt chùng xuống, khi nhớ lại những kỷ niệm ở quê nhà. Cha mẹ, người yêu, và đám cháu ngoan hiền. Hắn thấy lại một căn nhà cổ kính ba gian hai chái, với những mái ngói âm dương đã trở màu rêu phong. Hắn thấy lại ngôi vườn, với những cụm hoa mà ba hắn nưng niu

yêu mến nhất đời. Hắn nín thở, trước những cơn gió lạ từ đâu thổi qua. Cơn gió mang theo mùi cát bỏng của Gio Linh, mùi trưa nồng của Ái Tử, mùi muối mặn của Cửa Việt. Nhưng sau đó, hắn sực tỉnh cơn mộng. Bởi vì, hắn đã nhận chân được sự thật: Hắn đang là kẻ côi cút nhất trần gian. Nước mắt muốn ứa ra, hắn cúi đầu nhìn khúc thịt đang còn mưng mủ. Một cơn gió lạnh từ đâu thổi về làm run rẩy cả châu thân hắn! Hắn liên tưởng đến những ngày sắp sửa. Những ngày không có chỗ để trở về. Những ngày mà đôi nạn gỗ sẽ tiếp tục gõ từng nhịp buồn hiu tại những chốn không người.

"Vì thế, hắn không khao khát thèm muốn như lũ bạn. Mà trái lại, hắn chỉ cần một giấc ngủ, thật cô độc trong bệnh xá này. Hắn muốn nằm lại đây như một con sâu cuốn chiếu..." ***(Sđd, trang 20, 21)***

Tôi cảm thấy thật cay đắng trong câu: *"Những ngày không có một chỗ để đi về"*!!! Điều này, đã xảy ra cho rất nhiều người lính Việt Nam Cộng Hoa, sau khi trận chiến kết thúc một cách tức tưởi vào ngày 30 Tháng Tư 1975! Chúng tôi, những người 1ính bại trận đã bị Hà Nội lùa hết vào các trại tù lao động cưỡng bức ở những chốn rừng thiêng nước độc. Bao nhiêu người đã nằm lại ở các nghĩa trang sâu thăm, hang hốc, hẻo lánh: con số ước lượng trên một trăm ngàn người! Số còn lại, khi ra về, trong ốm đau, bệnh tật, không khác chi mấy với thương bệnh binh, cùng tờ giấy tạm trú nếu ở thành thị, với thời gian quản chế năm, ba năm! Quả thật, chúng tôi không có một chỗ để trở về! Có phải chúng tôi đã bị lưu đày trên chính quê hương mình? Hoặc bị đuổi ra khỏi quê hương, như những kẻ tội đồ thời trung cổ? Bản thân tôi, trên mười năm sống trong các trại tù của Cộng Sản, đã cảm nhận đến rốt ráo, đến tận cùng, thế nào là ***"đêm cô độc của trần gian"***! Cuộc chiến đấu anh dũng của chúng tôi đã kết thúc ngoài sức tưởng tượng của chúng tôi (Những kẻ không chiến đấu, trốn chạy, lẩn tránh, hèn nhát, chỉ là một thiểu số không đáng kể): *"Nó nằm trong tay của những kẻ đồ tể"* ***(Sđd, trang 25, dòng l3)***.

Ôi quê hương tôi! Ôi số phận đất nước tôi! Nó bị quyết định bởi những kẻ đồ tể trên hành tinh này!!!

Quê hương nào cho tôi? Cho Trần Hoài Thư? Trần Hoài Thư viết: *"Cõi trời mù mịt nào để anh tìm đến, ẩn thân như một chàng ẩn sĩ, để tìm bình an sau những năm tháng nổi trôi. Quê hương nào anh trở lại để uống cốc cà phê, mà tuổi thanh xuân đã bỏ quên trên rừng Trường Sơn cao ngất, để anh tìm lại cái hạnh phúc nhỏ nhen của một đời người trẻ tuổi. Ở đâu? Ở đâu bây giờ? Trước mặt anh các toa tàu vẫn nằm yên ngủ từ một ngày ly loạn, các đầu máy vẫn nằm lì trong góc tối của cơ xưởng, các con đường sắt vẫn yên lặng ngủ thiếp trong đám cỏ dại mọc lên tự do."* ***(Sđd, trang l79)***.

Phải, tuổi thanh xuân của thế hệ chiến tranh chúng tôi đã bị bỏ quên trên rừng Trường Sơn. Và rồi tiếp tục bị bỏ quên, bị lãng phí, bị vùi dập, trong các trại lao tù ở Yên Bái, Nam Hà, Pleiku, Xuân phước, Xuân Lộc...!

NGƯỜI MẸ VIỆT NAM:

Chúng tôi đọc được đoạn văn sau đây của Trần Hoài Thư viết về một người mẹ. Người mẹ của nhân vật tên là Tân. Nhưng tôi có cảm tưởng người mẹ này của Tân là một biểu tượng của người mẹ Việt Nam. Người mẹ trong xã hội cổ kính của Việt Nam ta. Người mẹ Việt Nam chịu đựng, hy sinh đau khổ, lao đao, không một tiếng thở dài!

"Tự nhiên anh đâm ra nhớ mẹ anh. Người đàn bà, sống bằng những ngày gian khổ, mà cuộc sống chỉ biết mỗi sáng mỗi chiều, xách những rổ chuối, những rổ trái cây, những gánh gồng, cho phiên chợ sớm, chiều. Người đàn bà, hy sinh trọn tuổi thanh xuân cho chồng, cho con, chưa bao giờ thở dài một tiếng. Anh nhớ lại những giọt nước mắt của mẹ khi tiễn anh lên đường, những món quà nhỏ mọn khi anh trở nên một tên tân binh trong quân trường nắng

cháy. Những ngón tay nhăn nheo, run run mở từng món đồ, giúi từng số bạc ít ỏi vào túi anh và những giọt lệ long lanh trên gò má, khi người nhận ra anh ốm và đen hơn. Anh còn nghe như thế, từ chiếc giường kê ở bên trong căn buồng nhỏ, tối, tiếng thở dài của mẹ anh, tiếng mẹ anh cắn chỉ, để lo toan những việc gia đình. Và anh còn thấy ánh đèn dầu hỏa bà thắp lên trong đêm khuya khoắt, khi bà rửa chùi những nải chuối, những quả thanh long đỏ ửng, những quả trứng gà, trứng vịt. Anh lại thấy gương mặt đen đúa, xấu xí như hai trái táo, như thể mang nặng một nỗi bất hạnh suốt đời trên vai người. Bây giờ bà đã bỏ đi." ***Sđd, trang 172)***

Chưa hết! Trần Hoài Thư viết tiếp ở thang 179:

"Con tàu nào, đưa mẹ anh đi. Phương trời nào mẹ anh trốn chạy. Góc biển, chân mây nào người lận đận lao đao." ***(Sđd, trang 179)***

Ôi chao, sao người mẹ Việt Nam khổ quá thế?! Cuối cùng, người phải trốn chạy thực tại, hay hoàn cảnh, hay cảnh ngộ? Người lận đận lao đao nơi góc biển, chân mây nào? Đó là mẹ của nhân vật Tân trong truyện ngắn: *"Ga đêm quạnh quẽ"*. Đối với tôi, đây là một truyện ngắn hay trong toàn tập. Cũng là một truyện buồn, rất buồn, rất thật là buồn. Tôi cũng có một người mẹ khốn khổ như người mẹ của Tân trong truyện này. Một thời bà ngồi bán thúng xôi đậu đen ở đầu ngõ hẻm. Một thời bà bán bánh cuốn, cũng ở đầu một lối ngõ. Ngõ nhỏ. Bà làm việc từ sáng sóm tinh sương cho đến đêm khuya khoắt. Không một lời than vãn. Không một tiếng thở dài. Có điều, tôi không bao giờ thấy bà nhỏ một giọt nước mắt nào, kể cả ngày bà tiễn chân tôi lên đường đi trình diện đơn vị. Bà thản nhiên nói: *"Đất nước đang có chiến tranh. Anh là người trai. Đương nhiên anh cần có một trách nhiệm gìn giữ, bảo vệ đất nước. Anh hãy vui vẻ lên đường mà làm tròn nhiệm vụ của mình."*

Và sau Tháng Tư 1975, tôi đi tù hơn mười năm, bà không hề đi thăm tôi một lần nào. Bà nói với các em tôi: *"Bây giờ, trách nhiệm của anh ấy là đi tù!"* Bà đã hóa điên trước khi tôi trở về hai năm. Tôi vẫn tự hỏi không biết bà có nhận ra tôi là con trai của bà, ngày tôi trở về, mà không trả lời được. Bà nhìn tôi như thể nhìn một người xa lạ! Hơn một năm sau, bà qua đời. Là con trai trưởng, tôi đứng ra lo tang lễ cho bà, và cho đến phút cuối cùng, tôi mới bật khóc, một mình, không ai hay biết.

Đọc đoạn văn trên của Trần Hoài Thư, tôi đã lặng người đi. Tôi cảm nhận mẹ tôi, cũng như người mẹ của Tân: *"như thể mang nặng một nỗi bất hạnh suốt đời trên vai người."*

HÌNH ẢNH ÔNG GIÀ CHÈO ĐÒ:

Đối với tôi, truyện ngắn *"Khu Chiến"* là truyện hay nhất, đặc sắc nhất, độc đáo nhất, trong toàn tập *"TRUYỆN TỪ VĂN"* của Trần Hoài Thư. Trong truyện này, hình ảnh ông già chèo đò ám ảnh tôi: *"Ông Tư. Ông già chèo đò từ mấy chục năm qua. Ông sống cùng vợ trong một túp lều tranh trống gió bên bờ sông. Một con thuyền nhỏ, một chiếc sào tre dài. Và hình bóng một ông lão, với hàm răng đã hầu như rụng, gầy guộc trong bộ quần áo trận rộng thùng thình mà ông lão đã xin được từ một người lính trên đồi, côi cút bé nhỏ giữa bến nước mông quạnh lê thê."* ***(Sđd, trang I35)***

Đó là ông già Tư. Ông già chèo đò trong truyện *"Khu Chiến"*.

Dòng sông trong truyện không có tên. Cũng như địa danh, nơi có dòng sông chảy qua, cũng không có tên. Điều này cho thấy *"khu chiến"* ở rất nhiều nơi trên lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa, trong cuộc chiến 20 năm *(1954-1975)*.

... Phía tôi nhìn thấy cho Trần Hoài Thư là cái nhìn của những người trẻ tuổi đặt sống thành suy nghĩ, tự thành trong cô đơn một đời, xuôi chảy thuận dòng theo đồng hành và thế hệ, nhưng vẫn bảo toàn nghiêm mật được cá nhân mình. Vì biết sống và viết cách nào cũng phải bắt nguồn tự đó.

Điểm xuất phát và hòa nhập với toàn thể ở Trần Hoài Thư do đó là chính Trần Hoài Thư. *(Mai Thào - Văn ngày 1-3-1972)*

"Dòng sông như đường phân ranh chia hai miền đất Bên kia bờ, đám du kích vẫn trở về hằng đêm, bắt loa gọi đám dân quê ra khu đất trống, hay vào từng nhà tịch thu vài ba ký gạo. Những đêm thường bão bùng, trong những hồi chó tru, hay những bước chân giẫm xào xạc trên cánh đồng lúa dẫn từ mật khu trở về." ***(Sđd, trang 133)***. Đó là đám du kích Việt Cộng năm vùng, hoặc chính qui từ miền Bắc xâm nhập Miền Nam. Chúng cần tuyên truyền, xâm nhập nhà dân, tịch thu vài ký gạo, để sống còn. Những người dân ở các vùng xa xôi, vùng rừng núi, phải nộp thuế cho chúng, nếu muốn được yên ổn làm ăn. Ở những quốc lộ hẻo lánh, chúng hay xuất hiện, chặn xe đò, yêu cầu đóng góp cho chúng tiền bạc, thực phẩm, thuốc men. Chúng tỏ ra lời yêu cầu, ủng hộ *"cách mạng nhân dân"* nhưng thực chất là hăm dọa! Và rồi, trong *"khu chiến"* ấy, vào một đêm kia, họ về xóm, gõ cửa nhà ông già Tư, cấm ông không được chèo đò đưa đám lính "ngụy" bên kia qua sông! Từ trước tới giờ, ông sống nhờ vào mùa nước nổi với một đơn vị lính Việt Nam Cộng Hoà ở trên đồi qua sông. Thế mới hay rằng quân đội nào bảo quốc an dân, mới đích thật là quân đội.

Bắc quân lúc nào cũng khoe mẽ là "quân đội nhân dân", nhưng thực chất chúng chỉ là công cụ bảo vệ đảng Cộng Sản, bóc lột nhân dân, làm tay sai đắc lực cho Cộng sản quốc tế! Rõ ràng quân du kích cộng sản và quân chính qui Bắc Việt xâm nhập miền Nam, không phải là thứ *"bảo quốc an dân"*! Bộ mặt thực, bộ mặt gian trá, bịp bợm của chúng, ngày càng lộ nguyên hình, sau khi chúng chiếm được miền Nam Việt Nam. . Ông Tư chèo đò đã bị bọn chúng cấm hành nghề.

Con sông. Con sông không có tên ấy, đã được nhà văn Trần Hoài Thư viết như sau:

"Con sông buổi sáng vẫn còn ngủ yên trong lớp sương mù trắng bưng tầm mắt. Nó gợi trong trí tưởng tượng già nua một quãng thời gian xa xưa. Cũng bến đò, cũng cây đa, cũng những ngôi làng ngôi ấp, cũng những biến chuyển đau buồn của lịch sử. Cũng vẫn chỗ ngồi này, nơi ông mỗi ngày ra nhìn bãi cát và lũ chim bói cá, vút lao xuống mặt nước, ông đã thấy lại chiếc bóng ông chập chờn. Đó là hình ảnh một chàng thanh niên nhà quê mộc mạc, nghèo nàn, giữa đồng ruộng mênh mông bát ngát. Đó là những đêm trăng giã gạo, rộn ràng tiếng hò, câu hát, hay những lần chờ đợi bên đình làng, một người con gái đi chợ trở về. Ông còn thấy lại những con chèo bẻo gọi nhau trong những lùm tre, trong giấc trưa nồng. Những kỷ niệm, soi dần, mỗi lúc một lan rộng như những vòng tròn lăn trên sông nước. Những ngày thái bình ấy trôi qua, rồi đến những ngày binh lửa đạn bom, giày săng đá, mũi tầm vông, dao mác, rồi đến bây giờ...

Ông ngồi bất động trong tấm áo dạ. Mưa vẫn còn lất phất. Sương mù vẫn còn đọng trên ngọn đồi bên kia, và quyện trên những bãi lau sậy bên này. Con sông như một dãy mơ hồ luồn giữa hàng tre rậm lá. Rồi có ngày ta sẽ bỏ nơi này. Cái ngày đó ta ước ao nằm trên con thuyền của ta, để nó trôi đi đâu thì đi. Bởi đời ta có lẽ chỉ còn bãi sông này. Ta đã buồn vui với nó, chờ đợi với nó. Trong khi bom đạn đuổi đàn con cháu của ông ra những cánh đồng để giết nhau, thì ông vẫn còn ngồi lại để mỗi ngày ra bờ sông nghe tiếng gọi đò." ***(Sđd, trang 137, 138 trong truyện ngắn KHU CHIẾN)***.

Hình ảnh dòng sông, con thuyền, ông lái đò *(hay cô lái đò)*, vốn là hình ảnh đẹp, đẹp một cách thơ mộng, của quê hương ta. Đọc đoạn văn trên của Trần Hoài Thư, làm tôi bâng khuâng, bồi hồi, nhớ lại con thuyền nan và dòng sông Đáy mênh mông, một chiều kia máy bay Pháp ném bom ở làng bên, mẹ tôi dẫn tôi xuống đò sang sông, hầu tránh xa vùng lửa đạn. Không

ngờ, chỉ một loáng sau, chúng ném bom làng tôi. Một ngọn khói đen bốc cao trên những ngọn cau và lũy tre già. Mẹ tôi nhìn về làng, không một giọt lệ nào nhỏ xuống, nhưng mắt người như căm giận. Căn nhà của cha mẹ tôi, năm gian hai chái, toàn bằng gỗ lim, đã bị bom đốt cháy! Rồi tất cả chìm trong bóng đêm, nhưng ánh lửa và khói đen vẫn còn ám ảnh tôi. Trong trí nhớ nhỏ nhoi của tuổi thơ, tôi không biết tại sao? Cũng như ông già Tư tự hỏi; *"Đời ông đã gắn bó vào nó, tại sao ông lại không được quyền?"* ***(Sđd, trang 142)***. Nhưng câu hỏi đã ẩn chứa câu trả lời! Phải, tại sao ông không được quyền chở khách qua sông để kiếm tiền độ nhật, chỉ vì những người khách kia là chiến sĩ Cộng Hoà?! Bọn du kích lấy danh nghĩa "nhân dân" cấm ông! Láo! "nhân dân" nào? Ôi chao, chiến tranh bất kể đến đạo lý làm người! Khu chiến, nơi ông già chèo đò, là một biểu tượng của chiến tranh!

Con sông. Con sông bỗng trở thành con sông vắng. Mùa nước lớn đã về từ đầu mùa đông... Cuộc đời là những hình ảnh buồn thảm: Vợ ông già Tư đau bệnh, nằm rên rỉ trong túp chòi lá nghèo nàn nhất ấp kia. Và ông Tư, trong ráng chiều đỏ ửng góc trời Tây, nhớ đến thằng con trai lưu lạc phương nào...? Sau hết: *"Mắt ông nhắm lại, tưởng tượng thân xác ông sẽ nhẹ nhàng như con thuyền nan giữa dòng sông mênh mông xa thẳm..."* ***(sđd, trang 141)***. Đó là một cách chết? Một cách ra đi thanh thản, nhẹ nhàng, thơ mộng. Tôi không thể không chợt nhớ đến một cách ra đi nhẹ nhàng, nhưng còn hào hùng, của Sirik Matak, Quốc trưởng Cambodia. Trước khi bị hành quyết bởi bọn Khmer Đỏ, ông đã viết trong lá thư gửi vị Đại sứ Mỹ từ chối lời mời di tản dành cho ông: *"... I cannot, alas, leave in such a cowardly fashion..."* (Hỡi ôi, tôi không thể ra đi một cách hèn nhát như vậy được.). Ai cũng phải chết. Nhưng cách chết của Sirik Matak hào hùng quá, đẹp quá. Còn cách chết, trong ước mơ của ông già Tư chèo đò, thơ mộng quá! Nhưng mà, sao hình ảnh ấy buồn quá đỗi!!!

Cuốn *"TRUYỆN TỪ VĂN"* của Trần Hoài Thư dầy 288 trang. Đọc xong, tôi thấy rõ tác giả viết từ sự thật đời thường, ở đơn vị giữa chiến trường gai lửa. Đúng như tác giả đã viết trong Lời mở đầu sách: *"viết trên ba-lô, trong hầm sâu, sau những chuyến hành quân, hay giữa đường bụi khói..."* ***(Sđd, trang 6)***. Tôi hiểu rất rõ, bởi tôi cũng là một người lính, cũng đã từng một thời giữ chức vụ Trung Đội Trưởng Đại Đội 399 đi giữa chiến trường biên giới Miên Việt, lặn lội trong các cánh rừng cao su âm u của Hớn Quản, Lộc Ninh ... Tôi cũng cầm bút, viết văn, nhưng tôi không viết được nhiều như anh. Tôi có cảm tưởng anh viết dùm cho tôi, viết đùm cho những người lính chiến chúng tôi. Anh đã nói lên tất cả sự thật của khu chiến. Kể cả tâm tư, tình cảm, tư tưởng của người lính. Đây là những chất liệu thật cống hiến cho lịch sử. Không ai có thể phủ nhận được. Không ai có thể chối cãi được. Anh viết với một văn phong trong sáng, đầy hình ảnh, nhưng không kém phần thơ mộng và lãng mạn. Anh là một nhà văn tài ba, lỗi lạc, có tâm, của nền văn chương miền Nam Việt Nam *(1954- 1975)*. Ai muốn nghiên cứu di sản văn chương miền Nam Việt Nam, không thể thiếu sót nhà văn Trần Hoài Thư.

Gấp cuốn *"Truyện từ Văn"* của Trần Hoài Thư lại, tôi cảm nhận *"Khu Chiến"* là truyện hay nhất của toàn tập, tôi đến *"Ga đêm quạnh quẽ"*, thứ ba là *"Bệnh xá cuối năm"* và *"Bệnh xá mùa xuân"*. Cái gì gây ấn tượng cho tôi nhất? Đó là ông Tư chèo đò, với niềm *"ước ao nằm trên con thuyền của ta, để nó trôi đi đâu thì đi"*. Thơ mộng quá! Nếu ông đã mơ ước một cách chết thơ mộng như vậy, ắt ông cũng đã sống một cuộc đời thơ mộng không kém. Nhắm mắt lại, tôi thấy hình ảnh con thuyền nan của ông già Tư trôi bềnh bồng trên các trang sách *"Truyện Từ VĂN"* của Trần Hoài Thư.

(Thư Quán Bản Thảo, tập 58 tháng 12/2013)

Gặp anh Đặng Tiến và đi thăm Trần Hoài Thư
Phạm Văn Nhàn

Vào ngày 16 tháng 4 năm 2016, đang ngồi uống cà phê tại Nguyễn Ngọ, Houston, nhà thơ Phan Xuân Sinh nói với tôi là anh chị Đặng Tiến từ bên Pháp mới qua. Tôi hỏi anh có số điện thoại của anh Đặng Tiến không, cho tôi xin? Khi về nhà anh Phan Xuân Sinh gọi cho tôi nói là đã cho số điện thoại của tôi cho anh Đặng Tiến rồi.

Đêm đó, anh ĐT gọi cho tôi. Hai anh em nói chuyện thật vui. Ngay từ lúc đầu, anh rất ủng hộ việc làm của anh Trần Hoài Thư, và cũng ngay từ ngày đầu đó cho mãi đến hôm nay anh vẫn trân quý việc làm của nhóm chủ trương Thư Quán Bản Thảo. Từ đó, tình cảm giữa chúng tôi có một cái gì đó rất thân tình trên tinh thần của người cầm bút biết trân quý nhau. Qua những cuốn sách mà Thư Ấn Quán đã xuất bản. Qua những lần giới thiệu với bạn bè của anh, cũng như qua những bài viết mà anh đã dành cho TQBT.

Ngày 20/4/2016 nhà thơ Tô Thẩm Huy mời anh Đặng Tiến và những người mà anh quen, trong đó có tôi, Phan Xuân Sinh, Cái Trọng Ty, Lương Thư Trung, vợ chồng anh Tô Thùy Yên đi uống cà phê tại một cửa tiệm cà phê mang tên Pháp *"la madeleine"* rồi sau đó đi ăn tối. Ngồi uống cà phê buổi chiều thật vui và đầm thấm. Một buổi uống cà phê mà tôi nhớ mãi.

Bên ngoài trời như muốn đổ mưa. Ngồi trước hiên của ngôi quán những câu chuyện văn nghệ văn gừng của một thời miền Nam cũ được khơi lại qua sự hiểu biết của anh Đặng Tiến và anh Tô Thùy Yên kể cho anh em nghe. Một nền văn học không thể chối bỏ được, đầy tính nhân bản từ năm 1954 đến 1975.

Khi nói chuyện, tôi có cho anh Tô Thùy Yên xem bài viết của anh Nguyễn Đạt viết về một quán cà phê ở Sài Gòn có tên: Chiêu Anh Quán nằm trên đường Hoàng Sa bên bờ kinh Nhiêu Lộc có viết một đoạn thơ trong bài *Ta Về* của anh Tô Thùy Yên trên vách. Bài *Ta về*, được anh Cái Trọng Ty hỏi anh TTY trong trường hợp nào anh sáng tác bài thơ này. Chúng tôi được biết thêm sau một lời giải thích của nhà thơ thật thú vị khi anh còn ở trong trại cải tạo.

Bên cạnh đó, qua bài viết của Nguyễn Đạt có thấy trên kệ sách của quán Chiêu Anh còn có những tập sách do Thư Ấn Quán của hai anh Trần Hoài Thư và Phạm Văn Nhàn bên Mỹ in và phát hành. Xin trích một đoạn:

Chúng tôi xúc động khi thấy những quyển sách của Thư Ấn Quán do nhà văn Trần Hoài Thư và nhà văn Phạm Văn Nhàn chủ trương thực hiện tại Hoa Kỳ. Những quyển sách này là công trình lưu giữ di sản văn hóa văn nghệ của miền Nam tự do, trong đó bao gồm 2 Tuyển Tập Thơ Miền Nam Thời Chiến; 1 tuyển tập thơ lục bát; 1 tuyển tập truyện ngắn...

Anh Nguyễn Đạt khi thấy những ấn phẩm của Thư Ấn Quán in, anh xúc động. Còn Trần Hoài Thư, anh rất vui khi đọc bài viết này trên Người Việt online, gởi ngay bài viết của Nguyễn Đạt qua cho tôi để chia xẻ. Vui. Quả thật tôi rất vui khi thấy những tác phẩm sau một thời lưu lạc được chúng tôi tìm lại và đánh máy in ra trong tủ sách di sản văn chương Miền Nam, không biết sao những tập sách này lại có ở quán cà phê của cô Chiêu Anh. Và, cũng vui lắm, khi có người bạn cùng quê vơi tôi, anh Hữu Định, đang định cư tại Dallas cũng gởi bài viết của anh Nguyễn Đạt đến tôi để chia xẻ cùng với tôi.

Vâng, như anh Đặng Tiến đã viết vào năm 2008 cho tập *"Thơ Miền nam Trong Thời Chiến"*, đi lại trên *Vũ Trụ Thơ* tập II của anh, cũng do Thư Ấn Quán xuất bản. Anh viết:

...tham vọng của sách Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến là ghi lại những tác phẩm đang xiêu lạc, của một số tác giả ít được biết đến, mai kia sẽ chìm trong quên lãng. Nó là "nguồi tài liệu cho những nhà phê bình, những người nghiên cứu"....." tham vọng cũng là tâm vọng của người

biên tập "suốt cả mấy trăm trang với trên 220 tác giả, ngồi đánh lại như gõ ngay chính tim mình những điều đau buốt lẫn bồi hồi. Tội tình cho cả một thế hệ. Chiến tranh nào có gì vui…

Tô Thẩm Huy, Cái Trọng Ty, vợ chồng Phan Xuân Sinh,
vợ chồng Tô Thùy Yên, Anh Đặng Tiến
(Ảnh PVN, chụp tại quán cà phê: la Madeleine).

Chiêu Anh Quán ở ngay Sài Gòn, tôi chưa ghé đến một lần. Nhưng đọc bài viết của Nguyễn Đạt, những lời động viên của anh Đặng Tiến như một thôi thúc cho anh Trần Hoài Thư và tôi vẫn phải làm cái gì đó cho những tác giả và những tác phẩm đã một thời lưu lạc.

... ngồi đánh lại như gõ ngay chính tim mình những điều đau buốt lẫn bồi hồi. Câu viết của anh THT mà anh Đặng Tiến trích lại như hiểu thấu cái tâm của những người chủ trương tủ sách di sản văn chương miền Nam.

Cũng như ngày gặp anh ở Houston, cũng là ngày Thư Quán Bản Thảo 69 phát hành với chủ đề MAI. Một bán nguyệt san sống tới 6 năm. 6 năm đã sản sinh ra nhiều cây viết tên tuổi sau này ở miền Nam, do ông Hoàng Minh Tuynh chủ trương. Được biết anh Đặng Tiến là người cộng tác cho MAI và là người bạn rất thân với ông Hoàng Minh Tuynh cho nên tôi gọi điện thoại cho Trần Hoài Thư để Thư và anh Đặng Tiến nói chuyện với nhau. Tôi ngồi nghe. Vui lắm, những câu chuyện văn nghệ đời thường làm cho tôi vui lây, sống lại ở cái tuổi đôi mươi khi mới bắt đầu tập tễnh cầm bút.

Những ngày anh ở Houston, anh hỏi tôi về anh Trần Bang Thạch. Tôi nói anh cũng ở Houston. Anh Đặng Tiến muốn gặp cho biết. Và, hai anh gặp nhau, cũng chỉ là những câu chuyện vui "văn nghệ" và hỏi thăm về sức khỏe. Cái hay trong tình văn nghệ, dù ở đâu, anh em bốn biển cũng là nhà không phân biệt người đi trước người đi sau. Cái tình văn nghệ ấy đầm thấm và chứa chan tình người. Cho nên anh ĐT lúc nào cũng nói và muốn gởi cho THT một ít tiền để Thư làm văn học. Dù ít, chỉ 100 đô thôi. Tôi với anh Trần Bang Thạch không nhận. Tôi phải nói láo cho anh yên tâm *(xin lỗi anh ĐT)* là anh Cái Trọng Ty đã gởi cho anh Trần Hoài Thư 400 đô vừa rồi để ủng hộ TQBT. Nhưng lần nào gặp anh, anh cũng trách tôi là sao không nhận tiền của anh để gởi cho Trần Hoài Thư. Anh nói: Thư ngó vậy mà tội. Suốt đời chỉ lo cho văn chương chữ nghĩa, mà còn phải lo cho vợ bị bịnh nữa. Tôi nói với anh: Thư là con mọt sách mà. Không có chữ nghĩa con mọt nó chết khô.

Nói láo với anh ĐT Cái Trọng Ty gởi cho 400 đô (Tôi quan niệm nói láo mà không hại ai là không mang trọng tội với bạn bè). Nói lại cho Ty nghe. Ty cười. Như vậy là tôi được tiếng thơm lây. Nhưng dù gì Cái Trọng Ty cũng gởi ủng hộ THT 100 đô cho TQBT. Tôi nhận. Tấm lòng của những anh bạn cầm bút sao mà cao quý quá...

Hành trình Tạp chí Văn Học

Văn Học số đầu tiên phát
Hành vào tháng 11-1962

Văn Học được ra đời do một số người trẻ nhập cuộc. Họ là những học sinh, sinh viên của các trường Trung học, Đại học trên toàn quốc, và một số đang du học tại ngoại quốc nhưng đã cùng nhau chung một lý tưởng thực hiện một tờ tạp chí nghiên cứu và phê bình về văn hóa và chính trị để làm diễn đàn chung cho những thanh niên tự do tại Miền Nam.

Số đầu tiên phát hành vào tháng 11-1962 trong thời Đệ nhất Cộng Hòa, và số cuối cùng là số Mùa Xuân 75, kéo dài được 13 năm - số tuổi xem như rất thọ so với các tạp chí văn học miền nam khác, ngoại trừ chỉ sau tạp chí *Bách Khoa*. Từ số 1 đến số 72 *(1-5-67)*, khổ báo khổ lớn (15x25 cm). Từ số 73 đen số cuối cùng khổ giấy loại nhỏ (14x20 cm).

Hai năm đầu, báo được phát hành mỗt tháng một kỳ, sau đó, báo đổi thành bán nguyệt san, phát hành mỗi nửa tháng một kỳ *(kể từ số 21)*.

Chủ nhiệm đứng tên là Phan Kim Thịnh, nhưng chủ bút thì thay đổi ba lần. Hai năm đầu *(1961-1963)*, chủ bút là Dương Kiền, sau đó chủ bút là Phan Kim Thịnh. Tiếp đen vào năm 1966 là Nguyễn Đình Toàn *(từ số 63 ngày 1-9-66 đến số 69 ngày 15-11-66)*. Sau đó vai trò chủ bút lại được giao lại cho Phan Kim Thịnh.

Hai năm đầu *(từ số 1 đến số 20)*, tạp chí nhắm vào thành phần thanh niên sinh viên như tiêu đề trên bìa của tạp chí: *Nguyệt san văn hóa xã hội nghệ thuật. Diễn đàn sinh viên Việt Nam tự do*. Mỗi số báo đều có mục liên quan đến sinh viên như Sinh Hoạt Sinh Viên do Trần văn Ngô, Phương Khanh, Hà Thanh phụ trách... Cọng thêm vào những bài viết liên quan đến những vấn đề của sinh viên như Vài tâm trạng nghịch thường của thanh niên trước những giá trị xã hội (Dương Nhất Nhân - số 1), Sinh Viên và trí thức lảnh đạo (Quan điểm, số 2), Chính sách sinh viên (Quan điểm, số 3), Cái nhìn của người sinh viên (Nguyễn Vũ, số 4),. Dân chủ hóa nền đại học (Quan điểm, số 5), Chỉ huy hay hướng dẫn (Quan điểm, số 6) hay mỗi số có mục Vấn Đề

của chúng ta ví dụ: Bài trả lời ông Nguyễn Đăng Thục, Khoa trưởng đại học văn khoa SG của Văn Học (số 4), Nhân các kỳ thi: Đặt lại vấn đề nguyên tắc (số 6) v.v...

Sau số 20, tiêu đề Diễn đàn sinh viên Việt Nam tự do được lấy ra, và nội dung Văn học có tinh cách khai phóng hơn, ảnh hưởng nhiều bởi thời sự. Sau 1965 chiến cuộc càng lúc càng leo thang, những người cọng tác viên trẻ phải vào quân ngũ, hay xa Saigon, để lại một khoảng trống lớn cho Văn Học. Cọng vào sắc luật 007 đã khiến chủ trương của Văn Học từ một tờ báo chính trị văn học đổi sang một tờ báo thuần túy văn học kể từ năm 1968.

Sau đây là những điểm nổi bật của tạp chí Văn Học :

1. Văn Học là tạp chí đầu tiên đăng truyện viết về cuộc chiến miền Nam ngay ở giai đoạn phát khởi (Năm 1963).

Đó là truyện ngắn *Khu rừng Mùa Xuân* của Vương Thanh và *Lớp lớp phù sa* của Vương Trân Nam (VH số 3 tháng 1 năm 1963). Vẫn là sự tàn bạo của chiến tranh. Và dạt dào nhân bản của người lính miền Nam:

Khà, khà, mày bị thương giống tao, nhưng mày thiếu may mắn hơn vì mày không có dao và súng. Tụi nó không đế lại cho mày một khấu súng nào à? Chắc tụi nó tưởng mày đã chết rồi, mà mày thì chết thật rồi, chỉ tao, còn một con dao, thế là tao sống ha... ha... cười lên mày, hỡi thằng bé không thù oán của ta.

Thức lật xác hắn nằm úp xuống để khỏi phải nhìn vào mắt hắn, nhưng chân tay anh đã run bắn và lạnh cóng. Anh gối đầu hắn lên ngực một tử thi khác cạnh một hồ nước và đè lên hắn, khóc. Bỗng Thức đứng dậy, lảo đảo, ngã dúi mấy lần. Anh hoa mắt, vết thương hả miệng lở loét như một nụ cười đẫm máu. Thức ngã quỵ xuống, chồng lên xác hắn, thân mật và bạn bè. *(Khu rừng mùa xuân, VH số 3, trang 58)*

2. Văn Học là tạp chí đăng những bài khảo luận về văn học miền Bắc đầy giá trị mà ít người biết.

Đó là là những bài khảo luận của Sông Thai như *Đọc Vào Đời của HÀ MINH-TUẤN* (Cơ sở xuất bản Văn Nghệ Hà NỘI 1963 (VH số 58 ngày 15-5-1966), *"Nguyễn Tuân, sau ba mươi năm cầm bút..."* (VH chủ đề Nguyễn Tuân), *"Văn Cao, một nghệ sĩ tài hoa đang bị cuộc đời ruồng bỏ"* (VH 115), *"Lê Đạt, chiến sĩ dũng cảm của phong trào trăm hoa đua nở"*(VH số 139), *"Hoàng Cầm và sự nghiệp đấu tranh cho độc lập, tổ quốc và nhân phẩm con người"* (VH số 141).

Bây giờ, được dịp đọc những bài viết của các nhà nhận định, nghiên cứu ở trong nước, càng thấy phục tác giả Sông Thai ở tài nhận xét và khả năng lý luận phê bình của ông. Đó là lý do tại sao chúng tôi chọn đăng lại bài viết về Nguyễn Tuân trong số này.

3. Văn Học qui tụ rất nhiều cây bút, đủ thành phần:

Ngày từ số 3, ta thấy những nhà văn như Võ Phiến, Dương Nghiễm Mâu. Vũ Bằng, Nhật Tiến, Nguyễn thị Vinh, Linh Bảo, Nguyễn Đình Toàn, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Mạnh Côn, Doãn Quốc Sỹ, Đinh Hùng, Thanh Lãng, Nguyên Sa bắt đầu có mặt trên *Văn Học* cọng thêm vào lực lượng chủ chốt của *Văn Học* như Viêm Đẩu, Nguyễn Hữu Dung, Thế Viên, Hoàng Vũ. Lê Đôn Khoan, Vương trân Nam, Dương Cự, Dương Kiền, Vương Thanh, Nguyễn Đông Ngạc, Trần Triệu Luật, Lôi Tam... Một tên tuổi cọng tác rất tích cực và thường xuyên ngay từ số đầu chuyên về lĩnh vực dịch thuật cũng như lãnh vực nghiên cứu văn học là Bác sĩ Hoàng văn Đức, tức Hoàng Vũ Đức Vân.

Kể từ năm 1964 trở đi, độc giả thấy sự góp mặt tích cực của những cây bút trẻ miền Trung hay những người mới cọng tác với VH lần đầu. Số lượng này càng lúc càng đông đảo: Luân Hoán, Cao Thoại Châu, Thành Tôn, Hoàng Lộc, Chu Tân, Trần Dzạ Lữ, Đynh Hoàng Sa, Trần Quang Long, Phan Duy Nhân, Nguyễn Nho Nhượng, Sâm Thương, Hà Nguyên Thạch, Nguyễn văn Bổn *(Tần Hoài Dạ Vũ)*, Lê Đình Phạm Phú, Thái Ngọc San, Phan Nhự Thức, Võ Quê, Khắc Minh, Trần Hoài Thư, Lê Nghiêm Vũ, Trần Hữu Nghiễm, Trần Xuân Kiêm, v.vv...

4. Văn Học là tạp chí thực hiện rất nhiều chủ đề giá trị.

Trước số 87 *(1968)*, chủ đề của Văn Học thường mang tính cách thời sự ví dụ
"Tưởng niệm văn hào Nhất Linh" (số 9 tháng 7-1963).
"Những vấn đề của thời cuộc" (Số 10 tháng 8¬1963),
"Quê hương còn đau khổ" (số 23, 1-9-64),
"Chúng tôi tố cáo: Hội đồng Nhân Dân cứu quốc, ông là ai?"
" Đối thoại giữa người Việt và người Mỹ" (Số 25, tháng 10-64).
"Chiến thuật biến hình của Cọng Sản" (sô 26),
"Cách mạng và phản cách mạng" (số 29)
"Thơ văn chiến tranh" (số 36 ngày 15-4¬65),
"Nhận định thi ca" (Số 37 ngày 1-5-65),
"Triết học - thi ca" (số 38 15-5-1965),
"Đặt lại vấn đề thông tin văn hóa miền Nam",
"Tình yêu và văn chương" (số 40,15-6-65),
"Quân đội và cách mạng" (số 43, l-8-65),
"Văn chương phản kháng" (số 46, ngày 15-9-65),
"Cách mạng Việt Nam đi về đâu?",
"Sinh viên Huế lên tiếng" (số 49 ngày 1-11-65),
"Cuộc đời và triết lí của Socrate" (số 54 ngày 15 tháng 2-66),
"Tiếng nói da đen" (Số 56, 15-3-66),
"Thi ca da đen" (1-4-66) v.v...
Sau số 87, vì sự khắt khe của luật 007, nên Văn Học quay sang việc giới thiệu những chủ đề văn học, vô thưởng vô phạt. Ví dụ:
Bưu hoa và nghệ thuật (số 135),
Phú Đức: Tiểu thuyết gia miền Nam (số 136),
Nhà văn và thuốc phiện (số 137),
Những phụ nữ lưu danh trong Thi đàn Việt Nam (số 150),
Tìm hiểu quốc kỳ và quốc ca Việt Nam (số 151),
Ái tình và thi sĩ (số 152),
Khám phá danh tính dịch giả Chinh phụ ngâm (số 153),
Thi nhân và mùa thu (số 154),
Nghĩ về tiểu thuyết (số 155),
Hiện tượng đọc truyện Quỳnh Dao (số 156) v.v...
Văn học "đại thắng mùa hè" 1966

Thình thoảng trên Văn Học có một mục dành cho sinh hoạt văn học nghệ thuật trong và ngoài nước. Mục này thoạt đầu được lấy tên là *Sinh Hoạt Văn Hóa*, do nhiều người viết, số 1 có Nguyễn Đức. số 2 có Nguyễn Cao Đàm. Kể từ số 33 trở đi. tên *"Sinh Hoạt Văn Hóa"*được đổi thành *"Chân Trời Văn Học"*, do một tập thể phụ trách ghi nhận "chuyện trong làng", "chuyện ngoài làng" (Phương Khanh, Trần Liên Chi, Trần Hoàng Oanh), Tràng Thiên chỉ ghi những tin tức sinh hoạt ngoài nước... Kể từ số 54, độc giả thấy Duyên Anh xuất hiện trong mục *Chân Trời*

Văn Học. Ông xuất hiện với cây viết và lưỡi gươm, mà bài *"Một tác phong văn nghệ"* của ông là một trận bão dữ nhắm vào báo *Văn* nói chung, và Trần Phong Giao nói riêng. Kết quả là mục "quét đình làng" mà Văn lập ra có mặt trên hai năm phải gỡ bảng hiệu. *(Mời đọc bài viết của Ba Cận thị trong số này)*.

Xin nhớ rằng Trần Phong Giao đã có mặt trên *Văn Học* ngay từ số đầu tiên, đã có một số bài dịch trên Văn Học.

Kết luân:

Văn Học, mặc dù là tờ báo được chủ trương bởi những người không chuyên nghiệp, nhưng nhờ sự nhiệt tình và dấn thân của tuổi trẻ, nên tạp chí đã vượt tất cả những trở ngại để biến thành một tạp chí có tầm cở của miền Nam. Để bạn đọc biết được nỗi thăng trầm của tờ báo, chúng tôi xin đăng lại lá thư của tòa soạn, viết vào năm 1974, kỷ niệm *Văn Học* bước vào năm thứ 12:

"Mười hai năm trước, chúng tôi còn là những học sinh, sinh viên của các trường Trung học, Đại học trên toàn quốc, và một số đang du học tại ngoại quốc nhưng đã cùng nhau chung một lý tưởng thực hiện một tờ tạp chí nghiên cứu và phê bình về văn hóa và chính trị để làm diễn đàn chung cho những thanh niên tự do tại Miền Nam. Hoài bão trên chúng tôi đã thực hiện được tờ Văn Học số 1 phát hành ngày 1 tháng 11 năm 1962 với hình thức trang nhã, và nội dung các sáng tác của các bạn trẻ đóng góp. Thêm vào còn có sự góp mặt của các vị giáo sư, nhà văn tên tuổi trong nước. Vì vậy khi Văn Học được phát hành đã được bạn đọc đón nhận một cách nồng nhiệt.

Với thành quả trên, hôm nay chúng tôi một lần nữa xin chân thành gửi đến bạn đọc và các thân hữu lời cảm tạ. Mười hai năm vừa qua, vì chính tình Việt Nam đã đổi khác. Bao biến cố dồn dập, báo chí nước nhà đã lâm vào tình trạng khủng hoảng, giấy in báo năm 1962 là 50 đồng một ram mà nay năm 1974 đã 800 đồng một ram, một tờ tạp chí khi trước bán 10 đồng một số tòa báo thâu về đã dư gỉa, nay phải báo 250 đồng một số mà tòa báo còn ngất ngư thiếu hụt không có tiền trả tiền bài cho anh chị em. Thêm vào hoàn cảnh kiềm duyệt, và sắc luật 007 đã làm một số văn nghệ sĩ gác bút, và nhiều tờ báo TỰ Ý ĐÌNH BẢN. Riêng chúng tôi vì được bạn đọc khuyến khích tinh thần nên đã cố gắng còn có mặt đến ngày hôm nay trong làng Báo miền Nam. Nhưng sự cố gắng này chúng tôi đã phải buộc lòng thay đổi nội dung từ chủ trương chính trị sang chủ trương văn liệu để tránh cho sự trở ngại xuất bản. Hơn nữa những bạn trẻ có nhiệt tình với thân phận đất nước những năm 60-68 đã góp mặt trong Văn Học, nay đã mỗi người một phương trời. Một số kẹt trong quân ngũ, một số ngã gục... Vì vậy thực hiện một nội dung Văn Học như những măm 62-68 ngày nay không thể làm được. Nhưng để khỏi phụ lòng bạn đọc đã và đang dành cho Văn Học từ mười hai năm qua, những tháng, năm vừa qua chúng tôi đã cố gắng thực hiện những chủ đề văn liệu hữu ích để gửi đến bạn đọc..."*(Trích Văn Học (giai phẩm) chủ đề Nguyễn Du, năm 1974)*

Thư Quán Bản Thảo số 72, Tháng 10-2016

***

Phụ đính :

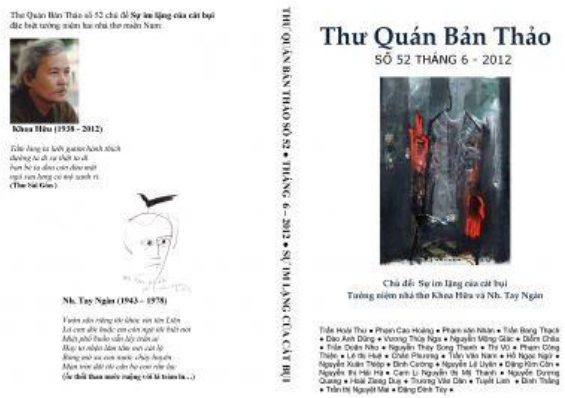

Đối thoại với nhà văn Bảo Ninh

Từ lâu, người ta đã chờ đợi những tác phẩm viết về chiến tranh Việt Nam bằng ngòi bút trung thực, vượt khỏi định kiến, guồng máy, lập trường, từ những nhà văn miền Bắc. Tại sao là miền Bắc? Bởi vì, những người viết của miền Nam ít ra, đã thả dàn biểu lộ hầu hết những gì mà họ đã tham dự hay nhân chứng, mà không bị ràng buộc bởi bất cứ một ai, bất cứ một thế lực nào. Chính vì sự mong mỏi ấy, những tác phẩm của Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, vân vân... đã được đón nhận từ trong nước, đến ngoại quốc, và cả người Mỹ lưu tâm về Việt Nam và đã được xem là hiện tượng. Trong số những tác phẩm này, tôi được đọc hai truyện dài: *Ly thân* của Trần Mạnh Hảo, và *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh.
Tôi xin được góp ý về *Nỗi buồn chiến tranh* .

Thưa nhà văn Bảo Ninh,

Trước hết tôi phải cám ơn anh vì nhờ đọc *Nỗi buồn chiến tranh* tôi mới hiểu rõ hơn về tâm tư của một thế hệ và giai đoạn mà tôi cũng như anh là những người trong cuộc. Anh viết về sự đổ vỡ và phá sản bi thảm của tuổi trẻ miền Bắc trong cuộc chiến đấu mà chế độ từng nói là cuộc chiến đấu thần thánh chống Mỹ cứu nước. Anh đã kể về những đồi ma chập chùng ở miền cao nguyên nồng nặc tử khí. Lính Mỹ. Lính miền Nam. Lính miền Bắc. Anh viết về những chiếc T54 nghiến trên những người lính sư đoàn 18. Anh viết về những lưỡi dao găm thọc vào tim máu phụt thành tia vòi. Anh viết về nỗi tuyệt vọng của những người lính trinh sát qua Kiên, hay của những bè bạn của anh ta, đào ngũ, dao động, hoang mang cùng cực. Anh lại kể về trận đánh ở *Ban Mê Thuột* vào một trung tâm cảnh sát, cùng những người nữ cảnh sát viên thuộc hàng ngũ miền Nam, và nhất là sự có mặt hầu như ám ảnh suốt truyện về những toán thám báo. Anh đã tả lại một toán thám báo vào mật khu, bắt theo 3 cô gái, hãm hiếp và sau đó giết họ rồi vất xuống sông. Anh nêu đích danh tay chỉ huy là một trung úy.

Nói tóm lại anh đã lột tả trần trụi nỗi kinh hoàng của chiến tranh, không che đậy, giấu giếm. Ngoài ra anh cũng vén cái màn dối trá từ lâu đã bao trùm cả xã hội và tuổi trẻ miền Bắc. Đó là điều hiếm có cho nền văn học trong chế độ xã hội chủ nghĩa.

Thưa nhà văn Bảo Ninh,

Tôi đã rưng nước mắt trên những trang giấy về nỗi chán chường cùng cực của một thế hệ bị đẩy vào lò nướng, nhưng tôi không thể không phẫn nộ khi anh dùng nỗi buồn chiến tranh ấy để cố ý xuyên tạc bôi nhọ một hàng ngũ thất thế.

Xin đọc lại đoạn tả một trung úy thám báo bị phe các anh bắt làm tù binh: *"Tên nom to con nhất trong bọn, mắt trái bị báng súng dộng lòi ra, máu hòa nước mưa nhuộm đỏ nửa mặt, đưa con mắt lành nhìn Kiên cười khẩy, và khàn khàn nói, nhe hàm răng trắng ởn. - Ba nhỏ đó trình quí anh, tụi này làm thịt cúng hà bá rồi... Mấy nhỏ la khóc quá trời..."* (NBCT, trang 51, 52). Rõ ràng anh có một trí óc sáng tạo có một không hai.

Anh tốt nghiệp khóa 3 trường viết văn Nguyễn Du mà.

Nhưng anh đã không hiểu gì về vai trò của thám báo. Nhiệm vụ của thám báo là dò thám, lấy tin. Trinh sát, viễn thám, thám báo, biệt kích, những danh xưng, dù có khác nhau, nhưng nhiệm vụ là phải tuyệt mật. Chúng tôi chỉ dùng tai và mắt để nghe ngóng và rình mò và báo cáo về Bộ Chỉ huy. Toán trưởng thường thường mang cấp bậc thiếu úy hay chuẩn úy. Riêng cấp bậc trung úy chỉ dành cho trung đội trưởng mà cấp số thường trên hai mươi người. Như vậy, không tên lính thám báo nào lại ngu độn đến nỗi xâm nhập vào một mật khu, lại bắt mang theo ba cô chị nuôi, để cho các anh theo dõi bắt lại. Riêng anh cho người chỉ huy là trung úy, thì rõ ràng anh có một chủ ý thấy rõ. Cứ tưởng tượng đến một nhóm bảy người dưới sự chỉ huy của một tên trung úy vào mật khu để bắt ba con mồi, thúc súng đằng sau, hét hò, bận bịu để mang ra khỏi rừng, giữa lúc quân chính qui các anh thì dầy đặc, rõ ràng là một câu chuyện hoang tưởng và xuyên tạc có chủ ý.

Trung úy ở hàng ngũ chúng tôi cũng học nhiều trường, từ trường học, đến trường lính. Tối thiểu họ cũng có tú tài. Họ có học thức. Với cấp bậc trung úy, ít ra họ cũng có kinh nghiệm chiến trường. Họ không ngu độn như vậy đâu. Ngay lời nói của viên trung úy tù binh kia cũng đủ cho biết cái dối trá, phóng đại. *"Ba nhỏ đó tụi này làm thịt cúng hà bá rồi. Mấy nhỏ la khóc quá trời".* Nội câu trả lời kia cũng đủ cho thấy cái chủ ý, cái căm thù hằn học, mà chỉ có những cai tù trong trại học tập mới dành cho những con người thất thế. Hễ là thầy giáo thì phải hãm hiếp nữ sinh. Hễ là sĩ quan tác chiến là phải mổ mật mổ tim nhân dân cách mạng. Thì ra đầu óc anh vẫn còn bị nhồi sọ bởi cái luận điệu tuyên truyền của chế độ. Hay cũng vì nhờ những đoạn này mà nhà nước đã cho *Nỗi buồn chiến tranh* được xuất bản và được cho phổ biến rộng rãi?

Cái tàn bạo trong cuộc chiến là lẽ dĩ nhiên. Tôi không khẳng định ai ai trong hàng ngũ miền Nam cũng đều là anh hùng quân tử. Tuy nhiên sự tàn bạo ấy anh đã vẽ nên không phải lúc, phải chỗ, không phải vai trò, khiến bất cứ người nào đã từng tham dự vào cuộc chiến cũng phải phì cười.

Xin anh hãy công bằng khi viết. Hơn nữa chính anh đã kể về người tù binh *thám báo mời lính trinh sát các anh hút thuốc Ruby.* Nịnh hay là một bản tính đôn hậu, chân thật của những người trẻ tuổi miền Nam chúng tôi?

Thưa nhà văn Bảo Ninh,

Thứ hai, khi đề cập đến nỗi chán nản cực độ, anh đã cho nhân vật Kiên đi như đi vào chỗ không người, khi đụng trận với thám báo (lại thám báo): *"Kiên chẳng buồn khom người xuống, thong thả đi tới, vẻ khinh miệt đầy uể oải.Tên địch hấp tấp bắn. Hắn cuống. Đạn nổ đinh tai. Song cả ba chục viên đạn quạt căng rát kỳ thay không một viên gãi vào Kiên. Anh không bắn trả, chỉ còn cách con mồi vài bước nữa, vẫn không bắn. Tuồng như anh muốn ban cho tên địch cơ hội sống còn: kịp thay băng, nhắm kỹ mà bắn gục anh. Nhưng chính sự chán chường táo tợn của Kiên đã làm xiêu lạc hồn phách hắn. Run bần bật, hắn đánh rơi khẩu tiểu liên. - Đồ cứt đái! Kiên chửi gằn và khinh bỉ siết cò. Nỗi buồn chiến tranh* (, trang 31, 32).

Đúng là nhà văn Bảo Ninh lại mâu thuẫn với chính anh. Trong phần trên, anh đã vẽ nên toán thám báo tung hoành trong mật khu, đằng đằng sát khí, sau khi bị bắt, vẫn lạnh lùng, thách thức, gan dạ, tàn bạo thì bây giờ anh lại cho những người lính thám báo kia quá tội nghiệp, thỏ đế, con gà

nút dây thun. Anh dựng nhân vật rất hay nhưng quá giả tạo như kiểu cao bồi cải lương. Có tên lính nào ngu đần khi hắn vào thám báo. Có tên lính nào cách kẻ địch vài bước (nhắc lại: vài bước) quạt M16 mà sợ đến độ té đái trong quần. Và có tên lính nào vừa đi vừa đếm 30 viên đạn như Kiên. Thưa anh Bảo Ninh, hắn đã tha mạng Kiên đấy. Hắn đã tội nghiệp giùm cho một người tuổi trẻ miền Bắc đấy. Hắn đã tha như tôi và bè bạn tôi đã tha đồng đội các anh. Chúng tôi đã mời họ những điếu thuốc. Chúng tôi đã băng vết thương họ, kêu trực thăng mang họ về bệnh xá. Anh nhớ lại xem, những tù binh phe các anh, sau khi các anh vào, người nào người nấy mập và trắng, tiêu chuẩn đầu người bốn, năm đô la mỗi ngày, và luôn luôn được chiếu cố bởi hội Hồng Thập tự Quốc tế...

Vâng, những người lính mà anh rẻ rúng khinh miệt ấy, trong ấy có tôi, họ không hèn đâu. Chính trong *Nỗi buồn chiến tranh*, anh cũng đã thú nhận, năm Mậu Thân, hàng ngũ của anh đã tơi tả, tả tơi, có đơn vị thiệt hại đến 70, 80 phần trăm. Mắt tôi thấy các anh chạy như một lũ chuột thoát thân, mà chẳng cần xin pháo dập theo, hay đuổi tiếp. Ngay cả những người nữ cảnh sát viên *(lại phóng đại nữa, trời ạ. Ban Mê Thuột tôi đã từng ở mấy năm, đi tìm nát nước, nào thấy một người nữ cảnh sát viên nào đâu. Nhưng cũng xem là thật đi.)* mà anh viết, họ là đàn bà phụ nữ, nhưng họ vẫn chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Chiến đấu bằng súng lục (như anh kể trong truyện) trước quân đội chính qui của các anh. Đàn bà yếu đuối mà còn dũng cảm như beo hùm, huống hồ là đám thám báo chúng tôi. Họ tha Kiên chết đấy. Và anh phải thay mặt Kiên để cảm ơn họ mới phải. Đó là lý do tại sao nhà thơ Trần Khuất Nguyên trong *Ly thân* đã tìm đến người thương binh của hàng ngũ chúng tôi mà kết bạn trong những ngày đen tối nhất của đời ảnh, mà không tìm đến các anh.

Tôi cũng viết lai rai, và có trăm ngàn chuyện để viết về mấy năm làm trung đội trưởng thám kích. Nhưng mỗi lần đặt bút lên là lòng tôi lại quặn đau. Tôi không dám kể hết về những gì mà chiến tranh đã gây nên. Tôi không thể không quằn quại khi khui lại, mở lại những sợi gân đã buộc chặt vết thương. Tôi sợ mang nỗi buồn cho con cháu tôi. Bởi vậy tôi phục anh vì anh dám mở toát loát cái vết thương. Có điều, một nhà văn có tài, không phải là tài ở những chuyện bịa đặt, phóng tác có chủ ý, để lường gạt những người ngây không có kinh nghiệm. Ông ta phải biết thành thật, cho chính ông, và cả kẻ từng thù địch với ông nữa.

Xin đừng dùng nỗi buồn mà thóa mạ một cách cố ý những kẻ bị thất thế…
và nhất là gây thêm cái khoảng cách giữa những người thuộc hai phe, dù Bắc, dù Nam.

Người cha

Bên trời . Ai đã gọi bên trời, lời thất thanh, đêm bật rách ròng ròng lệ đỏ. Ai đã gọi bên trời, ngựa đã nản chân bon, hí lên tiếng hí cuối cùng, và mây ngũ vồng đưa ngựa già về miền tịch lặng. Bên trời, thời đại này, người có thể thấy mặt nhau từ xa vạn dặm, địa cầu gần gũi vô cùng, thư từ đến với nhau trong tích tắc, nhưng cũng có tín hiệu đến quá chậm quá tức tửi, quá đau . Tuần quạ Lúc con ở bên này ung dung lái xe trên xa lộ, ngày 8 tiếng trong hảng miệt mài, đêm ngủ yên lành trên nệm dày, trong chăn dạ, thì bên kia Ba lại bỏ đị Ba nhắm mắt. Ba không còn đợi thằng con, đứa cháu trở về. Và chấm hết.
Bên trời . Buổi sáng đến sở. Ngồi yên. Ba ơi, chưa bao giờ con lại cảm thấy cô đơn như bây giờ. Muốn bỏ mà đi . Muốn thèm một lần mếu máo . Muốn gọi một tiếng ba từ lâu chưa một lần được gọi Đi đâu bây giờ để khỏi đập đầu, khỏi đau quặn lồng ngực, để khỏi cắn miệng, cắn môi, mà nuốt dòng lệ mặn. Thì ra, bây giờ con mới hiểu thế nào là một nỗi mất mát của một đời người Cái mất mát sẽ chẳng bao giờ được đền bù hay có thể được tìm trở lại Dù là một hạt bụi đi nữa . Dù là một sợi tóc đi nữạ Cái mất mát mà ai cũng có một lần chấp nhận. Nhưng mà

thưa ba, chiến tranh giờ đã tàn lụi, đâu còn nỗi mất mát nào như những nỗi mất mát như ngày xưa . Người chết giờ đây, dù sao cũng còn được an ủi . Có nghĩa là, trước khi nhắm mắt vẫn còn nhìn lại một lần những người thân yêu . Trừ ba . Thưa ba, bài này, con viết cho ba . Trang giấy này con khóc cho ba . Một hai ngày, hay trăm ngàn ngày, con sẽ nói với ba, thầm thì với ba, kể lể với ba . Cái đau này con xin giữ lấy, cho riêng con. Không ai trong nhóm biết cái mất mát này . Con sẽ dấu, như chẳng bao giờ xin cái ngày phép tang chế thường lệ. Bởi vì, với con, ba không chết. Ba sống mãi . Ở mãi trong đời con.

Từ Quảng Bình, mồ mả ông bà ba bỏ lại . Bỏ lại, như lần đầu theo con tàu sắt ra khơi xuôi về Nam. Ba đã lựa chọn đời sống và tương lai cho con cháu . Nhưng vào ngày ấy, ba vẫn còn có một chỗ để mà đến. Dù những ngày đầu tiên lam lũ. Dù chiếc áo lương đen của ba càng lúc càng mờ phai giữa một thành nội đóng cửạ Dù nghề thầy thuốc của ba càng lúc càng khó khăn tội tình giữa một thế giới Tây y . Ba đã chọn lựạ Đau đớn mà chọn lựa . Bỏ Quảng Bình, bỏ Đồng Hới, bỏ mồ mả ông bà, ba lạy ba lạy Bỏ cơ nghiệp, nhưng cơ nghiệp có gì ở cõi này, trừ tiếng gọi thầm lặng của một kiếp đời: Tự do yêu và ghét . Ngày ấy con còn quá nhỏ để hiểu tại sao người ta dám bỏ cả một phần đời quí báu nhất của con ngườị Tại sao người ta lại dám chấp nhận đến một nơi vô định, chấp nhận một phần đất lạ lẫm của miền xa . Tại sao người ta lại dám phủi tay, bỏ sạch của cải mồ hôi nước mắt, công lao mà mình đã cố tạo dựng, và cả một nơi chốn yêu dấu nhất của một con người gọi quê hương. Đêm nay, mấy mươi năm trở lại một thời gian, một không gian cũ, để lại càng hiểu hơn về nỗi đau bầm của một người bỏ quê nhà. Ba chưa một ngày dính líu với bộ máy . Ba cũng chưa một ngày tung hô đả đảo . Ba đứng bên lề: giản dị như chiếc áo lương đen ba mặc suốt năm suốt tháng. Cao quí như nghề thầy thuốc mà ba đã giúp đời, giúp bà con, lâng láng. Và khổ hạnh như một nhà tu . Và ung dung như một vị đồ nho . Và cô độc như người còn lại cuối cùng của một thế giới . Như vậy tại sao ba lại mang thân gà trống tục tục bầy con xuống con tàu hả mồm. Thì ra, ba đã tiên tri được sự thật. Một sự thật mà ngay cả thế hệ của con sau này cũng chẳng bao giờ biết nổi . Và chao ơi, đến khi biết được thì đã quá muộn màng.

Những ngày đầu tiên ở Huế, thì quá lam lũ. Huế có những ngày mưa dầm, có những buổi trời lạnh căm căm, và gió thì cắt bầm da thịt. Và ba đã đứng ở giữa Huế, đi ở giữa Huế, chống đỡ cùng đời sống ở Huế. Vẫn chiếc áo lương đen bạc màu . Vẫn chiếc áo tơi nylon màu sậm rêu đã rách. Và vẫn chiếc dù đen. Ba đã không những chống cự cùng cơm áo mà còn chống cự cùng cái nền văn minh đang mỗi ngày một lấn áp xã hội . Nhưng nếu cơm áo đã làm ba lao đao lận đận, thì cái nền văn minh kia đã làm ba cô độc hàng vạn lần. Ở đâu người ta cũng quay mặt. Ở đâu, khói bụi, và sản phẩm của những luồng gió từ phương Tây vẫn cuốn lốc, vẫn vần vũ. Ba đã đi tìm lại những người thân chủ cũ. Mong đợi họ để ba bấm tay xem lại kinh mạch, để ba kê toa thuốc, và cuối cùng là ít tiền công. Ba cũng đã đi qua những phòng mạch bác sĩ chen chúc người . Ba nhìn người ta đang bị đầu độc bởi khói xe, dầu mỡ, nước đá, trụ sinh. Và càng đau hơn nữa, ba phải nhìn những trang giấy kinh điển, những giòng chữ hiền nhân, những suy nghĩ vạn đại từ từ bay cuốn hay vùi dập dưới bước chân người không thương tiếc. Khi ấy ba chỉ biết cúi đầu, lưng khom xuống, và lượm và nhặt. Khi ấy ba buồn bã nhìn về phía Đại Nội, trường Quốc Tử Giám, nơi mà ngày xưa ba đã từng học những giòng chữ của thánh hiền. Huế vào những ngày đầu tiên, mây thì màu chì, và sũng nước. Những con quạ đen in bóng trên thành quách cũ, từ Thượng Tứ qua Đông Bạ Huế vào những ngày đầu tiên, đêm thấp thoáng những ngọn đèn lu mờ giữa dòng sông Hương, và tiếng hò Nam Ai thỉnh thoảng cất lên ủ dột. Huế, học trò Đồng Khánh, Quốc Học, bãi học qua cầu như cả một đàn bướm. Huế có đài phát thanh bên cầu, còn nghe âm vang tiếng đôi song ca Ngọc Cẩm và Nguyễn hữu Thiết. Huế có tiếng rao hàng rong não nuột trong bóng tối âm u từ đường Trương Định về Hàng Đoát. Và Huế có một mình ba, đứng lại, còn lại một mình .

Nhưng ba không bao giờ chịu làm kẻ thua cuộc. Ba vẫn mặc chiếc áo lương đen, mang chiếc dù đen, chiếc áo tơi màu rêu sậm, và đi bộ, đi mãi, đi miết. Từ Morin về Đập Đá. Từ Morin lên Phủ Cam. Từ Morin qua cầu Trường Tiền, qua Đông Ba, Thượng Tứ, vào Hồ Tịnh Tâm, ngược lên Bến Ngự. Dáng ba nhỏ, gầy . Hai chân ba khẳng khiu, vai hơi khom xuống . Đôi khi một

chiếc xe phóng qua vũng nước, và cả người ba bị nước bắn tung tóe . Đôi khi những con chó hung dữ sẵn sàng nhảy bổ vào người ba, nếu không nhờ cây dù bên người, chắc ba sẽ phải bỏ cuộc. Rồi ba trở về cùng con. Mái nhà tôn nào bên đường Trương Định, nền nhà đất thịt, chiếc giường tre nương tựa cơ hàn. Những đêm mùa đông năm ấy, Huế trở trời, lạnh căm căm da thịt. Vì lạ lẫm, và vì hơi lạnh buốt bốc lên từ nền đất, thấm qua tấm chiếu, qua cả chiếc mền dạ nhà binh, khiến con không thể nào ngủ được. Và ba cũng vậy, nằm bên con, mắt mở. Chúng ta đã không thể tưởng tượng có một ngày chúng ta phải nương thân tại nhà của một người khác, trong khi ở quê nhà, chúng ta có cả ngôi nhà gạch khang trang, có nền xi măng, giường rộng, chiếu hoa . Chúng ta không thể tưởng tượng một ngày ba dẫn con đi tìm quán ăn nghèo nàn bên chợ đông ba, để nghe mệ chủ quán bĩu môi nói trắng trợn: Quán tôi dơ bẩn, ông nên tìm chỗ khác, chỉ vì ba cẩn thận lấy tờ giấy mang trong mình lau đôi đũa, cái chén . Mắt ba đã mở trong đêm, nhìn lên chiếc mùng, hay đang trở về cùng quá khứ. Với ba, con biết, lệ thầm ấy là quá khứ. Và với con, lệ thầm ấy là mền không đủ ấm, là khoảng đêm dày dặc, là gió bên ngoài hú từng cơn, đập vào mái tôn kêu âm ỉ, là cả thân thể co rúm lại trước cái lạnh bốc xuống từ mái tôn, bốc lên từ đất...Phải, với ba, lệ thầm ấy là quá khứ. Con người ba đã nặng trĩu quá khứ. Ngay ở hiện tại này, ba cũng là ngọn đèn của quá khứ. Ngày xưa, mỗi lần ba ngủ không được, ba vẫn trở dậy pha trà và đọc sách thánh hiền, hay ngâm những vần thơ cổ. Bây giờ không ai cho phép ba trở dậy, để ngồi độc ẩm cùng bóng đêm. Người ta đang ngủ. Nếu có thức chăng là những hồn ma từ những thành quách rêu rong.
Chúng thức để mà khóc cho một thời đại . Nhưng dù sao, chúng vẫn là hồn ma . Còn ba, ba lại là con người thật. So với chúng, ai khổ hơn aỉ
Vâng, ai khổ hơn ai . Dù sao những hồn ma kia cũng vẫn còn bầu bạn. Còn ba, một người còn sót lại cuối cùng, quá chừng lẽ loi, và cô độc. Nếu có bạn chăng là con quạ đen trên nhánh cây phượng gầy bên Thành Nội hay tiếng dế khóc than dưới mấy tầng gạch cổ . Từ một xóm nghèo bên Morin, ba lại dẫn con đi nương nhờ tại Đập Đá, rồi qua Bến Ngự, rồi về Phủ Cam, rồi qua Thành Nội... Cơm áo cuối cùng cũng xong. Những bà chủ nhà nghiệt ngã cuối cùng cũng xong. Những dốc lên dốc xuống cuối cùng cũng xong. Những ngày hừng hực nóng và những đêm buốt tận xương tủy cuối cùng cũng xong. Dòng sông Hương vẫn xanh lơ . Đêm Nam Ai, Nam Bình vẫn bềnh bồng trên những chuyến đò côi cút. Người di cư bắt đầu hòa nhập vào cuộc sống mới . Ông Bá đã trở thành một người thân tín của chế độ, và được giao một nhiệm vụ cao cấp của đảng chính quyền. Anh Trinh được lên Trung sĩ nhất. Bác Cấn được phong trung sĩ nhất hậu cần. Ông Phán lên làm Phó Tỉnh trưởng hành chánh. Bây giờ những người di cư mới tìm lại ba như ngày xưa họ đã tìm đến. Thân chủ của ba đã không còn bao gồm trong thành phố Huế mà đã được bung ra đến Đà Nẵng, Hội An. Người ta cuối cùng đã tìm đến một vị thầy sau bao năm ngoảnh mặt. Và trong lòng chiếc xe hàng Phi Long, Tiến Lực màu vàng da cam ấy, ba vượt đèo Hải Vân, xuống bến xe, và lại đi bộ, đi hoài đi mãi . Áo lương đen, chiếc mũ dạ, chiếc dù đen. Và cái túi áo mỗi lúc mỗi đầy những trang giấy thánh hiền. Phố lầu cao che mái ra bờ lề, bóng ba lẽ loi giữa chợ người . Ngày mưa cũng như ngày nắng. Ngày lạnh căm căm cũng như ngày lửa oi nồng, một mình đông tay nam bắc, bước tới, đi tới . Để làm gì. Hai trăm đồng học phí một tháng cho lớp Đệ Ngũ của trường Việt Hương. Ba trăm đồng học phí cho lớp Đệ Tứ của trường Bán Công, để con tiếp tục đến trường. Và đêm đêm, ba ngồi viết hàng trăm verbe qui tắc hay bất qui tắc, những demander à hay demander pour, thành ngữ, văn phạm trên cuốn sổ tay bìa đỏ. Ba hãnh diện nhắc lại ngày ba cứu dân làng thoát khỏi lần bố ráp của Tây bởi vì ba là người nói và viết được tiếng Pháp. "Ông quan ba đọc xong thơ của ba, bèn kêu ba tới và bắt tay kêu ba là monsieur". Ba nói về cuốn tự điển Larousse dày cả ngàn trang mà ba thuộc lòng. Người ta thường nói về một người mẹ như một hình ảnh yêu quí nhất, tôn thờ nhất, dịu hiền nhất, nhưng với ba, cho con được ngừng lại một giây, một phút, để cho nước mắt cứ tuôn, để đôi mắt con mờ nhạt, để hiểu rằng con được tự hào có một người cha còn tuyệt vời hơn cả một người mẹ nữa . Có lần con thấy con gà trống dẫn đàn con đi kiếm mồi, con vật sao cô dơn quá. Nó có mồng, cựa, bộ lông sặc sở, uy dũng hiên ngang làm sao, thế mà cứ mỗi lần tìm được mồi, nó lại kêu tục tục, gọi đàn con đến... Cũng như ba . Tục tục hoài . Hết tay này

quạt lại đến tay kia quạt trong những đêm mùa hè dưới mái nhà tôn. Chiếc mền đắp lại trên người con, trong đêm giá buốt. Và đôi khi, giữa đêm, con còn nghe tiếng ba nằm mớ. Ú ớ. Một ác mộng cũng nên . Tại sao ba không bao giờ kể cho con nghe về cái ác mộng ấy để con hiểu thế nào là lịch sử, những biến cố của đất nước hay cái thảm kịch của chính ba ? Phải, ba đã dấu con. Ba đã dấu về một người đàn bà mà ba đã cưới về làm vợ, về một người nào mà lẽ ra con còn được gọi cái tiếng mẹ như mọi người . Ba đã dấu, chẳng bao giờ nhắc nhở, hờn giận. Nhưng ba không thể dấu nỗi những tiếng mớ u uẩn trong đêm. Rằng, nỗi buồn câm nín mà ba mang theo trên hai vai gầy guộc của một ông đồ, một người đàn ông, một người cha hẩm hiu đã trở thành tiếng ú ớ buồn thảm .
Cuối cùng, ba vẫn là người để người ta tìm đến, sau khi bệnh tình của họ, và người thân, bác sĩ đã bó tay . Vợ họ hiếm muộn con cái . Con trai họ mộng tinh di tinh trầm trọng. Có người bị mất ngủ kinh niên. Và mỗi lần kê toa thuốc xong, ba không bao giờ quên một câu dặn dò: Nhớ là đừng bao giờ dùng nước đá. Nước đá hàn, uống vào sẽ hại không ít thì nhiều . Ba đã dặn bệnh nhân của ba như vậy là vì lương tâm của vị thầy thuốc hay là vì cái nền văn minh kỹ thuật đang cuốc lốc mọi thứ cổ truyền mà ba tìm cách chối bỏ? Với con, cả hai . Ba vui mừng khi thấy con bệnh mà ba chữa trị đã bình phục, nhưng ba đau khổ không ít khi nhìn cốc nước đá lạnh mà người ta đã mời ba . Ba đã cố giải thích với họ về một nền văn minh chết người, đang tìm cách làm hủy diệt loài người . Tại sao những người xưa sống lâu cả trăm tuổi ? Tại sao người ta mắc bệnh tâm thần ngày càng nhiều ? Thuốc trụ sinh là gì chẳng qua là nấm? Và cả bao nhiêu loại thuốc men khác cũng bắt nguồn từ cây cỏ? Đôi khi gặp một vài người tri kỷ, ba lại nói về cái độc hại và phá sản của một nền văn hóa ngoại lai . Nó làm băng hoại gia đình và xã hội . Ba trách thế hệ trẻ tuổi sa đọa, quên hết cội nguồn, thương mây khóc gió, không còn biết trọng thánh hiền. Nhưng ba không biết, con đang ở trong thế hệ trẻ tuổi mà ba đã kết án. Ba không biết tuổi trẻ của con đang nổi loạn. Tuổi trẻ của con đầy những xâu xé, giành giựt, bị hành hạ bởi ý thức. Qua sách vở con đọc, qua lịch sử mà con đã sống và lớn lên để thừa hưởng, qua xứ Huế mà con đã cô đơn, qua cha mẹ phân ly, qua tình yêu mà con đã vấp phải, qua mấy bức tường thành mà con bị giam hãm. Ý thức đẩy con xa ba, và càng xa, ba càng buồn vì con hơn ai hết. Ba muốn con lập thân, có nghĩa là đậu bằng cấp, có chức vụ để người đời trọng nể. Nhưng con thì lại khác, ngồi trong thư viện, đọc trang sách của Sartre mà lạc loài, mà hư vô, mà nôn mửa . Đời là gì. Chiến tranh ở đâu đó, trên những trang nhật báo mỗi ngày . Con đọc Tội ác và Hình Phạt mà tìm hình bóng con qua người trẻ tuổi . Tại sao ? Đầu óc con muốn nổ bùng. Con lê dép Nhật, để tóc dài, như thách đố cùng Huế, cùng xã hội . Con bỏ lại sách vở, bằng cấp ở phía sau, để coi đời là áng mây trắng. Con đuổi theo áng mây ảo tưởng . Con coi đời là cuộc chơi . Chẳng cần thắc mắc. Khi người ta bắn con, viên đạn phá toạc da thịt con, những mảnh lựu đạn cắm sâu trong thịt con, con vẫn nhìn lên bầu trời, không oán trách, giận hờn hay đổ tội Rồi ở đâu, trong cõi này, những áng mây sẽ dịu dàng đậu lại, nương nhờ nhau, che chở nhaụ Rồi ở đâu, cũng có ngày người Nam ôm kẻ Bắc, người Bắc ôm kẻ Nam...Nhưng cuối cùng, con đã hiệụ Người thật thà không thể sống chung với ma quỉ .
Thôi thì đành ra đị Ở Việt Nam đâu còn gì nữa để mà nói về con người, về tình tự, về mây trắng. Nhưng khi bỏ đi, thì phải bỏ những gì yêu dấu nhất trong đời Bao nhiêu năm trong nước con cứ hẹn lần hồi một ngày về phép thăm ba, thăm Huế, để nói với ba rằng con vẫn còn bình an, và để nhìn lên lư nhang đầy ngập tro và trăm ngàn que nhang tàn chen chúc, nhưng cuối cùng chỉ là một lời vỗ về hoang tưởng. Cháu nội của ba vẫn chưa được thấy mặt nội Giấc mơ nào về quê, để ba nhìn cháu nội đã vỡ vụn tan tành . Và giờ đây, con lại xa ba thêm một nửa vòng trái đất. Lại còn phải thêm một lần nếm mùi bỏ xứ ra đị Lại thêm một lần, bóp còi cho tiếng còi lạc vào chốn mịt mùng. Lại thêm một lần, những bánh xe cứ lăn hoài không biết ngày nào trở về cố hương. Ba thì lại xạ Nói gì về một lời tiên tri cũ để chợt giật mình. Thì ra tóc con cũng đã nhuốm bạc rồị Tin nhà cuối cùng cũng phải đến như qui luật của vũ trụ nhân sinh. Con đang nhắm mắt đây, bởi vì, con biết Đất Trời Tiên Phật đang bao bọc ba, dìu dẫn ba, và chưa chắc, ba đang có mặt tại chốn nàỵ Con nhắm mắt, giòng lệ nóng tuôn trào, không ai biết, mà chẳng cần ai biết. Bởi vì chỉ có ba biết con và con biết ba là đủ. Con biết có một người can đảm nhất

trên đời, đạo hạnh nhất trên đời, và cũng buồn bã nhất trên đời Tháng ba hay tháng chạp, năm này hay năm khác, đêm xứ Mỹ hay ngày xứ Mỹ, qua thị trấn này hay về thị trấn khác, những con đường hun hút mênh mông rồi cũng cuối cùng về lại một điểm. Cái điểm đó, có ba mái tóc bạc phơ, bộ áo lụa trắng, đôi mắt mù lòa, hun hút trong dòng thiên cổ.

Ra biển gọi thầm

Tôi lại trở về cùng biển. Tôi lại trở về để nghe lời gọi mời của chân trời xa, của sóng, và mặt trời. Tôi lại về bên này để nhớ về bên kia. Cũng vẫn một bầu trời xanh, cũng vẫn những đám mây trắng nõn như đàn cừu trên triền đồi xanh cỏ, cũng muôn lời ru trên mênh mông âm thanh của sóng và gió. Một chỗ đứng ở đây, ghềnh đá dựng, bãi cát mềm, lũ còng bé nhỏ, nước lên rồi lại nước rút.
Mười tám năm, hay là mới hôm qua Một chỗ ngồi ở đây hay một chỗ ngồi từ cõi nào, ngày nào. Thuyền ơi thuyền ơi, thuyền trôi biền biệt. Mấy mươi năm chẳng biết mô tìm. Tôi nói hoài. Tôi cứ gọi hoài. Con thuyền ở đâu giữa biển cả mịt mùng. Sao nó chẳng hiện lên, chấm đen cuối trời, để tôi còn thấy nàng. Gió trở lạnh, hay người tôi không được khỏe, hay tại vì khí hậu của vùng Đại tây Dương. Tôi mang lại chiếc áo ấm xưa. Mấy mươi năm chẳng biết mô tìm. Áo này em đã thức bao đêm để gởi lên đường len thương nhớ. Tên này em quyện cả hơi thở, ràn rụa nụ hôn. Còn nữa. Còn con sông chảy về Kiên Lương, nhánh chia về Kinh Một, nhánh chảy về Hà Tiên, trước khi ra cửa biển. Con sông bên nhà em, để tôi yêu vô cùng câu thơ cổ: Quân tại tương giang đầu. Thiếp tại tương giang vĩ... Em yêu dấu vô cùng, và bao dung vô cùng. Con người là một loài lau sậy, nhưng là loài lau sậy biết nương nhờ. Chúng biết suy nghĩ, dĩ nhiên, nhưng chúng biết suy nghĩ để làm gì khi xã hội này không cho chúng suy nghĩ. Chúng chỉ muốn quên, như giòng chữ bằng than người tù binh đã viết vội vàng trên tường:
Ước gì mắt ta được mù tai ta được điếc...
Cái kiêu hãnh của một sinh vật đứng bằng hai chân phải bị nhường lại trước cái kiêu hãnh của sa tăng. May mà chúng biết nương tựa lẫn nhau, dìu dắt cho nhau. Như trăm ngàn bóng ma ở trong rừng tràm Kinh Một,Tám gàn. Như em và tôi. Em và tôi. Nhớ gì con thuyền nhỏ xuất hiện trên giòng kinh vào mùa nước lũ. Nhớ gì màu nước đục ngầu, nước chảy xiết, mang trên giòng những đoàn quân lục bình, tràm củi. Nhớ gì về một bầu trời xám hì, và những khu rừng lau trắng bạt ngàn rợp mình dưới những trận gió hung bạo. Nhớ gì về một tấm thân cha mẹ ưng niu không may sinh lầm thế kỷ, để biết con người còn thua con vật. Con người kỳ lạ. Nó biết kéo cái ách bằng ách nào hay nhất. Nó sáng tạo những dao những búa thay vì người ta bắt nó dùng hai bàn tay không. Nó lại biết dùng vải bao cát để che thân, dùng rơm cỏ để làm nệm, dùng dây điện thoại để làm dây đàn, để hát lại những bài tình ca Nó cũng thâm độc hơn bất cứ một sinh vật nào. Nó đái lên những con cá lóc cá trê nó câu được trước khi nạp phần cho cán bộ quản giáo. Nó thầm lén phạt đứt cọng mạ non thay vì làm cỏ. Nó chửi thề khi hắn ngồi nghe chính trị viên lên lớp. Nhưng nó lại chịu thua trước thiên nhiên. Bởi nước thiquá sâu, và chảy quá mạnh. Bởi bó tràm thì quá ngỗ nghịch, cứng đầu. Nó ngoi ngóp. Nó vùng vẫy. Hai chân vừa đạp, hai tay vừa kéo. Mưa lạnh làm châu thân nó run như lên cơn sốt rét. Hàm răng nó đánh cầm cập. Nó lại đói. Cái đói ghê gớm. Cái đói tàn bạo quật ngã nó khiến nó cứ thở dốc, thở rống từng hồi từ lồng ngực ngỡ khô cạn. Nó lảo đảo. Nó đang ở bên trời. Nó hay là tôi. Và tôi hay là nó. Tôi cũng chẳng cần biết nữa.
Chỉ biết có con thuyền nhỏ người con gái hôm nào đã dừng lại. Chiếc áo bà ba vải trắng. Chiếc khăn sọc rằn quấn cả gương mặt như che bớt cái cam khổ mưa nắng rừng tràm. Em hỏi tôi. Anh à, hay anh cột bè tràm này vào đò, để em chống về trại dùm. Tôi nhìn em, lòng như bật khóc. Em như bà tiên, bà thánh nữ, mẹ Maria, Phật Bà Quan Âm. Em từ đâu hiện đến cứu vớt tay Tôn hành Giả ở tận đường cùng. Tôi nói cô không sợ sao. Em trả lời thách thức có gì mà em lại sợ. Giúp người đâu phải là cái tội, phải không anh? Tôi thú thật với nàng tôi quá đói. Em

trao tôi gói cơm nếp, mấy con cá rô kho mặn trái dưa leo. Hai tay tôi run. Tôi nhận ơn cứu độ. Phía xa ở cuối bờ là ngọn đồi Sọ, có cây Thập Tự giá mờ nhạt in trên nền trời xám. Tôi nghĩ Đất Trời Vô Lượng đang cúi đầu nhìn xuống tôi. Như đôi mắt dịu dàng đang nhìn tôi, lúc này. Sau đó, tôi cột bè tràm vào sau chiếc đò tam bản.
Người con gái chống sào vượt giòng nước ngược. Thân hình em mảnh mai và đôi bàn tay mềm mại cầm chiếc sào. Gương mặt trắng và đẹp có vẻ thị thành để tôi biết em là cánh chim đến từ đất lạ. Tôi cũng vậy,cũng đến từ đất lạ. Chúng ta cả miền Nam bây giờ cũng đến từ đất lạ. Bởi vì người ta đã đoạt quyền làm chủ. Tôi bước theo trên bờ kinh. Mong thời gian ngừng lai.. Mong người con gái sẽ đứng đấy ngàn năm. Phía cuối chân trời là núi Sọ. Tượng Thập Tự giá vẫn trơ trọi dưới màn mây cuối ngày sắp khóc. Chợt em nói: Anh ơi, đêm nay là đêm Giáng Sinh. Tôi bàng hoàng: ồ thế sao. Tôi không hề biết. Cổ tôi lại khộ Tôi nuốt nước miếng. Núi Sọ Ngài lên Thập Tự Giá. Núi Sọ đánh dấu cái tàn bạo của con người. Nhưng Núi Sọ vẫn nẩy nở những nụ hoa bất diệt như người con gái ở Kinh Nhà Chung này. Đến gốc xoài cách trại tù khoảng 500 thước, tôi kêu nàng dừng lại. " Cô ơi, đến đây được rồi. Tôi có thể bè một mình... " Nhưng em vẫn còn muốn giúp kéo thêm một đoạn. Em nói:
" Còn xa lắm. Để em chống thêm một lát không sao đâu anh".
Tôi khẩn khoản: " Cô hiểu dùm tôi. Người ta biết được chắc tối nay tôi phải nằm ngoài chuồng kẽm gai, muỗi hút tôi không còn giọt máu".
Em nghe lời. Em trả lại bè tràm. Tôi cám ơn em, và nhủ lòng trong suốt quãng đời còn lại, tôi sẽ không bao giờ quên được một người con gái. Và em từ giã. Chiếc xuồng tam bản mỗi lúc mỗi mờ nhạt, và thân hình mảnh mai của em càng lúc càng mất hút giữa một rừng lau trắng bạt. Đó là đêm Noel đầu tiên để tôi biết được thế nào là sự bao dung của Thượng đế. Hình như tôi nhớ đến một đoạn nào trong Thánh Kinh. Hãy nhìn những con chim sẻ ngoài đồng nội, Ta còn cho chúng chiếc áo... Nếu quả vậy thì Thượng Đế đã rủ lòng thương của Ngài xuống khắp trần gian. Tôi là một kẻ không đạo, nhưng tôi tin có đôi mắt Ngài. Đôi mắt từ núi Sọ, dù đêm ở đây đen tối quá chừng. Ai đã kể lại lịch sử của kinh Nhà Chung. Ngày xưa, vua Minh Mạng bài đạo, sát đạo cùng khắp. Có nhóm người trốn ra hòn đảo nhỏ sau đó quay lại đất liền, phá rừng tràm lập lại nhà thờ và dựng nên một thập tự giá trên ngọn đồi thấp, tức Núi Sọ bây giờ. Ai lại nói về những đêm xưa. Những đêm những xuồng ghe từ mọi nơi đổ về hành hương dưới chân Núi Sọ. Bây giờ cảnh cũ không còn nữa. Tất cả là đất lạ, ngay trên nơi chôn nhau cắt rún của mình. Đêm ấy, những người tù mừng Giáng sinh bằng ấm nước nhãn lồng và hát cho nhau nghe những bài Giáng sinh. Hải lấy cây đàn mà anh tự chế với ván thùng đạn và sợi dây điện truyền tin. Anh dạo lại bài Ave Maria, khiến con tim chúng tôi muốn nghẹt thở. Chúng tôi ngồi xít lại nhau vừa nghe vừa chuyền điếu thuốc lào trong khi đêm ngoài lán đen và dày xôn xao lời dạ trùng và lời ru của gió. Riêng tôi, cảm động quá chừng. Không có giáo đường và máng cỏ. Không có cây thông và tiệc nửa đêm. Không còn người con gái dịu dàng bước qua cửa thánh. Những điều đó có ý nghĩa gì khi cả miền Nam rưng rưng nước mắt. Dù vết cứa cứ hành người trong cuộc nhưng đôi khi ta phải thương hại kẻ đã cứa tạ Đầu óc chỉ biết đến bùn, đến máu. Họ thức trong khi ta mệt ta ngủ. Họ canh trong khi ta mợ Họ rình rập trong khi ta ung dung. Có phải vậy không, hay là tôi đã tạo ra một triết lý để an ủi. Không, tôi không an ủi. Chúng tôi không an ủi bằng nỗi bất lực. Hải vẫn đàn từ bản này qua bản khác.
Hùng vẫn ngâm những bài thơ hay dạo nào. Tự vẫn tha thiết bài hát. Lửa vẫn ấm từ những anh chàng chuẩn úy, thiếu úy, trung úy, những tú tài cử nhân cao học tiến sĩ bác sĩ kỹ sư từ Kinh Một về Nhà Chung về Tám Ngàn. Để rồi họ phải ào vào, lên cò đạn, rọi đèn pin khắp lán. " Các anh giờ này còn tụ tập để hát nhạc phản động ấy hả ?" Tội nghiệp cho họ. Họ chưa biết đời là gì. Họ sống như thể một con trâu ngoài đồng nội, bị xỏ mỏ bởi những tay phù thủy. Họ đã không còn làm chủ lấy chính con người của họ nữa.
Từ đấy tôi có một người đến với giòng lênh đênh. Mỗi lần ra chợ Tròn để đào trùn về nuôi bầy vịt của đám quản giáo, tôi lại được cơ hội gặp người con gái. Nàng cùng đứa em trai chăn bầy vịt trên bờ hồ. Người lính canh gốc miền Nam thường bỏ một mình tôi cùng với những đống rác bẩn thỉu để la cà tán tỉnh các cô hàng nước trong chợ. Tôi mang thùng đựng trùn về bờ hồ. Mặt

hồ phẳng và nước hồ xanh lợ Nàng cầm chiếc gậy tre đuổi theo đám vịt, và mái tóc nàng xõa tung baytrước gió. Nắng làm má nàng đỏ hồng. Mắt nàng sáng lênkhi gặp tôi. Rồi nàng ngồi xuống bờ hồ, quẹt mồ hôi trán. Tôi nhìn nàng, ước gì có phép lạ. Phải, tôi sẽ lau dùm những giọt đời bất hạnh gian khổ. Tôi sẽ che nắng lửa khỏi làm nám màu da trắng nuột của em. Nàng vẫn tinh nghịch như người con gái Saigon. " Anh ơi, anh nhìn kia kìa. Đám vịt con không dám xuống hồ cùng mẹ. Chúng sợ nước rồi. " Nàng quả ngây thơ để lòng tôi phải nẩy nở một niềm hạnh phúc thật tinh khiết. Tôi có lần hỏi nàng. " Cô bé, em không sợ anh là ngụy sao? " Nàng trả lời: " Em thấy các anh tội nghiệp quá. Tại sao người ta lại ác với các anh như vậy ? Em nhìn các anh vác gạo, bè tràm, em lại nhớ đến người anh của em. Ảnh bị bắt ở Xuân Lộc. Bây giờ không biết bị tù ở đâu" . Tù ở đâu. Ở đâu cũng là nhà tù. Và ai ai cũng chui vào cửa ngục. Cả em nữa.. Bởi vậy chúng ta mới ở cùng một hàng ngũ. Tôi muốn nói với nàng như thế. Nhưng tôi phải từ biệt nàng. Chiếc thùng trùn này, với những con trùn hổ, trùn đất, trùn trâu. Chúng là căn phần của cặn bã, nhưng cũng có những kẻ cần chúng, như những thùng phân mà người dân miền Bắc đã giành giựt trong bao nhiêu năm.
Rồi một ngày người con gái chợ Tròn gặp tôi, giọng thì thào như thể có điều gì nghiêm trọng. " Anh hãy đến đầu đống rác dưới gốc cây xoài, có cái lon sữa bò." Rồi nàng vội bỏ đi, đuổi theo bầy vịt trên bờ hồ. Tôi xách thùng giả vờ lui cui đào bới. Người cảnh vệ đã bỏ đi về phía khu nhà chợ. Tôi mở nắp lon sữa bò, thấy tờ giấy cuộn trong lon. " Anh Hai của em đã vượt ngục về đây. Mười hai giờ trưa nay có người đưa về chỗ trú. Đêm nay tàu sẽ vượt biển. Họ cần một người biết lái tàu. Em biết anh là sĩ quan hải quân nên em đã giới thiệu. Đừng chần chờ nữa. Anh nhớ đến bến đò... Thương yêu anh. Em. "
Bây giờ tôi đang ở tại đất người. Bao năm chờ đợi một tin người yêu cũ để rồi cuối cùng người anh của nàng một đêm gọi điện thoại về để báo tin trong tiếng nấc. Chiếc tàu mang nàng đi đã bị tàu hải tặc ủi chìm sau khi chúng thi nhau hãm hiếp từng người đàn bà con gái trên tàu. Mày có thương nàng thì lấy cái ngày tàu nó đi làm ngày giỗ, để nó còn yên ổn dưới lòng biển cả.

Người mất tích

Thưa ông,

Trước hết xin ông tha lỗi cho lá thư được viết từ một người không quen biết. Tôi xin tự giới thiệu tên tôi là Hạ hiện ở tiểu bang X. Hôm ấy, tình cờ tôi được một người bạn mang đến một tạp chí, và nói với tôi: Có tên chồng bà được nhắc trong bài thơ này. Hãy đọc đi... Thú thật, từ trước đến nay tôi không hề quan tâm đến thơ văn, cũng ít khi đọc báo chí, nhưng rõ ràng, chiều hôm ấy, mấy câu thơ của ông đã làm tôi phải bàng hoàng. Cả một quá khứ từ lâu ngỡ như bị dấu kín, chôn vùi trong tận đáy lòng bỗng nhiên sống lại, khiến tôi nghĩ là phải gọi ông, để hỏi ông sự thật về bài thơ tựa là Trung đội, trong đó có một đoạn như sau:

Đồng đội ta những người đã chết
Những Vọng, Nai, Nga, Bình Lò Heo
Những Chấn, Hảo, Sơn, Tài Xóc Dĩa
Bầy diều hâu bỏ núi khóc òa

Nước mắt tôi chảy ràn rụa. Tôi đã ngồi bất động trong tiệm. Lúc ấy tôi muốn được gọi ông ngay lập tức, để hỏi rõ về những tên tuổi mà ông đã viết trong bài thơ. Có phải những người mà ông nhắc là những người đã chết thật sự, hay chỉ là những tên hư cấu. Có phải anh ấy đã chết thật sự rồi sao? Tôi không tin. Những Chấn, Hảo, Sơn, Tài Xóc Dĩa... Bốn tên người đồng đội mà ông đã nhắc lại trong bài thơ, có hai người tôi biết. Biết rất rõ. Hảo và Tài Xóc Dĩa. Hảo là tên chồng tôi. Và Tài Xóc Dĩa là tên người bạn thân của anh ấy.

Thưa ông,

Tôi đã gọi toà báo để nhờ họ cho số điện thoại của ông. Tôi cần gấp câu trả lời của ông. Tôi phải thú thật. Tôi không tin ở câu đầu trong đoạn thơ: Đồng đội ta những người đã chết... Tôi không tin anh Hảo chết. Mãi đến giờ phút này tôi vẫn chưa nhận bất cứ một cái gì để chứng tỏ ảnh chết cả. Cấp trên nói ảnh bị mất tích, phi đoàn cũng bảo với tôi là ảnh bị mất tích, bạn bè cũng nói như vậy. Mà mất tích thì còn hy vọng có ngày về... Nếu không một ngày, thì một tháng. Nếu không một tháng, thì một năm. Nếu không một năm thì một thế kỷ. Chết khác với mất tích. Chết có nghĩa là hết. Còn mất tích là còn niềm tin, dù niềm tin ấy le lói đi nữa. Có thể anh bị bắt khi tàu anh bị bắn và anh nhảy dù xuống vùng địch. Có thể anh lạc lõng trong rừng già như trong câu chuyện những người lính Đồng Minh lạc trong rừng già Á châu vào thời kỳ đệ nhị thế chiến. Có thể anh đang có mặt tại xứ Mỹ này. Vâng, một người bạn tôi đã cho tôi biết là có một người tên Hảo cũng ở trong binh chủng Không quân hiện có mặt tại California... Tôi tin anh còn sống. Thưa ông tác giả bài thơ Trung Đội, ông hãy cho tôi biết anh Hảo còn sống hay đã chết. Và ông có quen biết với nhà tôi và anh Tài Xóc Dĩa không. Cho tôi biết càng sớm càng tốt để tôi yên tâm. Nếu quả thực, anh không bao giờ về nữa thì tôi cũng đành coi là số phận của bất cứ người đàn bà Việt Nam nào trong thời chiến. Và tôi sẽ coi cái ngày anh ấy mất tích là ngày giỗ để tôi còn th¡p nhang cầu nguyện, để linh hồn của ảnh được siêu thoát...

Thưa ông,

Tôi đang viết thư này mà nước mắt tôi chảy dầm dề cả trang giấy. Mong ông tha lỗi nếu ông không đọc được những lời tôi viết. Tôi cứ thấy lại hình ảnh của Hảo trong buổi cuối cùng trước khi Hảo từ giã tôi lên Pleiku. Hảo đã nói với tôi những điều như thể báo trước một điềm gỡ. " Anh hiểu em yêu anh. Nhưng anh không thể bắt em phải sống với một người chồng như anh trong khi em vẫn còn son trẻ." Hảo đã nói với tôi bao lần như thế. Tôi giận và khóc với Hảo: " Bộ anh xem em là một người đàn bà hư thân mất nết hay sao." " Không, anh không bao giờ nghĩ như thế. Nhưng anh không can đảm nhìn em phải hy sinh đời em vì anh."

Tôi hiểu Hảo cũng vì thương tôi. Nhưng tôi giận Hảo bởi vì Hảo đã không hiểu tình yêu của tôi cho anh là to lớn như thế nào. Thưa ông, đến giờ phút này tôi phải thú thật, Hảo đã không còn là một người đàn ông theo đúng nghĩa của hai chữ đàn ông nữa. Hảo đã mất khả năng tình dục trong một một phi vụ. Tàu anh bị bắn. Và miểng thép oan nghiệt đã làm teo bộ phận sinh dục của ảnh. Biến cố này xảy ra trong thời gian chúng tôi tôi yêu nhau, trước ngày tôi chính thức làm vợ của Hảo. Hảo cũng thổ lộ điều này trước khi Hảo ngỏ ý muốn kết hôn. Lúc ấy tôi mới hai mươi tuổi. Tôi yêu Hảo, lại càng yêu Hảo vô cùng tận khi hiểu rằng Hảo đã bị mất mát một phần quan trọng nhất của con người. Không phải lỗi của Hảo. Hảo vô tội. Hảo đáng được an ủi hơn ai hết, nâng đỡ hơn ai hết. Không thể để một người đang ở trong tuổi thanh niên phải sống trong nỗi đau thương của một con mãnh hổ tật nguyền. Phải cứu Hảo. Phải mang lại niềm tin cho Hảo. Tôi đã nói trăm ngàn lần, anh Hảo ơi, em vẫn bên anh, em sẽ theo anh bất cứ chân trời góc biển nào. Sẽ nấu cơm cho anh, sẽ chong đèn thức đợi anh về, sẽ canh anh ngủ, hát cho anh nghe, kể bao nhiêu giấc mơ thật đẹp cho anh khỏi buồn. Tình yêu đâu cần đóng khung trong hai chữ xác thịt. Hảo hiểu không. Như tình yêu của Chúa và Phật đối với loài người. Như tình yêu của những người đã hy sinh đời mình cho nhân loại trong các trại cùi, hay cô nhi viện. Như tình yêu của một người mẹ hiền. Em sẽ vì tình yêu để đến bên anh, bất chấp tất cả.

Vâng. Tôi đã bất chấp gia đình ngăn cản, bất chấp ba tôi từ tôi, bất chấp mẹ tôi vì thương tôi phải nhuốm bệnh. Và bất chấp những lời khuyên lơn của bạn bè. Họ đều đúng. Tôi hiểu vậy. Bởi vì tôi là đàn bà, có nghĩa là tôi phải được quyền làm mẹ. Tôi không thể nhìn đời tôi khô rụi không sản sinh. Nhưng tôi không thể bỏ Hảo. Bỏ thì quá tàn nhẫn. Chúng tôi đã yêu nhau, đã

từng thề nguyền mãi mãi sống bên nhau mà. Bởi vậy, tôi chỉ còn một cách là bỏ nhà ra đi. Tôi đành cam tâm làm một đứa con gái hư thân mất nết.

Vì thế tôi bằng lòng làm vợ Hảo. Lòng tôi hân hoan như ngập tràn những giọt nắng hạnh phúc, đến nỗi tôi phải khóc. Môi Hảo nhấp lấy giọt nước mắt của tôi. Những ngón tay của Hảo chùi lấy giòng lệ lăn trên má tôi.

" Tại sao em lại khóc?" Tôi cười, dấu nỗi yếu mềm. " Em hạnh phúc lắm, Hảo à."

Thưa ông,

Tôi đã cố giữ Hảo. Tôi ngỡ tình yêu của tôi sẽ giúp Hảo quên đi quá khứ. Nhưng rõ ràng tôi đã bất lực. Đàn ông thanh niên có những điều thật lạ kỳ. Họ chẳng bao giờ bằng lòng với hiện tại. Họ cũng chẳng bao giờ muốn bình an. Họ cứ bị những điều gì đó thúc dục, quyến rũ. Với Hảo, đó là tiếng gọi của con tàu xưa, của gió lồng lộng, của mây trời, của tiếng ì ầm của động cơ phản lực, của cánh quạt, của tiếng nổ, của trái phá... Hảo cứ nhắc hoài những lần bay, dưới thấp là rừng xanh, và xung quanh là một không gian vô tận. Hảo cũng kể lại những trái hoả tin tầm nhiệt bắn lên từ dưới đất, và con tàu đã nhiều lần trúng đạn lỗ chỗ đầy cả thân trong mỗi phi vụ. Và Hảo cũng nhắc những người bạn của anh, trong đó có anh Tài, mà anh em phi đoàn đặt biệt danh là Tài Sóc Diã bởi vì anh ta là một danh tài cờ bạc. Chính vì cứu người bạn thân này, mà tàu Hảo đã bị đạn phòng không, và một miễng đạn đã bắn ngay vào chỗ bộ phận sinh dục. Hảo cứ nhắc đến Tài, cả người bị xẽo thịt phơi nắng giữa bãi rừng lau. Tôi bảo Hảo đừng kể nữa. Tôi không muốn nghe mà cũng chẳng bận tâm. Tôi nói với Hảo là anh đã hy sinh rồi. Ngay cả cái vật quí báu nhất để truyền giống anh cũng đã hy sinh, thì giờ đây, anh phải được quyền ngồi lại đằng sau. Anh đã yêu nước quá đủ. Tôi la, tôi khóc. Tôi đấm vào người anh, khi anh ngồi yên lặng như pho tượng, hay đứng bất động bên khung cửa sổ trong trại gia binh để nhìn những con tàu đáp xuống hay cất cánh. Trời ơi phải chi chúng tôi có một đứa con. Ít ra đứa con mới làm mềm lòng anh xuống, chùn bước chân anh lại, kiềm chế con tim và tiếng dục lên đường đến một cõi nào mà ai cũng phải hãi sợ.

Tôi nói trong giận dữ: Anh ích kỷ lắm. Anh chỉ biết riêng cho bản thân anh. Anh không cần biết những người ở lại. Như cha mẹ anh, và như vợ anh. Anh đâu có hiểu nỗi lo âu đau khổ của họ. Anh cứ viện dẫn mấy chữ tổ quốc, đồng đội, bảo vệ quê hương để lao vào cõi chết. Nếu kể đến hai chữ hy sinh, thì chính tôi là người hy sinh hơn ai hết. Tôi hy sinh cả một thời thanh xuân. Tôi hy sinh cả vai trò được làm mẹ. Tôi đã bị cha mẹ, gia đình từ bỏ. Như vậy ai hy sinh hơn ai hết. Cũng vì anh. Để cuối cùng tôi nhận được gì?

Tôi nói hết, như trút hết tất cả nỗi lòng của tôi.

Nhưng Hảo trả lời như anh đã quyết định từ lâu lắm:

" Chính vì thế mà anh muốn em đừng hy sinh vì anh nữa. Em cần phải có con. Em cần phải được làm mẹ. Em cần phải hưởng cái hạnh phúc mà bất cứ một người phụ nữ nào đều nhận từ Thượng Đế. Anh hiểu em yêu anh, và chưa bao giờ anh lại yêu em như lúc này. Nhưng anh không thể nhìn em vì anh..."

Tôi hét lên:

" Nếu anh muốn thế, tôi cũng sẵn sàng chìu lòng anh."

Nói xong, tôi thu dọn đồ đạc trở về quê. Tôi đã trả tự do lại cho ảnh.

Phải, tôi đã bất lực. Anh lại thêm một lần tình nguyện trở lại phi đội ở cao nguyên. Cái tật nguyền mất mát dường như càng làm anh táo bạo, hung dữ hơn. Anh lăn xả trên các chiến trường dữ dội nhất. Anh lái thế cho bạn bè mỗi khi họ cần. Những phi vụ hiểm nguy nhất anh đều tình nguyện. Thưa ông, tôi không phải là một chuyên gia về tâm lý học, nhưng tôi biết một điều là tất cả bắt nguồn từ một hậu quả. Đó là cái hậu quả của chiến tranh. Nó bắt anh phải lao tới, điên rồ lao tới để tìm nỗi quên. Và cũng để trả thù. Cho người bạn đã bị xẽo từng lát thịt, phơi thây dưới đất.

***

Không ngờ lần gặp gỡ ấy là lần gặp gỡ cuối cùng. Con tàu của Hảo được ghi nhận là mất tích sau một phi vụ yểm trợ một lực lượng bộ binh bị vây khổn tại vùng Kontum vào khoảng đầu năm 1975. Phi đoàn cho tin và dành cho tôi phương tiện để bay lên Pleiku vào ngày hôm sau. Tôi đã khóc hết nước mắt. Tôi giận Hảo hay thương Hảo. Cả thương và giận. Ngày trước mỗi lần lên thăm anh ở căn cứ, tôi vẫn mang chiếc áo dài màu tím hoa cà, màu áo mà Hảo rất thích. Và bây giờ cũng vậy. Tôi mang lại chiếc áo xưa, mà cõi lòng đứt đoạn. Tôi không thể mang chiếc áo đen như một người thiếu phụ đi nhận xác chồng. Ngồi trong lòng phi cơ, tôi nghĩ là mình đang đi đến một cõi chết. Rõ ràng tôi đã thật sự mất Hảo. Từ đây.

Ngày cuối cùng, tôi ngồi trong lòng xe quân đội, thay vì người tài xế là Hảo, hôm ấy, là một người bạn của Hảo. Tôi cắn đến độ bầm cả môi, để cố nén nỗi tủi thân, và đau khổ tột cùng. Nắng trải vàng thắm trên phi đạo, trên những hangar, những hàng rào dây kẽm. Rồi tôi khóc. Người bạn của Hảo nói như an ủi tôi: " Phi đoàn vẫn tiếp tục tìm kiếm anh ấy. Xác tàu được tìm ra, nhưng không thấy phi hành đoàn." " Như vậy...?" " Vâng, vẫn còn hy vọng là ảnh vẫn còn sống. Và có lẽ ảnh bị bắt làm tù binh..."

Tiếng máy bay quân đội tiếp tục gào xé như thể bừng vỡ cả một thinh không. Chiến tranh vẫn tiếp tục. Và tiếp tục những con người như Hảo lao vào cõi hung bạo. Một con tàu vừa vút bay lên không, tiếng máy dội ầm, và đường khói trắng in đậm trên nền mây xanh. Đàn ông thanh niên thật kỳ lạ. Tôi lại có ý nghĩ này thêm một lần nữa khi tôi đứng trong căn phòng của Hảo. Những áo quần bay bề bộn. Vài cuốn sách. Vài tạp chí bơ vơ. Ở đâu tôi cũng đều thấy Hảo, nghe hơi hướm của Hảo. Một cơn gió bỗng thốc vào khiến tôi phải bật run. Tự nhiên cổ tôi nghẹn lại. Tôi ôm lấy mặt mà nức nở. Không biết tôi khóc cho Hảo hay khóc cho tôi. Từ câu lạc bộ sĩ quan vọng về lời ca của Lệ Thu nức nở qua bài hát: Hôm nay đi nhận xác chồng... Tôi đâu có đi nhận xác chồng sao mà tôi lại đau đớn. Hảo ơi. Hảo ơi. Lần đầu tiên tôi mới cảm nhận được nỗi mất mát to lớn như thế nào. Mất rồi những lần anh trở về, tôi dọn cho anh một bữa ăn nóng sốt. Mất rồi những buổi anh đèo Honda chở tôi từ Sài Gòn về quê, đợi phà qua bắc, tôi đã nép vào người anh để tránh gió. Cũng mất rồi những lần anh đau đớn như con hổ sa cơ, khi nhớ lại định mệnh oan nghiệt của mình.

Vâng, ngày ấy tôi đã không hiểu anh, và bây giờ lại cũng không hiểu anh nữa. Tại sao giữa lúc người ta bỏ tiền bỏ bạc chạy nhau đi xin một chỗ không tác chiến, thì anh lại lao vào cõi hung bạo. Hảo, Hảo, em ghét anh, anh chỉ nghĩ đến bản thân, anh không bao giờ nghĩ đến nỗi đau khổ của người khác. Anh có biết rằng, mấy mươi năm sau, chính những kẻ càng hô hào chiến đấu vì tổ quốc, hy sinh, danh dự, trách nhiệm, là những kẻ bỏ chạy trước hơn ai hết không. Và bây giờ họ đang sống phè phỡn ở xứ này, con cháu họ học hành đỗ đạt thành tài không? Chỉ có anh là dại. Anh biết không?

***

Thưa ông,

Xin ông tha lỗi cho những điều tôi vừa viết. Lâu lắm tôi mới được dịp tâm sự, và được dịp trút hết nỗi lòng. Hảo là người tình đầu tiên, người chồng đầu tiên, và người đã cho tôi được nếm bao nhiêu hạnh phúc lẫn đau khổ. Tôi cố quên hình ảnh của Hảo nhưng làm sao mà quên được. Ở đây, gặp lại một số bạn bè của Hảo, thấy họ đầy đủ gia đình vợ con, tôi lại càng cảm thấy tủi thân. Lúc này hầu như tất cả mọi người đều quên hết chuyện cũ. Chỉ có những người trong cuộc mới không thể nào quên được.

Nghĩ càng tủi thân, khi ở Mỹ, chánh phủ đã tốn biết bao nhiêu tiền bạc để đi tìm người mất tích. Mỗi xương cốt tìm ra người ta chở máy bay về, có lính gác, có kèn quân, có buổi lễ trọng thể, nhưng cũng có một nơi mà: Người mẹ Bắc lên non tìm xác. Người mẹ Nam xuống biển tìm con. Thơ của ông đấy. Non và biển làm sao mà tìm được hả ông?

Năm vừa rồi, tôi có về Việt Nam. Bạn bè có giới thiệu tôi đến một ông thầy có linh cơ huyền nhiệm chuyên giúp tìm người mất tích. Ông giúp con cháu tìm lại mộ ông bà bị thất tán vì chiến tranh. Ông cũng chỉ dùm những xác cốt bị máy cày máy ủi cày nghiến ở nghĩa trang quân đội cũ. Người ta kể ông là một đạo sĩ. Trước khi Ban Mê Thuột bị mất cả bốn năm tháng ông đã lên thành phố này để đi giữa đường, vừa đi vừa khóc. Người ta đồn thêm, ông ta có thể chỉ rõ, nơi nào chôn gửi nắm xương vô thừa nhận, những người chết trên biển, trên núi...

Tôi đã được ông tiếp vào một buổi chiều. Ông bắt tôi ngồi trước bàn thờ. Căn phòng tối mờ nồng nặc mùi nhang trầm đầy những hình hay những tượng thần và những hình Bát Quái... Sau khi hỏi tôi về ngày sinh tháng đẻ tên họ của Hảo, ngày Hảo mất tích, ông đã ngồi tịnh một hồi, rồi ông bỗng nhiên oà lên khóc. Chắc Thần linh đã nhập vào ông. Ông hét lên: Ta là Sơn thần cao nguyên trấn, ta không tìm ra hồn ma nào như ngươi cầu xin ta giúp đỡ. Ta chỉ thấy những con thú vật kỳ lạ, nửa người nửa vượn miền Tây vực vất vưởng trong mấy mươi năm cứ thỉnh thoảng hú lên những tiếng thật thảm thiết... Tôi thật sự không hiểu ông ta nói gì. Người mất tích nào có liên quan gì đến những con vượn ấy đâu. Tôi chỉ muốn biết Hảo còn sống hay đã chết. Thế thôi.

***

Tôi đã nhận bì thơ dày của chị Hạ được chuyển bởi Toà soạn của một tạp chí mà tôi cộng tác. Cả sáu trang giấy chi chít chữ thỉnh thoảng ố nhòa có lẽ vì chị không cầm được nước mắt và nước mắt đã nhỏ trên trang thơ. Tôi đọc mà lòng oà vỡ xúc động. Cả đời tôi cầm ngòi viết, khi viết, cố g¡ng xử dụng chữ nghĩa, và sự sáng tạo để cho tác phẩm mình được nhiều tình tiết, để cho các nhà phê bình tung hô... nhưng khi đọc thư này, tôi nghĩ là cả công trình của tôi cũng trở thành số không. Từ trước đến nay, tôi chỉ nh¡m vào tôi, vào bạn bè đồng đội mình, tôi đã quên những người ở đằng sau. Nói như chị Hạ: Anh ích kỷ lắm. Anh chỉ biết riêng cho bản thân anh. Anh không cần biết những người ở lại. Như cha mẹ anh, và như vợ anh. Anh đâu có hiểu nỗi lo âu đau khổ của họ. Anh cứ viện dẫn mấy chữ tổ quốc, đồng đội, bảo vệ quê hương để lao vào cõi chết. Nếu kể đến hai chữ hy sinh, thì chính tôi là người hy sinh hơn ai hết. Tôi hy sinh cả một thời thanh xuân. Tôi hy sinh cả vai trò được làm mẹ. Tôi đã bị cha mẹ, gia đình từ bỏ. Như vậy ai hy sinh hơn ai hết. Cũng vì anh. Để cuối cùng tôi nhận được gì?

Tôi đã gởi thư về chị Hạ để xác nhận về hai người Hảo, Tài Xóc Dĩa đã tử trận vào ngày 9 tháng 5, 1968. Họ thuộc đơn vị thám kích chứ không phải thuộc binh chủng không quân. Có điều tôi phải thắc mắc là những lời của vị đạo sĩ:

Ta chỉ thấy những con thú vật kỳ lạ, nửa người nửa vượn miền Tây vực vất vưởng trong mấy mươi năm cứ thỉnh thoảng hú lên những tiếng thật thảm thiết...

Tại sao ông lại xuất thần bằng những lời như thế. Ngôn ngữ thần linh khó mà giải thích trừ phi

có người được linh cơ huyền nhiệm hay được cơ hội nhìn được sự thật. Và sự thật này không phải là một cá nhân, nhưng là một chính quyền. Qua một bản tin trên báo vào tháng 11 năm 1998, theo đó, chính quyền Quảng Ngãi vừa bắt được người rừng. Anh ta nguyên là một hạ sĩ quan Biệt Động quân, người gốc Hré, vượt trại cải tạo cùng với hai người bạn vào năm 1979. Khi bị bắt anh chỉ còn mặc chiếc khố bằng vải rằn, hầu như quên tiếng mẹ đẻ, và chỉ thốt lên, hay hú những tiếng hú bi ai...

Tôi tự hỏi có nên gởi bản tin này về chị Hạ hay không?

Thơ của Văn

I.
Ngày hôm ấy tôi lênh đênh vô định. Gọi thầm sương và khói mông mênh. Lòng cảm động mờ trên từng lá nhỏ. Xanh và xanh yêu dấu vô vàn. Tôi chẳng giấu lòng tôi hờn dỗi. Theo lăn hoài ngày một ngày hai. Kìa con sóc xám băng đường chẳng sợ. Kìa hàng cây trắc bá ôm tay. Hai và bốn lũy thừa hai mười sáu. Kiếp đời thành vô tận âm dương. Tôi nhắm mắt hôn thì thầm bụi cỏ. Xanh mùa xuân vô lượng vô chung. Triền diễm mộng kiều nga nhụy thảo. Mắt lạnh lùng. Sâu thẳm một hồ gương. Tôi không dám run tay buông chấm phẩy. Sợ giòng sông hụt hẫng không trôi. Ai đã đẩy khối sầu lên thạch nhũ. Và ai cứ gọi mãi, không thôi. Ai đã đứng mong manh rừng lau: Tội! Tóc rũ dài gió lộng bến tang côi. Ai không xót sao tôi đây phải tủi. Ơii ơn đời lệ ai nhỏ giùm tôi. Tôi bỏ mẹ nên theo phường du thủ. Tôi bỏ cha nên ngạo mạn du côn. Tôi bỏ hết lên trần xe tinh đẩu. Bạn vầng trăng cô độc bến An Đông. Sao lại nóng như cay cay trời hỡi. Sao lại chùng lại chạnh. Vì sao. Ân vô lượng tôi trả bài học thuộc. Ân lượng ơi. Ân lượng sao không trao. Tôi sẽ nén nuốt thêm ba trái khổ. Em biết không quả đắng mà ngon. Ngon ghê gớm khi hột qua tân khổ. Khi thịt mềm đắng chát héo hon.

II.
Ngày hôm ấy tôi lên xe bỏ lớp. Theo vầng trăng cô độc mênh mông. Nhòa nhạt lạnh chòm Đại Hùng hun hút. Vì sao nào trở lại miền Nam. Tôi cũng muốn người chăn cừu cô lữ. Tôi cũng thèm em ngủ trên vai. Yêu dấu hỡi. Sao vẽ vời để dỗ. Đời lênh đênh núi lạ sông dài. Trăng dài bãi hằng hà tinh hệ. Một ngụm trăng còn lại đọng trên tay. Tôi già mục. Lòng xanh như bậc đá. Rêu phong đầy Đại Nội. Ồ hay. Thì ô hay trăng là trăng miên viễn. Xe thì lăn. Đèøn đóm lập loè. Khi sum họp là khởi đầu ly biệt. Chắc tôi phải về xin chút bao che.

III.
Ngày hôm ấy tôi lên xe về phố. Bạn bè đâu tìm một chút tình thân. Lầu vách dựng che một trời cổ độ. Mái tình ai đã phủ rêu rong. Con đường ngược mà hồn tôi trải thẳng. Lòng ô hay gợn một chút bâng khuâng. Thương khu Sáu mấy thằng ra sông tiễn. Người em về nơi bến lạ Tầm Dương. Tôi thèm lại cùng chiếc bàn quạnh quẽ. Cốc xây chừng un sợi khói thanh xuân. Thì phố lạ. Sao lòng tôi giận dữ. Đi. Đi đâu cho một cuộc hành trình. Đừng quyến rũ tôi trở về tội nghiệp. Mắt môi người. Tôi bỏ lại xa xôi.

IV.
(tặng Nguyên)
Ngày hôm ấy tôi lên xe về núi. Núi có buồn kéo tận Trường Sơn. Có hòn đá xưa bỗng thành thiên cổ. Chinh phụ ơi thương người hay thương con. Chinh phụ ơi đừng nghe lời huyễn mị. Vai người mềm sao gánh hết cô đơn. Tôi bỗng giận những phường sách vở. Dẹp quăng đi những dụ dỗ thiên đường. Vâng thưa chị thưa em thưa mẹ. Hai thúng tròn đã đổ bóng Triệu Phong. Bên đầu gánh. Con thơ tròn một tuổi. Bên đầu kia là gánh nhớ nhung. Gánh nhớ nhung

ấp đầy động cát. Ấp đầy sông Thạch Hãn Cửu Long. Ai đã cất bài ru con Nam Bộ. Nghe đất trời nhỏ lệ Việt Nam.

V.
Ngày hôm ấy tôi lên xe về biển. Sương mù sương tôi run rẩy đèn pha. Tôi rất sợ khi qua rừng qua núi. Em biết không rừng núi cũng bơ vơ. Thì bơ vơ tôi phải về bản thổ. Thì bơ vơ tôi đã gọi bên trời. Ai ở đó, dịu mềm như liễu rũ. Sao bạo tàn đóng phập cả đời tôi. Ai ở đó, không! ai ở đó. Trời đã đêm đã sáng đã ngày. Màu lục thủy cũng là màu hồng thủy. Thái Bình Dương thì cũng nghĩa trang dương. Ai ở đó, ngàn năm đôi mắt tội. Một trăm năm tôi ra biển gọi thầm.

Ngày người tù binh trở về

Minh trở lại cùng Huế. Minh đứng ở bờ Hữu Ngạn, gọi Huế, gọi dòng sông, cầu Bạch Hổ, chảy ngược về Vĩ Dạ, khuất dưới những bờ tre xanh. Huế ơi. Giọt nước mưa mùa đông, hay là giọt nước mắt. Minh về, nhìn ly bóng mình xao động trên mặt nước. Bên kia bờ là Đông Ba, là thành phố, là vỉa hè Trần Hưng Đạo, Phan Bội Châu, là dấu chân chập chùng một thời tuổi trẻ. Mới đó, bây giờ đã mười bốn năm. Bao nhiêu điều mà anh đã thêu dệt về một quê nhà, trước khi cầm tờ giấy phóng thích, giờ đây trở thành tan vỡ. Hình như Huế đã không còn là của anh nữa. Huế đã thay đổi quá nhanh. Huế hấp tấp, hối hả, tranh dành như đám xe xích lô hay xe đạp thồ đang đón khách đi. Huế ảm đạm, câm nín như cả bầu trời xám, và những người cúi đầu xuống lầm lũi. Huế với những ngôi nhà mới cất như những dinh thự tương phản cùng nỗi nghèo nàn cơ cực.

Anh đã ôm cái bị hành trang, bước đi. Đây là con đường Lê Lợi cũ, sẽ qua chiếc cầu ga, qua trường Bình Minh, qua đại học luật khoa, qua trường Quốc Học, Đồng Khánh...Không, đâu còn cái tên Đồng Khánh nữa. Mà là Trưng Trắc. Trời ơi, mười bốn năm. Nhắm mắt lại, nhớ gì, anh thử nhìn xem bên trong ngôi trường cũ. Cổng trường được quét vôi lại, những dãy lầu vẫn màu ngói đỏ, vươn lên trong bốn bờ tường sạm rêu. Tự nhiên anh nhớ đến giáo sư Thịnh. Thầy Thịnh. Thầy không biết là hơi thở của thầy có lần do tôi định đoạt. Thầy không hiểu thầy còn sống sót cho đến ngày hôm nay là từ một tích tắc khơi động của lương tâm, và của tình thầy trò. Để cuối cùng, thầy có cơ hội trở thành một kẻ chiến thắng cao ngạo như bây giờ.

Mười bốn năm. Thời gian quá lâu cho một cấp bậc đại úy. Tại sao anh lại không nằm trong huyệt đất nào lấp vùi như những người xấu số khác. Anh đã chấp nhận mà. Anh chẳng muốn làm anh hùng, cũng chẳng muốn làm một tên tuẫn đạo. Nhưng anh muốn đứng thẳng. Một khi con người đã chấp nhận một định phần oan nghiệt, hắn không còn gì để còn bận tâm lo lắng nữa. Sợ ư. Bất quá là đem hắn ra pháp trường. Anh không vượt ngục, không phạm nội qui. Anh chỉ có một tội là không-nhận-tội mà phe thắng trận đã gán cho anh. Thế thôi. Và cứ thế, từ đêm này qua đêm khác, dưới bóng cây đèn bão, cả tổ làm kiểm điểm, phê bình. Phải ăn năn hối cải để mau về đoàn tụ với gia đình. Ăn năn. Anh làm gì để mà ăn năn. Ngay cả một người như ông Thịnh, nổi tiếng trong biến cố năm Mậu Thân mà anh còn tha mạng, thì làm sao anh lại hối cải được. Anh em tù chịu thua. Cán bộ hằn học, dọa nạt, răng nghiến kèn kẹt. Anh vẫn còn ngoan cố. Tội của anh, trời không dung, đất không tha. Anh trả lời, cán bộ bắt tôi khai những điều tôi không làm, làm sao tôi lại khai được. Chúng tôi chưa bao giờ bắt một con gà, con heo, chưa bao giờ hãm hiếp, mổ mật, mổ tim cách mạng... Ra trận, nếu chúng tôi không bắn cách mạng thì cách mạng bắn chúng tôi...Đó là luật chiến tranh...Anh đã nói như vậy, trong khi các anh em tù cùng tổ nhìn anh, như thể nói qua ánh mắt. Minh, mày dại mày biết không? Không những mày làm mày khổ mà cả anh em phải khổ vì mày. Mày dại. Ai cũng cùng chung một bản án treo sẵn, đâu phải riêng mày. Dù là lính văn phòng hay là lính đánh giặc...Dù là y sĩ tiền tuyến hay là y sĩ hậu cứ... Tất cả cặp mắt nhìn chăm chăm vào anh để chờ anh nhận tội.

Nhưng lần nào cũng thế, những giờ kiểm điểm dài dằng dặc, với quản giáo ngồi chồm hỗm phía trên, và đám tù viên ngồi đến độ muốn còng xương sống ở phía dưới, thì anh lại phủ nhận tội trạng đã gán cho anh. Quản giáo lại một phen lạnh lùng, tiếp tục nói: Anh Minh vẫn còn chưa thấm nhuần chính sách của cách mạng, chứng tỏ anh vẫn chưa học tập tốt. Anh cần được sự giúp đỡ của anh em. Và hắn nhường lại lời cho tổ trưởng. Cả tổ lại tiếp tục chờ đợi anh "ăn năn hối cải".

Cuối cùng cai tù cũng phải nản, quản giáo cũng phải chịu thua. Cuối cùng, cửa trại cũng phải mở. Sau mười bốn năm. Cái giá quá đắt. À, cuối cùng, các ông tha tôi. Vâng, nếu các ông tha, thì tôi ra. Thì tôi trở lại nhà. Lòng anh bây giờ đã quá nguội lạnh. Mười bốn năm đủ để dạy một con người học được bài học.

Anh trình diện phường công an, xin được về quê ngoại tại ngoại ô Huế. Nhưng gã công an, dường như đã được báo cáo về con người của anh, nên dứt khoát:

- Trong lý lịch, anh khai có vợ con. Anh phải về ở với vợ con, để làm tròn trách nhiệm làm chồng làm cha...

- Nhưng vợ tôi đã bỏ tôi từ lâu?

- Đó là chuyện của gia đình anh. Chúng tôi phải làm đúng theo qui định.

Anh biết là anh sắp bước chân vào một nhà tù mới nữa. Họ sẽ bắt anh chứng kiến sự thật của một người thua cuộc. Họ sẽ làm anh phải cuồng trí. Nhà của anh. Nhưng bây giờ đã không còn là nhà của anh nữa. Vợ của anh nhưng cũng không còn là vợ của anh nữa. Con đĩ. Anh về để nhìn nó. Trời ơi... Làm sao anh có thể ngờ một ngày anh phải đối diện với một con đĩ, một con vợ lăng loàn, mà bất lực như thế này.

Mưa xứ Huế. Mưa ơi, mưa nhòa cả mặt mũi, tóc tai của anh. Mưa giăng đầy sông. Mưa khóc hay lòng anh khóc.

oOo

May mà anh còn có đứa con gái của anh. Nhờ nó mà anh có thể cắn răng nuốt khối căm hờn tủi nhục. Ngày anh vào tù, nó mới biết bò và ngày anh ra tù, nó mười lăm tuổi. Nó đã ôm anh mà khóc, thương cảm cha, oán thù mẹ. Nó rưng rưng nước mắt nhìn chỗ trú ngụ của cha nó ngoài hè. Nó đau đớn nhìn cha nó ngồi lầm lì, đốt từ điếu thuốc này sang điếu thuốc khác. Nó thầm thì cùng cha: "Mong ba can đảm mà sống. Thế nào ba con mình cũng thoát khỏi nơi này...Con nghe tin về chương trình HO "

Phải. Tin tức về chương trình HO đã làm xôn xao những người cựu tù không ít. Phường xã đã ra thông cáo. Càng ở tù lâu càng được Mỹ bốc đi sớm. Có thật vậy không? Anh vẫn còn nghi ngờ. Anh muốn tự mình quyết định ly đời mình. Đã bị lừa gạt một lần, anh không thể bị lừa gạt thêm một lần nữa.

oOo

Một ngày con anh mang tin về một chuyến vượt biên. Một người bạn cũ vì cảm thương hoàn cảnh anh nên cho cha con anh hai chỗ trong tàu. Hai cha con cùng nhau ra vườn. Con anh huyên thuyên như chim sáo. Lần đầu tiên, anh thấy nó vui. Mắt nó long lanh, và đôi má hồng vì phải đạp xe một khoảng đường xa. Nó hỏi anh về Mỹ, về tuyết, về những chiếc áo đỏ thắm có nơ dài xuống chân. Nó lại cầm tay anh: "Kể từ hôm ni, ba con mình nhớ cầu nguyện Trời Phật cho mọi sự bình yên nghe ba ". "Vâng. Ba nghe lời con. Ba tin Trời Phật không bao giờ bỏ cha con mình đâu."

oOo

Chuyến đi không ngờ lại êm xuôi ngoài điều dự tính. Người chủ tàu đã biết đút lót các trạm công an dọc tuyến ra cửa. Chiếc ghe dài 15 thước đâm mũi ra khơi, như một chiếc lá côi cút. Nhưng tiếng máy không thể át nổi tiếng đập của từng con tim. Cầu cho biển lặn sóng êm. Cầu cho chuyến đi không gặp những tàu tuần duyên CS. Cầu cho máy tàu, chân vịt, xăng dầu, mọi sự đều êm thắm. Đằng sau, phía quê nhà, mặt trời hừng đỏ. Càng lúc dấu hiệu của đất liền càng khuất dần. Trời vẫn còn bốc đầy sương. Minh ngồi bên con gái. Nó lạnh run. Bàn tay nó nắm chặc bàn tay anh. Anh cũng siết chặc tay con như chuyền lại sức mạnh vào tấm thân yếu đuối. Tàu cứ chạy. Máy cứ nổ rì rầm. Lâu lắm. Hình như cả một ngày. Rồi một tiếng nói trên boong vọng xuống lòng khoang: "Đến hải phận quốc tế rồi bà con ơi". Cả lòng khoang tự dưng bật òa lên những tiếng la gào cuồng nhiệt. "Tự do rồi bà con ơi. Tự do rồi."

Anh nắm lấy tay con, nói khẽ: "Mình cùng cảm tạ Trời Phật đi con. Mình thoát địa ngục rồi. Ra hải phận quốc tế, không ai có quyền bắt mình đâu."

oOo

Đến ngày thứ hai, những trận gió khác thường thổi đến. Chỉ trong thoảng chốc cả một bầu trời về chiều trở nên đen kịt. Rồi những tia chớp cứ tiếp tục loé sáng kèm sau đó là những tràng sấm ì ầm nổi dậy. Ánh chớp như mở màn cho một trò chơi trên biển. Từ Đông sang Tây. Từ Nam qua Bắc. Rồi mưa ào xuống. Rồi gió vần vũ. Rồi cả một mặt biển xôn xao chuyển động. Sóng đẩy ghe lên cao. Thân ghe chạm sóng cựa mình đau răng rắc. Tiếng la thất thanh dưới khoang. Nước tràn vào ghe! Con gái anh bưng mặt, mếu máo: "Có sao không ba. Con sợ quá, ba ơi…".

Anh bỏ con, nhập vào những người thanh niên tát nước. Trong khi đó, nước cứ ào vào, không biết từ đâu. Từ trên boong đổ vào hay từ những đường nức do những cơn sóng bổ vào thành ghe quá mạnh. Một cặp vợ chồng trẻ đã dành hai thùng can ôm vào lòng. Cả gia đình chủ tàu quỳ trên boong cầu nguyện. Những bộ quần áo được đem ra thấm dầu đốt tiếp. Tấm vải trắng được viết bằng chử sơn đỏ S.O.S được căng lên bị cuốn thốc bởi những cơn gió mạnh. Vài con tàu sắt khổng lồ thấy hiện từ xa nhưng càng lúc càng mất dần. Chiếc ghe lại chồm lên và hụt xuống giữa lòng biển tối như một con vật điên khùng say rượu. Chỉ nghe tiếng kinh cầu, và tiếng răng rắc mỗi lần trận sóng bổ mạnh vào thân ghe. Tiếng kinh lại bị át bởi tiếng sóng cuồng nộ. Trong sự tuyệt vọng ấy, chỉ có mỗi một mình anh là đứng thẳng. Như ngày nào anh đứng thẳng trên chiến trường. Cổ họng anh khan, anh gào, thét, thúc dục đám thanh niên. Và họ tát cuồng điên.

Và cũng nhờ vậy, chiếc ghe mới bình yên sau nửa giờ vật lộn cùng cơn bão biển.

oOo

Đến ngày thứ ba, tàu bị hải tặc tấn công. Những tên hải tặc trơ tấm lưng nhầy nhụa mồ hôi bóng lưởng. Chúng nhảy rầm rập trên boong. Chúng vung những lưỡi dao, mã tấu. Chúng tru gào. Chúng lỏa lồ man rợ. Chúng cầm những trái lựu đạn như sẵn sàng rút chốt. Và cả con thuyền nín thinh thất đảm nhìn chúng hả hê ăn thịt uống máu...Thanh niên bó tay. Người lớn cúi đầu nhẫn nhục... Và một tên đã nhào tới đứa con gái của Minh. Minh kéo con về phía sau. Và anh đứng chắn ngang cản đường lũ quỉ. Rõ ràng có một tiếng gọi bắt một người cha phải vùng dậy hành động để bảo vệ con mình. Anh thét như nổ tung cả phổi. Anh nhào tới, bất ngờ, dùng hai bàn tay chụp lấy cổ họng thằng cướp. Thằng cướp bị ngã nhào, nằm gục xuống, và mắt trợn trừng. Rồi anh chụp lấy cái chai xì dầu, đập bể đít, dí vào mặt nó. Nhưng một đứa khác đã đâm trúng anh, trúng ngay chỗ huyệt. Anh gục ngay xuống khoang tàu.

Anh gục ngay trước mắt đứa con gái của anh. Anh gục ngay trước những người bất lực vì sợ hãi.

Đại uý Minh đã chết ngay trên bờ đất của sự sống.

Amen.

Mưa mùa hạ

1.

Cơn mưa mùa hạ. Ngày nào, anh chờ đợi em trong mưa, áo trận dầm dề nước. Ngày nào em mang chiếc áo tơi màu tím hoa cà, để đầu trần, tóc ướt, và anh từ trên dốc, chạy ào xuống, để ôm lấy em. Ngày nào, mưa dính áo anh, và áo em, để da thịt càng thêm khắng khít. Ngày nào, anh muốn ôm em cho vơi bao nhiêu niềm nhung nhớ. Và em run rẩy tội tình:
- Xem tề có người nhìn chúng ta kia tề.
- Mặc kệ họ. Em không thấy anh tội nghiệp như thế này ư?
- Mưa lớn quá anh ơi.
- Mưa giông đó em.
- Sao anh không về? Mưa lớn rồi.
Anh kéo tay em vào phía gốc đa:
- Em vào trong này tránh mưa. Anh chờ em suốt cả tiếng đồng hồ rồi đó.
Em cúi đầu xuống. Mái tóc của em dầm nước. Anh muốn úp mặt lên trên dòng suối, muốn một giấc nghìn năm để quên hết. Em nói nhỏ như thể giận hờn:
- Anh đâu có thương em. Anh có biết là em nhớ anh biết bao nhiêu không?
- Tại mặt trận. Tại hành quân. Và cũng tại bà già của em nữa. Thú thật ra trận anh không sợ, về nhà lại sợ bà già của em. Sợ lạ sợ lùng.
- Em cũng sợ má em lắm.
Một cơn gió thổi qua, hắt những giọt mưa lạnh giá vào mặt hai người. Và gió. Gió làm mưa tạt nhanh, quất những sợi roi dâu xuống thân thể chúng ta. Gió làm những đọt tre nghiêng ngửa. Đến một lúc nào đó, em xô anh ra, nói như ngộp thở: Anh. Anh làm em sợ. Trời cũng sắp tối rồi.
Anh vẫn còn tiếc rẻ:
- Lo gì em. Cứ nói với má là tại trời mưa to.
- Anh xem tề. Đường đi nhìn không rõ.
- Để anh đưa em về.
- Thôi anh. Để em về một mình cũng được. Trời mưa to, anh lại không mang áo mưa. Sợ anh đau.
Anh cười khinh mạn:
- Anh quen cảnh này rồi. Áo nhà binh chưa khô. Mong dài thêm cái nắng ...
- Anh lại làm thơ nữa à.
- Anh cảm hứng. Cám ơn em cho anh cảm hứng thi ca.
Em thêm một lần năn nỉ:
- Thôi anh về đi. Bữa khác chúng mình gặp nhau cũng được.
- Hay để anh đưa em về một khúc.
Và hai đứa lao mình trong mưa gió.
Tiếng em lại rộn ràng trong tiếng gào thét của đất trời:
- Chắc bà già em đang đợi ở nhà với chiếc roi mây.
- Để anh về nhận tội dùm cho.
- Má thấy anh, má lại nổi tam bành lên.
Anh thốt lên buồn bã:
- Anh không hiểu sao, má em lại ghét cay ghét đắng anh. Anh đâu có làm gì để làm mất lòng bả.
- Tại anh dữ quá. Thấy anh bả phát sợ.
- Anh hiền lắm mà.

- Tội nghiệp ghê.
- Như vậy lại không thương người ta. Bắt người ta phải khổ.

2.

Trời tối thật mau. Tiếng côn trùng đã vang lên một điệu não nùng. Mưa vẫn tiếp tục thét gào. Thỉnh thoảng những tràng sấm vang động ì ầm. Em run rẩy nắm chặt tay anh. Anh hôn em lần nữa. Tiếng chó sủa rời rạc trong ấp. Một ánh đèn dầu hiện ra ngoài khung cửa. Em thốt lên sợ hãi:*Chết, bác em đó. Bả mà biết được, bả mách má em mất ...*
Anh không trả lời. Anh lại gục đầu vào cổ em, lại vuốt ve da thịt em, xục xạo từng phần thân thể của em. Em lại van lơn: *Anh, anh đừng làm thế.*
Tiếng trọng pháo lại rền ở một căn cứ bên kia sông. Có tiếng nổ vu vơ ở cuối ấp. Mưa vẫn gào thét như thể trút xuống bao nhiêu nỗi hờn giận, cùng với tiếng rít của những hàng tre xung quanh vườn. Cho em về đi anh. Sợ má em trông. Giọng nói van lơn của em bị át bởi tiếng mưa gào.

Anh lại ôm siết chặt em. Mai anh lại hành quân xa rồi. Biết có ngày nào anh lại gặp em. Ngồi với anh một chốc nữa mà. Lâu lắm dễ chừng bốn năm tháng mới có dịp gặp lại em. Em có biết là anh nhớ em lắm không ... Rồi anh hôn xuống cổ, môi nếm thêm những dòng nước mưa. Em lạnh, anh. Em nói, yếu lả.
Giữa lúc đó, bên kia sông vang lên ba tiếng súng nổ rời nhau. Âm thanh khẩn gọi đám lính dưới trại gia binh lên đơn vị. Anh ôm em, mà như thể bấu một điều gì sắp sửa vuột mất. Anh nói:
- Người ta gọi anh về. Em có nghe tiếng súng không?
- Vâng, Em có nghe.
Anh lại hôn em. Mưa làm môi anh uống cả những giọt mưa lạnh giá ...

3.

Bây giờ, anh lại thêm một lần nếm thêm những giọt lệ hạnh phúc ấy. Muốn cảm ơn đời thêm một lần nữa. Thèm lấy tay chùi lấy những giọt nước như lệ còn đọng long lanh trên mái tóc của người yêu. Sao mà tội nghiệp cho em tôi. Đôi mắt em vẫn còn phảng phất màu học trò, sao đôi bờ vai lại ôm cả mấy tầng cam khổ. Và những sợi tóc kia, một lần óng mượt, mun đen, sao bây giờ như khô lại, vương vít ngậm ngùi. Và mưa, ôi vẫn là cơn mưa mùa hạ. Mưa làm cảnh vật, dòng sông chìm trong màu trắng xóa. Mưa đan những sợi nghiêng nghiêng trên lớp rào kẽm gai. Mưa bao vây em côi cút, tội nghiệp.
- Làm sao em biết anh ở đây? Anh hỏi.
- Vâng, bọn anh bị bắt chung. Anh lại nhìn em. Em bối rối, cúi đầu, mân mê sợi tóc.
- Em và má vẫn mạnh?
- Dạ.
- Em có biết là anh nhớ em vô cùng không?
- Em cũng nhớ anh hết sức.
Tự nhiên anh thèm cầm bàn tay em mà siết chặt.
Em bỗng nói:
- Em mang cho anh ít đồ dùng. Em biết anh hút thuốc nên cũng mang vài gói cho anh. Đây là cái khăn tắm. Đây là chai dầu nhị thiên đường.
Rồi em dọn đồ ăn lên bàn.
- Anh ăn đi. Anh biết hông. Từ khi nghe anh Tài nói là có anh về ở trong trại này, em thật mừng hết sức đó.
- Thủy ơi.
- Dạ.
- Em còn nhớ không, buổi chiều cuối cùng với cơn mưa mùa hạ.

Má em tự nhiên au hồng. Em nói nhỏ:
- Hôm ấy má rầy em sao không chịu mang áo mưa, để cả người dầm nước như chuột. Em sợ má biết.
- Bây giờ, chắc má biết rồi?
- Dạ. Má thương anh lắm. Má kêu em đi thăm anh.
- Anh cám ơn em, má.
- Không, anh đừng nói thế. *Tại vì em yêu anh mà.*

4.

Tại vì em yêu anh mà. Không ai bắt em phải gánh đôi thúng lao lung đi nuôi một người chưa ràng buộc vào đời mình. Không ai khiến em phải bỏ học tần tảo bán buôn để mang cho anh vài gói thuốc, bịch cà phê, bịch đường thăm nuôi cam khổ.
Lũ bạn tù nói anh là một người hạnh phúc nhất trần gian này. Có đứa còn cảnh cáo: Tình nghĩa chỉ có lúc này. Mày nhớ phải ăn ở phải đạo với nàng. Vâng. Em yêu dấu. Không cần nó nhắc, anh cũng đủ hiểu tình nghĩa chỉ ở lúc này. Nếu như ngày xưa anh yêu em trăm lần thì bây giờ anh càng phải yêu em cả ngàn lần hơn thế nữa.
Em có hiểu là anh yêu em vô cùng tận lắm không.
(Trong Mặc Niệm Chiến Tranh)

Trận chiến buồn bã

...Chưa lúc nào như lúc này, ông Nguyễn lại phải chạm trán vào một mặt trận mà chỉ có mỗi một mình ông là một tên lính cô đơn. Cái mặt trận không có súng nổ, đạn bay, không người chết, kẻ bị thương, anh trở về với đôi nạng gỗ, lá cờ phủ trên quan tài. Mà trái lại, nó là những gì ông viết trên máy tính, những gì ông suy nghĩ, những cuộc thảo luận triền miên giữa ông và một vài người có thẩm quyền của công ty để tìm ra lời giải hầu biến thành khí giới giải quyết chiến trường giúp cho chủ thắng và thợ thua.

Mục đích của mặt trận là làm sao tự động hoá hệ thống đặt hàng tức là order automatization. Có nghĩa là từ đây, không còn cảnh trên khắp nước Mỹ, với những nhân viên thay phiên trực trước máy để chờ trên màn ảnh những tín hiệu từ nơi xa gởi về, đặt hàng, trả lại hàng, trao hàng, đưa hàng tới UPS, Federal Express, bao nhiêu pound, bằng lối ưu tiên, hay cấp tốc, hay đường bộ... Sẽ không còn một nhóm chuyên viên ở tổng hành dinh mà người ta gọi là production support team (nhóm tiếp trợ sản xuất) thay phiên làm việc 24/24 để giúp các nhân viên xa giải quyết những chuyện phiền phức như điện tắt làm máy phải bị tê liệt, và các dữ kiện, dữ liệu bị hư mà danh từ chuyên môn gọi là crashed (hỏng) hay những vấn đề linh tinh khác.

Rõ ràng trong mặt trận này kẻ thắng thì thắng lớn, bởi từ đây hàng trăm người sẽ mất công ăn việc làm, và công ty sẽ tiết kiệm mỗi năm hàng triệu đô la.

Tự động hóa hệ thống. System automatization. Từ lâu, người ta đã nói nhiều về việc tự động hoá. Thợ chờ đợi. Nhân viên bàn giấy chờ đợi. Những người có chức vụ trong công ty chờ đợi. Ai cũng dư hiểu một ngày máy móc kỹ thuật sẽ thay thế con người. Ai cũng hiểu một ngày họ sẽ bị đào thải bởi những dàn điện toán, e Business, hay những chip nhỏ xíu như đồng penny mà sức chứa bằng cả một thư viện trung bình. Ai cũng chờ một ngày móng vuốt con quái vật sẽ vồ chụp họ, không cho họ một chỗ đứng. Nhưng một năm trôi qua, rồi một năm khác trôi qua. Họ vẫn tiếp tục làm kẻ sống sót. Họ vẫn tiếp tục mỗi ngày vào giàn máy làm những công

việc thường lệ như canh chừng tiếng bíp của máy phát ra là họ dùng những dữ kiện đã có sẵn, đánh vào những ô trống cần thiết rồi cho máy chạy. Máy sẽ tính ngày hết hạn, số lượng tồn kho, hay trường hợp không có đủ cho nhu cầu đòi hòi, phải vay mượn từ các kho khác, phải cập nhất hoá để cuối năm làm kiểm kê cho chính xác. Nói tóm lại, ở đây, vẫn còn có sự có mặt của con người. Họ lý luận là tại chủ ngại tốn tiền khi phải thuê thêm những thảo chương viên (programmer), sau đó phải huấn luyện nhân viên, thợ thuyền, phải mua sắm trang bị máy móc.

Nhưng cuối cùng cái gì chờ đợi cũng đã đến. Bà Rita gọi ông cho biết quyết định của cấp trên và dặn ông đừng hé môi sợ nhân viên xôn xao. Bà hỏi ông. Không, bà ra lệnh cũng nên:
"Ông nghĩ liệu mình có thể hoàn thành dự án trong vòng một tháng không? "
"Một tháng? " Ông la lên.
"Tôi biết. Tôi biết. Nhưng người ta muốn vậy. Phải làm gấp"
"Tôi nghĩ là bà nên trình lại cấp trên. Thứ nhất là nhân lực. Chỉ có một mình tôi còn lại trong nhóm. Vả lại, tôi không thể làm toàn bộ thời gian cho dự án. Tôi còn có biết bao nhiêu việc khác phải làm"
"Tôi biết. Tôi biết."
Bà luôn luôn nói Tôi biết, tôi biết để chứng tỏ rằng bà đã hiểu những khó khăn mà nhân viên của bà sẽ gặp. "Ông về phòng nghiên cứu rồi trả lời cho họ vào buổi họp ngày thứ Năm này". Bà nói tiếp, như một cái lệnh, không cách gì thay đổi.

Ngày thứ năm, hai giờ trưa. Tám người khắp các tiểu bang cùng họp và thảo luận dự án qua điện thoại. Ông Bill nói về dự án và yêu cầu mọi người nhúng tay để dự án được hoàn thành đúng theo lịch trình.

Dù ông yêu cầu mọi người nhúng tay nhưng chỉ có ba người mới là vai chính. Trong đó có ông, Jeff và một người nữ á châu.

*

Một tháng phải hoàn thành. Cả ba người cố gắng giải thích là họ không thể kham nổi trong một khoảng thời gian eo hẹp như vậy. Nhưng nói để mà nói, trình bày để mà trình bày, họ vẫn bị buộc vào trong lịch trình đã ấn định. Bởi tất cả đã sẵn sàng. Tháng tới vài nơi sẽ đóng, những máy địa phương sẽ được nối về một máy chánh mà danh từ chuyên môn gọi là Main Server (máy chính) và máy này sẽ tự động làm tất cả việc mà trước đây máy địa phương đã làm. Họ nói thêm "Rồi còn phải thử. Còn test..."

Mặc cho những lời biện giải, những người quan chức của công ty vẫn khắng khăng. Rõ ràng, họ chưa bao giờ hiểu được hoàn cảnh cũng như những nỗi khó khăn của những thảo chương viên/ người lập trình. Hay là họ nghĩ những tay này đang chơi trò làm yêu làm sách...

Như vậy, hết cách. Lại chiến đấu. Lại xung trận. Không phải là tên lính chiến đấu. Thời ấy con tim hừng hực lửa. Thời ấy bên cạnh là bạn bè đồng đội. Thời ấy chiến đấu để bảo vệ sống còn cho người khác. Bây giờ thì khác. Một người của số tuổi sắp về chiều chiến đấu. Chiến đấu cho ai, vì ai. Một trăm phần trăm là cho chủ. Bởi vì ông lãnh lương chủ, hưởng bổng lộc của chủ, thuốc men, nằm bệnh viện cũng từ chủ. Những kiến thức kinh nghiệm trong mười mấy năm trong nghề, hôm nay, ông cố mang ra để làm cho chủ. Ông biết đây là cơ hội vàng ngọc để cho mọi người biết đến ông nếu ông muốn lấy điểm với cấp trên. Ông sẽ chứng tỏ cùng mọi người về tài năng mà từ lâu người ta không hề biết về ông. Ông sẽ được tưởng thưởng, thăng cấp. Không, ông đâu cần những mũ áo xênh xang như vậy. Bởi ông đã mỏi mệt. Tuổi càng ngày càng lớn. Ông chỉ muốn an thân không còn muốn đua chen cùng đời nữa. Ông từ chối những lời mời mọc như lương cao, nhiều ngày phép. Ông không cần bận tâm đến tin đồn là hệ thống

mà ông phụ trách sẽ hết xài và dĩ nhiên ông sẽ bị thất nghiệp. Ông chẳng khác một cổ thụ bám rễ sâu, chờ ngày tàn tạ. Ông cầu an với công việc làm. Không hăm hở, nhiệt tình như trước nữa. Những đầu ngón tay của ông đã bắt đầu bị tê buốt. Cả bả vai cũng vậy. Trước đây ông đánh vào bàn phím nhanh, nhưng giờ, ông đánh chậm lại, khoan thai, từ từ. Trong các buổi họp về nghề nghiệp, ông im lặng không phát biểu ý kiến. Ông muốn dừng lại, làm kẻ đứng bên lề. Ông cũng chẳng màng bận tâm về những thay đổi của khoa học kỹ thuật liên quan đến ngành ông làm việc. Còn bao lâu nữa ta về hưu rồi, hơi sức đâu mà ganh đua cho mệt óc. Bây giờ ông mới hiểu tại sao người già vẫn thường là người bảo thủ. Chính vì họ không thể theo cái mới. Thế thôi.

Cái lệnh ác ôn ấy đã làm ông khổ sở không ít. Ông bị dồn vào chân tường. Trời ơi, làm sao họ có thể hiểu là hệ thống này trước đây cần đến năm người giờ chỉ có một mình ông. Mà giả dụ bây giờ nếu mướn thêm bốn người mới nữa thì cũng vô ích bởi vì họ đâu có kinh nghiệm để mà làm? Làm sao họ có thể hiểu những cái khó khăn mà bất cứ một lập trình viên nào cũng phải gặp. Đó là những con bug (bọ) không bao giờ ngờ như con bọ Y2K. Làm sao họ hiểu ông đã bước vào cái tuổi già, trí não chậm lụt, lu mờ mà nghề này đòi hỏi phải có một trí nhớ tốt. Có biết bao nhiêu lệnh, mỗi dấu chấm, dấu phết là cả một tai họa nếu bỏ sót hay ở sai vị trí. Mắt ông đã bắt đầu mờ, khốn khổ lắm mới đọc chữ, đọc số, huống chi cái dấu chấm nhỏ tí ti trên màn ảnh. Rồi bao nhiêu chuyện phải làm. Làm sao để từ một nơi xa muôn dặm tự động gởi tin và ở đây nhận tin cũng tự động, rồi tự động đến máy in, rồi máy in tự động in cái hoá đơn, cái biên nhận/ biên lai, cái hóa đơn, cái nhãn... Nói thì dễ, lý thuyết thì dễ, vẽ đường đi nước bước thì dễ, khi ở trong cuộc mới thấy khó, quá khó.

Vâng, quá khó, 12 giờ đêm ông còn ở bên máy để liên lạc với hãng qua modem. Vợ ông đã dục ông đi ngủ. Ông không trả lời. Ông đang cố tìm xem con bug bọ đang ở đâu. Tại sao mỗi lần ông compile soạn thảo là mỗi lần máy cho biết cái chương trình ông viết bị lỗi. Ông lấy cặp kính lão mang vào, và ước ao có một kính lúp để nhìn chữ cho rõ hơn. Ông nuốt nước miếng. Rõ ràng đây là trận đánh. Ông là tên tướng và cũng là tên tốt. Ông thảo ra kế hoạch và ông cầm súng đơn thương tìm địch. Nhưng địch thì quỉ quyệt. Tóm được một tên thì tên khác lại xuất hiện. Ông bị cuốn hút trong thế trận. Ông hồi hộp theo dõi từng bước, từng bước mà danh từ chuyên môn là 'step by step'. Ông xử dụng những công cụ để yểm trợ như display, hiển thị animation hoạt hình, để nhận rõ con bọ quái quỉ. Ông chạy đông, chạy tây, chạy nam, chạy bắc giữa những hàng chữ nghĩa mà ông đã viết.

Lại chữ nghĩa. Chữ nghĩa tàn bạo. Chữ nghĩa khốc hại. Ông mệt lả. Đầu óc nóng bừng. Ông đứng dậy đến cửa sổ nhìn xuống đường. Ánh điện neon trắng soi sáng một khúc lộ. Những chiếc lá khô thỉnh thoảng lại rụng. Ông biết là mùa thu đang trăn trở. Còn hai tháng là sẽ đến mùa đông, trời sẽ lạnh, tuyết sẽ rơi, cây cối sẽ trơ cành. Cũng như ông bây giờ, ở vào tuổi sắp lục tuần, những tế bào sống đã từ từ khô và chết dần. Những sợi tóc đã từ từ khô rồi rụng dần. Nhưng đời vẫn chưa buông tha ông. Nhà vẫn không thuộc về ông. Xe cũng không thuộc về ông. Cơm áo, áo cơm, vẫn không cho ông nghỉ dừng một lát. Chữ nghĩa. Ông muốn gào lên. Đâu cũng là chữ nghĩa. Chữ nghĩa mở mang kiến thức, nhưng chữ nghĩa cũng là sợi dây thòng lọng rờn rợn kinh hoàng. Như một thời chúng làm thanh niên hai miền Nam Bắc mê cuồng, lăn lộn. Như những câu thơ cắt cổ giết người kích động của Tố Hữu, Chế Lan Viên, Huy Cận... Như những chủ nghĩa lý thuyết để cả dân tộc ông phải tắm trong máu của hận thù. Chữ nghĩa. Giờ đây chúng lại đày ông, bắt ông phải thuộc lòng, phải nhớ như đinh đóng, không thiếu không thừa. Chúng không cho phép ông được nói những gì ông thích nói, viết những gì ông thích viết.

Ông châm điếu thuốc, ngồi lại trước máy, tiếp tục cùng trận chiến. Ông tiếp tục hành quân, tìm địch, diệt địch. Địch thì bị diệt, nhưng mục tiêu thì vẫn còn mịt mờ không thấy ở đâu.

Và cứ mỗi tuần đến ngày thứ năm, hai giờ chiều, là ông ngồi trong phòng để tường trình diễn biến của công việc cho những manager ở những tiểu bang xa được rõ. Ông trả lời thắc mắc. Ông nêu những vấn nạn. Họ chia xẻ cùng ông. Nhưng lệnh vẫn là lệnh. Dứt khoát.

*

Có tiếng chuông điện thoại reng. Thằng Ed từ Houston gọi. Ông chào nó, yếu sìu. Giọng thằng Ed vang lên trong máy:
"Ông Nguyễn, ông bị bệnh ?"
"Không. Tao không bệnh, nhưng mệt"
"Này, nghe tôi, hãy tịnh dưỡng. Sức khoẻ là trên hết"
Trời ơi nó lại khuyên ông. Nó làm sao biết nó sắp trở thành nạn nhân. Nó làm sao biết ông đang tiếp tay với chủ để đá nó. Nó làm sao biết là ông đang dấu nó về những gì ông đang làm.

Ed thuộc nhóm trợ giúp sản xuất, một nhân viên thâm niên của công ty. Nhiệm vụ của nó là giúp giải quyết những trở ngại mà các người xử dụng hệ thống gặp phải. Thỉnh thoảng nó lại gọi ông để nhờ ông giúp một vài vấn đề chuyên môn.

Nó nói tại Virginia đang gặp khó khăn. Sét đánh làm máy ngưng hoạt động. Nhân viên phụ trách gọi nó cho biết có những dữ kiện không đúng. Phải sửa gấp.
Rồi nó cho ông số điện thoại để liên lạc.

Ông quay điện thoại. Ông đang gọi nạn nhân của ông. Phải, không trước thì sau, dự án sẽ hoàn thành, những nhu liệu sẽ được bỏ vào máy, và họ sẽ bị sa thải. Đừng cho họ biết, họ sẽ xôn xao. Lời bà Rita vẫn còn vọng bên tai. Đầu dây, giọng người đàn bà vang lên. Giọng quen thuộc. Ông biết là cô nàng Kathy:
"Có phải Kathy?"
"Phải. Chính tôi. Có phải ông Nguyễn?"
"Phải"
"Cái gì xảy ra ở đấy?"
"Hôm qua bão. Điện bị cúp, và máy bị tắt. Sáng nay những dữ liệu bị sai"
"Hãy cho tôi một đơn hàng bị sai"
Kathy đọc cho ông nghe. Ông nói ông rất bận nhưng sẽ cố gắng giải quyết chuyện này càng sớm càng tốt. Kathy cám ơn rối rít:
"Tôi bảo không ai được vào máy để chờ ông nhé?"
"Vâng"
Rồi ông gác ống điện thoại. Ông thở dài. Bây giờ ông có dịp được giúp đỡ họ, nhận ở họ lời cám ơn, nhưng không chóng thì chày, họ không còn dịp để ngồi trước máy nữa. Chính ông là thủ phạm. Không, ông không phải là thủ phạm. Không có ông thì có trăm ngàn người khác mà. Nhưng mà tại sao lương tâm lại cảm thấy bất an.

*

Cuối cùng, dự án cũng được hoàn thành trước ngày ấn định. Ông mừng đến điên khùng khi những tệp tin đầu tiên đến trạm và ở đầu dây điện thoại thằng George gọi về cho hay: Tốt rồi. Hóa đơn đã chuyển đến máy in và nhản được in. Chúng ta phải mở champage mà ăn mừng là vừa. Ông thở phào như trút hết gánh nặng trong ngực. Cái gánh nặng cơm áo và danh dự. Danh dự của một người Việt Nam. Và danh dự của một người già. Danh dự của nhóm. Bà Rita hứa sẽ can thiệp để cho ông tiền thưởng và dục ông lấy mấy ngày nghỉ. Nếu ông vui 10 phần thì ba phải vui 100 phần cũng nên.

Như vậy cuối cùng ông đã chiến thắng. Nhưng giữa niềm vui vô hạn ấy, thằng Ted gọi về tiếp tục hỏi về hệ thống điện toán. Nó vẫn chưa biết. Rồi nàng Kathy cũng gọi về nhờ ông cứu dùm. Cái cơ sở dữ liệu lại bị hư hại. Ông muốn rưng rưng. Danh dự, vâng, ta cảm thấy danh dự thật. Nhưng chắc chắn là ta không cảm thấy tự hào hãnh diện chút nào./.

(trích Hành Trình của Một Cổ Trắng, tái bản lần thứ tư)

May mà ta còn có em…và Sài Gòn và Thủ Đức

Bởi vì, em đã đến với ta khi ta không còn gì hết. Ta đã nói khi ta vào ngôi trường của chiến tranh có nghĩa là ta không còn là ta nữa. Cái tôi của mình đã bị tước đoạt từ thể xác đến tâm hồn. Người ta đang cố biến tập ta thành một người máy. Nhưng ta vẫn còn trái tim. Bởi vì trái tim mà ta đã có mặt. Trái tim bắt ta phải lên đường, phải chấp nhận cái định mệnh của thế hệ sinh và lớn lên trong chiến tranh. Trái tim nâng bước chân ta khi ta muốn quị, đỡ ta lên khi ta muốn ngã. Trái tim làm ta biết phẫn nộ, sôi sục như quả trái phá, cuồng nhiệt đam mê như hít hà da thịt yêu ma. Trái tim dạy ta phải yêu núi yêu sông, phải hy sinh bản thân, dù ta rất sợ khi phải nói về những mỹ từ tâm lý chiến. Trái tim khiến ta bò đến mục tiêu khi hai cùi chỏ ta trầy trụa. Trái tim mềm yếu vô cùng nhưng cũng mạnh mẽ vô cùng. Và cũng vì trái tim, ta mới yêu em. Mới thương em hơn bao giờ. Ta gặp em khi nào. Ta đâu có tài tán gái. Ta cũng chẳng phải đẹp trai. Ta gầy còm hom hem, mắt nặng độ, gió mạnh thổi muốn ngã. Ta đã được hoãn dịch vì lý do sức khoẻ mà. Thế mà em đã đến với ta, bằng tất cả tâm hồn. Cảm tạ em, cảm tạ Sài Gòn. Nhớ em, phải nhớ Sài Gòn. Phải nhớ chiếc áo dài trắng, và mái tóc cắt demi garçon mà em mang đến. Nhớ em, nhớ hơi hườm như còn vướng lại trăm năm. Nhớ em, đôi vai nào nhỏ bé mềm mại, hàm răng nào trắng như hạt lựu, đôi mắt nào lung linh dưới nắng, đôi môi nào như mềm ướt và thân thể nào nóng bỏng thịt da. Nhớ em, em Sài Gòn, hôm nào, tên ta được gọi. Trời ơi, ai đó cà. Ai như từ tiền thân vì ta phải đọa. Ai lựa tên ta mà bốc nhằm. Ai đến với ta khi thiên hạ bỏ ta mà chạy mà xa. Ai thả chiếc cầu để ta được cơ duyên mà chụp. Cám ơn em. Cám ơn Tăng Nhơn Phú. Nhờ Tăng Nhơn Phú ta mới được gặp Sài Gòn. Cám ơn trong địa ngục ta vẫn còn thấy được thiên đàng. Trong lò luyện thép ta còn hứng được một cơn mưa ân sủng. *Có phải em là Gia Long. để anh thèm mưa rất nhỏ. Có phải em là Trương Vương để anh thèm hoa phượng nở...* Không, ta chỉ tưởng tượng viễn vông để làm một bài thơ mà ta chưa bao giờ cảm nhận để cho đời đở buồn. Cái tưởng tượng như ông Tố Hữu (ông lành mà dạ chẳng lành) hay những ông nhà văn nhà thơ ngồi trong tháp ngà tưởng tượng để cả thế hệ con cháu các ông đều tưởng thật, xem là chân kinh, để rồi lao về phía trước như bầy thiêu thân. Nhưng ta xin thề, ta rất thật thà với em, em của trái tim Sài Gòn, giọng nói Sài Gòn, mái tóc Sài Gòn, má lúm đồng tiền Sài Gòn, mềm mại mà nồng cháy, yếu đuối mà cuồng nộ đam mê...Bởi rõ ràng như hôm qua, em ngồi đấy, trên tấm vải nhựa ở khu thăm nuôi. Nắng Tăng Nhơn Phú đẹp não nùng bởi vì có nắng Sài Gòn em mang đến. Em gắp cho ta thức ăn như người vợ chiều chồng. Trời ơi, từ khi sinh ra đến giờ, ta có bao giờ được ai chiều chuộng như em. Số ta là số du thủ cô hồn, hoang đàng phóng đảng. Số ta lê la đầu đường xó chợ, số ngủ bờ ngủ bụi mà. Số ta, sinh ra đã nghe tiếng hí kinh hoàng của con ngựa chứng. Số ta, số luôn luôn bom đạn, thù hận, tai ách do từ những thằng già ngồi trong tháp ngà mơ tưởng đến thiên đường và bọn thực dân phát xít luôn luôn rình mò tìm cách xâm lược. Số ta, cha mẹ chia lìa, cha con một người một ngã, nhìn đâu cũng thấy máu, máu, và máu. Số ta, đêm trốn chui trốn nhủi dưới gầm bàn, xó nhà để tránh đạn, tránh bố ráp... Số ta, tiếng khóc đầu tiên không phải là khóc cho một kiếp người mà là tiếng khóc của một thế hệ sinh ra trong thời ta bà mạt kiếp. *Số ta, cái số thế hệ chiến tranh, số rớt tú tài anh đi trung sĩ, em ở nhà lấy Mỹ nuôi con...*Số ta, như vậy mà em còn thương ta, thì tâm em là tâm bồ tát rồi. Ta đã nói trăm lần, ta phải cảm tạ Tăng

Nhơn Phú. Bởi vì nhờ Tăng Nhơn Phú mà ta được yêu Sài gòn và được yêu em. Nhờ có Tăng Nhơn Phú mà bỗng dưng Sài Gòn trở nên gần gủi, mà *Gặp em trong chuyến xe về muộn. Trăng đã lên trên khu Hàng Xanh. Sài Gòn Gia định chia trăm ngã*. Có ngã nào em hiểu tình anh.

Nhờ có Tăng Nhơn Phú mà trước lạ sau quen con gái Sài Gòn qua thơ Nguyên Sa, qua văn Duyên Anh. Ôi Tăng Nhơn Phú, đồi gian khổ mồ hôi, may mà trên bầu trời vẫn còn có những vì tinh tú sáng để ta còn nhìn về phía Sài Gòn, mà mong mà nhớ. Nhờ có Tăng Nhơn Phú, mà ta mới đổ mồ hôi để còn có em đem cho ta cơn gió mát. Nhờ có Tăng Nhơn Phú mà em đã tìm đến ta, vào ngày cuối tuần, mang theo những món đồ thăm nuôi rải theo nước thánh. Ta ăn dù chua, cũng thành ngọt, dù cứng cũng thành mềm... Em hỏi ta có cực không, khiến lòng ta tở mở: Thấm tháp gì. Ta bị phạt 50 lần hít đất nhảy xổm vì tội để giày bẩn, nhưng ta phóng đại bị phạt cả trăm lần... Làm như Thủ đức như một lò luyện thép... Rồi em cứ bắt ta kể chuyện quân trường. Em nói là mỗi lần em đọc Nhật Ký Quân trường của ta trên nguyệt san bộ binh là mỗi lần em khóc. Em thương các anh sinh viên sĩ quan Thủ Đức quá. Em càng làm ta kiêu hãnh. Như vậy mà ông đại đội trưởng lại cứ phạt ta dài dài. Như vậy mà đám sinh viên sĩ quan cứ nhìn ta nói bóng nói gió: Nguyệt san Bộ Binh không muốn mua cũng phải bị ép mua. Trời ơi, ta đâu có cái thẩm quyền mà nói hờn nói mát như vậy. Ta viết bài, chẳng những không có nhuận bút mà cũng bị trừ lương, 8 đồng một số. Trời ơi. Ta mang mồ hôi của ta của bạn bè để nhỏ lên trang giấy để các em gái hậu phương còn yêu tha thiết các người mà. Sao lại trách ta đồng lỏa. Sao đại uý S. cứ ghen tức vì ta được miễn ngày thứ tư đi bãi để lên họp ở Khối Chiến Tranh Chính Trị hay về Hội quán nhìn em. Tim đại úy là tim đồng tim sắt, làm sao còn biết cái hay của bài thơ Luân Hoán, Nguyên Sa, Cao Thoại Châu, những người thơ cùng khoá của ta? Sao đại úy cứ đì ta đến tả tơi, tơi tả...chỉ vì ta có cái tội là viết báo bộ binh?

Còn em. Em Sài Gòn, thiếu gì chàng công tử mà em lại lặn lội chọn ta. Em nâng khăn, nâng bát, nâng chén, mời ta. Có phải em là lan của vườn hoa bách thảo... Thì vâng. Em là lan. Cành lan mong manh đã nở một đoá hoa vàng rực rở trong hồn ta bát ngát. Mấy mươi năm rồi, nhớ lại em, lòng ta bỗng dưng ấm áp lạ lùng. Nhớ đôi mắt ai lung linh, chẳng hiểu vì nắng Tăng Nhơn Phú đã tắm đầy đôi mắt ấy, hay vì khi yêu ai, ta cứ một mực tôn sùng. Nhớ em, làm sao quên được những lần ta chạm tay, vô tình hay cố ý. Con tim già nua của ta bây giờ cũng phải đập bấn loạn như hôm qua. Con người nhiều khi chỉ cần sống một giây, một giây mà thiên thu bất tận, mà hoan lạc cuồng si, mà mắt sẽ mở trừng, và lòng thì mãn nguyện để mà nhắm mắt như cái giây khắc mà con bướm đực động tình giao hoan trước khi rụng xuống mà chết.

Vâng, may mà có em, đời còn dễ thương. Thơ Vũ Hữu Định tuyệt vời như thế mà sao văn học sử không dành cho bạn ta một chỗ đứng. Nhưng cần gì, trong tim em, tim ta, tim những thằng trẻ tuổi của một thế hệ chiến tranh đã in khắc những câu thơ tuyệt vời ấy rồi. Bởi nó là nỗi lòng đích thật của một thế hệ bị mất mát quá nhiều, bị trù dập quá nhiều. Hỡi các ông soạn sách văn học sử, các ngài hàn lâm khoa bảng.. Các ngài chỉ bắt bọn trẻ học về Huy Cận, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, giòng thơ mới, những kẻ đang ở ngoài Bắc, trong khi những thần tượng của chúng tôi, mỗi ngày nặn óc nặn tim để sáng tạo ra những bài thơ phanh thây uống máu bọn trẻ chúng tôi trong Nam. Các ngài chỉ dựa sách vở để lý luận, tham khảo những tài liệu mốc xì, lỗi thời từ Socrate đến Jean Paul Sarte, các ngài làm sao biết những trang bản thảo được viết dưới hầm, trong bóng đêm dưới ánh đèn pin quân đội, trong bệnh xá, ngoài bãi, trên Trường Sơn, trong sình lầy. Các ngài đâu có hiểu cái dấu chấm dấu phết trở nên vô nghĩa khi hơi thở bị hụt hẫng, khi nỗi lo âu bị đè nặng...

Các ngài đâu có hiểu tại sao lại đốt hết cả văn chương thời chiến của chúng tôi. Bởi vì họ không dám cho những người thuộc hàng ngũ của họ thấy được sự thật của những kẻ mà họ nói rằng: Giết cả trẻ sơ sinh hay hãm hiếp ăn thịt người. Bởi vì họ không dám cho dân họ thấy

rõ về một nền văn học nhân bản, mà chúng tôi đã chuyên chở trong những tác phẩm của chúng tôi. Bởi vì họ sợ sự dối trá của họ bị lột mặt. Đấy. Thế hệ chúng tôi là thế. Chiến tranh cướp mất tuổi trẻ đã đành, còn văn chương, văn học chuyên chở cả nỗi lòng của tuổi trẻ cũng bị cướp đoạt tiếp. Chưa kể những tai ương ghê gớm khác mà thế hệ chúng tôi phải gánh chịu sau ngày ngưng tiếng súng: tù tội, trả thù, và cái bản án vô hình ghê rợn: ngụy.

Đấy. Tuổi trẻ của chúng tôi là thế. Của những kẻ ưởn ngực vừa chạy vừa gào xung phong để cho các ngài làm văn hóa, dạy văn hóa, suốt ngày chỉ la lên: Yêu là chết ở trong lòng một tí... trong khi chúng tôi muốn yêu mà không được yêu, đã có yêu rồi nhưng lại ngăn cách chia lìa. Các ngài chỉ biết rung đùi thưởng ngoạn những giòng văn học ngoại lai, các ngài làm sao hiểu được cái tiếng gọi buốt xoáy trong trời đất Việt Nam: em hỏi anh bao giờ trở lại. Xin trả lời mai mốt anh về... Anh trở về với đôi nạng gỗ. Anh trở về bại tướng cụt chân... Các ngài chỉ rung đùi cùng những trang cổ thư quân tại tương giang đầu thiếp tại tương gian vĩ hay tự hãnh diện đầy bồ chữ Mỹ chữ Tây... trong khi không có một nơi nào như phần đất Việt Nam này, mà tuổi trẻ già cả trăm năm, mà mỗi cá nhân là một chứng nhân sống để phán xét về những chủ nghĩa lý thuyết mà các ngài tự hào là những kẻ thông thái. Các ngài không lấy vết sẹo ra để mà làm tài liệu, những giọt nước mắt ra làm chứng từ, mà chỉ lấy kinh nghiệm của những ông Tây ông Mỹ. Ông Tây ông Mỹ có thở như chúng tôi đã thở? Ông có sống như chúng tôi đã sống? Ông có thấy như chúng tôi đã thấy? Các ông có bao giờ đứng bằng cặp giò cụt? đã vác thập tự giá như chúng tôi đã vác? Có viết những trang bản thảo mà phải trùm mền, trùm poncho dưới ánh đèn pin quân đội? May mà có em đời còn đời còn dễ thương. Cám ơn nhà thơ. Và cám ơn em. Em đã làm đời ta thôi buồn thảm như con bò trong đàn bò về thành phố từ bài hát của Trịnh Công Sơn mà Khánh Ly đã rên rĩ đến đứt đoạn: Đàn bò về thành phố đêm buồn vắng buồn hơn...

Bởi vì nếu không có em, chắc bước chân ta sẽ phải thất thểu trên những vĩa hè Sài Gòn để mà tủi thân. Bởi vì không có em làm sao ta hiểu được một Sài Gòn độ lượng bao dung, con gái từ tâm cho mà không cần đặt câu hỏi. Ôi Sài Gòn, ta tự hào hãnh diện có bộ ngực mềm mại, có bờ vai nhỏ bé, có con tim như vang những tiếng chuông chùa nhà thờ... Cần gì sắc đẹp nghiêng ngửa não nùng. Các em ấy đã có phần hết rồi. Bởi Sài Gòn nhiều tướng tá lãnh tụ, chính trị gia, nhà văn nhà thơ tài hoa, tài tử đóng phim đẹp trai, những chàng trai mặc đồ bay, súng ruleau hoa mai trắng...Còn ta chỉ là thằng đang chuẩn bị trở thành một trung đội trưởng bộ binh, chẳng biết nhảy đầm, hay biết lái xe để đưa em dạo phố. Ta chỉ có đôi chân. Đôi chân sẽ lội bộ, sẽ trèo đèo vượt suối, sẽ chạy sẽ ngập sình sẽ dẫm trên từng tấc đất đầy tai họa. Đôi chân sẽ dẫm trên từng tấc đất của quê hương, cho dù một ngày nào đó, sẽ bị què bị cưa bị cụt. Đôi chân chống lấy thân người nhưng cũng chống đỡ những hòn đá nặng của lịch sữ.

Và con tim. Con tim đang thì thầm, em có nghe không đấy. Nó đang nói về một niềm hạnh phúc. Bởi vì tuy gia tài của một tên thanh niên không có gì hết, nhưng em có nghe tiếng còi tàu từ hướng sông Sài Gòn đang vọng về như chúc mừng chúng ta, và trên bầu trời, muôn vàn tinh tú, sáng lung linh, gần nhau, sát nhau, như anh và em. Như buổi chiều Sài Gòn trời đổ cơn giông, ôi cơn mưa ân sủng không ngờ một ngày chúng trở thành những cơn mưa vĩnh cửu: *Anh còn lại đây một chiếc poncho Anh xin trải ra cho em ngồi đỡ Em thấy gì không, thiên nhiên cây cỏ Có cả bầu trời xanh biếc trên cao Có tiếng cúc cù của đôi chim cu Có loài bông rừng thơm tho trong gió Sài Gòn dù phố xanh phố đỏ Ở đây cũng yêu mến lạ thường Vẫn cõi đất trời vô lượng bao dung Vẫn bờ cỏ mềm hơn thềm nhung lụa Nắng hôn nhẹ trên những tàn cây nhỏ Lá cũng thì thầm bài hát yêu nhau Anh cũng thì thầm, một bông ngọc lan Vừa mới nở trong hồn anh bát ngát Hãy cho anh thử nhìn lên đôi mắt Để biết rằng đời quá đẹp, dễ thương Sài Gòn buổi chiều trời chuyển cơn giông Cơn mưa vội, bay qua trời Thủ Đức Anh qua Nhà Ăn chui rào Thiết Giáp Biết gì hơn, mang một chiếc poncho Anh không có nhà, để em trú mưa Chỉ chiếc poncho trùm đầu hai đứa Chúng ta hôn nhau, dưới trời mưa thác Mưa Sài Gòn. Mưa xa lộ. Mưa. Mưa Mưa loạn cuồng như hai kẻ sắp xa Bấu chặt lấy giờ cuối cùng sắp*

mất (Thơ Trần Hoài Thư) Em có lạnh không, em cứ nép vào ngực anh, vào vai anh, và cứ nhắm mắt. Đừng nghĩ. Đừng bận tâm ngày mai. Em yêu dấu của anh./.

(trích Thủ Đức Gọi Ta Về, tai bản lần thứ 5)

Bóng tháp
(hồi ức văn chương)

Không thể ngờ một ngày tôi lại có mặt giữa ba ngọn tháp buồn thiên cổ để cảm nhận thế nào là dấu vết của Điêu Tàn trong thơ Chế Lan Viên. Có lẽ tôi may mắn hơn nhà thơ họ Chế, bởi vì ông chỉ nhìn tháp mà làm thơ, còn tôi, tôi sống với tháp, tôi ngủ trong lòng tháp, tôi được tháp che chở bảo bọc mà chắc chắn trong thời bình, tôi khó có thể có được cơ hội.

Đó là đồi Bà Gi, còn gọi là Tháp Bánh Ích, hậu cứ của đại đội 405 thám kích thuộc sư đoàn 22 BB, gồm một chùm ba ngọn. Phía đông dưới triền đồi là Tu Viện Nguyên Thiều, kế là Bộ Tư Lệnh Sư đoàn 22 BB. Phía Bắc là An Nhơn, Đập Đá. Phía Tây là cầu Bà Gi. Trên tháp có thể nhìn cả một vùng Tuy Phước, Gò Bồi, An Nhơn, và một dòng sông Côn uốn dưới chân đồi. Theo như người địa phương cho biết, ngọn tháp cao nhất là tháp Vàng. Ngọn ở lưng chừng đồi là tháp Bạc. Và ngọn ở dưới thấp nhất là tháp Đồng. Tháp Vàng là nơi đặt đài radar của quân dội Mỹ. Tháp Đồng là kho chứa đạn dược của đơn vị tôi. Chỉ có tháp Bạc là trống trải, nằm ngay ở bên sân doanh trại, ngay ở cổng gác của đơn vị.

Thật không thể ngờ có một ngày tôi lại nương nhờ dưới bóng ba ngọn tháp này. Có lẽ chúng là mái nhà của tôi cũng nên. Tôi đã nương dưới bóng tháp ấy suốt gần 4 năm (tháng 9-1966 - tháng 7 -1970) .Bốn năm phải là quá quen thuộc, quá gần gũi. Bốn năm, tháp đã chứng kiến những ngày chúng tôi xuống đồi, lên đồi, những lần hành quân xa, những buổi trở về, thấy bóng tháp ẩn hiện từ xa, để biết mình đã về lại mái nhà xưa. Tháp không còn là những tầng gạch cũ gắn chặt ngàn năm một cách vô tri nữa. Mà đối với tôi, chúng có linh hồn. Chúng thiêng liêng. Chúng không phải là là một dấu vết của sự hưng phế của một triều đại, một cơ đồ, nhưng chúng là một cõi mồ của lịch sử. Mà có lẽ, đâu đó, trong đêm, gió hú than là lời hú than ai oán của một dân tộc bị diệt vong...
Cái ý niệm về tôn giáo siêu hình càng mạnh, khi mắt tôi chứng kiến cảnh sét đánh ngay vào ngọn tháp Vàng. Nghe nói, có người lính Mỹ bị thương hay chết. Có lẽ họ mang ô uế vào tháp chăng. Ngoài ra, những người lính thâm niên trong đơn vị vẫn hay kể là trước đây, cứ mỗi lần ông dơn vị trưởng mang gái lên đồi qua đêm , thì thế nào, sau đó, đơn vị cũng gặp rủi không ít thì nhiều.
Từ sự tin tưởng có tính cách tôn giáo ấy, cứ mỗi lần đơn vị xuống đồi để làm những chuyến tăng phái, hay đột kích, tiếp viện, hay thám sát, tôi vẫn đứng dưới tháp mà cầu nguyện. Như ngày nào tôi đã lên tháp Bà, ở Nha Trang để cầu khẩn cho mẹ tôi khỏi bị khổ nữa.,
Chính vì nỗi tin tưởng ấy, tôi không thể chấp nhận việc mang ô uế đến với tháp. Là người lính, tôi không thể làm gì hơn. Nhưng là nhà văn, thì tôi có quyền. Tôi đã viết truyện *Bóng Tháp*, lấy từ chất liệu sét đánh lên đài ra đa như là một sự trừng phạt của đấng quyền năng. Truyện đăng hai kỳ trên Bách Khoa. Sở kiểm duyệt đã kết tội bài viết có lợi cho địch là bêu xấu quân đội đồng minh. Chỉ tội nghiệp cho ông Lê Ngộ Châu, phải khổ lắm, mới mang được về tòa soạn vài trăm tập và bôi đen một phần của bài văn.
(Có điều hết sức ngạc nhiên là thư viện Cornell đã có hai số báo BK này, với toàn bài không bị cắt xén)

oOo

Tôi vẫn còn nhớ, hình như vào khoảng năm 1969 thì phải, Bắc quân mang một lực lượng cấp tiểu đoàn tấn công vào thị trấn Đập Đá, cách đồi Bà Gi khoảng vài cây số về phía Bắc. Trong trận này, binh chủng thám kích được sự tiếp trợ của sư đoàn Mãnh hổ Đại Hàn đã tạo một chiến thắng lớn.
Lính phe Bắc chết nằm la liệt ở ruộng đồng gần Đập Đá. Đến nỗi sau trận đánh, xe ủi của quân đội Đại Hàn đã phải đào nguyên cả cái hố lớn và sâu để lấp chôn xác họ. Tôi nghe nói trên cả trăm người chết.
Và hố này gần một tháp chàm gần khu vực giao tranh.
Có hai người hạ sĩ quan mới ra trường đã tử trận. Một cái tang đau cho gia đình thám kích.
Chuyện đào hố chôn xác người đã làm trí óc tôi lóe lên một đề tài về một sự tái diễn của lịch sử. Và cái nhân quả trong triết lý nhà Phật.
Nhưng chưa có dịp để hoàn thành ý nghĩ này.
Đợi đến một lần dừng quân chờ xe sư đoàn đến rước về hậu cứ, tôi mới thật sự kê giấy để viết dưới ánh đèn pin quân đội. Đêm ấy, chúng tôi nghỉ chân bên một ngọn tháp sau một cuộc hành quân gian khổ. Điêu Tàn của dân Hời bây giờ nhường lại Điêu tàn của dân tộc tôi. Đây là truyện thứ hai tôi viết về tháp, với tựa đề Đêm Chiêm Thành.

Đêm Chiêm Thành
Chúng tôi đã bắt đầu đốt lên những bếp lửa đầu tiên của một đêm về muộn.
Sau một ngày lội đến quỵ cả gối, tắm mình trong một dòng sông hẹp và sâu, vượt qua những xóm làng hoang vu không một bóng người, và thèm ghê gớm một chỗ nằm, một giếng nước mát, một ngọn đèn dầu, và một bữa cơm nóng sốt, bây giờ chúng tôi lại ngồi ở đây, trước ngọn cổ tháp. Lệnh cho biết, lát nữa, một đoàn xe của tiểu khu – đơn vị mà chúng tôi tăng phái – sẽ đến đón những đứa con của chiến trường trở về. Tin trên, được truyền từ một người lính truyền tin của bộ chỉ huy, đã như một tín hiệu rực rỡ nhất, vui mừng nhất. Không ai bảo ai, ngả lưng trên nền đất cỏ, tháo ba lô và súng đạn trên mình, và tụm năm, tụm ba, đốt thuốc, ngồi vây quanh những bếp lửa hồng.

Chiều đã tan biến từ lúc nào, bây giờ màn đêm đã dần buông, bằng một đôi cánh mỏng nhẹ. Hơi gió đã nghe thở xào xạc. Một vì sao đã hiện lên trên đỉnh tháp, xa vắng như con mắt tình nhân. Những gợn mây hồng ở cuối chân trời vẫn le lói chút đỉnh để kéo chút hơi ngày. Và đâu đây là tiếng vạc cầm canh đã vang lên từ cánh đồng ngập nước. Lạnh quá đi. Một người lính đã thốt lên và run rẩy. Nước bùn, nước sông, pha lẫn mồ hôi của một ngày đã còn dầm dề trên những bộ quần áo trận. Đó là kết quả của một ngày mệt mỏi và đầy căng thẳng. Buổi sáng với tuyến xuất phát từ chiếc cầu Bình Khê, và đền thờ của vua Tây Sơn, và buổi tối là ngọn tháp Chàm này. Từ tuyến xuất phát, chúng tôi được lệnh cùng một đơn vị bạn, tiếp tục lục soát một chiều dài non hai chục cây số. Chúng tôi phải chiếm lần lượt những ngôi làng bỏ hoang, và có thể, di tản một số dân còn lại về vùng an ninh. Chúng tôi đã vô sự. Điều này, chắc làm mấy ông sĩ quan cao cấp không bằng lòng tí nào. Nhưng đối với chúng tôi, chúng tôi chỉ mong như thế. Vô sự, hai chữ ấy như một sức hấp dẫn mãnh liệt. Đời chiến binh chỉ mong bao nhiêu. Nhưng mấy ai thoát được trên trăm ngàn cuộc ra quân. Vì thế, lần dừng quân chiều nay, có lẽ chúng tôi là những kẻ sung sướng nhất. Một người đã huýt sáo nho nhỏ. Một người cố lục dưới đáy ba lô, tìm gói lương khô cuối cùng để chống cơn đói. Một người đang cởi áo hơ trên ngọn lửa. Trong thinh không màu sậm tối, những cánh dơi từ trong lòng tháp vụt bay ra, lượn vờn trên đầu đám quân. Những tiếng reo giòn của lửa thật êm ái. Và chúng tôi mong vô cùng được nghe lại tiếng xe mười bánh bên đường. Người lính già thì mong chờ về gặp đàn cháu nội ngoại, hay hớp rượu thuốc. Người lính trẻ thì mong gặp người yêu trông đợi. Còn tôi, thú thật, thèm được chắp đôi cánh của một loài ó bay về thành phố. Rồi một góc tối trong một quán cà phê, đầy âm nhạc, đầy bạn hữu, đầy những sợi khói nồng nàn, lãng đãng của ngày thanh xuân. Rồi rượu, đàn bà... Tôi đang dệt những cơn mơ rực rỡ ấy trong một buổi tối đầy bình an này.

oOo

Một tiếng nói đã cất lên giữa những đứa con ăn sương nằm đất: “Đây là thành Đồ Bàn. Tháp trước mặt là tháp Cảnh Tiên hay còn gọi là Tháp Đồng đấy”.
Một giọng nói khác phụ vào: “Thì ra bọn mình đang đóng đô trên kinh đô Chiêm Thành “. “Vâng, tháp này là nơi mà vua Chế bồng Nga đóng đô. Tôi nghe một ông già trong vùng kể lại, đây là nơi vua Trần đã một lần chiếm đóng và tàn phá khủng khiếp …”

Tôi vẫn nằm dựa lưng vào ba lô, lắng nghe những lời trao đổi. Giọng nói buồn buồn của người lính ngồi bên cạnh đã làm tôi xúc động. Thì ra, bãi cỏ xanh mướt này, từng là một bãi chiến trường. Tôi đã đọc trong sách vở mô tả lại trận đánh ghê khiếp trong lần vua Trần viễn chinh. Vua Trần Duệ Tông đã bị phơi xác khi tìm cách thúc đoàn quân chiếm thành Đồ Bàn. Rồi những cuộc viễn chinh sau đó, sau khi vua Chế Bồng Nga qua đời, đã mỗi lúc mỗi xô đuổi người Chiêm Thành chạy về phía Nam. Thành Đồ Bàn bị thất thủ. Kinh đô Chiêm bị thiêu hủy. Giờ đây là những phế tích đau buồn bằng mấy ngọn tháp cô quạnh trong dòng vô tình của lịch sử. Chúng như biểu tượng một thời của đền đài cung điện, của xe ngựa dập dìu. Chúng có mặt như là những hồn ma cô đơn nhất.

Một người bạn đã xin tôi một điếu thuốc lá đen. Tôi cười: bao thuốc xanh của tôi đã bị ướt nhão nhoẹt khi lội qua sông. Gió đã bắt đầu lạnh hơn. Những ngọn lửa đã bắt đầu yếu dần. Trăng đã lên cao, nằm lẻ loi trên một chòm cây khẳng khiu. Tiếng vạc lại nổi lên, đều đều từ phía đồng ruộng. Tôi vẫn nằm yên, lưng dựa vào ba lô, và tâm hồn tôi trải rộng như bóng đêm đang phủ. Có tiếng chửi thề: “Bộ xe để đưa rước ông bà lớn, các cô các cậu lớn hết sao bây giờ vẫn chưa thấy ló mặt đến”. Một giọng khác phụ họa: “Chắc mấy tay bán hết xăng rồi, giờ này xe nằm ụ”. Rồi tiếng ho khan nổi lên trong hàng quân, cùng tiếng cười la từ phía ban chỉ huy. Có lẽ, trong tâm trí của mỗi đứa con chiến trường đều hiển hiện những ngọn đèn thân yêu nhất của mình. Và vô tình giữa cõi trăng sáng trong vắt, tôi bỗng nhận ra một tấm bảng nổi lên trên một gò đất xanh um. Tôi đến nơi và đọc: “Mồ chôn tập thể địch quân”. Tôi hỏi người bạn, nguyên là dân địa phương. Anh ta trả lời: “Mồ chôn của cả tiểu đoàn V.C đấy. Cậu không nhớ lần bọn chúng về đánh Đập Đá, bị vây tứ phía, không còn để lọt một trự sao?” “Vâng, tôi nhớ ra rồi. Đại Hàn nằm phía Bắc. Phía Đông Nam là mình. Phía Tây là trung đoàn. Vòng vây càng lúc càng siết chặt. Địch không một ai chạy thoát. Trận đánh suốt cả tuần. Nhưng tôi không thể ngờ, tại sao họ lại đào ngay tại đây để chôn xác người. Bi thiết quá” “Tại sao là bi thiết. Thì chôn ở đâu bây giờ? Cả trăm mạng” “Tôi muốn nói cái oan khiên của lịch sử. Mấy trăm năm trước, bao nhiêu người chắc đã chết tại nơi này. Và mấy trăm năm sau, lại thêm bao nhiêu xác người khác nữa nằm tiếp thêm... Họ đòi nợ nhau. Và cuối cùng Bắc Nam Chiêm Thành cùng nằm chung dưới một gò huyệt”.

Giữa lúc ấy, từ phía xa, mờ ẩn một ánh đèn bão. ánh đèn càng lúc càng tiến lại gần phía chúng tôi. Chừng như người mang đèn không hề biết sự có mặt của đám con chiến trường. Giọng quát của người lính canh: “Ai đó đứng lại !” Ngọn đèn đứng yên. Tiếng nói mất còn trong sợ hãi vọng lại: “Tôi đây, xin các ông tha cho tôi, bởi tôi không biết...” Dưới ánh trăng sáng vằng vặc, tôi thấy lờ mờ hình dáng của một bà lão. Tiếng cằn nhằn của người lính tiếp tục vang lên: “Bà già quả gan thật. Bà không biết giờ này giới nghiêm hay sao? Một mình bà lại đến khu vực này. Bà đi tiếp tế cho VC hay sao?” “Bẩm ông, tôi già rồi” “Bộ già không phải là VC sao?” Tôi đến bên bà lão. Bây giờ tôi mới thấy rõ hơn. Tóc bà bạc phơ. Gương mặt nhăn nhúm lại. Tôi bắt gặp bà mang một gói vải. Tôi nói lính lục soát. Kinh nghiệm cho chúng tôi biết đa số những người dân trong vùng đều có chồng con nhảy núi, và đêm đêm họ hay mang đồ tiếp tế. Có thể là thuốc tây, áo quần, hay lương khô. Người lính mở gói đồ. Một bó nhang, giấy vàng bạc, một nải chuối... Chỉ có bấy nhiêu. Tim tôi chợt nhói. Vâng, tôi đã hiểu. Hiểu hơn ai hết, vì chính mẹ tôi cũng từng làm như vậy trong những đêm xa xưa, sau khi anh tôi vượt sông cái. Bà đã dám lặn lội đến bãi chiến để thắp nén nhang, đốt vàng bạc, với niềm tin là hương hồn của người chết được siêu thoát, không còn phải kêu gào thảm thiết giữa đàn âm binh chết trận. Tôi hỏi bà

lão: “Chắc ngoại có thân nhân chết và bị chôn dập dưới hố phải không?” Bà lão ú ớ. Tôi nói tiếp: “Cháu không làm khó dễ gì ngoại đâu. Bởi mẹ cháu cũng thế, hầu hết những người mẹ có con chết trận đều như thế.” Bà lão tự nhiên òa khóc: “Đêm nay rằm tôi không thể để nó lạnh lẽo dưới đất. Tôi mong nó lên hưởng chút hương đèn...” “Dạ, ngoại nói đúng. Khi chết rồi ai cũng như ai, không còn là ngụy cũng không còn là VC, không còn Bắc không còn Nam. Thưa ngoại, xin ngoại cho con một cây nhang, để con cùng cầu cho anh ấy, nghe ngoại.” Tôi nói mà lòng tôi ràn rụa.

March 10, 2013

Diều hâu bỏ núi

Tiếng nổ cạch cạch dội vào vách đá vọng lại như những tiếng báo động dây chuyền. Máy đã bắt được liên lạc với các đứa con bên kia phần đất chết. Giọng nói của người đại đội trưởng địa phương quân nghẹn ngào:”Các đứa con tôi chỉ chờ ngày này. Hôm nay đúng mười ngày”.

Từ bên này nhìn sang bên kia, chúng tôi chỉ còn nhận ra một bãi chiến địa hoang tàn. Mùi thúi bay về đến lợm mửa. Ngôi giáo đường cao nhất thị trấn giờ chỉ còn trơ vơ tháp chuông đen sậm lở loét. Chỉ còn cái căn cứ trên ngọn đồi thấp mới còn thấy thấp thoáng lá cờ vàng. Cô độc và heo hút. Từ xa, chúng tôi đã thấy nó như chạm phải mây, thách thức ngạo nghễ.

***

Suốt cả tuần, trận đánh vẫn chưa ngã ngũ. Hết đơn vị này tiếp đến đơn vị khác bị khựng lại khi tìm cách tiến qua mặc dù trước đó bom pháo dọn đường đã trút xuống như mưa thác. Những hang đá chằng chịt và kiên cố ở sườn đồi, nhìn xuống con lộ dẫn vào sâu trong rừng đã khiến những cơn mưa bom, và đạn pháo binh phải chịu thua. Và đơn vị đã phải quay lui. Cuối cùng cấp trên điều động đơn vị chúng tôi đến mặt trận. Họ đã hiểu chiến thuật trận địa chiến phải bó tay trước những tên địch ngoan cố, xâm mình. Không dễ gì phải tấn công một cao điểm khi phải bò lên giữa một triền núi trống trải trước những họng súng đại liên đã chực sẵn. Và chỉ còn cách là dùng chiến thuật dạ kích. Chỉ có cách đó mới may ra làm câm họng những ổ súng tàn bạo. Người lính bây giờ là người lính cảm tử. Trước hết hắn phải cố làm sao để nhận rõ nơi trú ẩn của địch, phải gắng định hướng chổ đặt khẩu súng nặng bằng cách nghe tràng nổ cũng như nhìn tia đạn lửa đến từ đâu, sau đó dùng máy hồng ngoại tuyến, tìm mọi cách bò đến, lao vào, quăng lựu đạn tiêu diệt…

Đêm nay chúng tôi lại thêm một lần nữa, mặc đồ đen, ngậm dao găm, bọc đầy lựu đạn loại lân tinh. Tổ trưởng còn mang theo ống nhắm hồng ngoại tuyến. Giờ G là 3 giờ sáng. Theo kinh nghiệm chiến trường, khoảng thời gian này là khoảng lý tưởng nhất cho cuộc làm ăn đêm. Bởi lẽ bất cứ thằng lính nào cũng đã thấm mệt hay cũng đang mơ màng giấc ngủ. Và mật lệnh cho chúng tôi là hỏi Thần điểu đáp Kình Ngư.

Dĩ nhiên tôi để trung sĩ Thành làm tổ trưởng tiền sát gồm hạ sĩ Nga, hạ sĩ Y Mông và hạ sĩ Phát. Hắn gan lỳ và dữ tợn. Càng nguy hiểm chừng nào, hắn lại càng say mê, phấn khích chừng nấy.

Tôi xiết chặt tay hắn, và hắn cũng xiết chặt tay tôi như chuyền cho nhau sức mạnh. Hắn thầm thì, giọng ngạt mùi rượu đế: Có gì thì nhờ ông thầy giúp đỡ con vợ tôi. Tôi cảm động đến rưng nước mắt. Tôi biết phải an ủi làm sao để hắn cảm thấy tự tin hơn. Mục tiêu không phải dễ gì thanh toán khi kẻ địch có lợi điểm hơn chúng tôi, và nhất là họ đang cố sức bảo vệ cây súng nặng. Tôi nói nhỏ: Đừng nói bậy không nên…

Tôi dẫn một tiểu đội bò lên hướng trái, và trung sĩ nhất Tông, trung đội phó, lãnh một tiểu đội bò lên hướng phải. Chúng tôi không gặp trở ngại nào khi bò qua bãi đất trống trước khi lên đồi. Chúng tôi phải dồn cục nhau. Hạ sĩ nhất Bảy bò đầu. Tôi bò theo hắn, vừa bò vừa quan sát bằng ống nhắm hồng ngoại tuyến. Trên lưng áo mỗi đứa có dấu hiệu lân tinh rất nhỏ để chúng tôi có thể dễ dàng nhận ra nhau. Qua máy nhắm, tôi có thể nhìn thấy mấy bóng đen của toán tiền sát đang lom khom vừa bò vừa chạy.

Bỗng nhiên, một tiếng nổ long trời lở đất nổi dậy, và sau đó là những tràng đạn tiểu liên, đại liên cắt xé màn đêm. Rõ ràng địch đã phát hiện chúng tôi. Tuy nhiên họ dường như không thể biết chúng tôi ở đâu. Chỉ có kẻ lợi là chúng tôi. Bởi vì chúng tôi có thể biết hang đá nào địch đang trú ẩn. Chúng tôi chỉ việc bò đến và quăng lựu đạn xuống hang đá.
Địch không mạnh như chúng tôi tưởng. Chúng tôi đã dễ dàng làm câm ổ súng nặng ngay đêm hôm ấy. Để đổi lại, trung đội phải chịu thiệt trung sĩ Thành, người hạ sĩ quan gan dạ nhất của đại đội. May mắn, hắn vẫn không chết, dù cả người hắn bị banh tơi tả do từ những trái lựu đạn mà địch đã gài trên lối dẫn đến hang đá. Hắn đã dọn đường cho những người lính cảm tử khác tiến lên để tiêu diệt ổ súng.

***

Đến xế trưa, các đơn vị hành quân mới thật sự giải cứu được căn cứ. Những người lính địa phương quân từ những công sự ào ra ôm lấy chúng tôi mà mừng tủi. Họ như những người tiền sử, tóc râu che phủ cả mặt, chừa lộ đôi mắt trủng sâu. Họ xin chúng tôi lương khô và nước. Họ vồ chụp từng bao gạo sấy. Có người đi không vững. Có người vừa hút thuốc chúng tôi mời vừa kể lại chuyện chiến trường. Tôi không thể hiểu sức mạnh nào đã khiến họ đứng vững giữa trùng vây như thế, trong khi bộ binh chúng tôi phải khó khăn lắm mới chiếm được mục tiêu mặc dù được phi pháo yểm trợ hết mình.

Giữa lúc ấy tín hiệu bay đến. Nó đến sau khi chúng tôi được tin Mặt Trời sẽ bay đến thị sát chiến trường và gắn huy chương. Cái lệnh được ban từ một trung tâm hành quân nào đó ở rất xa, nghẹn ngào và hối hả xen giữa muôn ngàn âm thanh đàm thoại hỗn loạn trong máy khuếch đại, đầy tiếng chửi thề, những lời phẫn uất, những câu hỏi mà không có câu trả lời, những tuyệt vọng nghẹn ngào…Thật sự không ai có thể hiểu. Có lẽ chỉ trừ ông đại đội trưởng. Bởi vì ông bỏ máy ngồi yên như một pho tượng. Đầu bên kia, giọng nói uất nghẹn: Tôi là thiếu úy Minh, sĩ quan trực trung tâm hành quân. Tôi cũng như thẩm quyền, không còn biết ai để xin lệnh nữa. Người ta đã bỏ chạy hết cả rồi. Trong khi ấy ở dưới chân đồi, trên con lộ đã xuất hiện đoàn xe cộ di tản. Tin cho biết Sài Gòn đã ra lệnh bỏ cao nguyên.

Thôi còn gì để mà đánh đấm. Chỉ còn những khẩu súng M16, M60, và lưa thưa những trái lựa đạn còn sót lại. Tôi đợi ông đại đội trưởng để nhận chỉ thị. Chỉ thị gì. Người ta đã bỏ chạy hết cả rồi. Ông nói. Mặt ông đầy những vết sước rịn máu. Sợi dây ba chạc vẫn còn lủng lẳng bi đông nước và khẩu súng colt. Tôi hiểu là lòng ông cũng đứt đoạn. Vợ con ông vẫn còn kẹt ở trong thành phố. Ông họp đại đội còn lại. Trung úy đại đội phó đã tử trận trong một trận đánh cách đây không lâu, nên thiếu úy Hà thay quyền xử lý, trình diện hàng quân trước mặt ông. Giọng nói của thiếu úy Hà như nghẹn trong cổ họng. “Đại đội đã tập họp xong, trình diện đại úy.” Rồi anh ôm lấy mặt, nức nở. Ông đại đội trưởng chào tay lại. Cả hàng quân đứng im phăng phắc. Những võng mô mất hết màu sinh khí. Những chiếc mũ rừng chụp lên những đầu tóc rối bù. Những chiếc quần trận mà bụi và đất đã lấy đi hết cả màu xanh, rách toạc lộ cả vãi quần lót…Trời đã trở chiều. Nắng còn sót lại làm thắm vàng cả cánh rừng bên cạnh. Ông nói kể từ giờ phút này anh em có quyền ra đi. Trước khi chia tay, xin anh em hãy cùng tôi đứng nghiêm một phút mặc niệm cho những người bạn của chúng ta đã bỏ mình. Rồi ông hô nghiêm, buồn

bã. Chúng tôi cùng cúi đầu. Có những giọt nước mắt lăn trên má khô cằn, hóp sâu, bơ phờ của người lính già. Có những giọt lệ vẫn còn long lanh trên tròng con ngươi thất thần, đục lờ vì những đêm ngày căng thẳng trong lòng hỏa ngục. Có giọt lệ chưa kịp lăn, lại thêm những giọt lệ khác trào ra. Có thằng lính trẻ khóc tức tưởi khiến người lính già phải la lên: “Mày làm như con nít lên ba. Làm sao tao gả con gái tao cho mày được”.

Chưa bao giờ chúng tôi cảm thấy buồn đến độ tê tái, héo úa cả ruột gan như lúc này. Súng vẫn nổ. Tiếng pháo vẫn vang dội ì ầm từ xa… Những cuộn khói vẫn còn bốc lên trên căn cứ. Những người bị thương vẫn rên rĩ. Mắt ai quay lại nhìn về hướng xa, mờ lệ. Lần đầu tiên tôi mới hiểu thế nào là nỗi mất mát. Chắc là không bao giờ tôi được cơ hội trở lại thành phố ấy nữa. Chắc là không bao giờ tôi còn trở về để ngồi trong quán cà phê có cô nàng đôi mắt rờn rợn liêu trai nữa. Mất rồi. Sự thật đến độ thật kỳ cục. Mới ngày nào, chừng như tuần trước, chúng tôi còn lái xe díp trở về, tôi còn ghé vào một động giang hồ, còn ngồi bỏ chân trên bàn cà phê nhìn thiên hạ, còn đêm say rượu trở về hậu cứ nhìn mấy thằng lính nhậu thịt nai với rượu đế, để chúng bắt cóc thêm một lần nữa. Bây giờ, thầy trò thi nhau mà chạy. Tướng cũng cuốn cờ, mà quân cũng cuốn vó. Lúc này là lúc tôi muốn bỏ tất cả. Tôi đã không còn đủ sức để gánh thêm cái trách nhiệm này nữa. Tội này ai gây nên. Lịch sử này ai gánh chịu. Những người lính của tôi, họ ít học, người gốc nông dân, người gốc Thượng, gốc Nùng, người bị bắt đi quân dịch, họ đâu có tội gì để gánh cái khối đá tảng của lịch sử. Những người có trách nhiệm bây giờ ở đâu, sao máy thì bặt tăm không một lời thăm hỏi. Hay họ đã chạy trốn rồi.

Sau đó chúng tôi vất súng cởi bỏ bộ đồng phục và mạnh ai nấy tan hàng. Riêng tôi thì không biết đi đâu nữa. Mặt trời cũng sắp lặn.

Về một đại đội cũ

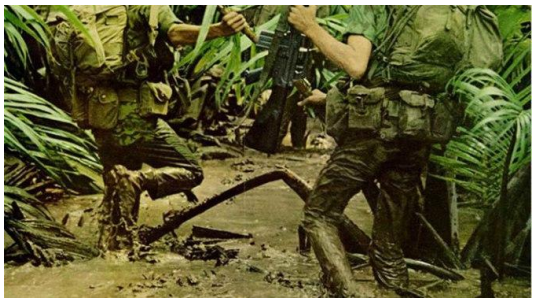

Kính dâng hương hồn anh Hồ văn Hoà

Trong đêm xứ người, nói gì về những người muôn năm cũ. Hai đứa chúng tôi như rưng rưng để nhớ về những đồng đội cũ của mình. Tôi hỏi anh Hòa về những gì anh biết về đại đội 405 thám kích. Bộ quân sử không nói về 405. (Nếu có, chỉ ba giòng trong trận đánh năm Mậu Thân). Quân đội miền Nam cũng chẳng bao giờ nhắc đến một 405.
Nó vô danh. Nó đánh giặc không phi pháo dọn đường, không được yểm trợ tối đa như những lực lượng tổng trừ bị. Nó là những tổ 3 người, những toán 4 người, mang trên vai những ba lô với mười mấy ngày lương khô xâm nhập trong lòng mật khu. Thế giới của nó là những cánh rừng thâm u, những ngôi làng sâu trong rừng, những con đường mòn xâm nhập của địch. Nó không cần ai biết. Nó buồn như thế đó. Lạc loài như thế đó. Nó lầm lì như thế đó. Nhưng tại sao, anh và tôi lại phải giữ gìn như giữ gìn những gì trân quí nhất ?

Viên cựu đại đội trưởng 405 TK nhắc lại một Y Đao như một con sóc rừng. "… Y nhanh lẹ không thể tưởng. Người y, khi mang ba lô 17 ngày lương thực, không thấy người, chỉ thấy cái ba lô. Còn hạ sĩ Nùng Lương văn Tướng, ông ta nói tiếng Việt vẫn còn lắp bắp, mặt lúc nào cũng lầm lì.
Ông ta còn có biệt danh là ông Tướng giải phóng. Tại sao là giải phóng, Thư biết không?."
"Thưa đại bàng, tôi không được biết". Tôi trả lời. "Số là hôm ấy, toán ông bị phát giác. Lính Bắc hỏi : Ai đấy ? Ông Tướng lính quýnh trả lời: Biệt kích Giải phóng. Trời ơi, VC làm gì có biệt kích. Còn trung sĩ Tám, trung sĩ Khoái, trung sĩ Đặng, hạ sĩ Dự, hạ sĩ Lực, còn chuẩn úy Bùi Toàn Hảo, chuẩn úy Âu Hoàng Minh, chuẩn úy Phan Thái Gia, chuẩn úy Nguyễn Thái Lâm …"
Anh kể như thuộc lòng. Đó là điều hiếm hoi cho một người đã trải qua rất nhiều đơn vị. Nó chứng tỏ đại đội 405 là một dấu ấn đậm sâu vào tâm trí của một người lính cũ. Nó chứng tỏ, anh đã có một nơi để tự hào trong đời binh nghiệp của anh.
Rồi anh Hòa nhắc lại hạ sĩ Y Brep và hạ sĩ Ba. VC trồi lên đánh cận chiến. Thằng Y Brep quạt Thompson bảo vệ anh, thằng Ba xô anh xuống hố. Và kết quả, Hạ sĩ Ba chết, và Y Brep bị mù một con mắt.

Tôi lắng nghe tiếng anh nghẹn lại. Vâng, tôi cũng vậy. Anh nói rằng, những người lính 405 anh hùng quá, dũng cảm quá, anh chưa bao giờ thấy đơn vị nào mà tất cả đều cùng một lượt xung phong lên đồi cỏ tranh, đứng thẳng mà tiến lên. Anh chưa bao giờ thấy một đại đội lại đánh tan tành một tiểu đoàn… Vâng, anh kể lại thời của anh từ 1963 đến 1964, và tôi kể lại thời của tôi từ 1967 đến 1971. Anh làm tôi nhớ lại hạ sĩ Đông mang máy truyền tin. Đông cũng cõng tôi mà chạy dưới bao lần đạn. Và ông Y Suk đã cứu tôi thế nào trên đỉnh Kỳ Sơn.
Tôi cũng muốn nói về cái uy danh của đơn vị, khiến lúc đơn vị bị vây khốn, ngỡ chừng như tuyệt vọng, nhưng địch vẫn không dám ùa ra cận chiến…

Đêm nay, quê người, và hơn 30 năm xa cách cho hai cánh diều hâu bỏ đàn bỏ tổ. Những giọt lệ bỗng nhiên lại thêm một lần chảy lạnh cả tâm hồn. Người sống nhớ về người đã chết. Người may mắn nhớ về người không may mắn. Nguồn cội từ một mái nhà được phanh ra, để cùng nhau tự hào và cũng để cùng nhau mà khóc thầm. Những con người, không bao giờ nhìn lên, mà chỉ nhìn xuống, cam phận. Có ai còn nghĩ đến họ. Nghĩ đến một người như hạ sĩ Ba chịu hứng đạn thù để cứu một đại đội trưởng , để anh còn sống, để anh được cơ hội nhận hai lần thăng cấp tại mặt trận chỉ trong vòng hai tháng từ một ông tướng khó nhất là tướng Đỗ Cao Trí.
"Thư à, lon mình không phải do tướng Đỗ cao Trí gắn mà là do hạ sĩ Y Brep, hạ sĩ Ba gắn…"

Cám ơn anh Hoà đã nhắc lại thời kỳ đầu tiên của một đại đội. Khi tôi hỏi anh một câu mà tôi nghĩ là quá thừa: Anh nghĩ thế nào về đại đội mình. Bên đầu dây xa, giọng anh ấy trở nên phấn khích: Đó là một đơn vị chỉ biết chiến thắng. Anh kể lại những địa danh rừng núi. Những mật khu, đặc khu. Những đồi tranh, và những trận đánh ác liệt. Anh lại kể lần tướng Đỗ Cao Trí, tướng Linh Quang Viên, đáp xuống ngọn đồi mà đại đội vừa chiếm lại giữa ầm ầm tiếng pháo, và la liệt xác phe bên kia. Tôi cũng kể lại những nồi cơm mà Bắc quân bỏ chạy còn nấu lỡ dở, trong những đêm chúng tôi đột kích mật khu ở Bình Định. Tôi nói suốt hơn bốn năm, đại dội không cho phép bất cứ một trái pháo nào lọt vào Bộ Tư Lệnh. Vì sao? Vì địch là ma, ta cũng là ma. Chúng tôi cùng nhau cười ha hả. Anh lại nhắc đến công trạng của thiếu úy Đặng đức Thành, người khai sinh ra đơn vị Biệt kích Sư đoàn, tiền thân của đại đội 405 thám kích. Anh còn nói nhiều nữa. Chính cái cái khăn quàng đen mà tiểu đoàn 35 Biệt Động Quân mang là biểu tượng truyền thống của đại đội 405 Thám kích sư đoàn 22 BB:
"Thư à, mình phải kể cho Thư nghe, ngày về nhận tiểu đoàn 35 BĐQ, mình đã mang theo chiếc khăn quàng cổ của đại đội cho đơn vị mới."

***

Từ 405, anh Hòa đã mang chiếc khăn quàng cổ màu đen về 35 BĐQ. Từ 405, tôi cũng đã mang 9 tác phẩm văn học đến cùng độc giả. Con số quá đủ cho một tấm lòng đối với bạn bè đồng đội của mình. Tôi hẹn với lòng, sau Mặc Niệm Chiến tranh là bỏ viết. Tôi đã gởi gấm những gì mà tôi cần gởi gấm. Nhưng bây giờ, tôi lại ngồi trước máy. Những lời của anh Hòa chẳng khác cơn bão xoáy lốc vào tâm não. Một đằng, tôi cảm thấy mình thật hãnh diện, bởi vì tôi đã có mặt tại một đơn vị đã từng tạo nên một thành tích kỷ lục có một không hai trong QLVNCH. Khó có một ai trong bất cứ đơn vị nào được tướng Đỗ cao Trí thăng cấp hai lần trong vòng hai tháng ngay tại mặt trận. Có người gọi tôi là điên khùng. Có kẻ cho tôi là ái quốc lãng mạng. Vâng, quả tôi điên khùng thật. Nhưng bây giờ tôi phải cám ơn về cái điên khùng này. Nhờ nó tôi mới hiểu cái tàn bạo của con người, của chiến tranh, của hận thù, và những tay chỉ biết xúi tuổi trẻ ra chiến trường để chết thế, và nhất là một khi tuổi trẻ muốn bày tỏ những ước mơ chân thật của mình thì bị gán cho những danh từ như phản chiến, hèn nhát, trong khi chính những kẻ ấy là co rúm hơn ai hết. Chính nhờ nó, tôi mới hiểu cái câm nín chịu đựng của những người lính bộ binh trong một thời chỉ con ông cháu cha mới được sống. Chính nhờ nó tôi mới cảm nhận được thế nào là tình đồng đội cũng như nỗi kiêu hãnh của những người lính tác chiến.

***

Phải. Không tự kiêu sao được khi đám lính khăn choàng đen huy hiệu diều hâu vồ mồi đã làm địch Bình Định kinh hồn bạt vía. Chúng tôi đã áp dụng tối đa chiến thuật dạ kích. Anh bạn, tôi xin nhắc lại, nếu địch là ma, thì ta cũng là ma, tại sao mấy ngài chỉ huy cao cấp chỉ biết cái chiến thuật nhà giàu, ngày đánh, đêm về phố nhảy đầm hay ngủ với vợ. Tại sao các ngài không thành lập những đội quân chuyên đánh đêm, hay đổi lại chiến thuật đánh ngày sang đánh đêm. Địch lợi dụng bóng tối tại sao ta lại không lợi dụng bóng tối để đột kích mật khu, phá nát hậu cần, gây cảm giác lo âu kinh sợ cho đối phương, bắt đối phương lúc nào cũng hoang mang giao động ? Tại sao cứ chơi trò đóng đồn phòng thủ, chờ chuông báo tử.
Chuông báo tử. Những hồi chuông đã kéo hối hả khắp cả miền Nam, và bóng u minh đã òa chụp xuống từng người, từng thân phận. Không phải vì ta hèn. Chưa có một đội quân nào trên thế giới này, thua trận, nhưng lại tự hào cùng hàng ngũ, cùng màu cờ sắc áo như quân đội miền Nam này. Không phải một ngày, một tháng, mà cả đời. Chỉ có những kẻ trong cuộc mới hiểu và thấm thía được nỗi tự hào. Và đó là lý do cắt nghĩa tại sao tôi lại phải viết hoài, viết không mệt về màu áo cũ của mình.

***

Viết về một đơn vị, để mà tự hào, nhưng riêng tôi lúc này còn để hối hận. Bởi vì, ngòi viết của tôi chưa bao giờ có một nhân vật như Y Brep trên trang giấy. Và tôi cũng chưa bao giờ mời ông Tướng giải phóng, trung đội phó của tôi một cốc rượu, một lon bia. Ông ta anh hùng như thế, dẫn toán vào mật khu, hù lính Bắc quân, thế mà mỗi ngày vẫn chào tay tôi, trình diện tôi, giúp đỡ tôi, nâng bước chân tôi lên trên những bãi chiến trường sôi bỏng. Thế mà tôi không có cả một lời. Và dù có viết, thì đám kiểm duyệt ở Sài Gòn lại bôi đen chữ Tướng viện dẫn tôi chơi xỏ một ông tướng nào đó. Vâng, tôi đã vô tình quên họ, những người lính của trung đội tôi như Y Đao, Nay Lat,Y Suk, như Nha, Vọng, Tròn, Hường, Nai, Lợi, Ký, Mễ, Ưng Luông. Tôi chỉ bận tâm đến bản thân tôi. Tôi chỉ tìm mọi cơ hội để được thăng quan tiến chức, hay để được thoát khỏi địa ngục trong lúc họ vẫn tiếp tục cùng chiếc poncho, hay lon cơm gạo sấy, coi đơn vị là mái nhà vĩnh viễn của mình mà không một lời ta thán.

Nhà văn trẻ ấy bị thương

Đêm giao thừa 1968. Lệnh ngưng bắn đã được đọc trên radio, và qua lệnh lạc. Cám ơn Giao Thừa cho miền Nam này một đêm bình an. Có điều, chỉ một đêm. Một đêm ngắn ngủi. Rồi sau đó, tất cả khúc phim cũ lại tiếp tục diễn. Tàn bạo hơn. Điên cuồng hơn. Thù hận hơn.

Dù sao, đêm nay ta cũng mừng vì khỏi dẫn lính đi nằm tiền đồn. Buổi chiều lính rủ đánh bài cào. Ban đầu ăn, nhưng sau đó thua sạch túi. Trung sĩ nhất Mới, hạ sĩ quan quân số và là chủ câu lạc bộ đã mua vịt quay, heo quay, hoa quả để cúng giao thừa. Hắn mời tôi chia vui giao thừa với vợ chồng hắn. Trong cõi tối mờ mịt của một đêm cuối năm, những người lính không thân nhân gần gũi quây quần trong câu lạc bộ, đánh domino, chơi bài, hay uống rượu. Tôi vào phòng. Căn phòng đã thấy tôi suốt 4 tháng trời. Trên vách ván treo tấm hình cô gái trong tạp chí Playboy. Đôi vú tròn căng, hai tay che phần dưới. Mái tóc tung toé. Sau lưng là biển xanh ngát. Một chiếc tủ được đóng bằng thùng đạn pháo binh, trên để những tạp chí. Đó cũng là bàn viết. Đó là gia tài của một cây bút trẻ. Làm sao những người độc giả của tôi hiểu được, để đổi lấy những trang giấy đầy bom đạn, sôi sục căm hờn, lờn vờn cõi tử, nóng hổi tiếng gào rú, tiếng nổ, là tác giả của chúng đã phải đổi lại bằng chính sinh mạng của mình…
Tôi ngồi trước bàn viết. Nhắm mắt lại. Giờ này Uyên đang làm gì ở dưới ấy. Ờ, mà tại sao lại hỏi vậy. Nàng có bao giờ hiểu tôi để tôi phải nhớ chứ. Nhưng tình yêu thật kỳ lạ. Bao nhiêu rượu say mềm để tìm quên, nhưng cuối cùng lệ say vẫn là lệ nhớ. *Chẳng thà không biết thì thôi/Biết rồi mỗi đứa một nơi cũng buồn.* Dù thế nào đi nữa, hồn anh vẫn luôn luôn ngập đầy một vườn xưa, Uyên ơi.

Bây giờ là giao thừa. Những tràng súng nổ như vỡ bùng lòng đêm, và những tia đạn lửa cắt xé ngang dọc. Trời đen như mực xạ. Trong câu lạc bộ, trung sĩ nhất Mới đã cúng giao thừa. Tiếng nhạc mừng xuân rộn ràng. Lòng bỗng nhiên xôn xao bồi hồi vô kể.
Ba giờ sáng ngày mồng Một năm Mậu Thân, chuông điện thoại reo lên tới tấp trong văn phòng đại đội. Tin cho biết địch đã tràn ngập Qui Nhơn, và nhiệm vụ đại đội là phải xuống đồi về giải tỏa thành phố.
Chúng tôi phải vất vả lắm mới tom góp được khoảng 50 người lính. Trong đêm giao thừa, chiếc xe dodge xuống đồi lục lạo khắp trại gia binh. Lính tráng có kẻ vẫn còn vướng rượu. Có kẻ chưa kịp từ giã vợ con. Có kẻ chưa kịp cúng giao thừa. Có kẻ vẫn còn ngái ngủ. Cả doanh trại gia binh như choàng thức giấc.
Bốn chiếc xe mười bánh mở đèn pha lên đồi. Trong một đêm về sáng, lính tráng tập họp điểm danh. Trung đội tôi chỉ có 10 người. Trời ơi, một trung đội chỉ 10 người làm sao mà đi đánh giặc. Ông đại đội trưởng đã lái xe xuống Bộ Tư Lệnh Sư đoàn để nhận lệnh hành quân. Trên sân những bóng người ẩn hiện dưới ánh điện vàng. Và bóng tháp phía cổng trại thấy mập mờ. Tự nhiên, có cái gì bắt tôi phải đến dưới chân tháp, và cầu nguyện. Tôi không thể giải thích tại sao. Trong tâm linh của tôi, tháp không phải là biểu tượng của một sự thăng trầm. Trái lại, tháp là nơi thần linh ngự trị, có thể hiểu tôi, thương tôi và che chở cho tôi và các đứa con của tôi.
Rồi ông đại đội trưởng trở lại đồi. Lần này không cần bản đồ, không cần đặc lệnh hành quân, ông cho biết thêm Bắc quân đã tràn ngập Qui Nhơn mang quần áo QLVNCH. Nhiệm vụ mình là về giải tỏa.

Như vậy, sau gần bốn tháng ở đơn vị, lần đầu tiên tôi mới tham dự vào một trận đánh giải vây, nhưng là trận đánh giải vây thành phố.
Đánh trong thành phố. Chúng tôi chưa bao giờ được huấn luyện lối tác chiến lạ lùng này. Có lẽ những nhà lãnh đạo quân sự của ta không bao giờ nghĩ là Bắc quân một ngày sẽ có mặt trong thành thị như hôm nay. Dù vậy, khi cần, thì cấp trên cứ bốc. Bởi vì nhiệm vụ của chúng tôi là vậy. Trong đêm về sáng, đoàn xe chở một đại đội thiếu hụt quân số, thiếu hụt sĩ quan, xuống đồi. Qua trại gia binh, thấp thoáng những người vợ lính đứng ở bên đường đưa tiễn. Xe qua cầu Bà Di, qua Núi Đá, về hướng Qui Nhơn. Không có dấu hiệu gì của một cuộc tổng công kích. Vào lúc 7 giờ sáng, đoàn xe thả chúng tôi xuống một địa điểm cách Qui Nhơn khoảng hai cây số. Đây là Diêu Trì, với những vườn mía ở hai bên đường. Đơn vị bắt đầu di chuyển bộ. Trên đường, người dân chạy loạn đổ về phía chúng tôi càng lúc càng đông. Xe lam, xe nhà, và người chạy bộ. Có Uyên trong số người chạy loạn đấy không. Uyên ơi, anh đang về. Thành phố ơi, ta đang về. Phải chiếm lại. Phải lấy lại. Nơi có một đám bạn bè, nơi có ngôi nhà ở chợ

Qui Nhơn có Châu, có Đồng, có Sáu, nơi có căn phòng thuê ở khu Sáu có Phạm văn Nhàn… và những quán cà phê, quán ăn khách sạn… Phải chiếm lại. Hăm hở như một tên lính tự nguyện lao vào cõi dữ.

Trời đã sáng rõ. Không một bóng xe quân sự, hay trực thăng, hay phản lực, chiến xa hộ tống. Trung đội tôi đi đầu. Khinh binh, tiền sát mang súng trường, binh nhất Võ hồng Nga mang trung liên Bar, tiểu đội trưởng mang M1, và trung đội trưởng mang M2. Chúng tôi hàng dọc tiến vào như tiến vào một mê đồ trận. Đánh giặc ở làng mạc thì quá dễ. Đồng trống, hay vườn tược, hay kênh rạch… Khi khám phá ra địch thì gọi máy bay hay trực thăng pháo binh yểm trợ làm dập mục tiêu. Nhưng ở đây, chỉ có lệnh giản dị. Giải tỏa địch. Nhưng đâu là nơi địch đóng chốt. Đâu là địch bám trụ. Trong những ngôi lầu hai bên đường dẫn vào thành phố, ngôi lầu nào có khẩu cộng đồng ? Không thể gọi máy bay thả bom xuống phố. Rõ ràng chúng tôi được đưa vào, để nhử địch, để khám phá địch. Nếu địch yếu thì tấn công. Nếu địch mạnh thì có đơn vị khác đến yểm trợ. Chúng tôi như những kẻ đi tìm ma quỉ. Đi là đi. Đến đó, súng nổ tức là có địch. Người bị trúng đạn tức là có địch.
Đại đội đã tiến vào cửa ngõ thành phố, bên cạnh núi Hỏa, gần khu Hoả xa. Bên trái phía xa là Đầm Thị Nại. Bên kia đường là Cây Xăng Ông Tề. Lúc ấy vào khoảng 8 giờ sáng. Phố vắng ngắt. Địch bắt đầu nổ súng chào mừng. Địch đã ở lợi thế, khi họ ẩn núp trên lầu. Những tràng nổ cạch cạch dòn dã của đạn đại liên. May mắn không có ai trúng đạn. Rõ ràng vũ khí họ tối tân hơn chúng tôi. Mùi thuốc nổ còn như vướng theo mùi thuốc pháo. Đơn vị tìm chỗ trú ẩn trong những ngôi nhà dưới chân núi Hỏa. Súng vẫn nổ dữ dội.Tiếng rít cắt nghe rõ mồn một. Địch đã biết trước sau có một đơn vị từ ngoài về giải tỏa và địch đã dọn sẵn thế trận.
Qua máy truyền tin ông đại đội trưởng ra lệnh trung đội tôi bằng mọi giá phải chiếm ngôi lầu Ông Tề ở bên kia đường, sau trạm xăng. Tôi bò đến ông Tướng truyền lại lệnh. Tôi sẽ dẫn một tiểu đội chiếm cây xăng. Ông Tướng sẽ dẫn tiểu đội còn lại, sẵn sàng xung phong vào ngôi lầu sau khi tiểu đội tôi chiếm mục tiêu để làm bàn đạp yểm trợ. Tôi bảo trung sĩ Lợi chuẩn bị sẵn sàng. Hắn truyền lại lệnh xuống các đứa con. Rồi tôi hét: Chạy. Cả bọn cùng ào qua lộ. Đạn đuổi theo, sủi bọt trên đường nhựa. Vô sự. Chúng tôi đã băng qua đường vô sự. Tôi chạy đến phía dưới trụ xăng, ngồi núp đàng sau trụ. Người lính truyền tin chạy theo tôi ngồi bên cạnh. Những người lính của tôi cũng tìm chỗ núp chung quanh. Chỉ còn khoảng 15 thước là đến ngôi lầu. Địch lại bắn rát. Đạn địch sủi bọt trên đường, lỗ chỗ vào vỉa hè xi măng quanh mình. Đạn xuyên qua cây xăng, lửa tóe lên. Chưa kịp ra lệnh gì thêm cho những người lính xung quanh thì bỗng nhiên đầu óc tôi xây xẩm.
Một viên đạn nào đó dịu dàng quá đỗi, hôn lên da thịt tôi, như một cơn gió thoảng, như một nụ hôn của định mệnh, của tuổi trẻ, của chiến tranh, của ngăn chia, của con ngựa chứng… Nó hôn lên tim tôi, hay là móng vuốt của định mệnh đã bấu, cứa làm lồng ngực ôm lấy con tim tôi bị mất đi một mảnh thịt, để máu từ trong lồng ngực tuôn trào. Tôi vẫn chưa bắn được một viên đạn nào. Tôi chỉ nhìn lên thấy ngôi lầu vôi trắng, mái ngói đỏ, có giàn hoa giấy. Tôi chỉ nhìn thấy khung cửa sổ sơn màu đà. Tôi chỉ thấy màu xanh của mây trời vào ngày mồng Một Tết, rất xanh vì có lẽ là ngày đầu năm. Tôi chỉ thấy bên cạnh tôi, là Đông đang lom khom báo cáo. Sau đó tất cả đảo lộn, quay cuồng. Tôi cố gượng, nhưng rõ ràng, tự nhiên một cơn buốt nhức như xé cả da thịt. Tôi chỉ biết kêu Đông: Đông… Người lính truyền tin quay lại rồi la lên: Ông thầy bị thương rồi. Rồi nó hốt hoảng báo cáo về Ban Chỉ huy. Sau đó nó vừa mang máy, vừa dìu tôi trở lại bên kia đường. Đạn địch lại nhắm vào chúng tôi đuổi theo, tua tủa trên mặt lộ.
Chỉ khoảng chừng 15 phút sau là một chiếc trực thăng đã có mặt, phóng rocket xuống ngôi lầu. Chốt địch đầu tiên đã bị diệt. Nhưng để đổi lại, máu của một người lính thám kích đã thấm áo và chảy tuôn xuống đường. Và người lính ấy là tôi, một chuẩn úy mới ra trường mới 4 tháng. Một kẻ duy nhất của đơn vị bị thương trong trận đánh năm Mậu Thân.
Máu tôi đã thấm chiếc áo trận. Không ai ngờ một viên đạn đã xuyên từ ống tay áo bên phải, qua chiếc túi áo phải, qua túi áo trái, rồi cắt xẻo đầu vú ngay trên con tim một mảnh rồi lại xuyên qua ống tay áo bên trái. Chiếc áo mầu nhiệm, và bốn lỗ đạn mầu nhiệm. Chỉ nhích qua một ly

mong manh, là đạn sẽ đâm vào tim và tôi không còn ngồi lại đây để mà viết những hàng chữ này. Càng hiểu rằng mình đã được những ân phước, những may mắn chở che. Ôi chiếc áo và 4 lỗ đạn. Chắc tại thân thể tôi gầy quá, hai cánh tay tôi cũng ốm quá, ngực tôi cũng lép quá, để viên đạn đồng không công phá thêm da thịt mình. Chiếc áo đã cũ vì những tháng đầu tiên trong đời lính trận, tôi vẫn hằng mang trong những cuộc làm ăn đêm. Bây giờ nó thêm một lần cũ hơn, rách hơn, tang thương hơn, nhưng nó là cả một chứng tích cho sự kỳ diệu. Bởi vì, nó đã thấy, đã chứng nhân cái quí giá nhất, mà Thượng Đế đã dành cho loài người. Đó là sự sống. Đó là hơi thở của tôi.

Tôi được dìu vào một ngôi nhà bên đường. Trong phòng khách, dưới gầm bàn, thấy một đám người đang trú ẩn. Người y tá đại đội đã băng vết thương tôi. Hắn thốt lên Ông thật may mắn lắm đó. Chỉ một ly là trúng tim. Tôi biết. Tôi đã nhìn vào lồng ngực. Núm vú tôi đâu rồi. Chỉ còn lại là một đường rãnh đỏ tươi in khắc. Nhưng tôi không cảm thấy đau. Có lẽ vì viên đạn xẹt quá nhanh, hay cũng vì quá bất ngờ nên tôi quên tất cả. Nhưng bây giờ, khi người y tá đã dùng bông gòn tẩm cồn chùi rửa vết thương thì tôi phải rên rỉ. Nhức buốt vô cùng tận.
Ngoài đường đã nghe tiếng trực thăng đang nã rocket. Tôi nói với y tá là tôi khát. Hắn hỏi những người trong nhà xin ly nước. Một người con gái đã bò ra khỏi gầm bàn. Nàng đã rót một ly và run rẩy mang đến. Đừng sợ em nhé. Thế nào chúng tôi cũng chiếm lại và trả lại thành phố này cho em.
Chợt ở ngoài cửa sau nhà, nhìn ra đường rầy xe lửa, thấy địch chạy như bầy vịt về hướng đầm Thị Nại. Như vậy là ta đã thắng rồi. Và ít ra vết thương này cũng không đến nỗi vô ích.

***

Uyên yêu dấu.
Hôm nay ngày đầu năm, anh nhận được quà mừng tuổi. Quà không phải từ một tấm lòng. Nhưng quà đến từ phía kẻ thù. Cái quà đến từ một viên đạn đồng, sau một lần nheo mắt, và hả hê khi bóp lảy cò. Quà tặng thật kỳ diệu. Bởi nó là kỷ vật, một vết sẹo mãi mãi in trên da thịt thân thể như vết chàm không thể tẩy xoá. Bởi nó là một dấu ấn của cuộc chơi buồn bã, mà anh là kẻ bị bỏ cuộc ngay giờ phút đầu tiên. Nó lại nằm sát con tim, mở ra lòng thịt đỏ, như một cửa ngõ từ con tim của một người lính, một người viết văn trẻ, một tên thanh niên sinh vào tuổi Ngựa, với lòng đất nước cưu mang.
Thế là, anh đã sống sót. Sống sót bằng một nỗi kỳ diệu. Anh vẫn còn thở. Tim vẫn còn đập. Vẫn còn nhìn bên kia khung cửa quân y viện những hàng dương liễu và xa hơn nữa la mặt biển xanh lơ. Anh vẫn còn nghe tiếng sóng dội về, có lúc ầm ầm có lúc thì xa vắng. Và nhất là vẫn còn được nghĩ đến Uyên.
Anh sẽ không hận thù kẻ đã bắn anh. Nó cũng như anh. Nó không còn lối thoát nào trừ tuân phục. Không ai có thể bứt ra khỏi guồng máy. Và dĩ nhiên nhiệm vụ nó và anh là thi hành lệnh. Chỉ oán hận là oán hận bọn đồ tể trói gà không chặt chỉ biết ngồi trong tháp ngà mà xúi bọn trẻ chết thay. Chỉ oán hận là oán hận một lũ không bao giờ muốn thấy đồng bào mình được hưởng, dù chỉ một giờ một phút thiêng liêng nhất như giờ phút giao thừa.
Bây giờ em làm gì bên ấy. Em có lo về Huế của chúng ta hay không. Không biết Huế thế nào. Nghe tin tức khắp nơi tràn ngập phe Bắc quân. Sao mà lại quá dễ dàng như vậy. Tình báo ở đâu. Gián điệp ở đâu. Phòng Nhì ở đâu. Chỉ biết ăn chơi và tham nhũng thôi sao. Chỉ biết tranh giành quyền lực thôi sao. Chỉ biết biểu tình tranh đấu thôi sao. Hay là không biết gì hết.
Bây giờ, là một giờ sáng. Tiếng súng nổ vẫn còn nghe. Người ta nói là ở ngay đài phát thanh và tiểu khu. Không biết đại đội đã giải tỏa xong cửa ngõ thành phố chưa. Có điều là đến lúc này, vẫn chưa thấy một người lính nào thuộc đại đội được tải về. Cũng mừng.
Bây giờ vết thương lại hành hạ. Trời ơi, anh cần một giấc ngủ. Có ai đó không. Em ở bên kia có nghe anh gọi không. Có thần giao cách cảm không. Chắc là không. Thượng Đế ơi, ngài đã cho con được sống sót bằng cả một sự mầu nhiệm, thì xin ngài hãy từ tâm cho con được thêm một

giọt lệ. Chỉ một giọt lệ trào xuống, lăn trên má và hòa vào một giọt lệ khác. Hai hạt nước mắt của hai kẻ nam nữ trong một thời hỗn mang nhất của lịch sử.

***

Ngày mồng Năm Tết, lệnh từ Quân Y Viện bắt buộc các thương bệnh binh ai nấy phải có mặt tại giường. Có phái đoàn đền từng giường để ủy lạo. Lại có Sư đoàn đến tưởng thưởng huy chương.

Mười giờ sáng thì thấp thoáng bóng những chiếc áo dài ở phòng ngoại thương. Cám ơn họ. Cám ơn một hậu phương đã mang tấm lòng đến những kẻ đã bỏ cuộc sớm như ta. Rồi phái đoàn vào phòng, đông lắm. Rồi mắt ta như hoa, tim ta như oà vỡ, miệng ta muốn reo lên vui mừng quá độ. Uyên. Rõ ràng là Uyên. Uyên có mặt trong đám con gái. Nàng sửng sờ. Nàng há hốc mồm, thốt nho nhỏ: Anh Thư. Tôi nhìn lên đôi mắt người mà tôi yêu, tôi giận tôi hờn. Chỉ nói một tiếng: Uyên.
Một người con gái lấy bọc cam, hộp sữa và cả một gói thuốc lá để trên bàn. Nàng nói chúng em đến đây để tỏ lòng biết ơn các anh. Một người con gái khác thì cắt những múi cam. Chỉ có Uyên thì đứng yên. Trời ơi, nói gì để cho em hiểu tấm lòng của anh. Em đã thấy con người thật của anh chưa. Em đã thấy vết thương sinh tử kỳ dị lạ lùng của anh chưa. Có phải cuộc đời là những tình cờ hay chỉ là định mệnh đã sắp sẵn an bài? Không phải tình cờ đâu. Mà là định mệnh. Rõ ràng là định mệnh. Nó cứ cợt đùa, trêu chọc. Nó bắt em cứ gặp một người mà em muốn tránh. Và anh thì cứ gặp một người mà anh muốn quên. Cám ơn, cám ơn những người con gái của trường Sư Phạm Qui Nhơn đã đến với tôi, nhưng lúc này, tôi chỉ muốn được nằm một mình, để mà khóc cho một khu vườn xưa nay trở thành mộ chí.

(trích *Cảm Tạ Văn Chương*)